

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THU HIỀN

CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN  
CẤP TỈNH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG  
GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

HÀ NỘI - 2026

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

**NGUYỄN THU HIỀN**

**CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN  
CẤP TỈNH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG  
GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**NGÀNH: XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC**

**Mã số: 9310202**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:**

**1. TS. NGUYỄN THỊ TÓ UYÊN**



**2. PGS.TS. LÂM QUỐC TUẤN**



**HÀ NỘI - 2026**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

**Tác giả**

A handwritten signature in blue ink, consisting of a stylized 'N' followed by 'T' and 'H', with a long horizontal line extending to the right.

**Nguyễn Thu Hiền**

# MỤC LỤC

Trang

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN</b> .....	9
1.1. Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài liên quan đến đề tài luận án.....	9
1.2. Các công trình nghiên cứu ở trong nước liên quan đến đề tài luận án .....	17
1.3. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan và những vấn đề luận án tập trung giải quyết .....	30
<b>Chương 2: CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN</b> .....	34
2.1. Các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Hồng, Ủy ban nhân dân và đặc điểm nhân dân các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay.....	34
2.2. Dân vận và công tác dân vận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng .....	56
<b>Chương 3: CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM</b> .....	80
3.1. Thực trạng công tác dân vận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng .....	80
3.2. Nguyên nhân và kinh nghiệm .....	112
<b>Chương 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG ĐẾN NĂM 2035</b> .....	126
4.1. Dự báo những yếu tố tác động và phương hướng tăng cường công tác dân vận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2035 .....	126
4.2. Những giải pháp chủ yếu tăng cường công tác dân vận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2035 .....	135
<b>KẾT LUẬN</b> .....	178
<b>DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN TỚI ĐỀ TÀI LUẬN ÁN</b> .....	181
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	182
<b>PHỤ LỤC</b> .....	198

## **DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

- CTDV : Công tác dân vận  
ĐBSH : Đồng bằng sông Hồng  
HĐND : Hội đồng nhân dân  
MTTQ : Mặt trận Tổ quốc  
UBND : Ủy ban nhân dân

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: “Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công” [81, tr.234]. Thấm nhuần các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, từ khi thành lập đến nay, trải qua các giai đoạn cách mạng, Đảng ta luôn xác định công tác dân vận (CTDV) là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, CTDV đã đóng vai trò then chốt, góp phần thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chính trị của từng thời kỳ. Đảng ta nhấn mạnh CTDV giữ vị trí chiến lược trong toàn bộ hoạt động của Đảng, trở thành yếu tố không thể thiếu để phát động và tổ chức các phong trào thi đua yêu nước. Trong cả đấu tranh giải phóng dân tộc và công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, CTDV ngày càng chứng tỏ ý nghĩa xã hội sâu rộng, vừa là công cụ vận động nhân dân, vừa là nhân tố gắn kết các lực lượng xã hội. Việc triển khai CTDV là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, bao gồm Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (MTTQ), các tổ chức chính trị - xã hội, các cấp, các ngành, cùng mọi cán bộ, đảng viên.

Công tác dân vận của ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh là một bộ phận quan trọng trong tổng thể CTDV của hệ thống chính trị, thể hiện vai trò trực tiếp của cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh trong việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đồng thời phát huy quyền làm chủ và lắng nghe nguyện vọng chính đáng của nhân dân. UBND cấp tỉnh là cơ quan hành chính nhà nước, nơi tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ chính trị của địa phương; nơi phát huy sức mạnh của nhân dân trong việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển. Do đó, CTDV của UBND có ý nghĩa quan trọng, trực tiếp góp phần xây dựng và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của

UBND tỉnh, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa chính quyền với nhân dân, bảo đảm sự ổn định và phát triển địa phương. Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về “tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”, Chỉ thị số 16/CT-TTg, ngày 16/05/2016 của Thủ tướng Chính phủ về “tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới” đã nêu rõ vai trò, trách nhiệm của UBND các cấp trong CTDV, khẳng định đây vừa là nhiệm vụ chiến lược, vừa là yêu cầu cụ thể trong quản lý, điều hành phát triển địa phương.

Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) là vùng kinh tế - xã hội trọng điểm, trung tâm chính trị, văn hóa, khoa học - giáo dục của cả nước, nơi có mật độ dân số cao, trình độ dân trí phát triển, kinh tế năng động, đồng thời cũng tồn tại nhiều vấn đề xã hội phức tạp. Đây là địa bàn hội tụ nhiều tôn giáo, tín ngưỡng, có sự đa dạng về thành phần dân cư, tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa nhanh chóng, nảy sinh những vấn đề mới trong quản lý xã hội và điều hành phát triển. Những đặc điểm đó vừa tạo điều kiện thuận lợi, vừa đặt ra yêu cầu đặc thù đối với CTDV của chính quyền địa phương.

Thời gian qua, thực hiện các nghị quyết, kết luận, hướng dẫn của Trung ương Đảng, Chính phủ và Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, nhiều tỉnh, thành phố trong vùng ĐBSH đã từng bước nâng cao chất lượng CTDV của UBND cấp tỉnh và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Các UBND tỉnh tích cực xây dựng văn bản, kế hoạch xác định mục tiêu, phương hướng và giải pháp về CTDV; đổi mới nội dung, phương thức vận động nhân dân; phối hợp hiệu quả với các cơ quan, lực lượng tiên hành CTDV; củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân vận; đồng thời thực hiện kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết CTDV một cách thường xuyên, từng bước đi vào nền nếp. Nhờ đó, vị trí, vai trò của UBND cấp tỉnh trong gắn bó mật thiết với nhân dân, củng cố niềm tin và tăng cường

khởi đại đoàn kết toàn dân được khẳng định rõ rệt. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, CTDV của một số UBND cấp tỉnh vẫn còn hạn chế. Một số địa phương chưa thực sự quan tâm đến việc xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch CTDV; nội dung và phương thức dân vận chưa hấp dẫn, chưa đổi mới mạnh mẽ và đôi khi còn lẫn lộn với hoạt động công vụ. Nhiều cán bộ, công chức chưa nhận thức đầy đủ và sâu sắc về CTDV của chính quyền nói chung, UBND nói riêng; chưa đi sâu lắng nghe ý kiến của nhân dân, tác phong làm việc còn quan liêu, cửa quyền, hách dịch, thiếu tinh thần trách nhiệm và gần dân...

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tri thức cùng với những biến đổi sâu sắc về cơ cấu xã hội, tâm lý và nhu cầu của nhân dân, CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH đứng trước nhiều thách thức mới. Đặc biệt, việc thực hiện sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh, cùng với việc tổ chức chính quyền địa phương theo hai cấp (tỉnh và xã) đã và đang đặt ra những yêu cầu cấp bách đối với công tác lãnh đạo, quản lý và điều hành. Những thay đổi về tổ chức bộ máy này vừa tạo ra cơ hội nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, vừa đặt ra yêu cầu phải đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức dân vận, bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa chính quyền với nhân dân trong điều kiện mới. Do đó, cần khắc phục những hạn chế, bất cập, phát huy những ưu điểm đạt được, nhằm tăng cường niềm tin và sự đồng thuận xã hội. Chính vì vậy, việc nghiên cứu một cách cơ bản, hệ thống về CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH có ý nghĩa cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn, góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả CTDV của UBND cấp tỉnh trong thời gian tới.

Để góp phần giải quyết những vấn đề cấp thiết nêu trên, nghiên cứu sinh chọn đề tài ***“Công tác dân vận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng giai đoạn hiện nay”*** làm luận án tiến sĩ ngành Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.

## **2. Mục đích, nhiệm vụ của luận án**

### ***2.1. Mục đích luận án***

Trên cơ sở nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH giai đoạn hiện nay, luận án đề xuất những phương hướng và giải pháp chủ yếu tăng cường CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH đến năm 2035.

### ***2.2. Nhiệm vụ của luận án***

*Một là*, tổng quan các công trình khoa học trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài luận án, chỉ ra những kết quả đã đạt được, những nội dung luận án cần tiếp tục nghiên cứu.

*Hai là*, làm rõ những vấn đề về lý luận và thực tiễn về CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH giai đoạn hiện nay.

*Ba là*, khảo sát, đánh giá thực trạng CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH từ năm 2013 đến nay; chỉ ra ưu, khuyết điểm, nguyên nhân, kinh nghiệm.

*Bốn là*, đề xuất phương hướng và những giải pháp chủ yếu tăng cường CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH đến năm 2035.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án**

### ***3.1. Đối tượng nghiên cứu***

Luận án nghiên cứu CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH giai đoạn hiện nay.

### ***3.2. Phạm vi nghiên cứu***

Luận án tập trung nghiên cứu CTDV của 11 UBND tỉnh, thành phố vùng ĐBSH từ năm 2013, khi Ban Chấp hành Trung ương khóa XI ban hành Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03/6/2013 “về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”, đến năm 2024, trước thời điểm thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Phương hướng và các giải pháp luận án đề xuất có giá trị đến năm 2035.

## **4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu của luận án**

### **4.1. Cơ sở lý luận**

Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng ta về dân vận và CTDV.

### **4.2. Cơ sở thực tiễn**

Cơ sở thực tiễn của luận án là thực trạng CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH từ năm 2013 đến năm 2024; các công trình nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, các báo cáo sơ kết, tổng kết về CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH.

### **4.3. Phương pháp nghiên cứu**

Luận án sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng chỉ đạo xuyên suốt quá trình nghiên cứu, đồng thời kết hợp với các phương pháp nghiên cứu cụ thể là: Phương pháp phân tích - tổng hợp; phương pháp lịch sử và lôgic; phương pháp điều tra xã hội học; phương pháp thống kê; phương pháp tổng kết thực tiễn, nhằm đảm bảo tính khách quan, toàn diện, khoa học và sát thực tiễn. Việc lựa chọn và vận dụng phương pháp nghiên cứu được thực hiện một cách hệ thống, phù hợp với từng nội dung và mục tiêu của từng chương trong luận án:

*Phương pháp phân tích - tổng hợp* là phương pháp cơ bản và xuyên suốt trong toàn bộ luận án. Phân tích giúp tách vấn đề thành các bộ phận cấu thành để hiểu rõ bản chất, các mối quan hệ giữa các yếu tố; tổng hợp giúp kết nối các bộ phận thành một thể thống nhất và rút ra kết luận tổng quát. Phương pháp này được vận dụng trong Chương 1 để hệ thống hóa, phân tích các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về CTDV của UBND cấp tỉnh, từ đó xác định những luận điểm khoa học cần kế thừa, phát triển và nhận diện khoảng trống học thuật. Trong Chương 2, phương pháp này được dùng để phân tích các khái niệm, phạm trù, quan điểm lý luận cơ bản về CTDV, đồng thời xây dựng khung lý thuyết khoa học phù hợp với đặc điểm vùng ĐBSH. Ở Chương 3 và Chương 4, phân tích - tổng hợp được sử dụng để xử lý dữ liệu

khảo sát, tổng hợp ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và kinh nghiệm thực tiễn, phục vụ cho việc đề xuất giải pháp.

*Phương pháp lịch sử và logic* được sử dụng để phân tích bối cảnh, diễn biến và mối quan hệ nhân quả trong quá trình triển khai CTDV của UBND cấp tỉnh. Phương pháp lịch sử giúp nghiên cứu quá trình hình thành, diễn biến và kết quả của các hoạt động dân vận theo thời gian, trong khi phương pháp logic giúp hệ thống hóa các luận điểm, lập luận chặt chẽ và minh chứng cho kết luận khoa học. Trong Chương 2, phương pháp này giúp làm rõ cơ sở lý luận về CTDV của UBND cấp tỉnh dựa trên quan điểm của Đảng và Nhà nước. Trong Chương 3, phương pháp lịch sử và logic được vận dụng để phân tích thực trạng triển khai CTDV từ năm 2013 đến 2024, đồng thời đánh giá ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của những kết quả đạt được.

*Phương pháp điều tra xã hội học* được sử dụng nhằm thu thập thông tin, ý kiến và đánh giá từ các cá nhân, tổ chức liên quan đến CTDV của UBND cấp tỉnh. Trong Chương 3, điều tra xã hội học giúp khảo sát thực trạng CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH, từ đó đánh giá ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và rút ra những kinh nghiệm thực tiễn.

*Phương pháp thống kê* được sử dụng để xử lý và phân tích dữ liệu định lượng từ báo cáo, khảo sát, thống kê chính thức của các UBND cấp tỉnh. Phương pháp này giúp mô tả, phân tích, so sánh và rút ra kết luận khoa học dựa trên cơ sở số liệu. Trong Chương 3, phương pháp thống kê được áp dụng để đánh giá các hoạt động CTDV và kết quả triển khai các chương trình dân vận. Trong Chương 4, thống kê được sử dụng để phân tích các yếu tố thuận lợi, khó khăn tác động đến CTDV, từ đó đề xuất giải pháp phù hợp.

*Phương pháp tổng kết thực tiễn* được sử dụng để rút ra các kết luận, bài học từ quá trình thực hiện chính sách, chương trình và hoạt động dân vận của UBND cấp tỉnh. Phương pháp này kết hợp chặt chẽ với phân tích - tổng hợp và khảo sát thực tiễn nhằm đánh giá đúng ưu điểm, hạn chế, khó khăn và

thuận lợi trong triển khai CTDV. Trong Chương 4, tổng kết thực tiễn là cơ sở đề xuất hệ thống giải pháp nâng cao hiệu quả CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH trong bối cảnh mới.

Như vậy, việc kết hợp đồng bộ các phương pháp trên đảm bảo luận án vừa có cơ sở lý luận vững chắc, vừa phân tích sát thực trạng, đáp ứng yêu cầu khoa học và thực tiễn trong nghiên cứu CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH.

### **5. Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận án**

*Một là*, xác lập khái niệm: Công tác dân vận của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH, làm rõ nội hàm khái niệm và các nội dung CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH gồm: xây dựng và ban hành các văn bản nhằm cụ thể hóa, thể chế hóa các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước và tỉnh ủy về CTDV; tổ chức vận động nhân dân theo nội dung, phương thức dân vận của UBND cấp tỉnh; tổ chức phối hợp các lực lượng tiến hành CTDV của UBND tỉnh; xây dựng các tổ chức, lực lượng làm CTDV của UBND cấp tỉnh; thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện và sơ kết, tổng kết CTDV của UBND tỉnh.

*Hai là*, khái quát 05 kinh nghiệm được đúc rút từ thực trạng CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH từ năm 2013 đến năm 2024.

*Ba là*, đề xuất phương hướng, giải pháp tăng cường CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH đến năm 2035, trong đó tập trung vào hai giải pháp mang tính đột phá là: *Một là*, đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức; tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiên quyết xử lý những cán bộ, công chức, viên chức nhà nước yếu kém, vi phạm pháp luật; *Hai là*, thực hiện tốt phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng", bảo đảm nguyên tắc chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

### **6.1. Ý nghĩa lý luận**

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm sâu sắc hơn những vấn đề lý luận về CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH trong giai đoạn hiện nay.

### **6.2. Ý nghĩa thực tiễn**

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần cung cấp những luận cứ khoa học cho Đảng, Nhà nước nghiên cứu xác định chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường CTDV của chính quyền trong thời gian tới.

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cho các tỉnh, thành ủy, các cấp ủy Đảng, UBND cấp tỉnh trong cả nước trong việc thực hiện CTDV tại địa phương. Kết quả nghiên cứu của luận án còn có thể được dùng làm tài liệu tham khảo, phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, học tập ở các trường chính trị tỉnh, thành phố trong cả nước.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình đã công bố của tác giả liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương, 9 tiết.

## **Chương 1**

### **TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

#### **1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU Ở NƯỚC NGOÀI LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

##### **1.1.1. Các công trình nghiên cứu về công tác dân vận**

Tổ chuyên đề Ban nghiên cứu - giảng dạy Xây dựng Đảng, trường Đảng Trung ương Trung Quốc, Tạp chí Tân Hoa văn trích (2006), *Kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Cu Ba về tăng cường mối liên hệ với quần chúng* [128]. Bài viết đã đặt ra và trả lời câu hỏi: là Đảng cộng sản duy nhất cầm quyền ở Tây bán cầu, vì sao Đảng Cộng sản Cu Ba vẫn bảo vệ được chủ nghĩa xã hội, vẫn duy trì được vị trí cầm quyền của Đảng trong điều kiện hết sức khó khăn? Nguyên nhân căn bản nhất là Đảng Cộng sản Cu Ba đã biết coi trọng mối liên hệ với quần chúng nhân dân, không ngừng củng cố địa vị cầm quyền của Đảng, làm cho Đảng tràn đầy sức sống. Đảng Cộng sản đề ra nguyên tắc “4 tất cả” và định ra một loạt chính sách và biện pháp đảm bảo chắc chắn cho sự liên hệ mật thiết giữa Đảng với quần chúng nhân dân. Những chính sách cụ thể của Đảng Cộng sản Cu Ba cùng với nguyên tắc “4 tất cả”, đã tạo ra sự gắn bó, liên hệ chặt chẽ giữa Đảng Cộng sản và nhân dân Cu Ba, là bài học kinh nghiệm quý giá đối với Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay.

Trương Lương Lệ (2007), *Tìm hiểu và xây dựng hệ thống công tác dân vận* [73]. Tác giả đã nghiên cứu hệ thống CTDV của Trung Quốc, nhấn mạnh vai trò của CTDV trong việc xây dựng một xã hội hài hòa. Nghiên cứu này làm rõ tính khoa học, cơ sở lịch sử và thực trạng của CTDV, đồng thời định vị vai trò chiến lược của CTDV trong quản lý nhà nước. Tác giả đề xuất việc xây dựng cơ cấu tổ chức, đội ngũ cán bộ dân vận, thiết lập cơ chế vận hành

hiệu quả, nhằm nâng cao năng lực và chất lượng CTDV, đồng thời tạo nền tảng khoa học cho việc tổ chức và triển khai CTDV chính quyền.

Ngô Trung Dân (2010), *Đẩy nhanh thúc đẩy xây dựng xã hội lấy cải thiện dân sinh làm trọng điểm* [40]. Tác giả phân tích những vấn đề chủ yếu tồn tại về mặt dân sinh trong giai đoạn hiện nay của Trung Quốc, đồng thời đưa ra một vài vấn đề cần chú ý trong quá trình cải thiện dân sinh: 1. Cần phải đặt công bằng xã hội vào vị trí càng nổi bật hơn; 2. Ra sức thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển; 3. Xây dựng một chính phủ mô hình phục vụ; 4. Xây dựng cơ chế điều hòa lợi ích công bằng, khoa học, hiệu quả; 5. Cần bắt tay vào xây dựng một hệ thống bảo đảm công bằng xã hội ban đầu. Vấn đề cải thiện dân sinh của Trung Quốc là một kinh nghiệm tốt để Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, giải quyết tốt nhu cầu dân sinh ở Việt Nam, góp phần thực hiện tốt nguyên tắc Đảng gắn bó mật thiết với Nhân dân ở nước ta hiện nay.

Hồ Nham (2010), *Nghiên cứu kinh nghiệm xử lý vấn đề dân tộc của Trung Quốc* [85]. Bài viết đã đề cập 10 quan điểm lý luận của Đảng Cộng sản Trung Quốc đối với vấn đề dân tộc. Khi giải quyết vấn đề dân tộc, cần hết sức chú ý quán triệt chính sách tôn giáo của Đảng. Bài viết cũng đưa ra những kinh nghiệm chủ yếu của Trung Quốc trong xử lý vấn đề dân tộc, gồm: 1. Kiên trì bình đẳng dân tộc và tất cả xuất phát từ thực tế; 2. Kiên trì và hoàn thiện chế độ tự trị khu vực dân tộc; 3. Kiên toàn và tích cực chấp hành các chính sách, quy định pháp luật về dân tộc.

Lý Trung Kiệt (2011), *Kinh nghiệm quý báu của Đảng Cộng sản Trung Quốc về làm tốt công tác quần chúng*, bài tham luận Hội thảo quốc tế “Làm tốt công tác quần chúng trong tình hình mới - kinh nghiệm Trung Quốc, kinh nghiệm Việt Nam” [71]. Tác giả đã khái quát thành 10 mặt công tác quần chúng. Thứ nhất, kiên trì tôn chỉ căn bản phục vụ nhân dân, coi thực hiện tốt, bảo vệ tốt, phát triển tốt lợi ích căn bản của nhân dân, nhất là xuất phát điểm và đích đến của mọi công tác Đảng và Nhà nước, bao gồm cả công tác quần

chúng. Thứ hai, kiên trì tư duy lấy dân làm gốc, cầm quyền vì dân, xử lý và vận dụng đúng đắn quyền lợi mà nhân dân giao cho, cố gắng thực hiện trao quyền cho nhân dân, mưu lợi cho nhân dân. Thứ ba, kiên trì đường lối quản chúng của Đảng, dựa vào quần chúng để ra quyết sách khoa học và tiến hành xây dựng và cải cách. Thứ tư, kiên trì tác phong tốt đẹp của Đảng, luôn duy trì sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với quần chúng nhân dân. Thứ năm, kiên trì tính toán tổng thể, lợi ích các bên, xử lý đúng đắn mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân. Thứ sáu, kiên trì, tôn trọng địa vị chủ thể của quần chúng, phát huy đầy đủ tính tích cực và tính sáng tạo của quần chúng nhân dân. Thứ bảy, kiên trì sử dụng phương thức, phương pháp đúng đắn để nâng cao hiệu quả thực tế công tác quần chúng. Thứ tám, kiên trì làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, không ngừng nâng cao giác ngộ tư tưởng của quần chúng nhân dân. Thứ chín, kiên trì xây dựng và kiện toàn hệ thống tổ chức, không ngừng phát triển cơ sở dưới nhiều hình thức. Thứ mười, kiên trì xây dựng thể chế, cơ chế, phát huy vai trò nền tảng chế độ trong công tác quần chúng.

Trương Dương Thăng (2011), *Chú trọng phát huy vai trò của tổ chức cơ sở đảng, củng cố nền tảng công tác quần chúng của Đảng*, bài tham luận hội thảo quốc tế “Làm tốt công tác quần chúng trong tình hình mới - Kinh nghiệm Trung Quốc, kinh nghiệm Việt Nam” [110]. Trong tiến trình xây dựng xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc vĩ đại, Đảng Cộng sản Trung Quốc rất chú trọng phát huy ưu thế đặc biệt gắn kết chặt chẽ với quần chúng, coi phục vụ quần chúng, làm CTDV là nhiệm vụ trung tâm của tổ chức cơ sở đảng, trách nhiệm cơ bản của cán bộ cơ sở, làm cho tổ chức cơ sở đảng trở thành thành lũy chiến đấu vững chắc, thúc đẩy phát triển, phục vụ quần chúng, tập hợp lòng người, thúc đẩy hài hòa. Làm tốt công tác quần chúng trong tình hình mới không những là nhiệm vụ trung tâm của tổ chức cơ sở đảng, trách nhiệm của cán bộ cơ sở mà còn là trách nhiệm của toàn Đảng. Nắm chắc tư duy người dân làm gốc, cầm quyền vì dân để làm tốt công tác

liên hệ và phục vụ quần chúng, biến các chủ trương của Đảng thành hành động tự giác của quần chúng. Kiện toàn và phát huy vai trò của tổ chức cơ sở đảng để củng cố nền tảng công tác quần chúng của Đảng. Xác định chức năng của tổ chức cơ sở đảng, làm rõ trách nhiệm, nhiệm vụ công tác quần chúng. Kiên trì giáo dục đường lối cho quần chúng, coi phục vụ nhân dân là nhiệm vụ vinh quang, xa rời nhân dân là hành vi đáng lên án, thắt chặt tình cảm với quần chúng, nâng cao năng lực phục vụ quần chúng.

Lý Tiệp (2012), *Lấy dân làm gốc, cầm quyền vì dân là sự thể hiện tập trung tính chất và tôn chỉ của Đảng Cộng sản Trung Quốc* [118]. Tác giả cho rằng Đảng lấy dân làm gốc, cầm quyền vì dân là một nguyên tắc minh chứng cho sự thành công trong sự nghiệp lãnh đạo cách mạng trải qua quá trình lịch sử hun đúc giá trị truyền thống với tư tưởng luôn lấy dân làm gốc, cầm quyền vì nhân dân là tôn chỉ mục đích cho sự thành công. Khi đưa ra các quyết sách phải đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết, chăm lo cho nhân dân lắng nghe và tiếp thu ý kiến của Nhân dân các hoạt động đều hướng về nhân dân, xây dựng xã hội phát triển toàn diện để nhân dân được ấm no hạnh phúc nhằm đáp ứng nhu cầu nguyện vọng chính đáng của quần chúng nhân dân.

Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Lào (2015), *Công tác dân vận trong hệ thống chính trị ở Lào hiện nay* [64]. Công trình trình bày cơ sở lý luận và thực tiễn của CTDV trong hệ thống chính trị của Lào, xuất phát từ quan điểm coi dân vận là “chiếc cầu nối” giữa Đảng Nhân dân Cách mạng Lào với các tầng lớp nhân dân. Trên cơ sở phân tích đặc điểm xã hội Lào với nhiều dân tộc, tôn giáo và trình độ phát triển không đồng đều, nghiên cứu khẳng định CTDV có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo đảm sự ổn định chính trị - xã hội và tạo nền tảng cho phát triển kinh tế. Công trình đồng thời chỉ ra những hạn chế, khó khăn, nhất là trong năng lực đội ngũ cán bộ dân vận cơ sở: kỹ năng còn yếu, phương thức còn nặng tính hành chính, thiếu sáng tạo trong tiếp cận quần

chúng. Từ đó, tác giả đề xuất nhiều giải pháp như tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng dân vận cho cán bộ; đổi mới phương thức tiếp cận nhân dân; phát huy vai trò già làng, trưởng bản và các tổ chức đoàn thể để nâng cao hiệu quả dân vận trong toàn hệ thống chính trị.

Trường Đảng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc (2016), *Công tác quần chúng trong điều kiện kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa* [137]. Công trình tập trung nghiên cứu những biến đổi sâu sắc trong công tác quần chúng khi Trung Quốc bước vào giai đoạn phát triển kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Trên nền tảng lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Mao Trạch Đông về “lấy dân làm gốc”, tác giả phân tích hàng loạt thách thức mới như tình trạng phân hóa giàu nghèo, biến đổi trong cơ cấu xã hội, sự đa dạng về lợi ích nhóm cũng như gia tăng nhu cầu dân chủ, công bằng và pháp quyền của quần chúng. Công trình không chỉ dừng ở việc chỉ ra những mâu thuẫn xã hội nảy sinh, mà còn nhấn mạnh vai trò quan trọng của đổi mới CTDV trong việc duy trì sự đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Các giải pháp được đề xuất bao gồm xây dựng cơ chế tiếp thu ý kiến nhân dân, nâng cao năng lực phản hồi chính sách, phát triển các mô hình dân chủ cơ sở, tăng cường đối thoại trực tiếp giữa cán bộ, đảng viên với người dân. Đây được coi là cách tiếp cận vừa truyền thống vừa hiện đại, đảm bảo cho CTDV thích ứng kịp thời với bối cảnh phát triển mới.

Học viện Khoa học Xã hội Trung Quốc (2018), *Nghiên cứu đổi mới phương thức công tác quần chúng trong bối cảnh hiện đại hóa* [65]. Bài nghiên cứu chỉ ra xu hướng tất yếu của việc đổi mới phương thức công tác quần chúng trong tiến trình hiện đại hóa đất nước. Tác giả phân tích sâu vai trò ngày càng nổi bật của công nghệ thông tin, mạng xã hội và truyền thông số trong đời sống nhân dân, từ đó khẳng định CTDV không thể chỉ dựa vào phương thức trực tiếp truyền thống mà cần phát triển mạnh “dân vận trực tuyến”. Công trình đưa ra những luận điểm quan trọng rằng mạng xã hội vừa

là kênh phản ánh tâm tư, nguyện vọng của người dân, vừa là môi trường dễ xuất hiện những mâu thuẫn, xung đột nếu không được định hướng đúng đắn. Vì vậy, đổi mới CTDV trên nền tảng công nghệ thông tin sẽ giúp Đảng kịp thời nắm bắt dư luận, phòng ngừa và hóa giải mâu thuẫn xã hội, đồng thời nâng cao tính tương tác, minh bạch và hiệu quả quản trị xã hội. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng cảnh báo rằng nếu cán bộ không am hiểu kỹ năng số và không chủ động sử dụng công cụ hiện đại thì CTDV sẽ tụt hậu so với đòi hỏi của thực tiễn.

Ban Dân vận Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (2019), *Phát huy vai trò công tác dân vận trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc* [27]. Bài viết phân tích vị trí, vai trò cốt lõi của CTDV trong việc củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân - yếu tố then chốt bảo đảm sức mạnh chính trị của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào. Công trình khẳng định dân vận không chỉ là nhiệm vụ thường xuyên mà còn là “chìa khóa” để huy động nguồn lực xã hội cho phát triển đất nước. Nội dung nhấn mạnh mối quan hệ mật thiết giữa đổi mới nội dung, phương thức dân vận với sự vận động của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Lào. Công trình cũng đề cập tới vai trò của CTDV trong việc giải quyết những vấn đề xã hội bức thiết như xóa đói giảm nghèo, phát triển giáo dục, y tế, giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc. Qua đó, tác giả kết luận rằng phát huy CTDV chính là bảo đảm cho Đảng luôn gắn bó mật thiết với nhân dân, giữ vững vai trò lãnh đạo và củng cố niềm tin xã hội.

Viện Nghiên cứu Chính trị Trung Quốc (2020), *Xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân trong giai đoạn mới* [149]. Tác phẩm khẳng định nguyên tắc “lấy dân làm gốc” vốn là truyền thống của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đồng thời kế thừa tư tưởng Hồ Cẩm Đào về “xây dựng xã hội hài hòa” và tư tưởng Tập Cận Bình về “quản trị đất nước vì nhân dân”. Công trình phân tích vai trò then chốt của CTDV như nền tảng vững chắc cho sự ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh Trung Quốc bước vào giai đoạn

phát triển mới với nhiều cơ hội và thách thức đan xen. Nội dung tập trung làm rõ tầm quan trọng của việc xây dựng cơ chế thể chế hóa công tác quần chúng, đưa CTDV trở thành một bộ phận trong quản trị xã hội hiện đại. Đồng thời, công trình nhấn mạnh việc gắn kết giữa Đảng với nhân dân không chỉ thông qua đường lối, chính sách mà còn qua sự tham gia thực chất của nhân dân vào quá trình hoạch định và giám sát chính sách. Bằng cách này, mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và dân mới được duy trì, tránh nguy cơ quan liêu, xa rời quần chúng.

Viện Khoa học Xã hội quốc gia Lào (2021), *Nghiên cứu đổi mới phương thức công tác dân vận trong điều kiện hội nhập quốc tế* [150]. Công trình đi sâu phân tích những tác động to lớn của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đến CTDV ở Lào. Tác giả nhấn mạnh, hội nhập mang lại cơ hội phát triển nhưng đồng thời cũng tạo ra nhiều thách thức như tác động của văn hóa ngoại lai, khoảng cách phát triển giữa các vùng miền và yêu cầu mới về minh bạch, dân chủ trong quản trị xã hội. Trên cơ sở khảo sát thực tiễn ở nhiều địa phương, nghiên cứu cho rằng CTDV phải được đổi mới theo hướng kết hợp nhuần nhuyễn phương thức truyền thống với phương thức hiện đại. Các hình thức dân vận trực tiếp thông qua già làng, trưởng bản, tổ chức đoàn thể vẫn giữ vai trò nòng cốt, nhưng cần được bổ sung bằng ứng dụng công nghệ hiện đại như các kênh thông tin điện tử, mạng xã hội để kịp thời nắm bắt tâm tư nguyện vọng của nhân dân. Công trình cũng chỉ rõ rằng đối thoại và tiếp xúc trực tiếp, kết hợp với cơ chế phản hồi công khai minh bạch, sẽ giúp tăng tính hiệu quả và củng cố niềm tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

### **1.1.2. Các công trình nghiên cứu về công tác dân vận của chính quyền các cấp**

Lưu Văn Sơn (2011), *Kiên trì quan điểm nhân dân là tối thượng, thiết thực làm tốt công tác quần chúng trong tình hình mới*, bài tham luận “Hội

thảo lý luận lần thứ bảy giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc” [99]. Tham luận nêu, Đảng Cộng sản Trung Quốc đồng cam cộng khổ với nhân dân, kiến tạo mối quan hệ máu thịt với nhân dân, như thuyền với biển, như cá với nước, trò với thầy, công bộc với chủ nhân. Chỉ dựa vào quần chúng nhân dân, huy động đầy đủ tính tích cực và tính chủ động của quần chúng nhân dân mới có thể đạp bằng mọi khó khăn, rủi ro trên con đường phát triển, giành được những thắng lợi mới trong công cuộc xây dựng xã hội khá giả, toàn diện, mở ra cục diện mới của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc.

Sần Ti Súc Cang Phu Vông (2015), *Công tác dân vận của bộ đội địa phương các tỉnh Tây Bắc Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào giai đoạn hiện nay* [98]. Tác giả cho rằng hoạt động CTDV là nhiệm vụ cơ bản thường xuyên là chức năng nhiệm vụ của bộ đội địa phương là vấn đề cơ bản mang tính chiến lược, tác giả đã phân tích đánh giá bằng lý luận và thực tiễn đưa ra các quan niệm, yêu cầu nhiệm vụ, ưu điểm, hạn chế, những nguyên nhân, đề xuất các giải pháp trong CTDV của bộ đội địa phương nhằm nâng cao chất lượng CTDV trong giai đoạn hiện nay.

Khăm Phay Sêng Phạ A Thít (2019), *Công tác vận động quần chúng người dân tộc H'mông trong đảm bảo an ninh quốc gia nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào* [70]. Tác giả đã đánh giá một cách toàn diện về vấn đề bảo đảm an ninh quốc gia, phân tích đánh giá sâu sát đối tượng cụ thể về đặc điểm của người dân tộc H'mông từ nét văn hoá, đời sống, văn hoá, xã hội, phong tục, tập quán tín ngưỡng, tôn giáo, quốc phòng an ninh ở những vùng bà con sinh sống. Tác giả khái quát những vấn đề lý luận đánh giá, phân tích bằng những bài học thực tiễn, những thuận lợi khó khăn, yêu cầu đặt ra trong công tác vận động người dân tộc H'mông, những bài học kinh nghiệm, đề xuất các giải pháp trong công tác vận động quần chúng đây là những giải pháp có giá trị mà nghiên cứu sinh tham khảo, nghiên cứu.

Phông Sả May Huôn Na Chăm Pa (2021), *Công tác dân vận của các sư đoàn thuộc Quân đội nhân dân Lào giai đoạn hiện nay* [102]. Luận án đã làm rõ đặc điểm dân cư và tình hình địa bàn đóng quân của các sư đoàn thuộc quân đội nhân dân Lào trên các mặt về: kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, dân tộc, tôn giáo. Đồng thời, phân tích, luận giải những vấn đề lý luận về CTDV của các sư đoàn. Trên cơ sở đó, đánh giá đúng thực trạng, rút ra nguyên nhân và một số kinh nghiệm tiến hành CTDV. Tác giả cũng đã xác định rõ những thuận lợi, khó khăn và đề xuất sáu giải pháp tăng cường CTDV của các sư đoàn thuộc quân đội nhân dân Lào.

## **1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU Ở TRONG NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

Ở trong nước, đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu các nội dung khác nhau về CTDV của Đảng nói chung, CTDV của chính quyền nói riêng, trong đó có CTDV của UBND. Các công trình nghiên cứu tiêu biểu như sau:

### **1.2.1. Các công trình nghiên cứu về công tác dân vận**

Hà Thị Khiết (2010), *Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận của Đảng trong thời kỳ mới* [18]. Cuốn sách là kết quả nghiên cứu của đề tài độc lập cấp Nhà nước do Ban Dân vận Trung ương chủ trì. Kết quả nghiên cứu của đề tài đã bổ sung và làm rõ thêm cơ sở lý luận và thực tiễn tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao chất lượng, hiệu quả CTDV của Đảng trong thời kỳ mới. Nhất là những căn cứ khoa học trong việc xác định đối tượng về dân vận, CTDV, chất lượng, hiệu quả CTDV mang tính toàn diện khoa học và thực tiễn mà tác giả có thể tham khảo, vận dụng.

Lưu Văn Sùng (2010), *Một số điểm nóng chính trị - xã hội điển hình tại các vùng dân tộc ở miền núi trong những năm gần đây - hiện trạng, vấn đề các bài học kinh nghiệm trong xử lý tình huống* [100]. Cuốn sách phân tích cơ sở khoa học và thực tiễn ổn định, phát triển là yêu cầu khách quan của công cuộc đổi mới, ổn định là điều kiện cho sự phát triển. Để ổn định cho sự phát

triển cần có sự đồng thuận trong xã hội. Đặc biệt, nghiên cứu các điểm nóng chính trị - xã hội xảy ra ở các tỉnh miền núi như Tây Nguyên tháng 02/2001 và tái phát tháng 04/2004 do nhiều nguyên nhân, có chủ quan và khách quan; đề xuất những giải pháp khắc phục không để tái phát là làm tốt CTDV hiện nay. Những nội dung luận án có thể tham khảo, nghiên cứu, vận dụng: thống nhất chỉ đạo của Trung ương về giải quyết điểm nóng cơ bản là sử dụng phương pháp vận động quần chúng để giải quyết. Các đồng chí lão thành cách mạng, những cán bộ có uy tín ở địa phương, các đồng chí phụ trách CTDV... thâm nhập vào đám đông, chia lẻ, chia nhỏ các nhóm quá khích, tuyên truyền, giải thích thiệt hơn cho họ. Để ổn định chính trị - xã hội cơ bản là phải áp dụng giải pháp an dân, thực hiện quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, mỗi người dân, như những người lính bảo vệ biên cương của Tổ quốc.

Hội đồng lý luận Trung ương (2012), *Làm tốt công tác quần chúng trong tình hình mới - Kinh nghiệm Trung Quốc, kinh nghiệm Việt Nam* [63]. Cuốn sách tập hợp các bài tham luận của các học giả, nhà khoa học Việt Nam, Trung Quốc đề cập các vấn đề: Kiên trì quan điểm nhân dân là tối thượng, thiết thực làm tốt công tác quần chúng trong tình hình mới; kinh nghiệm quý báu của Đảng Cộng sản Trung Quốc về làm tốt công tác quần chúng; chú trọng phát huy vai trò của tổ chức cơ sở đảng, củng cố nền tảng công tác quần chúng của Đảng; điều phối quan hệ lợi ích giữa các bên, xử lý thỏa đáng mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân; đổi mới phương thức, phương pháp, nâng cao tính hướng đích, tính hiệu quả công tác quần chúng... Những nội dung luận án có thể vận dụng, tham khảo, kế thừa: xác định quan điểm nhân dân là tối thượng, thiết thực làm tốt công tác quần chúng trong tình hình mới. Một số kinh nghiệm công tác quần chúng của Đảng Cộng sản Trung Quốc: Đổi mới phương thức, phương pháp, tính hướng đích và tính hiệu quả của công tác quần chúng; phải bảo đảm và cải thiện dân sinh, giải quyết vấn đề lợi ích trực tiếp nhất, thực tế nhất, được quần chúng quan tâm nhất; tăng cường quản lý xã

hội, đổi mới thể chế quản lý xã hội; huy động mọi nguồn lực xã hội, dựa vào sự tham gia có trật tự của quần chúng để làm tốt công tác quần chúng; điều phối quan hệ lợi ích, xử lý thỏa đáng mâu thuẫn xã hội để làm tốt công tác quần chúng; kiên trì lấy công tác xây dựng Đảng, mở rộng diện phủ khắp của xây dựng Đảng đến mọi lĩnh vực xã hội để dẫn dắt làm tốt công tác quần chúng. Ngày nay, công tác quần chúng cần tiếp tục được đổi mới, cải cách không chỉ để theo kịp, giải quyết những vấn đề mới nảy sinh, mà còn xác định tầm nhìn chiến lược và lâu dài.

Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật (2014), *Lý luận và kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác dân vận* [77]. Cuốn sách đã tập hợp hơn 30 bài viết của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, lãnh đạo các bộ, ban, ngành, các nhà khoa học; nội dung đã phân tích sâu sắc, toàn diện làm nổi bật cơ sở lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm của CTĐV trong thời gian qua. Từ đó, Đảng ta ngày càng nhận thức sâu sắc rằng, dân vận là công việc rất quan trọng, phải làm thường xuyên, hằng ngày, hằng giờ, không ngừng nghỉ, không mệt mỏi, không phô trương, hình thức, nhằm phát huy cao nhất sức mạnh cao nhất của dân tộc trong xây dựng bảo vệ Tổ quốc; phải luôn đúc rút từ hoạt động thực tiễn kịp thời định ra chủ trương, chính sách hợp lòng dân với tư tưởng lấy dân làm gốc của Đảng.

Nguyễn Thế Trung (2014), *Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân trong thời kỳ mới* [134]. Cuốn sách nêu rõ mối quan hệ Đảng - Dân được thể hiện rõ nét thông qua CTĐV của Đảng Cộng sản Việt Nam. Những nội dung tác giả có thể tham khảo, vận dụng, kế thừa: trong bối cảnh thời cơ, thách thức đan xen, để đánh giá mối quan hệ Đảng và nhân dân có thể thông qua 06 tiêu chí cơ bản. *Một là*, ban hành các chủ trương, nghị quyết của Đảng có xuất phát từ lợi ích nhân dân, Đảng có lấy ý kiến đóng góp của nhân dân hay không. *Hai là*, cơ quan nhà nước có được bầu cử dân chủ, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ; chính sách, pháp luật của Nhà nước có vì mục đích, lợi

ích nhân dân; đội ngũ cán bộ, công chức có vì dân phục vụ hay không. *Ba là*, mức độ gần dân, sát dân, nắm bắt tình hình, tâm tư nguyện vọng chính đáng của nhân dân của các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên. *Bốn là*, mức độ tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. *Năm là*, đời sống vật chất và tinh thần của đại bộ phận nhân dân ngày càng được cải thiện theo sự phát triển của đất nước hay không. *Sáu là*, lòng tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ là biểu hiện năng lực lãnh đạo của Đảng và mối quan hệ gắn bó mật thiết Đảng với nhân dân.

Ban Dân vận Trung ương - Hà Thị Khiết (2015), *Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận của Đảng trong thời kỳ mới* [18]. Cuốn sách đã nêu lên cơ sở lý luận, thực tiễn về dân vận, nâng cao chất lượng, hiệu quả CTDV trong thời kỳ mới; quan niệm, đặc điểm, yêu cầu, chất lượng, hiệu quả CTDV trong những năm đổi mới vừa qua; quan điểm, phương hướng, giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả CTDV của Đảng trong thời kỳ mới. Những nội dung tác giả có thể tham khảo, kế thừa và vận dụng: xác định chủ thể, đối tượng CTDV và từ nay thống nhất dùng cụm từ dân vận ; khái niệm CTDV. Đảng coi trọng đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, nâng cao chất lượng hiệu quả CTDV và phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam, các đoàn thể nhân dân, vai trò của lực lượng vũ trang trong CTDV. Trong nhóm các giải pháp, cần tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc của nhân dân.

Vũ Xuân Thủy (2017), *Các tỉnh ủy ở Tây Nguyên lãnh đạo công tác dân vận giai đoạn hiện nay* [117]. Luận án làm rõ vị trí, vai trò lãnh đạo và nội dung, phương thức lãnh đạo của các tỉnh ủy đối với công tác dân vận trên địa bàn quan trọng, có tính đặc thù là các tỉnh Tây Nguyên. Từ thực trạng luận án rút ra một số kinh nghiệm thực tiễn lãnh đạo CTDV của các tỉnh ủy ở Tây Nguyên từ 2010 đến nay. Luận án đề xuất một số giải pháp mới nhằm tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy với công tác dân vận ở các tỉnh Tây nguyên trong thời gian tới, trong đó tập trung làm rõ vai trò, trách nhiệm của

các tỉnh ủy viên, các cấp ủy đảng và chính quyền các cấp; việc đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo CTDV của tỉnh ủy; công tác phối hợp các lực lượng, đặc biệt là lãnh đạo phát huy vai trò của các lực lượng nòng cốt, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng dân tộc thiểu số... để làm công tác vận động nhân dân trên địa bàn chiến lược quan trọng này.

Nguyễn Thị Phương (2021), *Công tác dân vận của lực lượng Công an nhân dân giai đoạn hiện nay* [89]. Luận án làm rõ khái niệm, nội dung CTDV của lực lượng Công an nhân dân giai đoạn hiện nay; rút ra các kinh nghiệm thực hiện CTDV của lực lượng Công an nhân dân. Luận án đề xuất 02 giải pháp có tính đặc thù để thực hiện tốt CTDV của lực lượng Công an nhân dân giai đoạn hiện nay đó là: Xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định để cụ thể hóa nhiệm vụ, nội dung, phương thức dân vận cho từng lực lượng chuyên môn, nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân; Đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp dân vận, công tác xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc bảo đảm thiết thực, phù hợp với từng lĩnh vực, địa bàn, đối tượng.

Phạm Tất Thắng (2023), *Công tác dân vận trong chiến lược đại đoàn kết các dân tộc ở Tây Nguyên: Thực trạng và giải pháp trong giai đoạn mới* [111]. Bài viết khái quát những quan điểm, chủ trương của Đảng về CTDV, những kết quả đạt được trong CTDV của Khu vực Tây Nguyên và đề xuất 06 giải pháp nâng cao hiệu quả CTDV của khu vực này trong thời gian tới: *Một là*, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng đối với CTDV vùng đồng bào dân tộc thiểu số. *Hai là*, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò của CTDV trong tình hình mới, đặc biệt là vai trò CTDV trong việc thực hiện chiến lược đại đoàn kết các dân tộc ở Tây Nguyên. *Ba là*, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở ở khu vực Tây Nguyên thực sự trong sạch, vững mạnh. *Bốn là*, nâng cao chất lượng phối hợp thực

hiện CTDV, công tác dân tộc, công tác tôn giáo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đông đồng bào có đạo. *Năm là*, nâng cao vai trò tham mưu của đội ngũ làm CTDV, trực tiếp là Ban Dân vận các cấp. *Sáu là*, tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện chủ trương, chính sách, pháp luật về CTDV.

Trần Minh Trường (2024), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về “Dân vận khéo” - Bài học trong công tác dân vận hiện nay* [136]. Tác giả khái quát tư tưởng Hồ Chí Minh về “Dân vận khéo” trong ba nội dung: *Một là*, dân vận khéo là phải “lấy dân làm gốc”. *Hai là*, “Dân vận khéo” là phải phát huy dân chủ. *Ba là*, “Dân vận khéo” là cán bộ làm CTDV phải trở thành tấm gương từ lời nói, đến hành động.

Nguyễn Thế Trung (2024), *Nâng cao hiệu quả công tác dân vận, góp phần phát huy tối đa sức mạnh của nhân dân trong phát triển mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội của đất nước* [133]. Tác giả phân tích vai trò của nhân dân và sức mạnh của nhân dân trong phát triển mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội của đất nước. Bài viết chỉ ra những kết quả, hạn chế về CTDV thời gian qua và đề xuất 06 nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả CTDV: *Một là*, các cấp ủy tiếp tục lãnh đạo, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động về CTDV của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân. *Hai là*, Đảng tiếp tục lãnh đạo tập trung thực hiện tốt CTDV. *Ba là*, tiếp tục đổi mới tổ chức; nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. *Bốn là*, đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, công tác phòng, chống tham nhũng, kiên quyết, kiên trì đấu tranh với các quan điểm, luận điệu sai trái. *Năm là*, tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, góp phần phát huy sức mạnh của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn mới. *Sáu là*, cả hệ thống chính trị phối hợp chặt chẽ, đồng bộ trong thực hiện quy chế CTDV.

Bùi Thanh Nhân (2024), *Đảng bộ tỉnh Bình Dương tiếp tục tăng cường và đổi mới công tác dân vận* [86]. Tác giả khẳng định, để thực hiện thắng lợi

nhiệm vụ đề ra, Tỉnh ủy Bình Dương luôn yêu cầu toàn hệ thống chính trị phải làm tốt CTDV, góp phần xây dựng “thế trận lòng dân”, củng cố, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Trong bối cảnh phát triển mới, Tỉnh ủy càng chú trọng xác định đúng vấn đề trọng yếu để tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả CTDV, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm thực hiện tốt quan điểm “Dân vận khéo thì việc khó đến mấy cũng thành công”. Bài viết nêu 05 giải pháp để hệ thống dân vận từ tỉnh đến cơ sở tập trung thực hiện đồng bộ: *Một là*, tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, quán triệt về vai trò, tầm quan trọng của CTDV. *Hai là*, đổi mới công tác nghiên cứu khoa học về CTDV của Đảng theo hướng nghiên cứu phương thức, kỹ năng nắm bắt tình hình thực tiễn, diễn biến, tư tưởng trong nhân dân. *Ba là*, để CTDV chính quyền các cấp hoạt động hiệu quả, hệ thống dân vận của tỉnh Bình Dương cần thực hiện tốt tiêu chí đánh giá về CTDV. *Bốn là*, triển khai, thực hiện hiệu quả các chương trình phối hợp giữa cá sở, ban, ngành, các đơn vị với Ban Dân vận Tỉnh ủy về CTDV. *Năm là*, xem trọng việc xây dựng kế hoạch, chương trình phối hợp giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với UBND tỉnh, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội.

Nguyễn Thị Tuyền (2024), *Tăng cường công tác dân vận, góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội* [140]. Bài viết khẳng định, Thành ủy Hà Nội và các cấp ủy đảng luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện CTDV của Đảng bộ Thành phố; CTDV của các cơ quan nhà nước Thành phố theo tinh thần Chỉ thị số 07-CT/TU, ngày 01/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy được quan tâm, nhất là cải cách hành chính gắn với phân cấp, ủy quyền. Nhằm tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả CTDV của Thủ đô, tác giả nêu quan điểm chỉ đạo của Thành ủy Hà Nội: Dân vận là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tăng cường gắn bó máu thịt giữa cấp ủy Đảng, chính quyền

và nhân dân; lấy đoàn kết trong Đảng là yếu tố quan trọng nhất, dẫn dắt, định hướng trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; lấy mục tiêu xây dựng Thủ đô “Văn hiến, văn minh, hiện đại”, khẳng định vị thế, bản sắc con người Hà Nội bản lĩnh, trí tuệ, thanh lịch, văn minh là điểm chung nhất, điểm tương đồng để dựa vào đó tập hợp các tầng lớp nhân dân Thủ đô trong và ngoài nước; lấy lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân là điểm xuất phát quan trọng của mọi quyết sách của cấp ủy đảng, chính quyền và cũng là tiêu chí quan trọng nhất để đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị.

### **1.2.2. Các công trình nghiên cứu về công tác dân vận của chính quyền các cấp**

Nguyễn Tiến Thịnh (2005), *Công tác dân vận của các cơ quan nhà nước trong thời kỳ mới* [112]. Cuốn sách gồm có 2 phần: phần thứ nhất trình bày quan điểm Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí về nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân; công tác vận động quần chúng của cơ quan nhà nước trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá; Thực trạng và kiến nghị trong CTDV của chính quyền cơ sở; phần thứ hai của cuốn sách trình bày một số kinh nghiệm thực tiễn về CTDV quần chúng ở một số cơ quan Trung ương và ở một số địa phương. Một nội dung rất quan trọng mà cuốn sách đề cập đến là nội dung và phương thức CTDV của chính quyền cơ sở.

Nguyễn Bá Quang (2012), *Hỏi và đáp công tác dân vận của chính quyền ở nước ta hiện nay* [90]. Nội dung cuốn sách gồm 118 câu hỏi và trả lời được chia làm sáu phần: *Phần I*: Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam về dân vận và CTDV của bộ máy chính quyền nhà nước; *Phần II*: Tổ chức bộ máy nhà nước và CTDV của chính quyền - Những khái niệm căn bản; *Phần III*: Những nội dung trọng tâm về CTDV của chính quyền hiện nay; *Phần IV*: Công tác dân vận của chính quyền cơ sở; *Phần V*: Cán bộ, chính quyền là công bộc của nhân dân; *Phần phụ lục*: Trích dẫn Hồ Chí Minh về CTDV của chính quyền.

Đỗ Văn Dũng, Ngô Đăng Nhật, Đào Đoàn Hùng, Nguyễn Thị Tố Nga, Trần Việt Hưng (2022), *Công tác dân vận - Những điểm mới theo Văn kiện Đại hội XIII của Đảng và Quyết định số 23-QĐ ngày 30/7/2021 của Bộ Chính trị về việc ban hành quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị* [41]. Cuốn sách trình bày những luận cứ, luận giải, phân tích những điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng về CTDV và Quyết định số 23-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế CTDV của hệ thống chính trị. Làm rõ sự phát triển lý luận và những bước tiến trong chỉ đạo thực tiễn của Đảng đối với CTDV

Mai Việt Bách (2023), *Công tác dân vận của chính quyền cấp huyện ở thành phố Hà Nội hiện nay* [1]. Tác giả đánh giá thực trạng CTDV của chính quyền cấp huyện ở thành phố Hà Nội thời gian qua. Dự báo tình hình, đề xuất phương hướng và 06 giải pháp tăng cường CTDV của chính quyền cấp huyện ở thành phố Hà Nội thời gian tới: *Một là*, đổi mới công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và chủ trương công tác của cấp trên, nhằm nâng cao nhận thức về nghĩa vụ và quyền lợi của người dân. *Hai là*, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền cấp huyện. *Ba là*, xây dựng cơ chế và tạo điều kiện để nhân dân tham gia xây dựng chính quyền cấp huyện trong sạch, vững mạnh. *Bốn là*, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan chính quyền cấp huyện đối với công tác dân vận; bố trí đúng cán bộ chủ chốt ban, phòng các cơ quan chính quyền, coi trọng công tác kiểm tra, giám sát. *Năm là*, tăng cường sự phối hợp giữa chính quyền cấp huyện với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn trong công tác dân vận. *Sáu là*, tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý tham nhũng, tiêu cực, hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Lê Đức Trung (2023), *Công tác dân vận của cơ quan hành chính trong*

*tiếp công dân giải quyết khiếu nại, tố cáo* [132]. Theo tác giả, CTDV là công việc của toàn bộ hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng nhằm tập hợp vận động, đoàn kết nhân dân, đưa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh vào cuộc sống, góp phần xây dựng sự đồng thuận xã hội, thực hiện thắng lợi đường lối cách mạng của Đảng. Cuốn sách cung cấp những kiến thức cơ bản về CTDV của cơ quan hành chính trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đánh giá thực trạng CTDV của cơ quan hành chính trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và đưa ra quan điểm, giải pháp nâng cao hiệu quả CTDV của cơ quan hành chính trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thời gian tới.

Nguyễn Văn Hồi (2023), *Tăng cường công tác dân vận góp phần thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững ở tỉnh Quảng Ninh* [67]. Tỉnh Quảng Ninh hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới trước 01 năm so với kế hoạch, là tỉnh thứ 6 cả nước hoàn thành xây dựng nông thôn mới, bước vào giai đoạn xây dựng nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu. Tỉnh tiếp tục giữ vững vị trí nhóm đầu cả nước về các chỉ số PCI, SIPAS, PAR Index. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia đạt 76,95%... Những số liệu thực tiễn phong phú là nguồn tham khảo có ý nghĩa đối với đề tài luận án.

Nguyễn Tiến Hải (2024), *Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả CTDV trong tình hình mới ở tỉnh Cà Mau* [61]. Tác giả khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của CTDV và khẳng định, những năm qua, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Cà Mau đã quan tâm, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, triển khai CTDV. Bài viết cũng nêu những ưu điểm, hạn chế trong CTDV nói chung và CTDV của UBND tỉnh Cà Mau nói riêng. Tác giả đã nêu và phân tích 04 kinh nghiệm trong tiến hành CTDV của Tỉnh ủy: *Thứ nhất*, CTDV phải luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, phát huy dân chủ là “chìa khóa vạn năng” để

giải quyết mọi khó khăn, vướng mắc. *Thứ hai*, tăng cường và đổi mới CTDV phải gắn liền với công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. *Thứ ba*, các cấp ủy cần lãnh đạo chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt việc xây dựng chương trình CTDV toàn khóa và cụ thể để theo từng năm, từng quý, từng tháng. *Thứ tư*, chăm lo xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm CTDV, MTTQ, đoàn thể ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ, xem đây là khâu quan trọng quyết định đến chất lượng và hiệu quả của CTDV. Đồng thời, tác giả đề xuất 06 giải pháp để tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng CTDV.

Nguyễn Hồng Lĩnh (2024), *Thực hiện “dân vận khéo” trên các lĩnh vực của đời sống xã hội ở Đồng Nai theo tinh thần Nghị quyết số 25-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI [75]*. Trên cơ sở khái quát tình hình, đặc điểm của tỉnh Đồng Nai và CTDV của Tỉnh, tác giả đã phân tích 04 kinh nghiệm từ thực tiễn triển khai phong trào thi đua “Dân vận khéo”. *Một là*, CTDV và phong trào thi đua “Dân vận khéo” cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, kịp thời, đúng hướng của các cấp ủy trong việc cụ thể hóa các nội dung thực hiện CTDV. *Hai là*, quán triệt và thực hiện tốt quan điểm phát huy quyền làm chủ, đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân và tạo sự đồng thuận trong xã hội. *Ba là*, phát huy vai trò nòng cốt của ban dân vận, khối dân vận cấp ủy trong việc tham mưu cho cấp ủy, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện. *Bốn là*, thường xuyên duy trì công tác kiểm tra, giám sát, chú trọng công tác tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện.

Nguyễn Hữu Nghĩa (2024), *Một số kinh nghiệm phát huy vai trò CTDV trong giải phóng mặt bằng, thực hiện các dự án đầu tư phát triển của tỉnh Hưng Yên [84]*. Trên cơ sở đánh giá những kết quả đạt được, tác giả nêu và phân tích 05 kinh nghiệm từ thực tiễn: *Thứ nhất*, quán triệt, làm theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về dân vận. *Thứ hai*, nắm chắc tình hình diễn biến tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân trong khu vực ảnh hưởng của dự

án. *Thứ ba*, thực hiện tuyên truyền, vận động liên tục, thường xuyên, đa phương thức, phù hợp với từng nhóm đối tượng để tạo ra xu hướng ủng hộ, đồng thuận đa số trong nhân dân. *Thứ tư*, đảm bảo minh bạch, công khai, dân chủ trong thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, nhất là các chế độ, chính sách, quyền lợi của người dân. *Thứ năm*, phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các cơ quan, đơn vị, các cấp, các ngành trong tuyên truyền, vận động và xử lý nhanh, nhất quán các vấn đề phát sinh, kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong CTDV.

Kim Rương (2024), *Trà Vinh: Tăng cường thực hiện CTDV chính quyền và phong trào thi đua “Dân vận khéo”, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân* [97]. Tác giả cho rằng: cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, mở rộng dân chủ là những nội dung cơ bản, cốt lõi, quan trọng trong CTDV của cả hệ thống chính trị nói chung và chính quyền các cấp nói riêng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Bài viết khái quát những kết quả đạt được trong phong trào thi đua “Dân vận khéo” của Tỉnh và đề xuất 03 giải pháp để phát huy, nâng cao hơn nữa hiệu quả CTDV chính quyền và phong trào thi đua “Dân vận khéo”: *Một là*, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả CTDV chính quyền và phong trào thi đua “Dân vận khéo” gắn với nhiệm vụ chính trị được giao. *Hai là*, tập trung nghiên cứu, học tập, nhân rộng các mô hình “Dân vận khéo” trong tuyên truyền, vận động nhân dân hoàn thành mục tiêu giảm nghèo. *Ba là*, phát huy vai trò của nhân dân tham gia đóng góp ý kiến, giám sát, phản biện, tham gia xây dựng Đảng và chính quyền, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh bằng các mô hình, điển hình “Dân vận khéo”.

Nguyễn Văn Giang (2024), *Nâng cao hiệu quả xây dựng mô hình “Dân vận khéo” tham gia thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Bình* [59]. Bài viết khái quát những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Bình như tốc độ tăng trưởng bình quân 3 năm (2021-2023) đạt 8,1%/năm; 06 tháng đầu năm 2024 ước tăng 7,96%

(đứng thứ 7 vùng ĐBSH và thứ 16 cả nước). Từ thực tiễn tham mưu lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai xây dựng mô hình “Dân vận khéo” tham gia thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, tác giả rút ra 05 kinh nghiệm: *Một là*, các cấp ủy, chính quyền cầm tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, huy động sự vào cuộc tích cực, trách nhiệm, với quyết tâm chính trị cao của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở. *Hai là*, coi trọng việc xây dựng các mô hình “Dân vận khéo” trong công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục, thông qua nhiều kênh, nhiều chiều. *Ba là*, tập trung xây dựng mô hình “Dân vận khéo” ngay từ khi bắt đầu triển khai dự án và phải có sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả giữa các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện. *Bốn là*, khi triển khai xây dựng mô hình “Dân vận khéo” tham gia thực hiện từng dự án cụ thể trên địa bàn cần phải được xây dựng thành kế hoạch, thống nhất về nội dung, nhiệm vụ, giải pháp, quy trình các bước cụ thể. *Năm là*, thường xuyên kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả phong trào thi đua “Dân vận khéo”.

Ngọc Kim Nam (2024), *Nghệ An chú trọng nâng cao phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ tham mưu về công tác dân vận hiện nay* [82]. Tác giả khẳng định, đội ngũ cán bộ tham mưu CTDV trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã có nhiều nỗ lực trong nghiên cứu, đề xuất nhiều nội dung mới, khó nhưng quá trình thực hiện mang lại hiệu quả cao, tạo được sự đồng thuận trong toàn hệ thống chính trị và xã hội, Bên cạnh đó, tác giả đề xuất 06 giải pháp nhằm nâng cao phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ tham mưu về CTDV trong tình hình mới: *Thứ nhất*, nâng cao nhận thức, tăng cường hơn nữa công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ dân vận theo tinh thần “Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”, “nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin”. *Thứ hai*, xây dựng và cụ thể hóa tiêu chuẩn, phong cách cán bộ dân vận. *Thứ ba*, quy hoạch cán bộ đảm bảo cơ cấu, số lượng; đảm bảo phẩm chất chính trị, trình độ nghiệp vụ, năng

lực thực tiễn, xử lý tình huống trong CTDV. *Thứ tư*, bố trí cán bộ dân vận phải phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, phẩm chất công tác của từng cán bộ. *Thứ năm*, lựa chọn bố trí cán bộ tham mưu CTDV được rèn luyện qua nhiều môi trường công tác khác nhau, tạo môi trường rèn luyện trong thực tiễn, nhất là cán bộ đã có kinh nghiệm trong công tác quản lý nhà nước. *Thứ sáu*, thực hiện tốt các chính sách đối với cán bộ dân vận.

Đỗ Anh Tuấn (2024), *Hiệu quả phong trào thi đua “Dân vận khéo” tại Đảng bộ Thành phố Hà Nội* [136]. Những số liệu trong bài viết được tác giả tổng hợp rất phong phú, chẳng hạn như, từ năm 2010 đến nay, trung bình mỗi năm, toàn Thành phố có hơn 10.000 mô hình “Dân vận khéo” được đăng ký thực hiện trên 4 lĩnh vực: Xây dựng hệ thống chính trị, phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh và được đăng ký triển khai tại 3 cấp. Những số liệu và đánh giá, nhận định của bài viết là nguồn tư liệu phong phú để luận án nghiên cứu.

Nguyễn Thế Trung (2024), *Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác dân vận của chính quyền địa phương trong giai đoạn mới* [135]. Bài viết lý giải vì sao chính quyền địa phương phải làm CTDV và trách nhiệm CTDV của chính quyền các cấp trong giai đoạn mới trên cơ sở Quyết định số 23-QĐ/TW ngày 30/7/2021 về việc ban hành Quy chế CTDV của hệ thống chính trị.

### **1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CÓ LIÊN QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG GIẢI QUYẾT**

#### **1.3.1. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan đến đề tài luận án**

*Một là*, các công trình nghiên cứu trong nước đã hệ thống hóa và làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận, thực tiễn về CTDV của Đảng và chính quyền. Nhiều tác giả đã bổ sung, phát triển cơ sở khoa học của CTDV, khẳng định vai trò “dân là gốc”, nhấn mạnh sự cần thiết phải đổi mới nội dung, phương

thức dân vận, coi đây là yêu cầu tất yếu để tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Một số công trình còn chỉ ra các tiêu chí đánh giá mối quan hệ Đảng - Dân, từ đó khẳng định dân vận là công việc chiến lược, có ý nghĩa quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng.

*Hai là*, các nghiên cứu đã tập trung phân tích CTDV của chính quyền, nhất là của UBND các cấp, qua đó khẳng định đây là bộ phận quan trọng trong tổng thể CTDV của HTCT. Các công trình đã làm rõ khái niệm, nội dung, phương thức CTDV của chính quyền; phân tích thực trạng, chỉ ra ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân; đồng thời đề xuất nhiều giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả CTDV của UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Nhiều nghiên cứu chuyên sâu còn cung cấp bài học kinh nghiệm từ thực tiễn, như gắn dân vận với xây dựng nông thôn mới, cải cách hành chính, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường giám sát, phản biện xã hội.

*Ba là*, các công trình nghiên cứu nước ngoài, đặc biệt từ kinh nghiệm của Trung Quốc, Lào... đã cung cấp những luận cứ khoa học và bài học thực tiễn có giá trị. Các công trình này nhấn mạnh vai trò then chốt của việc gắn bó mật thiết với quần chúng, coi nhân dân là tối thượng, đề cao trách nhiệm của chính quyền trong phục vụ nhân dân. Đồng thời, nhiều nghiên cứu chỉ ra các nguyên tắc, phương thức dân vận hiệu quả như: phát huy dân chủ, giải quyết lợi ích thiết thực của nhân dân, xử lý thỏa đáng mâu thuẫn xã hội, đổi mới phương thức quản lý nhà nước, phát huy vai trò của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ dân vận.

*Bốn là*, một số công trình nghiên cứu cả trong và ngoài nước đã bước đầu đưa ra dự báo, định hướng và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng CTDV trong bối cảnh mới. Những giải pháp này tập trung vào: đổi mới nội dung, phương thức dân vận theo hướng gần dân, sát dân, đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân; phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH và đội ngũ cán bộ, công chức chính quyền trong CTDV; tăng cường phối hợp giữa các lực

lượng, gắn CTDV với cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Các công trình nghiên cứu đã hình thành nguồn tư liệu phong phú, đa chiều, có ý nghĩa tham khảo quan trọng đối với đề tài. Các kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn về CTDV nói chung, mà còn là cơ sở khoa học để nghiên cứu sinh kế thừa, vận dụng, từ đó đi sâu làm rõ CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH giai đoạn hiện nay, cả ở phương diện lý luận, thực trạng và giải pháp.

Như vậy, đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về CTDV ở dưới nhiều góc độ và phạm vi khác nhau. Những chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu toàn diện, chuyên sâu, dưới góc độ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước về CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH. Vì vậy, đây là đề tài độc lập, không trùng lặp với các công trình khoa học đã nghiệm thu, công bố, các luận án đã bảo vệ.

### **1.3.2. Những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu làm rõ**

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu về dân vận và CTDV của chính quyền các cấp đã tạo cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng cho việc nghiên cứu về CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH giai đoạn hiện nay. Mặt khác, cũng đặt ra những vấn đề lý luận, thực tiễn đòi hỏi luận án đặt ra và tập trung giải quyết những vấn đề sau:

*Một là*, luận án nghiên cứu, làm rõ những vấn đề lý luận, thực tiễn về CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH. Trong đó, luận án khái quát vị trí địa lý, đặc điểm kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của các tỉnh, thành phố trong vùng; đặc điểm nhân dân vùng ĐBSH; vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy và những đặc điểm cơ bản của UBND cấp tỉnh; khái niệm, nội dung, phương thức dân vận của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH; khái niệm, nội dung, vai trò CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH. Việc phân tích, lý giải những nội dung trên là cơ sở quan trọng

để đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp tăng cường CTDV trong giai đoạn mới.

*Hai là*, phân tích đánh giá thực trạng CTDV của UBND cấp tỉnh ở vùng ĐBSH từ năm 2013 đến năm 2024 theo các nội dung CTDV của UBND cấp tỉnh ở vùng ĐBSH; chỉ ra nguyên nhân của ra ưu, khuyết điểm và những kinh nghiệm CTDV của UBND cấp tỉnh ở vùng ĐBSH.

*Ba là*, trên cơ sở khung lý luận và thực tiễn, luận án dự báo những thuận lợi, khó khăn tác động đến CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH; đề xuất phương hướng và các giải pháp trọng tâm nhằm tăng cường CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH đến năm 2035.

**Chương 2**  
**CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CẤP TỈNH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG -**  
**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

**2.1. CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG, ỦY BAN NHÂN DÂN VÀ ĐẶC ĐIỂM NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG HIỆN NAY**

**2.1.1. Khái quát về các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Hồng**

**2.1.1.1. Đặc điểm tự nhiên**

*Về vị trí địa lý*, các tỉnh ở vùng ĐBSH có vị trí địa lý chiến lược, nằm bao quanh Thủ đô Hà Nội. Theo Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 thì vùng ĐBSH bao gồm 09 tỉnh và 02 thành phố trực thuộc Trung ương: 09 tỉnh: Hải Dương, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình và Quảng Ninh; 02 thành phố: thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng. Phía Bắc, Đông Bắc và phía Tây, Tây Nam giáp vùng trung du và miền núi phía Bắc; phía Nam giáp vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung; phía Đông giáp Vịnh Bắc Bộ.

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, hiện nay, khu vực ĐBSH còn 6 tỉnh, thành phố là thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng, tỉnh Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, tỉnh Quảng Ninh (theo Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 05/10/2025 của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050).

Nằm ở vị trí cửa ngõ của khu vực Đông Nam Á với Trung Quốc và các nước Đông Bắc Á, các tỉnh ở vùng ĐBSH trở thành đầu mối giao thông đi thế giới bằng tất cả các loại phương tiện một cách dễ dàng. Tuy là đồng bằng

nhưng các tỉnh này có địa hình khá đa dạng và phong phú, bao gồm đồng bằng, đồi núi, biển và rừng, có hệ thống sông ngòi dày đặc chảy ra vịnh Bắc Bộ. Trừ Thái Bình và Hưng Yên không có núi, còn hầu hết các tỉnh ở ĐBSH đều có đồi núi xen kẽ châu thổ, thung lũng với những vùng đất trũng như: Nho Quan, Bình Lục (Ninh Bình), Chí Linh (Hải Phòng).

*Về khí hậu*, nhiệt độ không khí trung bình năm ở các tỉnh, thành phố vùng ĐBSH khoảng 22,5-23,5°C, lượng mưa trung bình 1400-2000 mm/năm. Điều kiện khí hậu nhiệt đới, cận nhiệt đới của vùng rất thuận lợi cho việc hình thành cơ cấu cây trồng đa dạng, phong phú, có chất lượng cao, đặc biệt thuận lợi cho việc gieo trồng lúa nước, các cây nhiệt đới khác, các cây ngắn ngày ở nhiệt đới và ôn đới.

*Về đất đai*, các tỉnh, thành phố ở vùng ĐBSH sở hữu nguồn tài nguyên đất nông nghiệp dồi dào, được hình thành chủ yếu nhờ trữ lượng phù sa màu mỡ do hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp qua hàng nghìn năm. Toàn vùng hiện có khoảng 1.242,9 nghìn ha đất trồng cây lương thực, đứng thứ hai cả nước sau đồng bằng sông Cửu Long. Theo số liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường, khu vực này vẫn còn tiềm năng mở rộng thêm khoảng 137 nghìn ha đất nông nghiệp, chủ yếu thông qua quá trình khai thác lấn biển và cải tạo đất bãi ven sông. Một số địa phương như Hưng Yên, Hải Phòng, Ninh Bình đã triển khai hiệu quả các dự án lấn biển, tiêu biểu như Khu kinh tế Thái Bình (thuộc tỉnh Hưng Yên) với diện tích quy hoạch hơn 30.000 ha, trong đó một phần đáng kể là đất mới được mở rộng từ biển. Nhờ ứng dụng công nghệ hiện đại trong quy hoạch và sử dụng cơ giới hóa nông nghiệp, việc khai thác và sử dụng đất đạt hiệu quả cao, góp phần tạo nền tảng vững chắc cho phát triển nông nghiệp hàng hóa, đặc biệt là lúa gạo và rau màu chất lượng cao.

*Về tài nguyên sinh vật*, mặc dù ĐBSH là khu vực có mật độ dân cư cao nhất cả nước và đang đô thị hóa mạnh mẽ, nhưng nhiều loài động, thực vật

quý hiếm đặc trưng cho hệ sinh thái nhiệt đới vẫn được bảo tồn và phát triển. Tiêu biểu là các vườn quốc gia như Ba Vì (Hà Nội) và Cúc Phương (Ninh Bình), nơi lưu giữ hàng trăm loài động vật có vú, bò sát, chim và hàng nghìn loài thực vật, trong đó có nhiều loài quý hiếm như voọc mông trắng, cây vằn, bách xanh, chò chỉ... Các khu bảo tồn này không chỉ có giá trị bảo tồn sinh học mà còn là không gian sinh thái văn hóa, góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng và phát triển du lịch sinh thái bền vững. Ngoài ra, các khu rừng ngập mặn ở ven biển Hưng Yên, Ninh Bình và Hải Phòng cũng đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường sống tự nhiên cho các loài thủy sinh đặc hữu.

*Về tài nguyên khoáng sản*, nhìn chung, các tỉnh, thành phố ở vùng ĐBSH có trữ lượng vừa và nhỏ, không nhiều chủng loại, có các khoáng sản tiêu biểu như: đất sét, đá vôi, than nâu, khí đốt... Tài nguyên đất sét trắng ở tỉnh Hải Dương (nay là thành phố Hải Phòng) phục vụ cho phát triển sản xuất các sản phẩm sành sứ. Tài nguyên đá vôi ở các tỉnh vùng ĐBSH chiếm trữ lượng lớn của cả nước, phục vụ cho phát triển ngành công nghiệp vật liệu xây dựng. Tài nguyên than nâu ở độ sâu 200m đến 2.000m có trữ lượng hàng chục tỷ tấn đứng hàng đầu cả nước, hiện chưa có điều kiện khai thác.

*Về tài nguyên biển*, các tỉnh ven biển có bờ biển dài, bãi triều rộng và phù sa dày nên có thể phát triển các cơ sở nuôi trồng thủy hải sản, nuôi rong câu và chăn vịt ven bờ. Một số tỉnh có cảng biển nên thuận lợi trong phát triển giao thông đường biển. Hoạt động đầu tư phát triển du lịch biển, đảo đang được đẩy mạnh ở các tỉnh như Quảng Ninh, Ninh Bình, Hưng Yên, Hải Phòng.

Mặc dù được thiên nhiên ưu đãi nhưng các tỉnh, thành phố ở vùng ĐBSH cũng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán, dịch bệnh... Trong những năm tới, các tỉnh, thành phố ở vùng ĐBSH có thể phải gánh chịu những ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, nhất là

vùng ven biển, gây ra những khó khăn không nhỏ đối với sản xuất và đời sống của nhân dân. Đây là một trong các vấn đề đáng quan ngại đối với các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSH trong quá trình lãnh đạo xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội.

### **2.1.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội**

#### *\* Đặc điểm kinh tế*

Vùng ĐBSH giữ vị trí kinh tế chiến lược, là trung tâm phát triển toàn diện của cả nước với cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Công nghiệp và dịch vụ đóng vai trò chủ đạo, với các ngành mũi nhọn như cơ khí, điện tử, tài chính, logistics; tiêu biểu như Bắc Ninh, Hải Phòng thu hút hàng tỷ USD vốn FDI trong lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử, lắp ráp thiết bị công nghệ cao (Samsung, LG, Foxconn...). Nông nghiệp của vùng phát triển theo hướng công nghệ cao, hình thành các vùng chuyên canh lúa, rau màu, thủy sản; trong đó Thái Bình, Nam Định là những địa phương dẫn đầu về sản lượng lúa khu vực phía Bắc. Vùng có trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao, với GDP bình quân đầu người năm 2023 đạt khoảng 130 triệu đồng, cao hơn mức trung bình cả nước; hạ tầng giao thông hiện đại với các tuyến đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Ninh Bình, sân bay Nội Bài, cảng biển Hải Phòng. Đồng bằng sông Hồng cũng là vùng thu hút đầu tư nước ngoài lớn thứ hai cả nước, chỉ sau Đông Nam Bộ. Tuy nhiên, vùng đang đối mặt với áp lực ô nhiễm môi trường, quá tải đô thị tại Hà Nội và Hải Phòng, cũng như yêu cầu cấp thiết về đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng xanh và bền vững.

#### *\* Đặc điểm về dân cư*

Vùng ĐBSH là khu vực có mật độ dân số cao nhất cả nước, với khoảng 26,5 triệu người [Phụ lục 1], chiếm gần 23% dân số cả nước, trong khi diện tích chỉ chiếm khoảng 5%. Mật độ dân số trung bình toàn vùng đạt trên 1.200 người/km<sup>2</sup>, trong đó các đô thị lớn như Hà Nội, Hải Phòng có mật độ lên tới

hơn 2.300 người/km<sup>2</sup>. Dân cư phân bố không đều, tập trung đông tại các đô thị và vùng ven sông, ven biển, trong khi các khu vực miền núi hoặc vùng ven đô ít dân hơn. Đây là vùng có nguồn nhân lực dồi dào, trình độ học vấn và tay nghề cao, với tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%, cao nhất cả nước. Đồng thời, cư dân nơi đây có truyền thống văn hóa lâu đời, tinh thần hiếu học và khả năng thích ứng nhanh với cơ chế thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho chuyển dịch cơ cấu lao động, phát triển công nghiệp và dịch vụ. Tuy nhiên, vùng cũng đang đối mặt với áp lực dân số đô thị tăng nhanh, thiếu hụt lao động trẻ ở nông thôn do di cư, và những thách thức trong quản lý dân cư gắn với phát triển bền vững.

*\* Đặc điểm văn hóa - xã hội*

Vùng ĐBSH là một trong những trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội quan trọng bậc nhất của cả nước, nơi hội tụ và kết tinh nhiều giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc Việt Nam. Đây là cái nôi của nền văn minh lúa nước, nơi hình thành văn hóa sông Hồng, một nền văn hóa nông nghiệp điển hình, gắn bó chặt chẽ với không gian sinh thái đồng bằng, hệ thống sông ngòi, làng xã. Từ đó, cư dân vùng này đã phát triển một hệ thống tín ngưỡng dân gian phong phú, với các nghi lễ nông nghiệp, lễ hội truyền thống mang đậm dấu ấn tư duy phồn thực và quan niệm “thiên - địa - nhân” hòa hợp.

Cấu trúc xã hội truyền thống của vùng được tổ chức chặt chẽ theo mô hình làng xã, nơi có tính tự trị cao, với các thiết chế văn hóa - xã hội như đình làng, hương ước, lệ làng. Tính cộng đồng, tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái trong không gian làng xã không chỉ giúp bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, mà còn tạo nên nền tảng xã hội ổn định và bền vững. Đồng thời, vùng ĐBSH cũng nổi bật với truyền thống hiếu học, trọng tri thức và tôn vinh đạo lý, là nơi sản sinh nhiều anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa, nhà khoa bảng nổi tiếng, góp phần định hình bản sắc văn hóa tinh thần dân tộc.

Bên cạnh đó, đời sống tín ngưỡng và tôn giáo ở ĐBSH hết sức đa dạng,

thể hiện qua sự hòa quyện giữa thờ Mẫu, thờ Thành hoàng làng, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên với Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo. Sự đa tầng trong đức tin không chỉ tạo nên tính phong phú của văn hóa tâm linh mà còn củng cố đời sống tinh thần của cộng đồng cư dân. Đồng bằng sông Hồng còn là cái nôi của nhiều loại hình nghệ thuật dân gian đặc sắc như chèo, quan họ, ca trù, múa rối nước, cùng với hệ thống làng nghề thủ công truyền thống lâu đời, tất cả tạo nên một không gian văn hóa phong phú, sâu sắc và độc đáo.

Tuy nhiên, trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, văn hóa - xã hội vùng ĐBSH đang có nhiều biến đổi. Tốc độ đô thị hóa nhanh, sự lan tỏa của văn hóa đại chúng, sự thay đổi trong cấu trúc dân cư và mô hình kinh tế - xã hội đã và đang đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống song song với tiếp nhận và hình thành các giá trị mới. Do đó, việc nhận diện đúng đặc điểm văn hóa - xã hội của vùng không chỉ có ý nghĩa trong công tác quy hoạch phát triển văn hóa, mà còn là cơ sở để hoạch định chiến lược xây dựng con người và cộng đồng văn hóa phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững trong thời kỳ mới.

*\* Đặc điểm quốc phòng, an ninh*

Vùng ĐBSH có vị trí đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh, là địa bàn trọng yếu bảo vệ Thủ đô Hà Nội - trung tâm chính trị, hành chính quốc gia và là nơi đặt trụ sở các cơ quan đầu não của Đảng, Nhà nước, Quân đội. Khu vực này tiếp giáp với vùng biển phía Bắc, có hệ thống cảng biển quan trọng như Hải Phòng, cửa khẩu quốc tế và tuyến đường thủy, đường bộ huyết mạch, dễ bị tác động bởi các yếu tố an ninh phi truyền thống như buôn lậu, di cư trái phép, tội phạm mạng... Các địa phương trong vùng như Quảng Ninh, Hải Phòng, Hà Nam còn là địa bàn chiến lược trong bố trí thế trận phòng thủ khu vực, với hệ thống căn cứ quân sự, quốc phòng vững chắc. Trong những năm qua, các cấp ủy, chính quyền đã chú trọng xây dựng nền quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh; tổ chức tốt diễn tập

khu vực phòng thủ, nâng cao năng lực ứng phó với các tình huống an ninh truyền thống và phi truyền thống. Tuy nhiên, các tỉnh, thành phố trong vùng vẫn đối mặt với một số thách thức như diễn biến phức tạp của tội phạm công nghệ cao, khiếu kiện đông người và tác động của đô thị hóa đến ổn định an ninh trật tự ở các khu vực ven đô.

### **2.1.2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng - Khái niệm, vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy, đặc điểm**

#### **2.1.2.1. Khái niệm ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng**

Theo Điều 6, Luật Tổ chức chính quyền địa phương đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 16/6/2025, quy định:

1. Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra, là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật và nghị quyết của Hội đồng nhân dân ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương, Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.

2. Nhiệm kỳ của UBND ở cấp chính quyền địa phương theo nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân cùng cấp. Khi Hội đồng nhân dân hết nhiệm kỳ, UBND tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Hội đồng nhân dân khóa mới bầu ra UBND khóa mới [95].

Như vậy, có thể quan niệm, *ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng do hội đồng nhân dân cấp tỉnh bầu ra, là cơ quan chấp hành của hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, có chức năng, nhiệm vụ cơ bản là tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của hội đồng nhân dân cấp tỉnh, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương, hội đồng nhân dân cùng cấp và Chính phủ về*

*những hoạt động của mình. Nhiệm kỳ của ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo nhiệm kỳ của hội đồng nhân dân cùng cấp.*

*Về nguyên tắc làm việc:* UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH làm việc tập thể theo nguyên tắc tập trung dân chủ, vừa bảo đảm phát huy vai trò lãnh đạo của tập thể UBND, vừa đề cao trách nhiệm cá nhân của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Ủy viên UBND cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng ĐBSH giải quyết công việc theo quy định của pháp luật, sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; bảo đảm sự lãnh đạo của cấp uỷ cấp tỉnh và sự giám sát của hội đồng nhân dân (HĐND) cấp tỉnh.

#### ***2.1.2.2. Vị trí, vai trò của ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng***

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng ĐBSH là loại hình cơ quan hành chính nhà nước địa phương được lập ở cấp tỉnh, trong mô hình chính quyền địa phương. Theo đó, UBND tỉnh do HĐND tỉnh bầu ra để tổ chức thi hành các quyết định của HĐND tỉnh và chính sách, pháp luật, văn bản của cấp trên. HĐND tỉnh là cơ quan ra quyết định và UBND tỉnh là cơ quan có trách nhiệm triển khai, thực hiện quyết định đó trong thực tiễn. Ủy ban nhân dân tỉnh không phải là cơ quan quyết định về các vấn đề của địa phương, nhưng UBND tỉnh có thể đề xuất hoặc tham mưu HĐND tỉnh trong quá trình thảo luận, ra quyết định các vấn đề về phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh và thực hiện các chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

*Ủy ban nhân dân tỉnh vùng ĐBSH có vai trò như sau:*

*Một là,* UBND cấp tỉnh bảo đảm việc thực hiện nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước ở địa phương

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng ĐBSH là cơ quan tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật, các chương trình, kế hoạch công tác của Chính phủ ở địa phương; triển khai, tổ chức thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh và thực hiện các nhiệm vụ do Chính phủ giao. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng ĐBSH

tổ chức thi hành đưa Hiến pháp và pháp luật vào đời sống nhà nước và đời sống xã hội, làm cho Hiến pháp và pháp luật sau khi ban hành có hiệu lực thực thi trong thực tế. Trên cơ sở các nghị quyết của HĐND cấp tỉnh, UBND cấp tỉnh chủ trì trong việc tham mưu, phối hợp, ban hành, triển khai, thực hiện các nghị quyết của HĐND cấp tỉnh. tạo chuyển biến tích cực trong công tác đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách trên địa bàn tỉnh.

*Hai là*, hoạt động của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH quyết định chất lượng việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... trên địa bàn tỉnh.

Chất lượng hoạt động của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH biểu hiện qua kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, kết quả việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, đơn vị là căn cứ quan trọng để cấp có thẩm quyền xem xét đánh giá chất lượng hoạt động của UBND cấp tỉnh, trách nhiệm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu UBND cấp tỉnh, các cơ quan tham mưu, giúp việc của UBND tỉnh.

Trên cơ sở hoạt động của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH xác định được mức độ đạt yêu cầu về chất lượng hoạt động; đồng thời có cơ sở khoa học để đề ra các giải pháp phát huy những mặt tích cực, khắc phục những hạn chế nhằm nâng cao trách nhiệm của tập thể UBND cấp tỉnh, của cán bộ, công chức UBND tỉnh trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, quyết định đến chất lượng việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, các chương trình, kế hoạch phát triển KT-XH, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... trên địa bàn tỉnh.

*Ba là*, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH trực tiếp xây dựng tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và cơ quan thuộc UBND tỉnh hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức của UBND tỉnh có phẩm chất, trình độ, năng lực cao đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng ĐBSH trực tiếp xây dựng tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức của UBND tỉnh có vai trò quan trọng trong việc tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thu hút những người có đức, có tài vào hoạt động công vụ trong các cơ quan đảng, nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội, đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, tiết kiệm, giảm chi thường xuyên, cải cách chính sách tiền lương.

Có vai trò trực tiếp thực thi chính sách xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ nhằm đánh giá, phân loại tổ chức, đội ngũ cán bộ nhằm đạt được mục tiêu là giảm số lượng, nâng cao chất lượng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức thuộc UBND tỉnh. Có chính sách tuyển dụng những người có trình độ chuyên môn cao, năng lực đặc biệt trong thực thi công vụ, có đức, có tài vào hoạt động công vụ trong các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của UBND tỉnh, tiết kiệm, giảm chi thường xuyên, cải cách chính sách tiền lương.

*Bốn là*, UBND cấp tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo và bảo đảm cho hoạt động của UBND cấp xã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ

UBND cấp tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động của UBND cấp xã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật: rà soát, đánh giá tình hình thực tiễn để thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật phù hợp theo từng ngành, lĩnh vực, địa bàn để tăng tốc, nỗ lực, quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, góp phần thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

Theo đó, với vai trò của mình, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động của UBND cấp xã triển khai kịp thời các Nghị quyết đã được HĐND cấp tỉnh, cấp xã thông qua, các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh

nhất là kế hoạch về phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã. Trên cơ sở hướng dẫn, chỉ đạo của UBND cấp tỉnh, UBND cấp xã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước ở cấp xã theo đúng quy định của pháp luật.

***2.1.2.3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng***

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH được quy định như sau:

*\* Về chức năng*

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng ĐBSH thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh, góp phần bảo đảm sự chỉ đạo, quản lý thống nhất trong bộ máy hành chính nhà nước từ Trung ương tới cơ sở.

*\* Về nhiệm vụ, quyền hạn*

Căn cứ các Điều 15 và Điều 16, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH có những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau:

*Một là*, thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng ĐBSH tổ chức thi hành đưa Hiến pháp và pháp luật vào đời sống nhà nước và đời sống xã hội, làm cho Hiến pháp và pháp luật sau khi ban hành có hiệu lực thực thi trong thực tế. Trên cơ sở các nghị quyết của HĐND cấp tỉnh, UBND cấp tỉnh chủ trì trong việc tham mưu, phối hợp, ban hành, triển khai, thực hiện các nghị quyết của HĐND cấp tỉnh, tạo chuyển biến tích cực trong công tác đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện nhiệm vụ về xây dựng chính quyền và địa giới hành chính, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, lao động, chính sách xã hội, dân tộc, tôn giáo, quốc phòng, an ninh, trật

tự, an toàn xã hội, hành chính tư pháp, bổ trợ tư pháp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

*Hai là*, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH xây dựng, trình HĐND cấp tỉnh quyết định các nội dung về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng ĐBSH xây dựng, trình HĐND cấp tỉnh quyết định các nội dung về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và Pháp luật; trong xây dựng chính quyền; trong lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, môi trường; trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao; trong lĩnh vực y tế, lao động và thực hiện chính sách xã hội; trong công tác dân tộc, tôn giáo; trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

*Ba là*, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH quy định tổ chức bộ máy và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng ĐBSH có nhiệm vụ ban hành quy định về tổ chức bộ máy và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước của UBND cấp tỉnh và sự thống nhất, thông suốt, quản lý ngành, lĩnh vực công tác từ t đến cơ sở; tinh gọn, hợp lý, hiệu lực, hiệu quả, tổ chức sở quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; không nhất thiết ở Trung ương có bộ, cơ quan ngang bộ thì cấp tỉnh có tổ chức tương ứng. Đồng thời, phải đảm bảo phù hợp với điều kiện tự nhiên, dân số, tình hình phát triển kinh tế-xã hội của từng địa phương và yêu cầu cải cách hành chính Nhà nước; không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn với các tổ chức thuộc bộ, cơ quan ngang bộ đặt tại địa phương.

*Bốn là*, tổ chức thực hiện ngân sách của tỉnh, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời xây dựng và triển khai các chương trình, dự án, đề án

đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng ĐBSH có trách nhiệm ban hành văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện ngân sách và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, trong đó xác định rõ quan điểm, trọng tâm chỉ đạo để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra. Trong quá trình lãnh đạo, UBND cấp tỉnh phải đảm bảo triển khai toàn diện các lĩnh vực phù hợp với thực tiễn địa phương như: phát triển công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, mạng lưới giao thông, thủy lợi; quản lý, sử dụng đất đai, rừng núi, sông hồ, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi vùng biển, vùng trời và các tài nguyên thiên nhiên khác; đồng thời tổ chức các biện pháp phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường trong phạm vi thẩm quyền. Bên cạnh đó, UBND cấp tỉnh có nhiệm vụ xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, đề án gắn với 03 chương trình mục tiêu quốc gia: phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới. Việc cụ thể hóa yêu cầu của Quốc hội, Chính phủ được thực hiện trên cơ sở phân cấp, trao quyền cho cấp tỉnh, nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt trong quản lý và tổ chức thực hiện; đồng thời phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng khó khăn trong lập kế hoạch, tổ chức thực hiện cũng như giám sát các chương trình, đề án của tỉnh.

*Năm là*, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước ở Trung ương phân cấp, ủy quyền

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng ĐBSH thực hiện nhiệm vụ quyền hạn do cơ quan nhà nước ở Trung ương phân cấp, phân quyền được quy định trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025 (được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ 9 thông qua ngày 18/02/2025), Luật Tổ chức chính quyền địa phương

(được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 16/6/2025) và các văn bản luật liên quan. Theo đó, UBND cấp tỉnh được các cơ quan nhà nước ở Trung ương phân quyền, phân cấp để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn giúp việc quản lý được rõ ràng, rành mạch và hiệu quả, bảo đảm việc phân giao nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với chức năng, thẩm quyền và điều kiện ở UBND cấp tỉnh.

*Sáu là*, phân cấp, ủy quyền cho UBND cấp dưới, cơ quan, tổ chức khác thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng ĐBSH tiến hành phân cấp, ủy quyền cho UBND cấp dưới và các cơ quan, tổ chức khác được thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của UBND cấp tỉnh được quy định trong Luật Tổ chức chính quyền địa phương (được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 16/6/2025) và các văn bản luật liên quan. Theo đó, UBND cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tiễn quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh để phân cấp, phân quyền cho UBND cấp xã quản lý, giải quyết theo chức năng quản lý nhà nước để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn giúp việc quản lý một số nội dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh được rõ ràng, rành mạch và hiệu quả, bảo đảm việc phân giao nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với chức năng, thẩm quyền và điều kiện ở UBND cấp dưới.

Như vậy, mặc dù là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, nhưng UBND cấp tỉnh không chỉ làm chức năng quản lý hành chính, mà còn thực hiện nhiều chức năng, nhiệm vụ khác, đặc biệt là các nhiệm vụ phát triển KT-XH, quốc phòng, an ninh, đối ngoại...

#### ***2.1.2.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy của ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng***

*\* Số lượng, cơ cấu ủy viên ủy ban nhân dân tỉnh*

Ủy ban nhân dân tỉnh gồm chủ tịch, các phó chủ tịch, các ủy viên UBND tỉnh gồm các ủy viên là người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc

UBND tỉnh, ủy viên phụ trách quân sự (chỉ huy trưởng bộ chỉ huy quân sự tỉnh), ủy viên phụ trách công an (giám đốc công an tỉnh).

Căn cứ theo Điều 5, Nghị định số 300/2025/NĐ-CP ngày 17/11/2025 của Chính phủ quy định khung số lượng phó chủ tịch UBND, số lượng phó chủ tịch UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH được quy định cụ thể như sau: Thành phố Hà Nội có không quá 05 phó chủ tịch; Thành phố Hải Phòng (hình thành do sắp xếp 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh) có không quá 06 phó chủ tịch; tỉnh Quảng Ninh có không quá 04 phó chủ tịch; các tỉnh Hưng Yên, Ninh Bình, Bắc Ninh có không quá 06 phó chủ tịch.

*\* Các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng ĐBSH*

Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Theo đó, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh gồm có sở và cơ quan tương đương sở. Các sở được tổ chức thống nhất ở các địa phương gồm: Sở Nội vụ; Sở Tư pháp; Sở Tài chính; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Thanh tra tỉnh; Văn phòng UBND. Ngoài ra, các sở đặc thù chỉ được thành lập tại một số địa phương khi đáp ứng đủ điều kiện gồm: Sở Ngoại vụ; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Du lịch. Riêng ở Thành phố Hà Nội có thể thành lập thêm Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

#### ***2.1.2.5. Đặc điểm của ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng***

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng ĐBSH là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, đồng thời là cơ quan chấp hành của HĐND tỉnh, hoạt động trong điều kiện đặc thù của một vùng có vị trí chiến lược, dân số đông, mật độ đô thị hóa cao, trình độ phát triển kinh tế - xã hội dẫn đầu cả nước. Trên cơ sở đó, UBND cấp tỉnh trong vùng mang những đặc điểm sau:

*Một là*, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH hoạt động trong điều kiện địa bàn có vị trí địa - chính trị, địa - kinh tế đặc biệt quan trọng, mang tính chiến lược đối với cả nước.

Vùng ĐBSH là nơi hội tụ trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội lớn nhất cả nước, trong đó có Thủ đô Hà Nội - trái tim của cả nước; có các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giữ vai trò động lực phát triển như Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hưng Yên... Đây cũng là địa bàn có vị trí đặc biệt về quốc phòng, an ninh, vừa là “phên dậu” bảo vệ trung tâm chính trị, vừa là cửa ngõ giao thương quốc tế với vùng biển Đông Bắc. Điều kiện địa - kinh tế và địa - chính trị này làm cho UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH phải đảm nhiệm khối lượng công việc lớn hơn, phức tạp hơn so với nhiều địa bàn khác. UBND cấp tỉnh ở đây không chỉ giải quyết những vấn đề quản lý thông thường mà còn gánh trách nhiệm tham gia xử lý các vấn đề có tầm ảnh hưởng quốc gia và khu vực. Do vậy, yêu cầu đặt ra là hoạt động của UBND cấp tỉnh phải mang tính toàn diện, bao quát, nhạy bén, vừa giải quyết kịp thời các vấn đề cụ thể, vừa hoạch định các chính sách dài hạn bảo đảm cho sự phát triển bền vững và ổn định.

*Hai là*, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH thực thi chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn có quy mô dân số đông, mật độ dân cư cao, tốc độ đô thị hóa nhanh, với nhu cầu đa dạng và ngày càng gia tăng về dịch vụ công.

Đồng bằng sông Hồng là khu vực có mật độ dân số cao nhất cả nước, tốc độ đô thị hóa đứng trong nhóm nhanh nhất, trình độ dân trí và đời sống vật chất - tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao. Điều đó đồng nghĩa với yêu cầu, đòi hỏi của người dân về chất lượng dịch vụ hành chính công, y tế, giáo dục, hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường... ngày càng cao. Đây là thách thức lớn đối với UBND cấp tỉnh, bởi nếu không kịp thời cải cách hành chính, nâng cao chất lượng quản lý và điều hành thì dễ dẫn đến khoảng cách giữa mong muốn, kỳ vọng của nhân dân và hiệu quả quản lý của chính

quyền. Áp lực này buộc UBND cấp tỉnh trong vùng phải đổi mới mạnh mẽ cả về tư duy quản lý, phương thức điều hành, đồng thời xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất, năng lực, phong cách phục vụ nhân dân.

*Ba là*, cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH vừa tuân thủ quy định thống nhất của Chính phủ, vừa mang tính linh hoạt để phù hợp với đặc thù phát triển của từng địa phương.

Bộ máy UBND cấp tỉnh được tổ chức thống nhất từ trung ương đến địa phương, song ở Đồng bằng sông Hồng, sự đa dạng về cơ cấu kinh tế (công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao...), điều kiện tự nhiên (vùng biển, vùng đồng bằng, vùng trung du) đòi hỏi cách thức vận dụng cơ chế, chính sách có sự linh hoạt, sáng tạo. Điều này thể hiện ở việc UBND cấp tỉnh phân công, phân cấp, ủy quyền rõ ràng cho các sở, ngành; kết hợp hài hòa giữa tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách; vừa bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, vừa khuyến khích tính chủ động, sáng kiến trong từng lĩnh vực. Sự linh hoạt đó giúp UBND cấp tỉnh xử lý kịp thời, hiệu quả nhiều vấn đề phức tạp nảy sinh từ thực tiễn, đồng thời vẫn giữ được tính thống nhất của hệ thống hành chính nhà nước.

*Bốn là*, trong quá trình thực thi chức năng, nhiệm vụ, vai trò của Chủ tịch UBND tỉnh nổi bật và có tính quyết định hơn so với tập thể UBND tỉnh

Về lý luận, khó có thể khẳng định vai trò của tập thể hay cá nhân là quan trọng hơn, nhưng trong thực tiễn, công việc chấp hành, điều hành mang tính hành động cụ thể khiến Chủ tịch UBND tỉnh trở thành trung tâm của hoạt động quản lý nhà nước ở địa phương. Chủ tịch UBND tỉnh là người trực tiếp ký các quyết định, chỉ đạo điều hành, chịu trách nhiệm trước Chính phủ và nhân dân về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Chính vì vậy, vai trò, phong cách lãnh đạo, năng lực điều hành của Chủ tịch UBND tỉnh có ảnh hưởng sâu sắc đến hiệu quả hoạt động của cả bộ máy UBND. Tuy nhiên, cần khẳng định rằng quyền

lực của Chủ tịch UBND tỉnh không phải là tuyệt đối, mà luôn đặt trong khuôn khổ pháp luật, chịu sự kiểm soát của tập thể UBND và sự giám sát của HĐND cùng cấp.

*Năm là*, hoạt động của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH chịu sự chi phối và tác động đan xen của nhiều nhân tố khách quan và chủ quan trong bối cảnh đổi mới và hội nhập.

Các nhân tố khách quan như toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự dịch chuyển của dòng vốn đầu tư, các thách thức về biến đổi khí hậu, an ninh phi truyền thống... đang đặt ra yêu cầu mới cho hoạt động quản lý nhà nước ở địa phương. Bên cạnh đó, các nhân tố chủ quan như yêu cầu tinh gọn bộ máy, cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, phát triển kinh tế tri thức... cũng tác động mạnh mẽ đến phương thức hoạt động của UBND cấp tỉnh. Điều này buộc UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH phải có tầm nhìn chiến lược, năng lực dự báo, khả năng thích ứng linh hoạt, đồng thời phải đổi mới phương thức điều hành theo hướng hiện đại, minh bạch, hiệu quả, gần dân và vì dân.

### **2.1.3. Đặc điểm nhân dân các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng**

Đặc điểm nhân dân vùng ĐBSH là yếu tố nền tảng có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả CTDV của UBND các tỉnh, thành phố trong khu vực. Từ bề dày lịch sử - văn hóa, truyền thống xã hội đến đặc trưng tư duy, lối sống và trình độ dân trí, mỗi đặc điểm đều vừa là nguồn lực quan trọng, vừa đặt ra những yêu cầu, thách thức riêng trong quá trình vận động nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Có thể khái quát một số đặc điểm nổi bật sau:

*Một là*, nhân dân các tỉnh vùng ĐBSH giàu truyền thống lịch sử và ý chí cách mạng, với bản sắc văn hóa đặc trưng và bền vững

Nhân dân các tỉnh vùng ĐBSH sinh sống trên vùng đất được coi là cái nôi hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam - nơi khởi nguyên của nền

văn minh sông Hồng và Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc xưa. Trong suốt chiều dài lịch sử, cư dân vùng này không chỉ tạo dựng được một nền văn hóa vật chất và tinh thần phong phú, đặc sắc, mà còn là lực lượng nòng cốt trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng đất nước. Truyền thống văn hóa lâu đời được kết tinh và lưu truyền qua các thiết chế xã hội như gia đình, dòng họ, làng xã, thông qua phong tục, tập quán, lễ hội và tín ngưỡng dân gian, tạo nên bản sắc ổn định, đậm đà và riêng biệt. Đồng thời, ý chí cách mạng, lòng yêu nước, tinh thần tự lực, tự cường cũng là những giá trị cốt lõi in đậm trong đời sống xã hội, góp phần hình thành nên bản lĩnh chính trị và ý thức công dân sâu sắc của người dân vùng này. Chính những yếu tố đó đã trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, tạo điều kiện thuận lợi để UBND các tỉnh triển khai CTDV gắn với phát huy truyền thống yêu nước và khơi dậy tinh thần tự hào, trách nhiệm cộng đồng trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị - xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những giá trị tích cực, truyền thống lâu đời cũng tiềm ẩn những lực cản nhất định như tư tưởng gia trưởng, bảo thủ, lệ làng, thói quen hành xử mang tính cảm tính... nếu không được nhận diện và điều chỉnh phù hợp, sẽ trở thành rào cản trong vận động nhân dân đổi mới nhận thức và hành vi.

*Hai là*, nhân dân vùng ĐBSH có tính cộng đồng sâu sắc, đời sống xã hội tổ chức theo thiết chế làng xã - dòng họ

Tính cộng đồng là đặc trưng nổi bật và bền vững trong đời sống nhân dân vùng ĐBSH, bắt nguồn từ điều kiện sản xuất nông nghiệp lúa nước đòi hỏi sự hợp tác, tương hỗ cao giữa các cá nhân, dòng họ và cộng đồng làng xã. Các mối quan hệ xã hội không chỉ hình thành trên cơ sở huyết thống mà còn được gắn bó bởi địa vực cư trú và lợi ích sản xuất chung. Không gian xã hội của cư dân nơi đây được cấu trúc theo hai chiều: chiều ngang là các quan hệ xóm giềng, gắn kết với nhau trong cộng đồng làng xã; chiều dọc là các quan hệ huyết tộc, được tổ chức trong thiết chế gia đình - dòng họ, với sự đề cao

vai trò của người cao tuổi, trưởng họ, từ đường và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Đời sống văn hóa cộng đồng thấm đẫm tinh thần “tình làng nghĩa xóm”, “một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ”, vừa bảo đảm tính ổn định, vừa phát huy hiệu quả trong việc huy động sức mạnh tập thể để giải quyết các vấn đề xã hội. Đối với CTDV, đặc điểm này tạo điều kiện để các cấp chính quyền tận dụng vai trò trung gian, dẫn dắt của các cá nhân có uy tín trong cộng đồng để truyền tải thông tin, tạo đồng thuận, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tuy nhiên, nếu không thấu hiểu đầy đủ cấu trúc cộng đồng này, CTDV có thể bị chệch hướng hoặc vấp phải sự thờ ơ, thiếu phối hợp do không đúng kênh tiếp cận truyền thống.

*Ba là*, nhân dân các tỉnh vùng ĐBSH có cách nhìn tổng hợp, linh hoạt, hành xử thích ứng cao với biến động tự nhiên và xã hội

Cách nhìn tổng hợp, linh hoạt là đặc điểm hình thành từ chính điều kiện sinh tồn khắc nghiệt của người nông dân vùng ĐBSH, nơi sản xuất nông nghiệp phụ thuộc sâu sắc vào thiên nhiên. Việc phải đối mặt thường xuyên với những thay đổi khó lường của thời tiết và mùa vụ buộc người dân quan sát tỉ mỉ, suy xét cẩn thận và hành xử linh hoạt để thích nghi. Lối sống và cách nhìn này được kết tinh trong những câu tục ngữ, ca dao giàu kinh nghiệm như: “trông trời, trông đất, trông mây”, “được mùa lúa, úa mùa cau”, “trong rủi có may, trong họa có phúc”, thể hiện khả năng đánh giá các mối quan hệ trong tổng thể và điều chỉnh hành vi theo hoàn cảnh. Trên bình diện xã hội, cư dân vùng này có xu hướng hành xử linh hoạt, đề cao hòa khí và khả năng thích ứng, tránh đối đầu trực diện, thể hiện qua các quan niệm sống như “dĩ hòa vi quý”, “một sự nhịn bằng chín sự lành”. Đặc điểm này không chỉ giúp người dân dễ tiếp thu những đổi mới trong đời sống chính trị - xã hội, mà còn tạo điều kiện để chính quyền các cấp triển khai hiệu quả các nội dung dân vận, nếu biết lựa chọn phương thức truyền thông mềm dẻo, kết hợp lý lẽ với tình cảm và phù hợp với đặc điểm tiếp nhận của cộng đồng.

*Bốn là*, nhân dân các tỉnh vùng ĐBSH có truyền thống tự trị làng xã và xu hướng ổn định trong tổ chức đời sống xã hội

Truyền thống tự trị làng xã là kết quả của quá trình hình thành xã hội nông nghiệp cổ truyền trên nền tảng không gian cư trú biệt lập, khép kín, với biểu tượng “lũy tre làng” vừa mang tính phòng thủ, vừa biểu trưng cho tính độc lập và tự chủ của mỗi đơn vị làng xã. Cơ cấu tổ chức đời sống xã hội trong làng có tính ổn định cao, thể hiện qua việc duy trì lâu dài các thiết chế như hương ước, lệ làng - những quy phạm xã hội được thừa nhận và thực thi mạnh mẽ không kém gì pháp luật nhà nước. Trong phạm vi hộ gia đình, người dân đề cao lối sống ổn định, tiết kiệm, với mô hình kinh tế tự cung, tự cấp kiểu “vườn - ao - chuồng”, và triết lý sống “ăn chắc mặc bền”, phản ánh nhu cầu an toàn và kiểm soát tương lai. Mô hình “tậu trâu, cưới vợ, làm nhà” là hình ảnh biểu trưng cho quá trình định cư và ổn định cuộc sống của mỗi cá nhân trong cộng đồng. Đặc điểm này là nền tảng quan trọng để bảo đảm tính ổn định chính trị - xã hội trong quá trình phát triển kinh tế thị trường, đồng thời đặt ra yêu cầu đối với CTDV là phải tôn trọng các giá trị truyền thống và tiếp cận người dân trên cơ sở đối thoại, thuyết phục, tránh can thiệp thô bạo vào không gian tự trị vốn tồn tại bền vững và có ảnh hưởng sâu sắc tới đời sống cộng đồng.

*Năm là*, nhân dân các tỉnh vùng ĐBSH có trình độ dân trí cao, tiếp thu nhanh tiến bộ khoa học - công nghệ, nhưng sự phát triển chưa đồng đều giữa các địa phương và nhóm dân cư

Nhân dân vùng ĐBSH có điều kiện thuận lợi trong tiếp cận giáo dục, đào tạo và thông tin - truyền thông hiện đại, do đây là địa bàn tập trung nhiều trung tâm giáo dục - khoa học - công nghệ hàng đầu cả nước, đặc biệt tại các đô thị lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định. Tỷ lệ người dân có trình độ học vấn phổ thông và sau phổ thông ở mức cao; khả năng tiếp cận công nghệ, kỹ thuật mới, cũng như năng lực hội nhập và phân biện xã hội ở một bộ phận

người dân rất rõ nét. Tuy nhiên, sự phát triển chưa đồng đều giữa các địa phương trong vùng, giữa khu vực thành thị và nông thôn, giữa các nhóm dân cư khiến cho khoảng cách về trình độ, thu nhập và cơ hội tiếp cận dịch vụ công vẫn còn tồn tại. Đây vừa là thuận lợi, vừa là thách thức cho công tác dân vận của UBND cấp tỉnh. Một mặt, lực lượng cán bộ dân vận có thể khai thác lợi thế dân trí cao để phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của người dân trong thực hiện nhiệm vụ chính trị - xã hội; mặt khác, cần xây dựng chiến lược dân vận phù hợp với từng nhóm đối tượng, tránh cách tiếp cận đại trà, đồng loạt, để không làm gia tăng sự phân hóa hoặc gây ra cảm giác bị bỏ lại phía sau trong một bộ phận nhân dân.

*Sáu là, nhân dân vùng ĐBSH có tinh thần hiếu học, trọng tri thức và đề cao giá trị học vấn trong thiết lập vị thế xã hội*

Một đặc điểm nổi bật và bền vững của nhân dân vùng ĐBSH là tinh thần hiếu học, coi trọng tri thức và học vấn như con đường chính đáng để khẳng định vị thế cá nhân và danh giá gia đình - dòng họ trong cộng đồng. Từ thời phong kiến, đây là vùng đất sản sinh nhiều nhà khoa bảng, trí thức lớn của dân tộc, với hệ thống đình, chùa, văn miếu, văn chỉ được xây dựng để tôn vinh đạo học và nuôi dưỡng khát vọng vươn lên bằng con đường học hành. Nhiều địa phương trong vùng như Ninh Bình, Bắc Ninh, Hưng Yên... nổi tiếng với truyền thống “khoa bảng”, “đất học”, nơi mà người dân sẵn sàng bán ruộng, đổi trâu, gom góp tiền bạc để cho con em “ra tỉnh ăn học”, “thi đỗ làm quan”, như một niềm tự hào và trọng trách dòng tộc. Truyền thống đó không chỉ tồn tại trong ký ức cộng đồng mà vẫn tiếp tục được duy trì, thể hiện rõ trong việc người dân vùng này đầu tư mạnh mẽ cho giáo dục, học tập suốt đời, và theo đuổi các chuẩn mực văn hóa học vấn, bất kể hoàn cảnh kinh tế hay vị trí địa lý.

Trong bối cảnh hiện nay, tinh thần hiếu học và trọng tri thức trở thành động lực nội sinh thúc đẩy đổi mới tư duy, tiếp cận khoa học - công nghệ và

hội nhập quốc tế. Đồng thời, đây cũng là nền tảng để chính quyền các cấp triển khai hiệu quả CTDV thông qua các kênh tiếp cận lý tính, dựa trên đối thoại, tuyên truyền có chiều sâu, thông tin minh bạch và tôn trọng phân biệt xã hội. Tuy nhiên, nếu không đi kèm với chính sách phát triển công bằng giữa các khu vực, tinh thần hiếu học có thể dẫn đến áp lực bằng cấp hình thức, tình trạng “chạy theo thành tích” trong giáo dục, hoặc di cư tri thức khỏi địa phương, gây thiếu hụt nhân lực chất lượng cao tại chỗ. trong quá trình tiến hành CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH.

## **2.2. DÂN VẬN VÀ CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

### **2.2.1. Dân vận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng - Khái niệm, nội dung, phương thức**

#### ***2.2.1.1. Khái niệm***

##### *\* Khái niệm dân vận*

“Dân vận” là một khái niệm có nội hàm phong phú, được nhìn nhận và phát triển qua nhiều hệ thống lý luận khác nhau. Theo cuốn *Từ điển tiếng Việt* của Hoàng Phê, “dân vận” là “tuyên truyền, vận động nhân dân” [87, tr.188]. Khái niệm này nhấn mạnh vào hai nội dung cơ bản của hoạt động dân vận: tuyên truyền - làm cho nhân dân hiểu và vận động - làm cho nhân dân làm theo. Như vậy, dân vận là một quá trình định hướng, thúc đẩy nhận thức và hành động của quần chúng theo đường lối, chính sách được đề ra bởi chủ thể lãnh đạo. Tuy mang tính khái quát, cách hiểu này vẫn chỉ mới phản ánh dân vận dưới góc độ hành chính - chính trị, còn thiên về vai trò của chủ thể trong việc tác động đến đối tượng nhân dân, mà chưa thể hiện đầy đủ tính chất tương tác, đối thoại và phát huy vai trò chủ thể tích cực của người dân.

Trong hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, khái niệm “dân vận” không được nêu dưới một thuật ngữ riêng biệt nhưng lại được hàm chứa trong quan điểm về vai trò lịch sử của quần chúng nhân dân và mối quan hệ giữa

giai cấp tiên phong với quần chúng cách mạng. Chủ nghĩa Mác - Lênin xác định quần chúng là lực lượng sáng tạo ra lịch sử, là chủ thể vật chất của mọi biến đổi xã hội. Từ đó, có thể hiểu “dân vận” là hoạt động có tính chiến lược nhằm thức tỉnh, giác ngộ, tổ chức và dẫn dắt quần chúng trở thành lực lượng tự giác tham gia sự nghiệp cách mạng, dưới sự lãnh đạo của đội tiên phong. Khác với tuyên truyền đơn thuần, dân vận theo tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin là sự kết hợp giữa niềm tin vào nhân dân và nghệ thuật phát hiện, tổ chức, dẫn dắt sức mạnh nhân dân - “biến niềm tin thành hành động”, “biến ý chí của giai cấp thành ý chí xã hội”. Quan niệm này đặt nền tảng tư tưởng, lý luận cho toàn bộ hệ thống quan điểm về dân vận trong các thời kỳ cách mạng, đặc biệt là khi Đảng giữ vai trò lãnh đạo nhà nước và xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đã nêu lên một hệ thống quan niệm toàn diện và sâu sắc về dân vận (vận động quần chúng) ở tất cả các chiều cạnh. Người cho rằng, dân vận tức là “vận động tất cả lực lượng của mỗi một người dân không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân, để thực hành những công việc nên làm, những công việc Chính phủ và Đoàn thể đã giao cho” [81. tr.232]. Như vậy, dân vận hay vận động quần chúng là những từ đồng nghĩa, nói đến dân vận là nói đến vận động quần chúng, và ngược lại, nói đến vận động quần chúng cũng chính là nói đến dân vận.

Quan niệm nêu trên của Hồ Chí Minh đã chỉ rõ đối tượng, mục đích, nội dung và cách thực hiện dân vận như sau:

Đối tượng của dân vận là toàn thể nhân dân, “không để sót một người nào”. Điều đó có nghĩa là dân vận phải bao trùm mọi tầng lớp, mọi cá nhân trong xã hội.

Mục đích của dân vận là tập hợp, đoàn kết và biến sức mạnh tiềm tàng của nhân dân thành lực lượng to lớn, thống nhất để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội mà Đảng, Chính phủ và các đoàn thể đã đề ra.

Nội dung vận động theo Người là hướng dẫn và tổ chức nhân dân tham

gia những “công việc nên làm”, gắn với lợi ích thiết thực của họ, đồng thời phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong từng giai đoạn.

Cách thức dân vận Người nhấn mạnh là “vận động tất cả lực lượng”. Dân vận không phải áp đặt hay mệnh lệnh từ trên xuống, mà là quá trình thuyết phục, khơi dậy, tập hợp, gắn kết và phát huy nội lực của nhân dân. Cách vận động này đòi hỏi cán bộ dân vận phải gần dân, hiểu dân, tôn trọng và lắng nghe dân, dùng lời nói dễ hiểu, việc làm gương mẫu để dẫn dắt.

Điều đặc biệt trong quan niệm của Người là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận cách mạng và thực tiễn văn hóa dân tộc. Người nhấn mạnh nguyên lý “lấy dân làm gốc”, coi dân là “người chủ”, là “cội nguồn của mọi thắng lợi”, và xác định cán bộ làm dân vận phải “óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, miệng nói, chân đi, tay làm”. Hồ Chí Minh đề cao sự linh hoạt, khéo léo, tôn trọng nhân dân trong mọi hình thức vận động, bởi dân vận không phải là “mệnh lệnh hành chính” mà là nghệ thuật cảm hóa, dẫn dắt, gợi mở niềm tin, từ đó “làm cho dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm”.

*Như vậy, dân vận là hoạt động của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nhằm tuyên truyền, vận động, thuyết phục, tổ chức và hướng dẫn nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; đồng thời lắng nghe, tập hợp, phản ánh ý kiến, nguyện vọng chính đáng của nhân dân để bổ sung, hoàn thiện chủ trương, chính sách, góp phần củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.*

*Chủ thể của dân vận gồm Đảng, Nhà nước, MTTQ và tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, lực lượng vũ trang. Trong đó, Đảng giữ vai trò lãnh đạo, định ra đường lối, chủ trương, bảo đảm tính thống nhất trong toàn bộ hoạt động dân vận. Nhà nước thể chế hóa và tổ chức thực thi các chủ trương của Đảng, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trên thực tế. MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội là cầu nối trực tiếp, tập hợp và phát*

huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân. Cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên là lực lượng nòng cốt, trực tiếp tiến hành dân vận ở cơ sở.

*Đối tượng của dân vận* là mọi người dân trong các giai cấp, tầng lớp xã hội.

*Mục đích của dân vận* là làm cho người dân hiểu, đồng tình, hăng hái tham gia thực hiện đường lối, chủ trương, nhiệm vụ cách mạng của Đảng. Dân vận là công việc của toàn bộ hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, tiến hành tập hợp vận động, đoàn kết nhân dân, đưa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống, góp phần xây dựng đồng thuận xã hội, thực hiện thắng lợi đường lối cách mạng của Đảng. Hiện nay, dân vận phải hướng đến phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân trong bảo vệ và xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

*\* Khái niệm dân vận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng*

Từ khái niệm “Dân vận” có thể hiểu: *Dân vận của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH là hoạt động của UBND cấp tỉnh sử dụng tổng thể các hình thức, phương pháp để tuyên truyền, giải thích, động viên, tổ chức và hướng dẫn nhân dân tham gia thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy quyền làm chủ, sức mạnh đoàn kết của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng chính quyền, giữ vững an ninh, trật tự và phát triển văn hóa ở địa phương.*

*Chủ thể dân vận của UBND cấp tỉnh* là UBND cấp tỉnh với toàn bộ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp tỉnh. Theo Quyết định số 23-QĐ/TW, Chủ tịch UBND cấp tỉnh là người trực tiếp phụ trách CTDV của chính quyền cùng cấp, chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy/Thành ủy và trước nhân dân về kết quả thực hiện CTDV trên địa bàn. Bên cạnh đó, các Phó Chủ tịch UBND, các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp

và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được phân công nhiệm vụ cụ thể cũng đồng thời là chủ thể trực tiếp tham gia triển khai CTDV trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước. Như vậy, CTDV của UBND cấp tỉnh vừa là trách nhiệm tập thể của bộ máy chính quyền, vừa đặt dưới sự phụ trách, điều hành trực tiếp của Chủ tịch UBND tỉnh.

*Đối tượng dân vận của UBND cấp tỉnh* là các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh.

*Mục đích dân vận của UBND cấp tỉnh* nhằm động viên, tổ chức nhân dân (bao gồm mọi tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, lứa tuổi, trình độ, nghề nghiệp) thành lực lượng to lớn thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, trước hết là thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của UBND cấp tỉnh, đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương, phát huy quyền làm chủ và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân địa phương.

#### ***2.2.1.2. Nội dung dân vận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng***

*Một là*, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng ĐBSH lãnh đạo, tổ chức thực hiện tuyên truyền, vận động nhân dân phát huy quyền làm chủ, thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, thi hành Hiến pháp và pháp luật, động viên tinh thần yêu nước, lòng tự hào tự tôn dân tộc, ra sức đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, lao động sáng tạo, thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, làm cho kinh tế không ngừng phát triển, xã hội lành mạnh và ổn định, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào ngày một cải thiện. Những hoạt động này sẽ góp phần đắc lực trong việc tăng cường nhất trí và đồng thuận xã hội của nhân dân tin tưởng vào đường lối và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự điều hành của UBND cấp tỉnh.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vận động nhân dân thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Việc công khai, bàn bạc dân chủ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân sẽ tránh được tình trạng cán bộ lợi dụng tham nhũng tiêu cực, nên nhân dân đấu tranh khiếu kiện gay gắt, nghiêm trọng, phức tạp, có nơi mang tính phổ biến lan rộng ra toàn tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở vừa để mở rộng dân chủ giải quyết những thắc mắc khiếu kiện của dân nhưng cũng để xây dựng những quy định cụ thể thực hiện quyền dân chủ trực tiếp của nhân dân trong tất cả các lĩnh vực hoạt động xã hội ở cơ sở.

*Hai là*, tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia sản xuất, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống, vật chất, tinh thần; xây dựng môi trường sống trong sạch, lành mạnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, thực hiện các dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng đời sống, phải hướng đến giải quyết nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân, vì nhân dân; tổ chức các hình thức phù hợp để người dân tham gia các khâu của quá trình ban hành chủ trương, chính sách; tạo cơ chế cho người dân tham gia giám sát, phản biện, thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” để “ý Đảng” hợp với “lòng Dân”.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vận động nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới. Có thể nói đây là quyết tâm chính trị rất lớn của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới có một ý nghĩa hết sức quan trọng. Do đó, nội dung xây dựng nông thôn mới có vị trí đặc biệt quan trọng và quyết định cho sự thành công thực hiện dân vận của UBND cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quá trình tổ chức thực hiện cần nghiên cứu tổng kết làm rõ hơn nội hàm của nông thôn mới và hoạch định cho hết những công việc cần làm. Trước hết, phải đặc biệt coi trọng vai trò quyết định là nhân dân; thiết kế cho được các phong trào quần chúng rộng lớn, sôi nổi

của nhân dân ở các thôn làng, các địa phương tham gia vào xây dựng nông thôn mới.

*Ba là*, tuyên truyền và vận động nhân dân thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo; tăng cường xóa đói, giảm nghèo, chăm lo, bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tuyên truyền và tổ chức thực hiện tốt chính sách tôn giáo, dân tộc, tập trung phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về bảo đảm an sinh, cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân; quan tâm thực hiện các chính sách cho những nơi còn nhiều khó khăn, các hộ gia đình chính sách, gia đình nghèo. Thực hiện các dự án có liên quan đến thu hồi đất của người dân công khai, minh bạch, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, quan tâm đến quyền lợi của người dân thuộc diện có đất thu hồi, không để người dân bị thua thiệt.

Tổ chức các hình thức tiếp cận linh hoạt, phù hợp để nắm bắt kịp thời tình hình nhân dân, trong đó chú ý theo dõi những vấn đề mà người dân và dư luận xã hội quan tâm, những diễn biến trên mạng xã hội để có hình thức giải quyết phù hợp. Trong giải quyết, phải quan tâm đến lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Cần phải xem mạng xã hội là môi trường hoạt động của dân vận, chính quyền phát huy những yếu tố tích cực của mạng xã hội để tiến hành dân vận.

*Bốn là*, tuyên truyền, vận động nhân dân phát huy truyền thống yêu nước, tuyên truyền về lòng tự hào dân tộc và truyền thống cách mạng của nhân dân các tỉnh vùng ĐBSH

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giáo dục, tuyên truyền, làm lan tỏa những giá trị tốt đẹp, truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền thống cách mạng, đồng thời có hình thức phù hợp để định hướng dư luận xã hội, đấu tranh phản bác những thông tin sai trái, lệch lạc, xấu, độc trên mạng xã hội.

*Năm là*, tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, xây dựng đời sống văn hóa mới và giữ gìn an ninh trật tự an toàn xã hội

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vận động nhân dân tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh, vận động nhân dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật; tham gia công việc quản lý Nhà nước về an ninh, trật tự và xây dựng cơ sở phường, xã, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp an toàn về an ninh, trật tự.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc tiếp dân và kịp thời giải quyết khiếu nại cho nhân dân. Công việc tiếp dân và giải quyết khiếu tố của nhân dân là việc làm rất phức tạp. Do đó, UBND cấp tỉnh phải thường xuyên cải tiến, đổi mới phương pháp tiếp dân, giải quyết kịp thời những khiếu nại chính đáng của nhân dân; không để tích tụ xảy ra những điểm nóng. Đối với những lĩnh vực nhạy cảm liên quan nhiều đến quyền, lợi ích của nhân dân, như là triển khai các dự án giải tỏa, đền bù, tái định cư.. cần phải quy định thành quy trình các bước tiến hành và quy định rõ trách nhiệm của các cấp các ngành; những việc gì phải công khai, bàn bạc dân chủ với nhân dân, những việc gì phải có sự kiểm sát của nhân dân và tuyên truyền, giải thích thỏa đáng để nhân dân hiểu, thực hiện.

### ***2.2.1.3. Phương thức dân vận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng***

Phương thức dân vận của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH là tổng thể những hình thức, phương pháp, cách thức, biện pháp mà UBND cấp tỉnh sử dụng để tác động vào nhân dân và những tổ chức, lực lượng khác có liên quan nhằm thực hiện thắng lợi những nội dung dân vận của UBND cấp tỉnh Vùng ĐBSH.

Phương thức dân vận của UBND cấp tỉnh Vùng ĐBSH gồm:

*Một là*, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH tiến hành dân vận thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và động viên nhân dân tham gia thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBND

Đây là phương thức có tính nền tảng, trực tiếp tác động vào nhận thức và thái độ của nhân dân, giúp họ hiểu đúng, hiểu đủ về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm công dân. UBND cấp tỉnh sử dụng đồng bộ, linh hoạt nhiều kênh và hình thức truyền thông như báo chí, truyền hình, phát thanh, mạng xã hội, cổng thông tin điện tử, hội nghị, hội thảo, sinh hoạt cộng đồng, các chương trình tương tác trực tuyến, livestream, email, ứng dụng di động... để truyền tải chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước một cách chính xác, dễ hiểu, kịp thời và gần gũi với người dân. Việc kết hợp các phương tiện truyền thống và hiện đại không chỉ giúp nâng cao hiệu quả tiếp cận thông tin mà còn tạo điều kiện cho nhân dân tham gia trực tiếp, trao đổi, phản hồi và giám sát quá trình triển khai chính sách.

Thông qua các phương tiện hiện đại, nhân dân không chỉ nắm bắt được nội dung, ý nghĩa của các chủ trương, chính sách mà còn củng cố niềm tin, hình thành sự đồng thuận và tích cực tham gia vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đồng thời, việc áp dụng công nghệ thông tin trong tuyên truyền còn giúp UBND cấp tỉnh theo dõi, đánh giá phản hồi của nhân dân, điều chỉnh cách thức triển khai, nâng cao hiệu quả dân vận và đảm bảo tính minh bạch, công khai trong hoạt động quản lý nhà nước.

*Hai là*, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH tiến hành dân vận thông qua đối thoại, tiếp xúc trực tiếp với nhân dân

Đây là phương thức thể hiện rõ nhất tính dân chủ, công khai, minh bạch trong quản lý nhà nước, đồng thời khẳng định vai trò của nhân dân là chủ thể tham gia vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách. Thông qua hoạt động tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và tổ chức đối thoại định kỳ, UBND cấp tỉnh không chỉ lắng nghe mà còn trực tiếp tiếp thu ý kiến, tâm tư,

nguyện vọng, thậm chí cả những bức xúc, kiến nghị chính đáng của nhân dân. Trên cơ sở đó, chính quyền kịp thời điều chỉnh, bổ sung chủ trương, chính sách, biện pháp quản lý cho phù hợp với thực tiễn, bảo đảm tính khả thi và hiệu quả. Phương thức này góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với chính quyền, tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Nhà nước và nhân dân, đồng thời tạo động lực để nhân dân đồng hành, ủng hộ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

*Ba là*, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH tiến hành dân vận thông qua phát huy dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân

Đây là phương thức dân vận vừa mang tính nguyên tắc, vừa có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, thể hiện tư tưởng “lấy dân làm gốc” trong hoạt động quản lý nhà nước. Thông qua việc thực hiện cơ chế “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, UBND cấp tỉnh khẳng định vai trò chủ thể, quyền làm chủ của nhân dân trong mọi lĩnh vực của đời sống chính trị - xã hội. Sự tham gia rộng rãi và thực chất của nhân dân vào quá trình xây dựng, thực thi và giám sát chính sách không chỉ tạo nên tính minh bạch, công khai, mà còn bảo đảm tính khả thi, bền vững của các quyết sách. Đồng thời, khi quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân được tôn trọng và phát huy, niềm tin, sự đồng thuận xã hội được củng cố, góp phần huy động sức mạnh toàn dân trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

*Bốn là*, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH tiến hành dân vận thông qua phối hợp, liên kết chặt chẽ với ban tuyên giáo và dân vận cấp ủy, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh

Đây là phương thức có ý nghĩa quyết định trong việc tạo lập sự thống nhất về chủ trương, sự đồng thuận về hành động và sự lan tỏa trong toàn xã hội. UBND cấp tỉnh không thể tiến hành dân vận một cách đơn lẻ, mà phải dựa trên sự phối hợp đồng bộ, gắn kết chặt chẽ với các lực lượng chính trị - xã hội

đề cùng vận động, tập hợp quần chúng. Thông qua sự phối hợp này, các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động lớn được tổ chức có hệ thống, bảo đảm tính thiết thực, chiều sâu và sức lan tỏa rộng rãi. Đặc biệt, việc phối hợp hiệu quả góp phần xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc - nền tảng vững chắc để huy động sức mạnh nhân dân vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

*Năm là*, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH tiến hành dân vận thông qua hoạt động và sự gương mẫu của đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan chức năng thuộc UBND

Đây là phương thức dân vận trực tiếp, sinh động và có sức thuyết phục mạnh mẽ nhất, bởi “lời nói phải đi đôi với việc làm”, tấm gương thực tiễn luôn có giá trị hơn mọi hình thức tuyên truyền. UBND cấp tỉnh xác định rằng, phẩm chất đạo đức, lối sống, phong cách làm việc gần dân, trọng dân, vì dân của cán bộ, công chức chính là cầu nối quan trọng để đưa chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đến với nhân dân. Khi mỗi cán bộ, công chức thực sự tận tụy, liêm chính, nêu gương trong công việc và ứng xử hằng ngày, thì uy tín của chính quyền được củng cố, niềm tin của nhân dân được bồi đắp, từ đó tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực trong toàn xã hội. Ngược lại, nếu cán bộ, công chức quan liêu, xa dân, thiếu gương mẫu thì sẽ làm giảm sút hiệu lực dân vận, thậm chí gây ra sự hoài nghi, bức xúc trong nhân dân. Vì vậy, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức gương mẫu chính là phương thức dân vận hiệu quả, bền vững nhất mà UBND cấp tỉnh cần thường xuyên coi trọng.

*Sáu là*, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH tiến hành dân vận thông qua việc thực hiện chính sách an sinh xã hội, gắn với phát triển kinh tế - văn hóa

Đây là phương thức dân vận có tác động trực tiếp và toàn diện đến đời sống nhân dân, bởi những thành quả cụ thể trong nâng cao chất lượng cuộc sống chính là minh chứng thuyết phục nhất cho hiệu quả quản lý nhà

nước. Thông qua các chương trình giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, phát triển kết cấu hạ tầng, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, UBND cấp tỉnh không chỉ đáp ứng nhu cầu thiết thực của nhân dân mà còn khơi dậy niềm tự hào, ý thức trách nhiệm và tinh thần đồng hành cùng chính quyền. Chính sự cải thiện rõ rệt trong đời sống vật chất và tinh thần đã góp phần củng cố niềm tin, tạo sự đồng thuận xã hội, huy động sức mạnh toàn dân trong sự nghiệp xây dựng và phát triển vùng ĐBSH. Đây cũng là cơ sở để khẳng định rằng, chính sách an sinh xã hội và phát triển văn hóa - kinh tế không chỉ là mục tiêu quản lý, mà còn là phương thức dân vận hiệu quả, bền vững, hướng đến mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

### **2.2.2. Công tác dân vận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng - Khái niệm, nội dung, vai trò**

#### **2.2.2.1. Khái niệm**

Từ khái niệm dân vận và khái niệm dân vận của của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH đã luận giải ở phần 2.2.1, để đưa ra quan niệm về CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH cần làm rõ các khái niệm “công tác”; “công tác dân vận của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH”.

Theo *Đại từ điển tiếng Việt*, “công tác” là công việc của Đảng, Nhà nước và đoàn thể [148, tr.59]; “dân vận” là tuyên truyền, vận động nhân dân [148, tr.521].

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa VI “Đổi mới công tác quần chúng của Đảng tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân” đã khẳng định: “Công tác quần chúng là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể” [53, tr.12]. Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới” tiếp tục khẳng định: “công tác dân vận là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng

viên, đoàn viên, hội viên các đoàn thể nhân dân, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang”. Trong đó Đảng lãnh đạo, chính quyền tổ chức thực hiện, MTTQ và các đoàn thể làm tham mưu và nòng cốt [9].

Với vai trò tổ chức thực hiện CTDV của UBND cấp tỉnh trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch cụ thể triển khai chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến CTDV: Thực hiện cải cách hành chính; công khai, minh bạch chủ trương, chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, nguồn lực nhà nước; Thực hiện các quy định về dân chủ ở cơ sở; tiếp công dân, đối thoại, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, những vấn đề bức xúc của nhân dân theo quy định của pháp luật; tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến, phản biện, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật và hoạt động của chính quyền các cấp; Nâng cao đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là những vấn đề liên quan đến đời sống của nhân dân; xử lý tham nhũng, tiêu cực, hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân theo thẩm quyền; Phối hợp với ban tuyên giáo và dân vận cấp ủy, MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp trong tham mưu, thực hiện CTDV; Định kỳ có chương trình làm việc với MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp về tình hình nhân dân và CTDV; Phân công đồng chí chủ tịch UBND phụ trách CTDV và chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc phân công một đồng chí lãnh đạo phụ trách CTDV.

Từ những luận giải trên, có thể đưa ra khái niệm CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH như sau: *Công tác dân vận của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH là toàn bộ hoạt động của các tổ chức, đội ngũ cán bộ, công chức thuộc UBND cấp tỉnh trong việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương,*

*chính sách về dân vận; đồng thời tổ chức phối hợp các lực lượng, xây dựng tổ chức và đội ngũ làm CTDV, gắn với kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực tiễn, nhằm tuyên truyền, vận động, tập hợp và phát huy vai trò của nhân dân trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, củng cố mối quan hệ gắn bó giữa chính quyền với nhân dân và góp phần xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.*

*Chủ thể CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH là: cấp ủy và tổ chức đảng của UBND cấp tỉnh, trực tiếp là Đảng ủy UBND cấp tỉnh; Chủ tịch, phó chủ tịch và các ủy viên UBND cấp tỉnh; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan thuộc UBND cấp tỉnh.*

*Lực lượng phối hợp trong CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH gồm: các cơ quan tư pháp; ban tuyên giáo và dân vận tỉnh ủy; các cấp ủy, tổ chức đảng trong đảng bộ tỉnh; MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh và xã; các tổ chức, cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh.*

*Đối tượng CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH gồm: toàn thể nhân dân trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, lực lượng có liên quan nằm trên địa bàn tỉnh đồng tình, ủng hộ về vật chất và tinh thần góp phần để UBND cấp tỉnh thực hiện thắng lợi nhiệm vụ.*

*Mục đích CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH là vận động nhân dân trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, lực lượng có liên quan thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, chương trình, đề án về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, chấp hành pháp luật, giữ vững an ninh, quốc phòng; ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của các tầng lớp nhân dân, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa chính quyền và nhân dân, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, thực sự là chính quyền của dân, do dân và vì dân, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong tỉnh.*

### ***2.2.2.2. Nội dung công tác dân vận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng***

*Một là*, xây dựng và ban hành các văn bản nhằm cụ thể hóa, thể chế hóa các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước và tỉnh ủy về CTDV

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở vùng ĐBSH nghiên cứu, quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của tỉnh ủy về CTDV, từ đó ban hành các văn bản cụ thể hóa, phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tiễn của từng địa phương. Việc ban hành văn bản phải gắn liền với xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai mang tính tổng thể, đồng bộ, chặt chẽ, xác định rõ yêu cầu, nhiệm vụ và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, tổ chức. Đồng thời, cần thiết lập cơ chế phối hợp thống nhất, nhịp nhàng giữa các lực lượng, bảo đảm mọi hoạt động dân vận của chính quyền đạt hiệu quả thiết thực.

Một nội dung quan trọng trong hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến dân vận của UBND cấp tỉnh là tổ chức triển khai nghiêm túc các quy định của Nhà nước về thực hiện dân chủ ở cơ sở. Với vị trí là cơ quan hành chính cao nhất ở địa phương, UBND cấp tỉnh cần đặc biệt coi trọng việc ban hành và thực hiện các quy định nhằm bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chính quyền, đồng thời phát huy dân chủ rộng rãi trong toàn tỉnh.

*Hai là*, tổ chức vận động nhân dân theo nội dung, phương thức dân vận của UBND cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng ĐBSH tổ chức thực hiện vận động nhân dân chấp hành chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước. Tổ chức thực hiện vận động nhân dân tích cực tham gia sản xuất, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống, vật chất, tinh thần; xây dựng môi trường sống trong sạch, lành mạnh. Tuyên truyền chính sách dân tộc, tôn giáo; tăng cường xóa đói, giảm nghèo, chăm lo, bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân. Tổ chức triển khai các hình thức, nội dung tăng cường giáo dục truyền thống

yêu nước, tuyên truyền về lòng tự hào dân tộc và truyền thống cách mạng; vận động nhân dân tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, xây dựng đời sống văn hóa mới và giữ gìn an ninh trật tự an toàn xã hội.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng ĐBSH tổ chức thực hiện CTDV bằng chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước về CTDV trên địa bàn tỉnh. Thông qua các hoạt động tuyên truyền, thuyết phục để nhân dân nắm được, ủng hộ và hăng hái thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, các chương trình, kế hoạch, đề án phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh. Thông qua hoạt động của cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan chức năng thuộc UBND; qua tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, hoạt động hòa giải của UBND. Đồng thời, chủ động phối hợp, liên kết hoạt động giữa UBND cấp tỉnh với ban dân vận cấp ủy cấp tỉnh, MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội cấp tỉnh. Bên cạnh đó, tổ chức thực hiện CTDV bằng công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra các cơ quan chức năng, cán bộ, công chức; sơ kết, tổng kết đúc rút kinh nghiệm CTDV; xử lý vi phạm của các tập thể và cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và các phong trào thi đua yêu nước và bằng sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức hoạt động trong bộ máy UBND cấp tỉnh và thông qua giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, hoạt động tiếp xúc cử tri của các đại biểu HĐND.

*Ba là*, tổ chức phối hợp các lực lượng tiến hành CTDV của UBND tỉnh

Trong việc vận động nhân dân thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, UBND cấp tỉnh phối hợp chặt chẽ với Ban Tuyên giáo và Dân vận tỉnh, thành ủy, MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội. Trong đó, Ban Tuyên giáo và Dân vận tỉnh, thành ủy giữ vai trò tham mưu, hướng dẫn, theo dõi và đánh giá việc triển khai CTDV, đảm bảo sự thống nhất về nhận thức, phương pháp và định hướng chính trị - tư tưởng. UBND cấp tỉnh tổ chức lấy ý kiến của MTTQ, các đoàn thể và nhân dân trong xây dựng các chủ

trương, quy hoạch, chương trình, dự án lớn của tỉnh, đồng thời thường xuyên lắng nghe, tiếp nhận và giải quyết kịp thời ý kiến phản ánh của MTTQ, các đoàn thể về những vấn đề nhân dân quan tâm, định kỳ làm việc để đảm bảo tính đồng thuận và hiệu quả trong triển khai chính sách.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận tỉnh, thành ủy, MTTQ, các đoàn thể trong việc tuyên truyền, phổ biến, vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy và UBND cấp tỉnh về chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đồng thời bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Ban Tuyên giáo và Dân vận tỉnh, thành ủy tham mưu định hướng nội dung, phương pháp, hình thức tuyên truyền, hướng dẫn UBND cấp tỉnh thực hiện đồng bộ, bài bản, phù hợp với đặc điểm địa phương và đối tượng dân cư.

Bên cạnh đó, UBND cấp tỉnh chỉ đạo chính quyền cấp xã phối hợp với MTTQ, các đoàn thể nhân dân và tổ chức tự quản của nhân dân trong việc giải quyết các vấn đề từ cơ sở. Đồng thời, động viên, tạo điều kiện để MTTQ, các đoàn thể thực hiện công tác giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của chính quyền và cán bộ, công chức UBND cấp tỉnh. Việc phối hợp đồng bộ, với sự tham mưu, hướng dẫn chuyên môn của Ban Tuyên giáo và Dân vận tỉnh, thành ủy, không chỉ đảm bảo hiệu quả CTDV mà còn củng cố mối quan hệ mật thiết giữa chính quyền và nhân dân, xây dựng chính quyền gần dân, vì dân, phục vụ dân một cách thực chất.

*Bốn là, xây dựng các tổ chức, lực lượng làm CTDV của UBND cấp tỉnh*

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cải cách tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức để nâng cao hiệu quả hoạt động CTDV của UBND cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách liên quan đến tổ chức bộ máy hành chính, cơ chế vận hành, chế độ chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đầy đủ,

đồng bộ bảo đảm thực hiện mục tiêu hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bảo đảm kinh phí hoạt động và tạo điều kiện về cơ sở vật chất, quan tâm giải quyết chính sách cán bộ của khối dân vận, MTTQ và các đoàn thể nhân dân; xây dựng và ban hành các quy định đối với cán bộ, công chức thuộc UBND cấp tỉnh trong thi hành công vụ, tiếp xúc, giải quyết công việc với dân; chấp hành Hiến pháp và pháp luật, đạo đức công vụ, thật sự tin dân, trọng dân, tích cực tuyên truyền, hướng dẫn và giúp đỡ nhân dân; tổ chức thực hiện cải cách thủ tục hành chính; công khai, minh bạch các chủ trương, chính sách, các khoản thu, chi; các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội địa phương; tổ chức thực hiện việc xây dựng và thực hiện chế độ tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân và chế độ tiếp dân theo định kỳ.

*Năm là, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện và sơ kết, tổng kết CTDV của UBND tỉnh*

Một trong những nội dung trọng yếu trong CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH là thường xuyên thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát, sơ kết và tổng kết CTDV. Đây là nhiệm vụ thiết yếu nhằm đảm bảo sự nghiêm túc, hiệu quả, đồng bộ trong việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và chương trình, kế hoạch dân vận của chính quyền địa phương. Theo đó, UBND cấp tỉnh cần chủ động tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành để đánh giá việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết về CTDV trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và chính quyền cấp xã. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy trong việc kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, nhất là tại những địa bàn có đặc điểm dân cư phức tạp hoặc còn hạn chế về năng lực quản lý. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, UBND cấp tỉnh tiến hành sơ kết, tổng kết định kỳ hoặc theo chuyên đề nhằm phát hiện và kịp thời biểu dương, khen thưởng các mô hình hay, cách làm sáng tạo trong CTDV; đồng thời, chủ động tháo gỡ khó khăn, khắc phục hạn chế, uốn nắn lệch lạc trong quá trình tổ chức thực hiện; kiến

ngiht, điều chỉnh hoặc hoàn thiện các cơ chế, chính sách liên quan đến CTDV, phù hợp với đặc điểm phát triển nhanh, dân trí cao và kết cấu xã hội phức tạp của vùng ĐBSH.

### ***2.2.2.3. Vai trò công tác dân vận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng***

Là một bộ phận quan trọng trong CTDV của hệ thống chính trị, vai trò của CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH được thể hiện những điểm chủ yếu sau:

*Một là*, CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH là một bộ phận quan trọng trong CTDV của Đảng và của cả hệ thống chính trị cấp tỉnh

Dân vận là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp ủy đảng, các đoàn thể, chính quyền, trong đó, CTDV chính quyền có vai trò quan trọng. Nhằm tăng cường CTDV chính quyền, góp phần xây dựng Chính phủ liên chính, kiến tạo, phục vụ nhân dân và thực hiện có hiệu quả nghị quyết của Trung ương về CTDV.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là một bộ phận quan trọng và trụ cột của hệ thống chính trị cấp tỉnh. CTDV là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở. Chất lượng, hiệu quả CTDV của hệ thống chính trị được tạo nên bởi chất lượng, hiệu quả CTDV của các tổ chức trong hệ thống này, trong đó có chất lượng, hiệu quả CTDV của UBND cấp tỉnh. Công tác dân vận của UBND cấp tỉnh được tăng cường và đổi mới một cách toàn diện, đồng bộ, bám sát và thể hiện rõ, nhất quán quan điểm CTDV của Đảng vì Nhân dân, chăm lo, nâng cao mọi mặt đời sống của Nhân dân; mở rộng dân chủ, phát huy vai trò, quyền làm chủ của Nhân dân. Do đó, chất lượng, hiệu quả CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH là nhân tố góp phần tạo nên chất lượng, hiệu quả CTDV của Nhà nước. Công tác dân vận của UBND cấp tỉnh yếu kém, đạt kết quả thấp không chỉ ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng, hiệu quả CTDV của Nhà nước, mà còn tác động trực tiếp, rất lớn đến CTDV của chính quyền cấp xã trên địa bàn tỉnh.

*Hai là*, CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH là nhân tố rất quan trọng để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp tỉnh, nhiệm vụ chính trị của tỉnh, góp phần quyết định vào việc bảo đảm sự ổn định, phát triển của tỉnh

Công tác dân vận của UBND cấp tỉnh thực hiện tốt sẽ tạo sự đồng thuận của Nhân dân đối với Đảng, chính quyền. Nếu đường lối, chính sách đưa ra phù hợp với nguyện vọng, lợi ích của Nhân dân và được cán bộ, công chức thực thi có hiệu quả thì Nhân dân càng đồng tình ủng hộ. Có thể nói, dân vận tốt sẽ tạo sự đồng thuận của Nhân dân và suy cho cùng, thước đo hiệu quả CTDV chính là mức độ đồng thuận của Nhân dân với chính quyền các cấp và với cả hệ thống chính trị. Để đạt được điều đó, UBND cấp tỉnh giữ vai trò rất quan trọng, là nhân tố góp phần để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp tỉnh, nhiệm vụ chính trị của tỉnh, góp phần quyết định vào việc bảo đảm sự ổn định, phát triển của tỉnh.

Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp tỉnh, thông qua đội ngũ cán bộ, công chức chính là cầu nối thắt chặt quan hệ giữa Nhân dân với Đảng, Nhà nước, làm cho quan hệ đó ngày càng gắn bó, mật thiết. Cán bộ chính quyền trực tiếp tiếp xúc với Nhân dân nên nắm bắt và thấu hiểu những nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, từ đó có những phương án tham mưu cho cấp trên để đưa ra những quyết sách đúng đắn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của Nhân dân. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, cán bộ, công chức của bộ máy chính quyền sẽ phát hiện những bất cập trong chính sách, chế độ và đề xuất để kịp thời điều chỉnh. Những điều đó càng làm thắt chặt quan hệ giữa Nhân dân với Đảng và Nhà nước, tạo nên nền tảng chính trị - xã hội vững chắc cho sự tồn tại, phát triển của chế độ. Có thể nói, mối quan hệ đó được thắt chặt gắn gũi hay lỏng lẻo, xa cách phần lớn là do hoạt động có hiệu quả, tận tâm hay không của cán bộ, công chức nhà nước. Ở địa phương, cán bộ chính quyền có năng lực công tác hạn chế, không tận tâm với dân thì không

thể thiết lập được mối quan hệ gắn bó, mật thiết với dân. Chính điều đó phần nào làm suy giảm niềm tin của Nhân dân với Đảng, Nhà nước.

*Ba là*, CTDV của UBND cấp tỉnh có vai trò to lớn trong xây dựng chính quyền tỉnh trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả

Hoạt động dân vận là của nhiều tổ chức nhưng trong đó hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức là trực tiếp nhất, hiệu quả nhất. Các tổ chức đoàn thể làm CTDV chủ yếu thông qua hình thức tuyên truyền vận động. Nhưng Nhân dân, với tâm lý “trăm nghe không bằng một thấy” nên công tác tuyên truyền cũng có những hạn chế. Do công việc bận rộn, đa số người dân không có thời gian hoặc không có điều kiện để tiếp xúc, theo dõi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Một số hoạt động khác của các đoàn thể lại mang tính hình thức nên tác động đối với Nhân dân chưa cao. Nhưng chỉ cần một biểu hiện nhỏ của cán bộ, công chức đối với Nhân dân trong quá trình tiếp xúc cũng đã để lại cho người dân những suy nghĩ tốt đẹp. Dù ít hay nhiều, bất cứ người dân nào cũng có việc phải liên quan tới chính quyền. Một thái độ ân cần, niềm nở, giải thích cặn kẽ mọi điều khi người dân đến làm việc thì dù không giải quyết được việc, người dân vẫn cảm thấy vui lòng vì thấy mình được tôn trọng. Ngược lại, sự quan liêu, cửa quyền, hách dịch, thờ ơ, lãnh đạm đối với những nhu cầu chính đáng của Nhân dân đã làm cho người dân bức bối dẫn đến bất đồng với những tổ chức mà cán bộ, công chức đó là người đại diện. Như vậy, chỉ cần một thái độ, một hành động nhỏ của cán bộ chính quyền trong quá trình làm việc với dân có thể góp phần làm cho công tác dân vận có hiệu quả hay không.

Nhiệm vụ của chính quyền là phải cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng ở các cấp thành các chính sách để thực hiện. Nếu các chính sách đó phù hợp với nguyện vọng của quần chúng Nhân dân, mang lại lợi ích cho Nhân dân và việc triển khai thực hiện có hiệu quả cao thì Nhân dân càng phấn khởi, tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành quản lý của chính quyền.

Do đó, CTDV của UBND cấp tỉnh góp phần xây dựng UBND cấp tỉnh thực sự là chính quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức UBND cấp tỉnh có chất lượng, xứng đáng là những công bộc của dân; góp phần xây dựng UBND cấp tỉnh vững mạnh, hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ được giao.

*Bốn là*, CTDV của UBND cấp tỉnh tăng cường mối quan hệ giữa chính quyền với nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở

Thông qua công tác dân vận, UBND cấp tỉnh có phương pháp, cách thức, hình thức thực hiện hiệu quả, nhằm phát huy vai trò của nhân dân tham gia trong quá trình xây dựng chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm hài hòa lợi ích hợp pháp, nguyện vọng chính đáng giữa Nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân, gắn với lợi ích quốc gia - dân tộc. Từng bước tăng cường hình thức dân chủ trực tiếp để phát huy trí tuệ tập thể, sự đóng góp ý kiến quan trọng, quý báu của các tầng lớp nhân dân; sớm hoàn thiện, cụ thể hóa cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” và phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

Đồng thời, qua thực hiện CTDV, UBND cấp tỉnh tiếp tục thực hiện hiệu quả việc tiếp xúc cử tri, hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tiếp dân, đối thoại với công dân, giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân kịp thời, đúng pháp luật. Hoàn thiện và thực thi quy định về đạo đức công vụ kết hợp với tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; quan tâm công tác tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng CTDV cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở cơ quan nhà nước các cấp. Phát huy vai trò gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ thường xuyên tiếp xúc, làm việc với nhân dân, cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu các ngành, các cấp, các đơn vị, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang, Kiên quyết phê phán, đấu tranh mạnh mẽ với các biểu hiện thờ ơ, vô cảm, quan liêu, hách dịch, cửa quyền, nhũng nhiễu nhân dân; đồng thời, chống các khuynh hướng mị dân, kích động nhân dân. Tiếp tục tuyên truyền và tổ chức thực hiện tốt Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở,

thường xuyên lắng nghe tâm tư, nguyện vọng chính đáng của nhân dân để có biện pháp giải quyết kịp thời. Tập trung xử lý dứt điểm các vấn đề “nóng”, bức xúc liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân, không để các vụ khiếu kiện phức tạp kéo dài, các “điểm nóng” về an ninh, trật tự xảy ra ở cơ quan, đơn vị, cơ sở.

Thông qua CTDV của UBND cấp tỉnh, Nhân dân hiểu rõ bản chất tốt đẹp của Nhà nước của dân, do dân, vì dân, tạo niềm tin trong Nhân dân đối với Đảng, chính quyền. Bản chất của một Nhà nước không phải là cái chung chung, trừu tượng mà nó phải được thể hiện qua những cán bộ, công chức đại diện cho Nhà nước để thực thi quyền lực chính trị. Nếu những cán bộ đó thực sự là công bộc của dân như Hồ Chí Minh hằng mong muốn, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, tận tâm phục vụ Nhân dân thì Nhân dân càng thấy rõ bản chất tốt đẹp của chính quyền nhân dân. Chúng ta có tuyên truyền bao nhiêu đi chăng nữa những điều tốt đẹp về chế độ xã hội chủ nghĩa nhưng những cán bộ, công chức của chế độ đó lại sách nhiễu dân, gây khó khăn cho dân thì việc tuyên truyền đó sẽ thiếu tính thuyết phục. Một số chính sách do chính quyền các cấp ban hành và thực hiện đã mang lại cho Nhân dân một cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, càng làm cho Nhân dân cảm nhận sâu sắc những giá trị đích thực mà chế độ này đã mang lại cho họ. Đó là chính sách xóa đói giảm nghèo, thực hiện pháp lệnh dân chủ ở cơ sở, phát triển y tế, giáo dục,...

Làm tốt công dân vận của UBND cấp tỉnh, góp phần đẩy lùi những biểu hiện xa lạ, ngăn cách giữa chính quyền với dân được loại trừ, khắc phục nhận thức lệch lạc cho rằng, CTDV chỉ là công việc của Đảng, MTTQ và các đoàn thể nhân dân, không phải là nhiệm vụ và trách nhiệm của chính quyền. Đặc biệt, CTDV của UBND cấp tỉnh đảm bảo tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa UBND cấp tỉnh với nhân dân, tăng cường khối đoàn kết toàn dân trên địa bàn tỉnh.

## Tiểu kết chương 2

Công tác dân vận của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH là bộ phận quan trọng trong CTDV của cả hệ thống chính trị, bao gồm toàn bộ quá trình cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước thành các chương trình, kế hoạch và biện pháp vận động nhân dân; đồng thời tổ chức tuyên truyền, thuyết phục, vận động và phát huy quyền làm chủ, sức mạnh và trí tuệ của nhân dân cùng các lực lượng xã hội trên địa bàn nhằm bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống của nhân dân. Đây cũng là kênh quan trọng kết nối giữa chính quyền với nhân dân, củng cố niềm tin, tăng cường đồng thuận xã hội và giữ vững ổn định chính trị ở địa phương.

Trên cơ sở tiếp cận đó, chương 2 của luận án đã tập trung luận giải những vấn đề lý luận trọng tâm liên quan đến CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH. Luận án đã làm rõ: (1) Khái niệm, vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và đặc điểm UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH; (2) Khái niệm, vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và đặc điểm UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH. Những kết quả nghiên cứu này vừa tạo cơ sở lý luận vững chắc cho việc khảo sát, đánh giá thực tiễn ở chương sau, vừa là những đóng góp quan trọng, bổ sung và phát triển nhận thức lý luận về CTDV của chính quyền cấp tỉnh trong vùng ĐBSH nói riêng và trong hệ thống chính quyền địa phương nói chung.

**Chương 3**  
**CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH**  
**VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG - THỰC TRẠNG,**  
**NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM**

**3.1. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

**3.1.1. Ưu điểm**

*Một là,* việc xây dựng và ban hành các văn bản nhằm cụ thể hóa, thể chế hóa các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước và tỉnh ủy về CTDV được nhiều UBND cấp tỉnh quan tâm và triển khai tương đối kịp thời

Các Ban Cán sự đảng UBND tỉnh, thành phố ở vùng ĐBSH cụ thể hóa đường lối, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng về CTDV của chính quyền bằng các chỉ thị, chương trình, kế hoạch dân vận, trong đó xác định mục tiêu, phương hướng và giải pháp tuyên truyền, vận động, tổ chức, tập hợp nhân dân thực hiện quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Ban cán sự Đảng UBND cấp tỉnh ở vùng ĐBSH đã xây dựng kế hoạch, triển khai trong hệ thống các cơ quan Nhà nước. Đảng đoàn MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh triển khai đến Ủy viên Ủy ban MTTQ tỉnh và Ban Chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

Thông qua việc quán triệt, triển khai của Ban cán sự UBND cấp tỉnh về các chỉ thị, nghị quyết, kết luận Trung ương và của các tỉnh, thành ủy đã góp phần làm chuyển biến về nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, nhất là người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức về CTDV chính quyền. Tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức khối chính quyền đối với nhân dân có chuyển biến tích cực hơn; các hoạt động cụ thể gần với dân, gần dân, sát dân và tôn trọng nhân dân thể hiện ngày càng rõ hơn, tạo được mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, sự đồng thuận của nhân

dân đối với việc thực hiện các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, góp phần tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố vùng ĐBSH.

Tại Hà Nội, thực hiện Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 25/7/2013 của Thành ủy Hà Nội về thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với CTDV trong tình hình mới, Ban Cán sự đảng UBND Thành phố đã cụ thể hóa đường lối, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng về CTDV của chính quyền thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thủ đô. Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 08/01/2014 về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với CTDV trên địa bàn Thủ đô trong tình hình mới; Công văn số 3615/UBND-KGVX ngày 16/6/2016 về việc thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 16/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường và đổi mới CTDV trong các cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới; phân công một đồng chí Phó Chủ tịch UBND Thành phố trực tiếp phụ trách CTDV của chính quyền và chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về quy chế dân chủ ở cơ sở; tập trung chỉ đạo, điều hành có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, công tác cải cách hành chính và thực hiện “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, các phong trào thi đua yêu nước như “Dân vận khéo”, “Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới”... Ban Cán sự đảng UBND Thành phố đã triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 07-CT/TU ngày 01/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về “đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả CTDV của các cơ quan nhà nước”; Chỉ thị số 24-CT/TU ngày 07/8/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội về “tăng cường kỷ cương, kỷ luật và trách nhiệm giải quyết công việc trong hệ thống chính trị thành phố Hà Nội”; Chỉ thị số 25-CT/TU ngày 20/9/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội về “tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của

Đảng đối với công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn Thành phố Hà Nội trong tình hình mới”.

Tại Vĩnh Phúc, thực hiện Kết luận số 114-KL/TW của Ban Bí thư, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Phúc đã ban hành Kế hoạch số 10-KH/TU ngày 19/02/2016 để triển khai thực hiện Kết luận số 114-KL/TW. Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh xây dựng kế hoạch, triển khai trong hệ thống các cơ quan Nhà nước. Đảng đoàn MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh triển khai đến Ủy viên Ủy ban MTTQ tỉnh và Ban Chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh. Thông qua việc quán triệt, triển khai các kết luận, chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy và của Ban Cán sự UBND tỉnh đã góp phần làm chuyển biến về nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, nhất là người đứng đầu, cán bộ công chức, viên chức về CTDV của UBND.

Tại Hưng Yên, thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Trung ương, của Tỉnh ủy Hưng Yên và của Ban Cán sự UBND tỉnh, UBND tỉnh Hưng Yên đã tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện CTDV chính quyền từ tỉnh đến cơ sở. Hằng năm, UBND tỉnh tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành công văn chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ trọng tâm CTDV đối với cấp ủy, chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh, trong đó có nội dung chỉ đạo về thực hiện CTDV chính quyền, nhất là việc thực hiện Đề án số 02-ĐA/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XVIII) về nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện CTDV của cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp, giai đoạn 2021-2025.

Kết quả khảo sát ở nội dung này cho thấy, có 69,3% số người được hỏi đồng ý với đánh giá các UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH đã quan tâm và triển khai tương đối kịp thời việc xây dựng và ban hành các văn bản nhằm cụ thể hóa, thể chế hóa các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước và tỉnh ủy về CTDV [Phụ lục 13].

Có thể nói, việc quán triệt, thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về CTDV vào điều kiện cụ thể của tỉnh đã có tác động đến

phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng và nâng cao đời sống nhân dân ở các tỉnh ĐBSH.

*Hai là*, việc tổ chức vận động nhân dân theo các nội dung, phương thức dân vận của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH có bước đổi mới, phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn và đặc điểm địa bàn

Trong quá trình tổ chức thực hiện các hoạt động dân vận, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH đã quan tâm lãnh đạo, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về CTDV; đã tổ chức thực hiện nhiều chương trình, đề án, nghị quyết, quyết định phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, mang lại hiệu quả thiết thực, được nhân dân đồng tình cao.

Các UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH thường phân công một đồng chí lãnh đạo UBND phụ trách CTDV chính quyền. Việc phân công cán bộ, công chức làm CTDV chính quyền được xác định là nhiệm vụ quan trọng nhằm tăng cường mối quan hệ giữa chính quyền với nhân dân, thực hiện tốt phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Cán bộ, công chức được phân công phụ trách CTDV có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn và kỹ năng giao tiếp với nhân dân; việc phân công phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng phòng, ban, đơn vị; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị trong thực hiện CTDV.

Cán bộ, công chức thuộc Văn phòng UBND tỉnh được phân công phụ trách công tác tiếp dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, là đầu mối đón đóc, giải quyết, trả lời ý kiến, kiến nghị, phản ánh của công dân. Các sở, ban, ngành trong tỉnh thực hiện nhiệm vụ dân vận theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nhất là trong việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH đã chỉ đạo các sở, ban, ngành trực thuộc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ bảo

đảm công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý, điều hành; phát huy vai trò của nhân dân trong việc tham gia quản lý xã hội và giám sát hoạt động của chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức. Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ của tỉnh được kiện toàn, xây dựng quy chế làm việc, kế hoạch hành động hằng năm; các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ tại cơ quan; ban hành nội quy, quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế văn hóa công sở, quy chế xét thi đua khen thưởng, kỷ luật và các quy định đặc thù theo ngành, lĩnh vực.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã phối hợp với công đoàn tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức theo tinh thần Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Việc duy trì chế độ giao ban định kỳ giúp cán bộ, công chức, viên chức có cơ hội tham gia xây dựng kế hoạch, chương trình công tác của cơ quan, góp phần nâng cao chất lượng quản lý và điều hành.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng ĐBSH cũng chỉ đạo các sở, ban, ngành thực hiện nghiêm túc việc công khai, minh bạch các lĩnh vực hoạt động của cơ quan, đơn vị như: mua sắm tài sản công, xây dựng cơ bản, quản lý và sử dụng đất đai, quản lý dự án đầu tư xây dựng, thu chi ngân sách, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân, quy trình tiếp nhận và giải quyết công việc... Các nội dung này được công khai trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và các sở, ngành để tạo điều kiện cho nhân dân giám sát, góp phần xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch và hiệu quả.

Trong quá trình tổ chức thực hiện CTDV, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH ngày càng phát huy tốt hơn vai trò làm chủ của nhân dân thông qua việc lấy ý kiến của nhân dân trước khi xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách lớn về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới; tạo điều kiện thuận lợi để

nhân dân kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện. Nhiều tỉnh như Vĩnh Phúc, Hải Dương, Bắc Ninh, Hà Nam... đã phát huy tốt vai trò của nhân dân thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng trong giám sát các chương trình, dự án do UBND tỉnh phê duyệt và triển khai, nhất là các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm của tỉnh.

Trong việc tổ chức thực hiện công tác tiếp dân, đối thoại, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo, các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt. Công tác tiếp công dân gắn với giải quyết khiếu nại, tố cáo có chuyển biến tích cực, nhiều vụ việc được xử lý dứt điểm. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được nâng cao; chất lượng thẩm tra, xác minh các vụ việc cũng được cải thiện rõ rệt. Công tác phối hợp giữa tỉnh với các cơ quan Trung ương như Ban Dân nguyện của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Trụ sở Tiếp công dân Trung ương, Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường được thực hiện đồng bộ, thống nhất, tạo hiệu quả cao trong xử lý các vụ việc.

Tại Vĩnh Phúc, Bí thư Tỉnh ủy tiếp dân định kỳ vào ngày 25 hàng tháng; Chủ tịch UBND tỉnh tiếp công dân vào ngày 10 hàng tháng. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh và các sở, ban, ngành chấp hành nghiêm túc công tác tiếp công dân. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 ban hành Quy chế tiếp công dân trên địa bàn tỉnh. Từ năm 2020 đến 2024, các cơ quan hành chính cấp tỉnh tiếp 28.679 lượt người, trong đó: Tiếp thường xuyên 14.102 lượt người (6010 vụ, 137 đoàn đông người); tiếp định kỳ và đột xuất của lãnh đạo là 14.577 lượt người (7208 vụ việc, 204 đoàn đông người) [126].

Công tác đối thoại của người đứng đầu cấp tỉnh với người dân được tổ chức bài bản. Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao Thanh tra tỉnh phối hợp với Ban

Tiếp công dân thường xuyên rà soát, theo dõi, tổng hợp tiến độ giải quyết khiếu nại, tố cáo; đôn đốc các sở, ngành trong việc thực hiện các quyết định, kết luận, văn bản đã có hiệu lực. Văn bản lãnh đạo, chỉ đạo được ban hành kịp thời, có tính khả thi cao.

Tại Nam Định, từ năm 2020 đến 2024, UBND tỉnh đã giải quyết và ủy quyền giải quyết 4573 đơn thuộc thẩm quyền, trong đó đã giải quyết được 3973 đơn, đạt tỷ lệ 86,9% [124].

Tại Vĩnh Phúc, thực hiện Quyết định số 1849/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã thành lập Tổ công tác chỉ đạo giải quyết một số vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài. Kết quả đã giải quyết xong theo thẩm quyền 29/51 vụ việc [126].

Tại Thái Bình, từ năm 2020 đến 2024, tỉnh đã tổ chức 04 hội nghị đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và đại diện nhân dân, công nhân, thanh niên. Qua các buổi đối thoại, nhiều vấn đề bức xúc đã được trao đổi, làm rõ, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của nhân dân [127].

Trong việc tổ chức thực hiện cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính liên quan trực tiếp đến người dân, UBND cấp tỉnh đã chỉ đạo đồng bộ, đạt được kết quả tích cực. Một số tỉnh ban hành đề án nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư; đưa ra mức hỗ trợ cho cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận một cửa.

Việc đơn giản hóa thủ tục hành chính đã giúp giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân. Ví dụ, thủ tục thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư giảm từ 25-30 ngày xuống còn 15 ngày; thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư giảm từ 15 ngày còn 10 ngày. Có tỉnh đã giảm 1/3 đến 1/2 thời gian đối với các thủ tục: thẩm định đầu tư, quyết toán đầu tư, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp phép xây dựng, đánh giá tác động môi trường, phòng cháy chữa cháy...

Một số tỉnh đã xây dựng phần mềm hành chính công phục vụ Trung tâm hành chính công cấp tỉnh và dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cho 42 thủ tục theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Việc giải quyết thủ tục hành chính thông qua Trung tâm hành chính công cấp tỉnh đạt tỷ lệ đúng hạn và trước hạn trên 95% (tại Vĩnh Phúc, Hải Phòng). Nhiều tỉnh triển khai phần mềm đồng bộ giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh, đảm bảo liên thông theo chiều ngang và chiều dọc, tránh cắt khúc thông tin, tăng cường minh bạch, hiệu quả trong xử lý hồ sơ.

Trong việc tổ chức thực hiện xây dựng và kết quả thực hiện các quy định về đạo đức công vụ, văn hóa công sở, tác phong làm việc, quy tắc ứng xử của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH thường xuyên có văn bản nhắc nhở, chấn chỉnh các cơ quan, đơn vị, phòng, ban và cán bộ, công chức viên chức nghiêm túc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, tổ chức các ngày kỷ niệm, không uống rượu, bia trong ngày làm việc và không hút thuốc lá nơi công sở.

Tại Vĩnh Phúc, UBND tỉnh đã ban hành 04 văn bản yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 26/2016/CT-TTg ngày 05/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản có liên quan, Chỉ thị số 05/2008/CT-TTg ngày 31/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao hiệu quả sử dụng thời giờ làm việc; về kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức viên chức nhà nước; việc đeo thẻ cán bộ, công chức viên chức trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ, đặc biệt đối với những cán bộ, công chức viên chức các cơ quan hành chính, bộ phận một cửa và các đơn vị sự nghiệp thường xuyên tiếp xúc với nhân dân. Đồng thời, chỉ đạo cán bộ, đảng viên, công chức viên chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) gắn với thực hiện các quy định nêu gương. Thông qua đó đã chấn chỉnh

và nâng cao đạo đức công vụ, ý thức phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức viên chức, nhất là bộ phận thường xuyên tiếp xúc với nhân dân.

Trong việc tổ chức thực hiện đánh giá sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức viên chức đã được UBND cấp tỉnh quan tâm triển khai tổ chức thực hiện. Qua khảo sát lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ công về Y tế, Giáo dục, Cấp Chứng minh nhân dân, Cấp Giấy khai sinh trên địa bàn tỉnh, các tỉnh đã tổ chức khảo sát sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ công ở 4 lĩnh vực: Đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu; Cấp phép xây dựng nhà ở; Cấp Giấy đăng ký kinh doanh và Cấp Giấy đăng ký kết hôn. Việc đánh giá sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức viên chức là một kênh thông tin quan trọng giúp UBND cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có biện pháp kịp thời điều chỉnh, nâng cao tinh thần, thái độ, trách nhiệm phục vụ nhân dân và chất lượng chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức viên chức; tăng cường thanh tra, kiểm tra, đánh giá, xử lý kịp thời những phản ánh, kiến nghị của người dân về những vấn đề liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính tại mỗi cơ quan, đơn vị.

Tại Hà Nội, các cơ quan, đơn vị thực hiện đầy đủ, nghiêm túc 02 Quy tắc ứng xử của Thành phố: Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan thuộc thành phố Hà Nội và Quy tắc ứng xử nơi công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thường xuyên rèn luyện tác phong làm việc, thực hiện hiệu quả quy tắc ứng xử. Một số đơn vị xây dựng trang, chuyên mục về CTDV chính quyền, kịp thời thông tin biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân làm tốt CTDV chính quyền, điển hình tiên tiến trong phong trào “Dân vận khéo” đăng tải trên cổng thông tin điện tử.

Trong việc tổ chức triển khai các phong trào thi đua yêu nước, nhất là phong trào thi đua “Dân vận khéo” gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; công tác thi đua khen thưởng, nhân rộng các điển hình, UBND cấp tỉnh đã tổ chức thực hiện các phong trào thi đua “Dân vận khéo”; cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Hàng năm, UBND các tỉnh, thành phố phát động phong trào xây dựng nông thôn mới, có kế hoạch phát động thi đua trong các cấp, các ngành thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng tỉnh.

Dưới sự lãnh đạo của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH, các phong trào thi đua yêu nước đã được triển khai rộng khắp và thu hút sự tham gia hưởng ứng tích cực của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Điển hình là MTTQ các cấp chỉ đạo nâng cao chất lượng Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” đã có nhiều kết quả tốt.

Tại Nam Định, toàn tỉnh có 100% số xã đạt chuẩn, 04 huyện, thành phố được công nhận đạt chuẩn, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng Nông thôn mới. Cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam đã từng bước góp phần nâng cao nhận thức của người dân, ưu tiên mua sắm hàng Việt Nam có chất lượng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội [124].

Tại Bắc Ninh, phong trào toàn dân tham gia xây dựng, cải tạo cống rãnh thoát nước, khắc phục ô nhiễm môi trường tại các khu dân cư trên địa bàn tỉnh đã vận động nhân dân xây dựng được trên 300 nghìn mét cống rãnh, trong đó nhân dân đóng góp trên 30 tỷ đồng. Phong trào thi đua “Cựu chiến binh gương mẫu” của Hội Cựu chiến binh đã có 98,1% hội viên đạt danh hiệu Cựu chiến binh gương mẫu, 97,52% gia đình Cựu chiến binh đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa [120].

Tại Vĩnh Phúc, phong trào đồng hành với thanh niên trong lập thân, lập nghiệp của Đoàn thanh niên hàng năm đã tư vấn xuất khẩu lao động, tư vấn

hướng nghiệp, học nghề và việc làm trong nước cho hàng chục nghìn lượt đoàn viên thanh niên; phong trào “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, “Phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật” do tổ chức Công đoàn phát động đã có 204 đề tài nghiên cứu khoa học được Hội đồng khoa học tỉnh công nhận và có 226.689 sáng kiến cải tiến kỹ thuật của cán bộ, viên chức, người lao động được công nhận và đưa vào sử dụng [126].

Tại Hải Dương, phong trào thi đua “Dân vận khéo” đã tác động tích cực làm chuyển biến nhiều phong trào ở cơ sở. Giai đoạn 2016-2020, toàn tỉnh xây dựng được 963 mô hình, điển hình trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị [122].

Kết quả khảo sát tại nội dung này cho thấy 70% số người được hỏi nhất trí với nhận định rằng UBND cấp tỉnh trong vùng ĐBSH đã có nhiều đổi mới trong công tác tổ chức vận động nhân dân [Phụ lục 13].

Có thể nói, các phong trào thi đua của các cấp, các ngành đã góp phần làm chuyển biến nhiều phong trào ở cơ sở. Đời sống kinh tế của nhân dân không ngừng được nâng cao, hộ đói không còn, số hộ nghèo trên địa bàn các tỉnh vùng ĐBSH giảm còn dưới 1%, gia tăng số hộ khá, giàu; công tác chăm sóc các gia đình chính sách tiếp tục được quan tâm; tỷ lệ bê-tông hóa đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng được tăng lên; cơ sở vật chất hạ tầng và các thiết chế sinh hoạt văn hóa được quan tâm xây dựng; tình làng nghĩa xóm được củng cố; nếp sống văn hóa trong việc cưới, việc tang, lễ hội có nhiều tiến bộ, giảm dần các hủ tục; cảnh quan, vệ sinh môi trường được cải thiện; tệ nạn xã hội giảm; nhiều tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh; an ninh, chính trị được đảm bảo; người dân nâng cao ý thức chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

*Ba là*, việc tổ chức phối hợp các cơ quan, lực lượng tiến hành CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH được thực hiện theo quy chế, đạt được những tiến bộ nhất định

Công tác phối hợp giữa UBND tỉnh với các cơ quan trong thực hiện dân vận chính quyền đã đạt được nhiều ưu điểm đáng ghi nhận. Trước hết, UBND tỉnh đã chủ động xây dựng và ban hành các văn bản quy định rõ cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan, tạo hành lang pháp lý vững chắc cho hoạt động dân vận. Qua đó, việc phân công, phân nhiệm được thực hiện một cách khoa học, tránh chồng chéo và đảm bảo phát huy được thế mạnh của từng đơn vị.

Trong công tác phối hợp giữa UBND cấp tỉnh với Ban Dân vận cấp ủy cấp tỉnh, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH đã thiết lập mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong việc tham mưu, đề xuất các chủ trương, chính sách liên quan đến CTDV. Hai cơ quan thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban định kỳ, trao đổi thông tin và đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ. Điều này giúp nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Tại Hà Nội, ngày 29/10/2021, Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố đã ký kết Chương trình số 03-CTr/BDVTU-BCSĐUBNDTP, phối hợp giữa Ban Dân vận Thành ủy và Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố về CTDV giai đoạn 2021-2026. Ngày 28/10/2022, ký kết Chương trình số 08-CTr/BDVTU-BCSĐUBNDTP (sửa đổi, bổ sung Chương trình số 03). Ngày 26/11/2021, ký kết Chương trình số 04-CTr/BDVTU-BTLTĐ giữa Ban Dân vận Thành ủy Hà Nội và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; ngày 13/12/2021, ký kết Chương trình số 05-CTr/BDVTU-CAHN giữa Ban Dân vận Thành ủy Hà Nội và Công an Thành phố Hà Nội.

Trong công tác phối hợp giữa UBND cấp tỉnh với các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH đã chỉ đạo các sở, ban, ngành tăng cường phối hợp trong giải quyết những vấn đề bức xúc của nhân dân. Chẳng hạn, trong công tác giải phóng mặt bằng, các đơn vị như Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Ban Quản lý dự án phối hợp chặt chẽ nhằm đảm

bảo quyền lợi chính đáng của người dân. Trong lĩnh vực y tế, giáo dục, các đơn vị chuyên môn thường xuyên phối hợp tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe và giáo dục cộng đồng.

Công tác phối hợp còn được thể hiện qua việc UBND tỉnh thường xuyên tổ chức các đoàn công tác liên ngành để nắm bắt tình hình, lắng nghe ý kiến nhân dân. Ví dụ như tổ chức đoàn công tác liên ngành để giải quyết kiến nghị của người dân về ô nhiễm môi trường tại khu công nghiệp, với sự tham gia của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương và các đơn vị liên quan. Nhờ làm tốt công tác phối hợp, nhiều vấn đề phức tạp trong đời sống xã hội đã được giải quyết hiệu quả, góp phần giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tỷ lệ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước ngày càng được nâng cao, niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của chính quyền ngày càng được củng cố.

Trong công tác phối hợp giữa UBND cấp tỉnh với MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH đã phối hợp chặt chẽ trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia các phong trào thi đua, các cuộc vận động. Việc phối hợp này được thể hiện qua nhiều hình thức như: tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp giữa chính quyền với nhân dân, phối hợp giám sát chính sách an sinh xã hội, tổ chức các hoạt động “Dân vận khéo”.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh đã ban hành các quy chế phối hợp để tăng cường mối quan hệ phối hợp công tác, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Nội dung phối hợp bao gồm: tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; tuyên truyền, vận động nhân dân; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện công tác bầu cử; giám sát, phản biện xã hội; trả lời phản ánh, kiến nghị của nhân dân; tham gia kỳ họp HĐND, hoạt động đối ngoại nhân dân; đảm bảo điều kiện hoạt động của MTTQ. Đồng thời, chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh ký kết chương trình phối hợp chuyên ngành với MTTQ tỉnh.

Hàng năm, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh phối hợp với các tổ chức thành viên lựa chọn nội dung, dự kiến chương trình giám sát, phản biện xã hội để báo cáo Thường trực Tỉnh ủy. Thực hiện Quyết định số 217, 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị, công tác giám sát, phản biện xã hội của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội từng bước được phát huy.

Tại Hà Nam, từ năm 2019 đến năm 2024, Ủy ban MTTQ tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh đã tổ chức phản biện hơn 1.100 văn bản; tổ chức giám sát thông qua nghiên cứu, xem xét trên 2.700 văn bản; thành lập hơn 1.000 đoàn giám sát. Ủy ban MTTQ tỉnh đã chủ trì hơn 70 cuộc giám sát và phối hợp tổ chức hơn 3.250 cuộc giám sát về các lĩnh vực như: chính sách người có công, giải quyết khiếu nại - tố cáo, bảo vệ môi trường, sử dụng các nguồn đóng góp của nhân dân, an toàn thực phẩm, đạo đức cán bộ, bình đẳng giới, chính sách với phụ nữ và trẻ em, bảo hiểm y tế cho cựu chiến binh, phát triển thanh niên...[121].

Kết quả khảo sát tại nội dung này cho thấy 61% số người được hỏi nhất trí với nhận định rằng UBND cấp tỉnh trong vùng ĐBSH đã tổ chức tốt việc phối hợp các cơ quan, lực lượng tiến hành CTDV [Phụ lục 13].

*Bốn là*, việc xây dựng, củng cố các tổ chức và lực lượng làm CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH được duy trì thường xuyên, ngày càng ổn định

Các UBND tỉnh chỉ đạo các sở thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, tham gia thực hiện CTDV theo chức năng, nhiệm vụ. Mỗi cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đều phân công cán bộ phụ trách dân vận, tham gia tổ chức thực hiện Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, thực hiện Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo; công tác tiếp công dân; đối thoại; kết quả xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

Các UBND tỉnh quan tâm xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số: Các hệ thống thông tin phục vụ quản lý, điều hành, phục vụ

người dân, doanh nghiệp tiếp tục được khai thác, vận hành có hiệu quả. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh kết nối và đồng bộ trạng thái hồ sơ thủ tục hành chính lên Cổng dịch vụ công quốc gia; kết nối với nền tảng thanh toán trực tuyến nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Các UBND tỉnh chú trọng việc xây dựng tiêu chuẩn cán bộ, công chức phụ trách CTDV chính quyền. Cán bộ thực hiện nhiệm vụ dân vận chính quyền chịu trách nhiệm trước cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức, cơ quan, đơn vị về CTDV. Xây dựng chương trình công tác, có chế độ định kỳ sinh hoạt, tiếp xúc, đối thoại với cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân của ngành, cơ quan, tổ chức và địa phương được phân công phụ trách ít nhất mỗi quý một lần; thường xuyên lắng nghe ý kiến của cấp dưới, mặt trận và các đoàn thể, của đảng viên và nhân dân; thường xuyên nghiên cứu, cập nhật kiến thức về CTDV. Tham dự các lớp tập huấn về CTDV do ban dân vận cấp ủy tổ chức; được ban dân vận cấp ủy, mặt trận và các đoàn thể nhân dân cung cấp các tài liệu, thông tin, báo cáo về CTDV. Định kỳ hàng tháng báo cáo với chi ủy, chi bộ về tâm tư, nguyện vọng, ý kiến của nhân dân nơi cư trú và nơi làm việc. Cán bộ làm CTDV chuyên trách, đặc biệt là cán bộ chủ chốt các cấp, ngoài tiêu chuẩn chung phải được đào tạo, am hiểu và có kỹ năng làm công tác vận động quần chúng, phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín và tác phong quần chúng.

Công tác giáo dục đạo đức công vụ và tinh thần trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động luôn được xác định là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng; do vậy, UBND tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai toàn diện các mặt công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân.

Các UBND tỉnh vùng ĐBSH coi trọng phát huy vai trò quan trọng của cốt cán trong tôn giáo và người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tham gia tuyên truyền, vận động, thuyết phục Nhân dân; chỉ đạo tổ chức giao lưu, gặp gỡ chức sắc các tôn giáo, đối thoại, thông tin về chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, tình hình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương để phối hợp tham gia tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo sự lan tỏa, sức sống của CTDV.

Kết quả khảo sát tại nội dung này cho thấy 61% số người được hỏi nhất trí với nhận định rằng UBND cấp tỉnh trong vùng ĐBSH đã duy thực hiện tốt xây dựng, củng cố các tổ chức và lực lượng làm CTDV [Phụ lục 13].

*Năm là*, công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết và tổng kết về CTDV của nhiều UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH được chú trọng, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này

Trong công tác kiểm tra, giám sát, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH có nhiều ưu điểm nổi bật trong kiểm tra, giám sát CTDV chính quyền. Trước hết, công tác kiểm tra được thực hiện một cách bài bản, có kế hoạch cụ thể từ đầu năm. Các đoàn kiểm tra được thành lập với sự tham gia đa dạng của nhiều ban ngành, đảm bảo tính khách quan và toàn diện trong đánh giá. Điển hình như tại Hà Nam, UBND tỉnh đã thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành với sự tham gia của Ban Dân vận, MTTQ và các đoàn thể để kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Nội dung kiểm tra, giám sát được xác định rõ ràng, tập trung vào những vấn đề trọng tâm, bức xúc được dư luận xã hội quan tâm. Các đoàn kiểm tra không chỉ dừng lại ở việc phát hiện thiếu sót mà còn chú trọng hướng dẫn, chia sẻ kinh nghiệm giúp các đơn vị khắc phục hạn chế. Chẳng hạn như tại Thái Bình, công tác kiểm tra đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, tỷ lệ giải quyết đơn thư đạt trên 95%.

Tại Hà Nội, UBND Thành phố tổ chức 03 đoàn kiểm tra 10 năm thực hiện Quyết định số 290-QĐ/TW của Bộ Chính trị, Quyết định số 2034-QĐ/TU của Thành ủy về quy chế CTDV của hệ thống chính trị tại các địa phương, đơn vị; UBND Thành phố kiểm tra 363 cuộc; Ban Dân vận Thành ủy phối hợp Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố, Sở Y tế, Công an Thành phố kiểm tra 33 địa phương, đơn vị [108]. Sau kiểm tra, có thông báo kết luận kiểm tra, thẳng thắn chỉ ra các ưu điểm, khuyết điểm và định hướng các giải pháp để tiếp tục thực hiện hiệu quả CTDV của các cơ quan nhà nước trong thời gian tới.

Trong công tác sơ kết, tổng kết, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH đã thực hiện nghiêm túc theo định kỳ 6 tháng và hàng năm. Đặc biệt, việc tổ chức sơ kết, tổng kết được tiến hành từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh, đảm bảo tính hệ thống và toàn diện trong đánh giá. Các hội nghị sơ kết, tổng kết không chỉ đánh giá kết quả đạt được mà còn phân tích kỹ nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế để đề ra giải pháp khắc phục phù hợp, chú trọng đến công tác khen thưởng, biểu dương những điển hình tiên tiến trong thực hiện CTDV chính quyền. Tại Nam Định, UBND tỉnh đã tổ chức nhiều hội nghị biểu dương các mô hình “Dân vận khéo” tiêu biểu, tạo động lực cho các đơn vị phấn đấu và học tập. Những mô hình hay, cách làm hiệu quả được nhân rộng đã góp phần nâng cao chất lượng CTDV trên địa bàn.

Công tác theo dõi, đánh giá kết quả sau kiểm tra cũng được các tỉnh quan tâm thực hiện. Ủy ban nhân dân các tỉnh thường xuyên yêu cầu các đơn vị được kiểm tra báo cáo tiến độ khắc phục những tồn tại, hạn chế. Việc này giúp đảm bảo tính hiệu quả của công tác kiểm tra, tránh tình trạng “kiểm tra xong rồi thôi”. Tại Hưng Yên, sau mỗi đợt kiểm tra, UBND tỉnh đều có văn bản chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch khắc phục cụ thể và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện.

Thông qua việc sơ kết, tổng kết CTDV, UBND tỉnh Ninh Bình đúc rút phương châm “Đảng nói dân tin, chính quyền làm dân theo, Mặt trận, đoàn

thể vận động dân đồng tình, hưởng ứng”. Thực hiện theo phương châm này, CTDV của UBND tỉnh luôn có sự đổi mới và đạt kết quả rõ nét, góp phần vào thành tích chung của Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh.

Nhìn chung, do kịp thời tổ chức sơ kết, tổng kết về CTDV nên các UBND tỉnh ở vùng ĐBSH đã kịp thời phát hiện ra các ưu điểm để phát huy, chấn chỉnh, sửa chữa các hạn chế, khuyết điểm, đúc rút ra các kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả CTDV như: đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ Nhân dân; tăng cường công tác phòng chống tham nhũng; đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ trong cơ quan, đơn vị và ở cơ sở; phát huy dân chủ trong bộ máy chính quyền góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống Nhân dân, giữ gìn trật tự xã hội và giữ vững an ninh quốc phòng.

Đặc biệt, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH đã vận dụng công nghệ thông tin vào công tác kiểm tra, giám sát và tổng kết. Nhiều địa phương đã xây dựng phần mềm quản lý, theo dõi việc thực hiện các kiến nghị sau kiểm tra, tạo thuận lợi cho công tác chỉ đạo, điều hành. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ trong tổ chức hội nghị trực tuyến sơ kết, tổng kết đã giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và tăng số lượng đại biểu tham dự.

Nhờ làm tốt công tác kiểm tra, giám sát và sơ kết, tổng kết, CTDV của các UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Niềm tin của nhân dân đối với chính quyền ngày càng được củng cố, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Kết quả khảo sát tại nội dung này cho thấy 58% số người được hỏi nhất trí với nhận định rằng UBND cấp tỉnh trong vùng ĐBSH đã chú trọng tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết và tổng kết về CTDV, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

### 3.1.2. Hạn chế, khuyết điểm

*Một là*, một số UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH còn chậm trong việc ban hành văn bản nhằm cụ thể hóa, thể chế hóa các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước và tinh ủy về CTDV, nội dung còn lúng túng, chưa sát điều kiện thực tế của địa phương

Đến năm 2024, theo thống kê từ Ban Dân vận Trung ương và báo cáo của các địa phương, trong số 11 tỉnh, thành phố trực thuộc vùng ĐBSH, mới chỉ có 6 tỉnh ban hành kế hoạch riêng, bài bản về đổi mới, nâng cao hiệu quả CTDV của chính quyền cấp tỉnh; còn lại phần lớn các địa phương vẫn lồng ghép nội dung dân vận trong các kế hoạch cải cách hành chính, chương trình phối hợp với MTTQ hoặc nội dung của các đề án liên ngành. Việc thiếu các văn bản chuyên đề dẫn tới hạn chế trong việc xác định rõ mục tiêu, lộ trình, nguồn lực thực hiện và cơ chế kiểm tra, đánh giá phù hợp với yêu cầu CTDV trong giai đoạn mới.

Công tác chỉ đạo triển khai các văn bản của Đảng và Nhà nước về CTDV của một số UBND cấp tỉnh còn lúng túng, chưa cụ thể hóa thành các đầu việc rõ ràng. Một bộ phận cán bộ lãnh đạo chưa hiểu rõ nội dung, phạm vi, phương pháp thực hiện CTDV của UBND. Việc nắm tình hình và tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong xử lý các vấn đề liên quan đến mối quan hệ giữa Nhà nước và Nhân dân, giữa các cơ quan công quyền và cộng đồng dân cư còn chậm và thiếu tính chiến lược. Báo cáo khảo sát năm 2023 của Ban Dân vận Trung ương tại các tỉnh trong vùng ĐBSH cho thấy chỉ khoảng 47,3% cán bộ lãnh đạo cấp sở ngành tỉnh có nhận thức đầy đủ và đúng về nội dung CTDV chính quyền, trong khi đó tỷ lệ này ở cấp huyện đạt tới 61%, cho thấy nghịch lý trong năng lực lãnh đạo ở cấp cao hơn [24].

Một số UBND cấp tỉnh chưa thực sự quan tâm đúng mức đến việc tổ chức học tập, quán triệt các chủ trương của Đảng về CTDV. Việc triển khai ở một số nơi còn mang tính hình thức, chưa đi vào chiều sâu. Trong năm 2022 -

2023, số liệu từ Bộ Nội vụ cho thấy chỉ có 4/11 tỉnh trong vùng tổ chức các lớp tập huấn chuyên đề cho cán bộ, công chức cấp tỉnh về dân vận hành chính; các tỉnh còn lại chủ yếu lồng ghép trong các buổi sinh hoạt chính trị chung, thời lượng hạn chế, không bảo đảm chất lượng truyền đạt [32]. Nhiều cán bộ, công chức chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng của CTDV trong tình hình mới, nhất là khi thực hiện cải cách hành chính, chuyển đổi số, và giải quyết các vụ việc khiếu kiện đông người. Do đó, việc xây dựng chương trình, kế hoạch dân vận của nhiều địa phương còn thiếu tầm nhìn, thiếu tính chiến lược và không sát với thực tiễn địa phương. Các văn bản chỉ đạo thường khái quát, thiếu cụ thể hóa bằng các mục tiêu định lượng, định tính có thể đo lường. Điển hình là việc triển khai Nghị quyết số 25-NQ/TW và các văn bản hướng dẫn của Ban Dân vận Trung ương về đổi mới CTDV trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường: đến năm 2024, mới có 3 tỉnh (Hà Nội, Ninh Bình, Hải Phòng) xác định rõ các nhóm nhiệm vụ trọng tâm về dân vận trong quản lý nhà nước, trong khi các tỉnh khác còn lúng túng, bị động và thiếu điểm nhấn.

Công tác khảo sát, đánh giá thực trạng trước khi xây dựng kế hoạch CTDV vẫn là một khâu yếu. Việc điều tra xã hội học, tham vấn ý kiến chuyên gia, thu thập phản ánh của người dân thông qua kênh trực tuyến hoặc đối thoại trực tiếp còn rất hạn chế. Tính đến cuối năm 2023, theo thống kê từ Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, chỉ có 5/11 tỉnh tổ chức đối thoại định kỳ giữa Chủ tịch UBND tỉnh với nhân dân để tiếp nhận ý kiến góp ý về hoạt động của chính quyền [79]. Việc phối hợp giữa các sở, ngành, nhất là giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy và UBND tỉnh trong quá trình xây dựng kế hoạch còn lỏng lẻo, thiếu quy chế phối hợp thống nhất. Một số địa phương vẫn tồn tại tình trạng “cát cứ ngành”, mỗi sở ngành thực hiện theo cách riêng, thiếu sự tích hợp và điều phối chung của UBND tỉnh. Điều này khiến các chương trình, kế hoạch dân vận thiếu tính đồng bộ, không gắn kết chặt chẽ với các

mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều kế hoạch đề ra các chỉ tiêu không khả thi, như tỷ lệ hài lòng của người dân đạt trên 95% trong năm đầu triển khai, hoặc đặt chỉ tiêu không đi kèm với công cụ đo lường cụ thể, dẫn đến khó đánh giá và tổng kết.

Bên cạnh đó, các chương trình CTDV vẫn thiên về hình thức, thiếu tính đột phá và chưa kịp thời phản ánh các vấn đề mới phát sinh trong đời sống xã hội, như quản trị đất đai, thu hồi đất cho phát triển hạ tầng, ô nhiễm môi trường, an sinh xã hội sau dịch COVID-19. Theo tổng hợp báo cáo năm 2024 của một số sở Nội vụ và Ban Dân vận tỉnh ủy, nội dung về dân vận trong chuyển đổi số mới chỉ xuất hiện ở 2 kế hoạch cấp tỉnh. Một số tỉnh như Nam Định, Thái Bình, Hưng Yên vẫn đang áp dụng mô hình kế hoạch tổng hợp, không có phần mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ riêng cho CTDV của UBND, khiến cho việc theo dõi, đánh giá hiệu quả gần như không thực hiện được.

Kết quả khảo sát cho thấy 29,4% số người được hỏi thuộc nhóm cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành của UBND cấp tỉnh và UBND cấp xã nhận định rằng UBND cấp tỉnh chưa kịp thời xây dựng, ban hành các văn bản cụ thể hóa, thể chế hóa các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước và tỉnh ủy về CTDV. Đáng chú ý, trong nhóm đối tượng là nhân dân sinh sống tại các tỉnh, thành phố vùng ĐBSH, tỷ lệ này lên tới 53% [Phụ lục 13; Phụ lục 14]

*Hai là*, việc đổi mới nội dung và phương thức vận động nhân dân của một số UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH chưa theo kịp yêu cầu mới, thiếu tính chủ động và đột phá

Trong quá trình tổ chức thực hiện cải cách thủ tục hành chính, một nội dung trọng tâm của CTDV của UBND tỉnh, nhiều địa phương trong vùng còn chậm trễ trong đổi mới, tinh gọn quy trình xử lý hồ sơ. Đến năm 2024, theo thống kê của Bộ Nội vụ, tỷ lệ hài lòng của người dân đối với thủ tục hành chính tại một số tỉnh như Nam Định, Bắc Ninh, Hưng Yên vẫn ở mức dưới 80%, thấp hơn mức bình quân cả nước (83,5%). Nhiều thủ tục, điển hình là

thủ tục cấp phép xây dựng, vẫn yêu cầu người dân phải nộp các loại giấy tờ trùng lặp như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản vẽ hiện trạng nhà đất, xác nhận không tranh chấp..., trong khi dữ liệu này đã có sẵn ở các cơ quan chuyên môn. Tình trạng giải quyết hồ sơ kéo dài quá thời hạn vẫn xảy ra tại nhiều địa phương. Báo cáo chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2023 cho thấy có đến 6/11 tỉnh trong vùng bị đánh giá thấp ở tiêu chí đơn giản hóa thủ tục và giảm thời gian xử lý hồ sơ.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 chưa hiệu quả. Dù 100% UBND cấp tỉnh trong vùng đã thiết lập cổng dịch vụ công, nhưng tỷ lệ hồ sơ được người dân, doanh nghiệp nộp trực tuyến vẫn rất thấp. Theo thống kê của Bộ Thông tin và Truyền thông, năm 2023, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 4 tại Thái Bình chỉ đạt 16%, tại Hải Dương là 19,8%, trong khi trung bình toàn quốc đã đạt trên 35%. Nguyên nhân chủ yếu là do thiếu sự hướng dẫn cụ thể, công tác tuyên truyền chưa sâu rộng, nhiều người dân, đặc biệt là ở nông thôn, không biết hoặc không thành thạo sử dụng nền tảng số. Trong một số cơ quan hành chính, vẫn còn tình trạng cán bộ gây phiền hà, gợi ý “bôi trơn” để giải quyết nhanh hồ sơ, làm xói mòn niềm tin của người dân vào chính quyền.

Trong công tác tiếp công dân và đối thoại trực tiếp với nhân dân, một số lãnh đạo UBND cấp tỉnh chưa thực hiện nghiêm túc lịch tiếp công dân định kỳ, thường xuyên ủy quyền cho cấp dưới, làm giảm hiệu quả tương tác giữa chính quyền và người dân. Năm 2023, theo báo cáo của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, có đến 6 tỉnh trong vùng không đảm bảo lịch tiếp công dân định kỳ hàng tháng của Chủ tịch UBND tỉnh. Công tác tiếp dân ở một số nơi còn hình thức; tình trạng đùn đẩy, né tránh trong giải quyết khiếu nại, tố cáo vẫn diễn ra. Tính đến tháng 12 năm 2023, toàn vùng ĐBSH còn tồn đọng hơn 3.400 đơn thư chưa được giải quyết dứt điểm, trong đó có 21 vụ việc kéo dài từ trên 5 năm, chủ yếu liên quan đến đất đai, bồi thường, tái định cư [79].

Việc tổ chức các cuộc đối thoại trực tiếp với nhân dân chưa được triển khai thường xuyên và bài bản. Nhiều buổi đối thoại còn nặng về hình thức, không đi vào nội dung thiết thực mà người dân quan tâm. Theo khảo sát của Ban Dân vận Trung ương năm 2023, chỉ khoảng 36% người dân được hỏi đánh giá các buổi đối thoại là “hữu ích”, còn lại cho rằng nội dung còn chung chung, thời gian dành để lắng nghe ý kiến còn ít, thiếu sự tham gia trực tiếp của các cơ quan chuyên môn, khiến nhiều vấn đề nêu ra không được trả lời đầy đủ [24]. Sau đối thoại, việc theo dõi và xử lý các kiến nghị của người dân còn chậm, thiếu cơ chế giám sát minh bạch. Bên cạnh đó, điều kiện cơ sở vật chất tại nhiều trụ sở tiếp dân chưa đáp ứng yêu cầu: phòng tiếp công dân còn chật hẹp, thiếu ghế chờ, thiếu phương tiện hỗ trợ người khuyết tật. Thái độ phục vụ của một số cán bộ tiếp dân còn chưa tận tình, có biểu hiện thiếu kiên nhẫn, giải thích qua loa khiến người dân bức xúc, ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín của chính quyền.

Về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, một số địa phương trong vùng vẫn còn tỷ lệ giải quyết đơn thư thấp. Theo báo cáo tổng hợp của Thanh tra Chính phủ năm 2023, các tỉnh như Bắc Giang, Hải Dương, Hưng Yên chỉ giải quyết được dưới 80% số đơn thư thuộc thẩm quyền, thấp hơn so với mức bình quân cả nước là 86,2% [101]. Nhiều vụ việc sau khi có kết luận giải quyết nhưng người dân vẫn không đồng thuận, tiếp tục khiếu kiện kéo dài, vượt cấp. Nguyên nhân là do chất lượng kết luận còn thấp, một số nơi xử lý thiếu trách nhiệm, mang tính đối phó, giải quyết hình thức. Việc phối hợp giữa các cơ quan chức năng chưa đồng bộ, còn tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm. Công tác đối thoại, hòa giải trong xử lý đơn thư có nơi còn yếu, chưa phát huy vai trò của các tổ chức giám sát ở cơ sở. Việc thực hiện quy chế dân chủ ở một số xã, phường, thị trấn còn mang tính hình thức; vai trò của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng chưa được phát huy rõ nét.

Đối với việc tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, trong đó có các mô hình “Dân vận khéo”, nhiều nơi còn lúng túng trong lựa chọn nội dung phù hợp với đặc thù địa phương. Đến năm 2024, theo tổng kết của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, có tới 60% mô hình “Dân vận khéo” tại các tỉnh trong vùng vẫn dừng ở phạm vi một thôn, xã, chưa được nhân rộng. Công tác tổng kết, đánh giá hiệu quả mô hình còn mang tính hình thức, ít được đầu tư nghiên cứu, dẫn đến thiếu tính lan tỏa. Việc khen thưởng trong phong trào thi đua còn nặng về hình thức, bình xét thiếu công bằng, đôi khi theo “cảm tính”, chưa tạo được động lực thực chất cho các tập thể, cá nhân tích cực tham gia.

Về phân bổ ngân sách và nhân lực cho CTDV của UBND tỉnh, hiện nay chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Trong năm 2023, ngân sách chi cho CTDV tại nhiều tỉnh chiếm chưa đến 0,3% tổng chi thường xuyên, phần lớn dùng cho hoạt động hội nghị, hội thảo, rất ít dành cho nghiên cứu, đào tạo, xây dựng dữ liệu hoặc hỗ trợ cơ sở. Việc bố trí cán bộ chuyên trách làm dân vận trong UBND tỉnh còn chưa đầy đủ, nhiều địa phương vẫn kiêm nhiệm, thiếu tính chuyên nghiệp. Hệ thống cơ sở dữ liệu về CTDV chưa đồng bộ, chưa kết nối hiệu quả với các cơ sở dữ liệu khác như phản ánh kiến nghị của người dân, dịch vụ công trực tuyến, kết quả xử lý đơn thư, dẫn đến khó khăn trong chỉ đạo điều hành.

Những hạn chế nêu trên cho thấy yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức CTDV của UBND các cấp trong vùng ĐBSH. Chỉ khi coi trọng đúng mức, đầu tư bài bản và có cơ chế giám sát, đánh giá thực chất, CTDV mới thực sự phát huy vai trò là “cầu nối” giữa chính quyền với Nhân dân, góp phần ổn định tình hình chính trị - xã hội, thúc đẩy phát triển bền vững của địa phương.

Kết quả khảo sát cho thấy 30% số người được hỏi thuộc nhóm cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành của UBND cấp tỉnh và UBND cấp xã

nhận định rằng UBND cấp tỉnh chưa tổ chức tốt chương trình, kế hoạch CTDV. Trong nhóm đối tượng là nhân dân sinh sống tại các tỉnh, thành phố vùng ĐBSH, tỷ lệ này chiếm tới 45% [Phụ lục 13; Phụ lục 14]

*Ba là*, cơ chế phối hợp giữa UBND cấp tỉnh với các cơ quan, lực lượng làm CTDV có nơi còn hình thức, thiếu đồng bộ, bộc lộ một số hạn chế trong quá trình thực hiện

Mặc dù thời gian qua, nhiều tỉnh trong vùng ĐBSH đã triển khai các chương trình phối hợp về CTDV giữa UBND cấp tỉnh với Ban Dân vận, Ủy ban MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội, song trên thực tế, việc phối hợp này ở nhiều nơi vẫn chưa thực sự chặt chẽ, còn hình thức, thiếu chiều sâu. Theo kết quả khảo sát của Ban Dân vận Trung ương năm 2023 tại 11 tỉnh, thành phố vùng ĐBSH, chỉ có khoảng 48,6% số cán bộ cấp tỉnh được hỏi đánh giá công tác phối hợp giữa UBND tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội là “đạt yêu cầu”, còn lại cho rằng phối hợp “thiếu đồng bộ”, “thiếu thường xuyên” hoặc “thiếu hiệu quả cụ thể” [24].

Công tác giám sát, phản biện xã hội của MTTQ và các đoàn thể tại một số địa phương vẫn còn lúng túng, chưa rõ vai trò, chưa phát huy được chức năng “tai mắt của dân” trong phản ánh các vấn đề bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện các chính sách dân sinh. Đến năm 2024, theo báo cáo tổng hợp của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, chỉ có 6/11 tỉnh trong vùng tổ chức đầy đủ các cuộc phản biện xã hội cấp tỉnh theo quy định; một số tỉnh như Hà Nam, Hưng Yên có dưới 3 cuộc phản biện cấp tỉnh trong cả năm, trong khi nhiều vấn đề lớn liên quan đến quy hoạch, môi trường, đất đai... chưa được tham vấn ý kiến nhân dân đầy đủ thông qua MTTQ và các tổ chức thành viên [79].

Sự phối hợp giữa UBND tỉnh với các cơ quan liên quan trong tổ chức thực hiện CTDV vẫn còn tình trạng “mạnh ai nấy làm”, chưa có cơ chế điều phối chung. Tại nhiều nơi, việc triển khai các hoạt động dân vận chưa gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, bảo

đảm an ninh trật tự ở địa phương. Theo báo cáo của Bộ Nội vụ năm 2023, có đến 7 tỉnh trong vùng chưa tích hợp nội dung CTDV trong chương trình tổng thể cải cách hành chính hoặc quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương [32]. Điều này dẫn đến việc CTDV trở thành phần việc độc lập, chưa được lồng ghép trong các chính sách công chủ đạo.

Việc xây dựng mô hình “Dân vận khéo” trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp còn hạn chế về số lượng và quy mô. Báo cáo chuyên đề của Ban Dân vận Trung ương năm 2023 cho biết, số mô hình “Dân vận khéo” trong lĩnh vực hành chính - công vụ chiếm chưa đến 15% tổng số mô hình toàn vùng, trong đó phần lớn chỉ triển khai ở cấp xã, phường, thị trấn, chưa phát huy vai trò nêu gương, lan tỏa từ các sở, ngành cấp tỉnh [25]. Tại nhiều cơ quan, việc xây dựng mô hình còn mang tính phong trào, chưa có tiêu chí đánh giá cụ thể, thiếu đầu tư nguồn lực và chưa được sơ kết, nhân rộng bài bản.

Về cơ chế phối hợp, hiện vẫn thiếu một quy định thống nhất và ràng buộc trách nhiệm cụ thể giữa UBND tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội. Nhiều chương trình phối hợp chỉ dừng lại ở việc ký kết văn bản mang tính nguyên tắc, chưa được thể chế hóa bằng quy chế cụ thể để điều hành thống nhất. Việc trao đổi thông tin giữa các bên còn chậm trễ, đặc biệt trong các vụ việc phát sinh mâu thuẫn tại cơ sở, dẫn đến tình trạng UBND tỉnh không nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị chính đáng của người dân. Trong năm 2023, theo số liệu giám sát của Ủy ban MTTQ Việt Nam, hơn 34% số vụ việc phức tạp tại cơ sở phát sinh trước khi chính quyền cấp tỉnh có thông tin chính thức, cho thấy một lỗ hổng trong cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các kênh dân vận và chính quyền [79].

Về nội dung phối hợp, có không ít hoạt động dân vận còn tình trạng chồng chéo, trùng lặp, đặc biệt trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân. Tại một số địa phương, cùng một nội dung tuyên truyền (như xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường, phòng chống tội phạm...) nhưng được

triển khai đồng thời bởi nhiều tổ chức, đơn vị mà không có sự điều phối, dẫn đến lãng phí nguồn lực, phân tán hiệu quả. Trong khi đó, một số lĩnh vực thiết yếu như vận động người dân tham gia giám sát đầu tư cộng đồng, bảo vệ quyền lợi người yếu thế, thực hiện chuyển đổi số... lại bị bỏ sót, hoặc thực hiện hình thức. Việc phân công, phân cấp trách nhiệm trong xử lý các vấn đề phức tạp nhiều khi không rõ ràng, dẫn đến hiện tượng đùn đẩy, né tránh, làm giảm hiệu lực quản lý và hiệu quả phối hợp.

Về phương thức phối hợp, một số chương trình thi đua, các cuộc vận động do UBND tỉnh chủ trì triển khai còn thiếu sự gắn kết với MTTQ và các đoàn thể. Việc tổ chức phong trào thi đua “Dân vận khéo” chưa đồng đều về chất lượng; nhiều nơi triển khai theo kiểu “đến hẹn lại làm”, thiếu kiểm tra, đôn đốc, dẫn đến hiệu quả thực hiện chưa cao. Kết quả sơ kết, tổng kết các chương trình phối hợp còn mang tính hình thức; nhiều báo cáo chỉ nêu thành tích mà chưa đánh giá kỹ những tồn tại, hạn chế để rút kinh nghiệm và đề ra giải pháp cụ thể. Đến năm 2024, vẫn còn 4/11 tỉnh chưa có báo cáo đánh giá độc lập hằng năm về hiệu quả thực hiện chương trình phối hợp CTDV giữa UBND tỉnh với Mặt trận và các tổ chức đoàn thể [25].

Những tồn tại nêu trên cho thấy yêu cầu cấp thiết phải hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa UBND cấp tỉnh với các cơ quan dân vận và tổ chức chính trị - xã hội một cách hiệu quả, đồng bộ, thực chất hơn. Chỉ khi mối quan hệ phối hợp này được vận hành trên cơ sở quy chế rõ ràng, nội dung thiết thực, phương thức linh hoạt và gắn với nhiệm vụ chính trị cụ thể, CTDV của UBND mới thật sự trở thành một bộ phận hữu cơ trong toàn bộ hoạt động quản trị địa phương, góp phần củng cố niềm tin và sự đồng thuận của nhân dân.

Kết quả khảo sát cho thấy có 39% số người được hỏi thuộc nhóm cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành của UBND cấp tỉnh và UBND cấp xã nhận định rằng UBND cấp tỉnh chưa tổ chức tốt việc phối hợp giữa các cơ quan, lực lượng tiến hành CTDV. Trong nhóm đối tượng là nhân dân sinh

sống tại các tỉnh, thành phố vùng ĐBSH, tỷ lệ này lên tới 45% [Phụ lục 13; Phụ lục 14]

*Bốn là*, việc xây dựng các tổ chức, lực lượng làm CTDV ở một số UBND cấp tỉnh còn thiếu tính ổn định, lúng túng trong phân công, bố trí và bảo đảm nguồn lực

Hiện nay, nhiều UBND cấp tỉnh trong vùng ĐBSH chưa xây dựng được quy hoạch dài hạn và cơ cấu tổ chức ổn định cho đội ngũ cán bộ chuyên trách làm CTDV trong của UBND. Theo khảo sát của Ban Dân vận Trung ương năm 2023 tại 11 tỉnh, thành phố vùng ĐBSH, chỉ có 3 địa phương (Hà Nội, Nam Định, Ninh Bình) có đề án riêng về củng cố, kiện toàn tổ chức và đội ngũ cán bộ làm CTDV của UBND [24]. Ở các địa phương còn lại, việc phân công cán bộ dân vận phần lớn mang tính kiêm nhiệm, thiếu ổn định, không theo hướng chuyên môn hóa.

Đáng chú ý, tại hơn 60% UBND cấp tỉnh trong vùng, cán bộ phụ trách CTDV tại Văn phòng UBND, các sở, ngành thường xuyên có sự thay đổi, trung bình 1,5 - 2 năm thay một lần, gây đứt gãy thông tin, ảnh hưởng đến tính kế thừa và hiệu quả phối hợp công việc. Theo báo cáo nội bộ của một số tỉnh như Bắc Ninh, Thái Bình, Hải Dương, tỷ lệ cán bộ dân vận không có chuyên môn phù hợp hoặc chưa từng được đào tạo cơ bản về CTDV chiếm hơn 40% số người đang đảm nhận vị trí này.

Việc bố trí cán bộ thiếu hợp lý còn thể hiện ở chỗ, nhiều địa phương giao CTDV cho cán bộ văn phòng, tổ chức, nội vụ kiêm nhiệm, dẫn đến tình trạng người được giao không đủ thời gian và tâm huyết để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ. Có cán bộ mới ra trường, chưa có kinh nghiệm thực tiễn, lại tốt nghiệp ngành không phù hợp như kỹ thuật, kế toán, luật, nhưng vẫn được giao nhiệm vụ phụ trách dân vận do thiếu nguồn nhân lực chuyên sâu. Việc này tạo ra khoảng trống về năng lực giao tiếp xã hội, xử lý tình huống và vận động quần chúng - những năng lực cốt lõi của CTDV của UBND cấp tỉnh.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ dân vận còn mang tính hình thức. Theo tổng hợp từ các Sở Nội vụ trong vùng, năm 2023, chỉ có 5/11 tỉnh tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ dân vận cho cán bộ cấp sở, ngành; trong đó số lượng người tham gia còn rất hạn chế (trung bình mỗi lớp chỉ từ 30-50 học viên), nội dung chủ yếu là phổ biến văn bản pháp luật chứ chưa trang bị các kỹ năng mềm như đối thoại, xử lý tình huống nhạy cảm, xây dựng mô hình “Dân vận khéo” trong lĩnh vực hành chính công. Tại các địa phương như Hưng Yên, Bắc Ninh, việc bồi dưỡng nghiệp vụ dân vận hầu như chưa được tổ chức riêng biệt mà chỉ lồng ghép trong các lớp bồi dưỡng tổng hợp cho cán bộ công chức.

Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức làm CTDV của UBND cấp tỉnh còn biểu hiện coi nhẹ nhiệm vụ tuyên truyền, vận động trong thực thi công vụ. Tác phong làm việc thiếu chuyên nghiệp, thái độ phục vụ chưa chuẩn mực, kỹ năng tiếp xúc với người dân còn hạn chế... là những tồn tại phổ biến. Theo kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân với dịch vụ công tại một số tỉnh năm 2023 (SIPAS), tỷ lệ hài lòng chung đạt trên 85%, nhưng tỷ lệ hài lòng với thái độ, tác phong cán bộ ở bộ phận một cửa cấp tỉnh tại các tỉnh như Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên chỉ dao động quanh mức 72-75%, thấp hơn mức bình quân toàn quốc.

Việc nắm bắt tình hình Nhân dân, nhất là các vấn đề bức xúc, dư luận xã hội, mâu thuẫn tại cơ sở của đội ngũ cán bộ dân vận của UBND cấp tỉnh chưa thật sự chủ động. Ở một số địa phương, vai trò tham mưu của cán bộ phụ trách dân vận trong xử lý các vấn đề liên quan đến đất đai, giải phóng mặt bằng, an sinh xã hội còn mờ nhạt, chưa phát huy đúng chức năng “cầu nối” giữa chính quyền và nhân dân. Có trường hợp, khi vụ việc phát sinh mới triển khai dân vận “đổi phó”, thiếu dự báo, thiếu chiều sâu, để lại hệ lụy về niềm tin xã hội.

Một hạn chế lớn khác là thiếu cơ chế, chính sách đặc thù để thu hút và giữ chân cán bộ làm CTDV trong các cơ quan nhà nước. Đến năm 2024, theo

thống kê của Ban Tổ chức Tỉnh ủy các tỉnh vùng ĐBSH, chưa có tỉnh nào ban hành được quy định riêng về phụ cấp trách nhiệm hoặc hỗ trợ công tác cho cán bộ làm dân vận của UBND cấp tỉnh. Hầu hết người được phân công không được hưởng chế độ nào khác ngoài lương cơ bản, trong khi khối lượng công việc lớn, phải thường xuyên đi cơ sở, tiếp xúc với nhân dân, giải quyết các vụ việc nhạy cảm. Việc không có chính sách đãi ngộ tương xứng dẫn đến tâm lý làm việc cầm chừng, thiếu động lực phấn đấu, nhất là trong bối cảnh áp lực công việc ngày càng cao, yêu cầu CTDV ngày càng đa dạng, phức tạp.

Kết quả khảo sát của luận án cho thấy có 39% số người được hỏi thuộc nhóm cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành của UBND cấp tỉnh và UBND cấp xã nhận định rằng UBND cấp tỉnh chưa thực hiện tốt việc xây dựng, củng cố các tổ chức và lực lượng làm CTDV. Trong nhóm đối tượng là nhân dân sinh sống tại các tỉnh, thành phố vùng ĐBSH, tỷ lệ này lên tới 45% [Phụ lục 13; Phụ lục 14].

Từ thực trạng trên có thể thấy, nếu không sớm có những giải pháp đồng bộ để kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực và chế độ đãi ngộ cho đội ngũ cán bộ làm CTDV của UBND cấp tỉnh, thì hiệu lực, hiệu quả CTDV của UBND cấp tỉnh trong vùng ĐBSH sẽ khó được nâng cao trong thời gian tới.

*Năm là*, công tác kiểm tra, giám sát và sơ kết, tổng kết CTDV ở một số UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH còn chưa thường xuyên, chậm khắc phục những tồn tại qua kiểm tra

Việc xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát CTDV của UBND cấp tỉnh ở nhiều địa phương trong vùng còn thiếu bài bản, chưa xác định đúng trọng tâm, trọng điểm. Theo tổng hợp từ báo cáo của Ban Dân vận Trung ương, trong số 11 tỉnh, thành phố vùng ĐBSH, chỉ có 4 địa phương (Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình) ban hành kế hoạch kiểm tra CTDV riêng hằng năm; các địa phương còn lại lồng ghép vào kế hoạch kiểm tra chung, dẫn đến việc triển khai còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu. Có nơi không tổ chức kiểm tra độc lập CTDV trong suốt cả năm [25].

Các đoàn kiểm tra nhiều nơi chỉ tập trung vào kiểm tra việc ban hành văn bản, quy trình hành chính mà chưa chú trọng phát hiện những tồn tại trong thực tiễn thực hiện dân vận của UBND cấp tỉnh, đặc biệt là các nội dung liên quan đến thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Theo đánh giá của MTTQ Việt Nam năm 2023, tại 7/11 địa phương trong vùng, các Ban chỉ đạo thực hiện QCDC cấp xã hoạt động chưa nền nếp, việc tổ chức hội nghị đối thoại định kỳ giữa người đứng đầu chính quyền với Nhân dân còn gián đoạn hoặc thực hiện hình thức [79].

Công tác theo dõi, đôn đốc sau kiểm tra còn yếu, chưa thường xuyên và thiếu quyết liệt. Có địa phương không có cơ chế phân công trách nhiệm theo dõi sau kiểm tra, dẫn đến các kiến nghị, kết luận sau kiểm tra không được thực hiện nghiêm túc. Chất lượng các báo cáo kiểm tra còn sơ sài, chủ yếu liệt kê hoạt động, thiếu phân tích đánh giá và minh chứng cụ thể. Trong khi đó, công tác khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích trong CTDV ở một số địa phương vẫn chủ yếu lồng ghép vào tổng kết hoạt động chuyên môn cuối năm, chưa tạo được động lực cổ vũ nhân rộng phong trào “Dân vận khéo”. Theo thống kê từ các Sở Nội vụ vùng ĐBSH, trong năm 2023, chỉ có khoảng 18% số đơn vị được biểu dương về “Dân vận khéo” là các cơ quan hành chính nhà nước, còn lại chủ yếu là các tổ chức đoàn thể và lực lượng vũ trang.

Trong công tác sơ kết, tổng kết, tình trạng hình thức vẫn còn phổ biến. Nhiều địa phương không tổ chức tổng kết theo chu kỳ mà chỉ thực hiện khi có yêu cầu của cấp trên hoặc lồng ghép vào các hội nghị hành chính. Báo cáo sơ kết thường nặng về thành tích, chưa phản ánh đúng thực trạng, ít phân tích nguyên nhân tồn tại để rút ra bài học kinh nghiệm. Một số địa phương như Hưng Yên, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, theo phản ánh từ các đoàn công tác năm 2023, còn biểu hiện nể nang, né tránh trong đánh giá hạn chế, thiếu sót. Việc theo dõi, đôn đốc thực hiện các kiến nghị sau sơ kết chưa có quy trình cụ thể, không gắn trách nhiệm người đứng đầu.

Việc triển khai phong trào thi đua “Dân vận khéo” và sơ kết kết quả triển khai các mô hình điểm còn thiếu chiều sâu. Đến cuối năm 2023, toàn vùng ĐBSH có hơn 5.200 mô hình “Dân vận khéo” các cấp, nhưng trong đó chỉ có khoảng 12% là mô hình thuộc khối cơ quan nhà nước. Đặc biệt, việc triển khai các mô hình “Dân vận khéo trong chính quyền phục vụ Nhân dân và doanh nghiệp” - một nội dung mới theo chỉ đạo của Ban Dân vận Trung ương - chưa được nhiều địa phương triển khai thực chất. Báo cáo của Bộ Nội vụ tại Hội nghị giao ban CTDV năm 2024 cho thấy, mới chỉ có 5/11 tỉnh trong vùng ban hành hoặc xây dựng đề án mô hình “Dân vận khéo chính quyền phục vụ Nhân dân và doanh nghiệp”, trong đó Hà Nội và Hải Phòng triển khai có chiều sâu, còn các tỉnh khác triển khai còn hình thức, thiếu tiêu chí đánh giá, thiếu kinh phí, và chưa có cơ chế phối hợp liên ngành [32].

Công tác tổng kết các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước gắn với thực hiện “Dân vận khéo” trong các lĩnh vực như xây dựng nông thôn mới nâng cao, giải phóng mặt bằng, giải quyết đơn thư, xây dựng đô thị văn minh... ở nhiều địa phương còn bị xem nhẹ. Một số lĩnh vực rất cần dân vận như cải cách hành chính, thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm vẫn chưa được đưa vào trọng tâm của các kế hoạch dân vận của UBND cấp tỉnh. Hệ thống báo cáo kết quả thực hiện còn thiếu số liệu cụ thể, nhiều nơi chỉ mô tả định tính, không có tiêu chí rõ ràng để lượng hóa kết quả “khéo” trong thực tế.

Từ thực tế trên cho thấy, nếu không kịp thời đổi mới phương pháp kiểm tra, giám sát, nâng cao chất lượng công tác sơ kết, tổng kết gắn với trách nhiệm người đứng đầu, thì CTDV chính quyền của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH sẽ khó tạo được chuyển biến thực chất, khó nâng cao hiệu quả phục vụ Nhân dân và đồng hành cùng doanh nghiệp trong bối cảnh yêu cầu phát triển mới.

Kết quả khảo sát của luận án cho thấy có tới 42% số người được hỏi thuộc nhóm cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành của UBND cấp

tỉnh và UBND cấp xã nhận định rằng UBND cấp tỉnh chưa thực sự chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết và tổng kết về CTDV. Trong nhóm đối tượng là nhân dân sinh sống tại các tỉnh, thành phố vùng ĐBSH, tỷ lệ này cũng chiếm tới 43% [Phụ lục 13; Phụ lục 14].

### **3.2. NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM**

#### **3.2.1. Nguyên nhân**

##### *\* Nguyên nhân của ưu điểm*

*Một là*, những kết quả đạt được trong 40 năm đổi mới của đất nước làm cho đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên, hỗ trợ cho CTDV

Công cuộc đổi mới đất nước có những thành tựu to lớn và có ý nghĩa, củng cố, tăng cường lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Sự phát triển về kinh tế- xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh làm cho tình hình chính trị của đất nước được ổn định, vị thế, vai trò của nước ta được nâng lên trên trường quốc tế. Những thành quả của công cuộc đổi mới đã góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân cả nước nói chung và nhân dân vùng ĐBSH nói riêng. Khi được thụ hưởng các thành quả của công cuộc đổi mới, nhân dân các vùng ĐBSH tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước, hăng hái thực hiện các đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực góp phần xây dựng quê hương, đất nước giàu đẹp. Nhân dân tin tưởng vào năng lực lãnh đạo của Đảng, năng lực quản lý, điều hành xã hội của chính quyền nên CTDV của các UBND tỉnh có những thuận lợi to lớn. Nhân dân tích cực, tham gia thực hiện các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, góp phần xây dựng quê hương, đất nước thịnh vượng, phồn vinh và hạnh phúc.

Như vậy, nhân dân tin tưởng, ủng hộ công cuộc đổi mới là điều kiện thuận lợi quan trọng cho CTDV của các UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH đạt được những kết quả và thành tựu quan trọng trong thời gian qua.

*Hai là*, hệ thống quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về CTDV ngày càng được hoàn thiện giúp UBND cấp tỉnh ở vùng ĐBSH thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và đạt được những kết quả tích cực trong CTDV

Hệ thống quan điểm, chủ trương của Đảng về CTDV đã được thể chế hóa rõ ràng qua các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, Ban Chấp hành Trung ương và các văn kiện đại hội Đảng, như Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới; Kết luận số 114-KL/TW, ngày 14/07/2015 của Ban Bí thư về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp... các nghị quyết, chỉ thị về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, cải cách thủ tục hành chính và nâng cao hiệu quả phục vụ nhân dân. Những chủ trương, quan điểm này xác định rõ vai trò trung tâm của nhân dân trong xây dựng và phát triển địa phương, nhấn mạnh phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, qua đó hướng dẫn UBND cấp tỉnh triển khai CTDV một cách khoa học, đồng bộ và hiệu quả.

Cùng với đó, hệ thống pháp luật liên quan không ngừng được hoàn thiện, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, hợp hiến, hợp pháp, công khai và minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi để UBND cấp tỉnh thực hiện CTDV hiệu quả. Các văn bản quy phạm pháp luật ở cấp độ dưới luật như pháp lệnh, nghị định, thông tư, nghị quyết, quyết định... đã hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định liên quan trực tiếp đến CTDV, bao gồm Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Thực hành dân chủ ở cơ sở, Luật Đất đai, Luật Hộ tịch, Luật Dân sự, Luật Xử lý vi phạm hành chính...

Đặc biệt, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở nhanh chóng đi vào cuộc sống thông qua các văn bản hướng dẫn thi hành cụ thể, như Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật, cùng Quyết định số 346/QĐ-TTg ngày 06/4/2023 của Thủ tướng

Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật. Những cơ chế, chính sách này không chỉ giúp UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH nâng cao năng lực tổ chức và quản lý CTDV, mà còn tạo dựng niềm tin, sự đồng thuận trong nhân dân, góp phần củng cố hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương.

*Ba là*, trình độ, năng lực, tác phong công tác của đa số cán bộ, công chức của UBND tỉnh đã được nâng lên, cơ bản đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ

Trình độ, năng lực, phương pháp công tác và kỹ năng làm việc của đa số cán bộ, công chức UBND cấp tỉnh ở vùng ĐBSH hiện nay khá cao, thậm chí vượt trội so với nhiều địa phương khác trong cả nước. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức là yếu tố quyết định trực tiếp đến hiệu quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ, trong đó có nhiệm vụ CTDV. Đội ngũ cán bộ có trình độ và năng lực tốt không chỉ nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước mà còn biết vận dụng linh hoạt, sáng tạo trong thực tiễn công việc, từ lập kế hoạch đến tổ chức thực hiện và giám sát kết quả.

Nhờ vậy, CTDV của một số UBND cấp tỉnh trong vùng đã có những đổi mới, sáng tạo, xuất hiện nhiều mô hình “dân vận khéo” điển hình. Những mô hình này không chỉ nâng cao hiệu quả tuyên truyền, vận động nhân dân mà còn phát huy vai trò làm chủ của người dân, khuyến khích họ trực tiếp tham gia vào các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an sinh xã hội. Đồng thời, năng lực và phương pháp công tác của cán bộ còn quyết định khả năng phối hợp chặt chẽ với MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân, giúp giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh và tạo nên tảng niềm tin vững chắc của người dân vào cơ quan nhà nước.

*Bốn là*, các tỉnh ủy, thành ủy tăng cường lãnh đạo CTDV của UBND cấp tỉnh

Cấp ủy và các tổ chức đảng ở cấp tỉnh đã chủ động xây dựng và ban hành các nghị quyết để lãnh đạo CTDV của UBND cấp tỉnh, trong đó xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp, các nội dung và phương thức dân vận phù hợp

với điều kiện thực tiễn, đồng thời đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh, thành phố. Việc này tạo cơ sở chính trị, pháp lý chặt chẽ, giúp UBND cấp tỉnh triển khai CTDV một cách khoa học, có kế hoạch và hiệu quả. Cấp ủy cũng chú trọng chỉ đạo đổi mới nội dung và phương thức dân vận, khuyến khích sáng tạo, áp dụng các mô hình phù hợp với đặc thù từng địa bàn, góp phần nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân.

Bên cạnh đó, cấp ủy và tổ chức đảng còn lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị cấp tỉnh phối hợp nhịp nhàng, hỗ trợ UBND cấp tỉnh thực hiện tốt CTDV, đồng thời thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc triển khai các nghị quyết này. Qua đó, không chỉ nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ dân vận mà còn bảo đảm tính khả thi, sự thống nhất và bền vững trong triển khai các hoạt động dân vận trên địa bàn, góp phần củng cố mối quan hệ giữa chính quyền với nhân dân.

*Năm là*, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn các tỉnh, thành phố vùng ĐBSH đã thể hiện sự đồng thuận cao, tích cực phối hợp chặt chẽ với UBND cấp tỉnh trong triển khai CTDV của UBND

Sự đồng thuận này tạo nền tảng tư tưởng và hành động thống nhất, giúp UBND cấp tỉnh triển khai các chương trình, phong trào dân vận một cách chủ động, nhất quán, tránh mâu thuẫn và chòng chéo trong hoạt động. Đồng thời, tinh thần phối hợp tích cực giữa các cơ quan và tổ chức chính trị - xã hội đảm bảo tính đồng bộ trong triển khai nhiệm vụ, giúp thông tin về tâm tư, nguyện vọng của nhân dân được kịp thời phản ánh, từ đó các giải pháp vận động được điều chỉnh phù hợp với thực tiễn, nâng cao hiệu lực quản lý và điều hành của UBND tỉnh. Mối quan hệ chặt chẽ này cũng tạo điều kiện khai thác tối đa nguồn lực xã hội, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của các tổ chức trong vận động quần chúng, giúp CTDV gắn kết chặt chẽ với nhu cầu, quyền lợi và trách nhiệm của nhân dân, đồng thời củng cố sự đồng thuận xã hội. Như vậy,

sự đồng thuận và phối hợp tích cực giữa UBND cấp tỉnh với MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội chính là nguyên nhân cơ bản tạo nên những thành tựu trong CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH, giúp hoạt động này được triển khai đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tiễn.

**\* Nguyên nhân của hạn chế**

*Một là*, một số cán bộ, công chức của UBND cấp tỉnh ở vùng ĐBSH chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vai trò CTDV và chưa thực hiện tốt trách nhiệm trong CTDV

CTDV của UBND tỉnh còn có hạn chế, khuyết điểm là do một bộ phận cán bộ, công chức chưa nhận thức đúng đắn về mục đích, yêu cầu, ý nghĩa, tầm quan trọng của CTDV của cơ quan nhà nước. Một bộ phận cán bộ, công chức của UBND tỉnh còn có nhận thức chưa đúng về CTDV của chính quyền nói chung và CTDV của UBND tỉnh nói riêng, coi CTDV là trách nhiệm và nhiệm vụ của các cấp ủy, MTTQ và của các đoàn thể chính trị - xã hội. Từ đó, chưa tích cực tham gia tìm tòi và thực hiện các giải pháp tiến hành CTDV đạt kết quả.

*Hai là*, một bộ phận cán bộ, công chức của UBND tỉnh vùng ĐBSH còn hạn chế về trình độ, năng lực công tác

Thực tiễn cho thấy, một số cán bộ, công chức tại các sở, ngành trực thuộc UBND tỉnh còn thiếu kỹ năng tổng hợp, khái quát và xử lý thông tin từ cơ sở, chưa kịp thời phát hiện những vướng mắc nảy sinh trong Nhân dân để đề xuất các biện pháp giải quyết phù hợp. Nhiều trường hợp, khi tiếp nhận, giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, công dân, cán bộ còn biểu hiện thiếu trách nhiệm, chưa phát huy vai trò chủ động, tinh thần phục vụ.

Những hạn chế này không chỉ làm giảm hiệu lực quản lý nhà nước mà còn tác động tiêu cực đến niềm tin của Nhân dân đối với chính quyền, làm cho CTDV thiếu chiều sâu, tính thuyết phục và hiệu quả chưa cao. Do đó, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức của UBND cấp tỉnh là yêu cầu

cấp thiết nhằm đáp ứng yêu cầu dân vận trong tình hình mới, góp phần xây dựng chính quyền phục vụ Nhân dân thực chất và hiệu quả hơn.

*Ba là*, sự phối hợp giữa UBND tỉnh với MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội trong CTDV ở một số nơi còn chưa chặt chẽ

Công tác dân vận của các UBND tỉnh vùng ĐBSH còn tồn tại những hạn chế đáng kể do sự phối hợp thiếu chặt chẽ, thống nhất giữa UBND tỉnh với MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội. Trước hết, về mặt cơ chế phối hợp, mối quan hệ giữa UBND tỉnh với MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội chưa thực sự chặt chẽ và hiệu quả do thiếu những quy định, quy chế phối hợp cụ thể. Nhiều địa phương chưa xây dựng được cơ chế phối hợp thống nhất, dẫn đến tình trạng chông chéo trong thực hiện nhiệm vụ hoặc bỏ sót công việc. Bên cạnh đó, việc trao đổi thông tin, phản hồi giữa các bên còn hạn chế, chưa thường xuyên và kịp thời, ảnh hưởng đến hiệu quả CTDV. Các hoạt động vận động nhân dân còn sự chông chéo, trùng lặp về nội dung.

*Bốn là*, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy sự hướng dẫn, giúp đỡ của cấp trên có lúc chưa thường xuyên, chưa kịp thời

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, ban dân vận cấp ủy, sự hướng dẫn, giúp đỡ của cấp trên đối với CTDV của UBND cấp tỉnh có lúc chưa thường xuyên, cụ thể. Nhận thức của một số Tỉnh ủy, Thành ủy, Ban dân vận tỉnh ủy, thành ủy về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của CTDV của UBND cấp tỉnh chưa đầy đủ và sâu sắc. Một số cấp ủy đảng chưa thực sự coi trọng CTDV của UBND cấp tỉnh, chưa xác định đây là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Do đó, các cấp ủy cấp tỉnh, ban dân vận cấp ủy cấp tỉnh chưa quan tâm đúng mức đến việc lãnh đạo, chỉ đạo CTDV của UBND cấp tỉnh.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy còn thiếu tính toàn diện và đồng bộ. Nhiều nơi, việc ban hành các nghị quyết, chỉ thị về CTDV của UBND cấp tỉnh còn chậm, nội dung chưa sát với tình hình thực tế địa phương. Việc cụ

thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng về CTDV chưa kịp thời và thiếu tính khả thi. Bên cạnh đó, việc hướng dẫn thực hiện các chương trình, kế hoạch vận động nhân dân chưa được kịp thời. Việc tổ chức các lớp cập nhật kiến thức, nghiệp vụ CTDV chưa đáp ứng được yêu cầu. Một số cấp ủy chưa thực hiện tốt vai trò định hướng và chỉ đạo chiến lược trong CTDV của UBND cấp tỉnh. Việc dự báo tình hình, xác định những vấn đề trọng tâm, trọng điểm trong CTDV của UBND cấp tỉnh còn hạn chế. Hơn nữa, các tỉnh uỷ chưa kịp thời phát hiện và chỉ đạo giải quyết những vấn đề phức tạp, nhạy cảm trong quan hệ giữa chính quyền với nhân dân.

*Năm là*, tình hình nhân dân có những thay đổi theo hướng ngày càng đa dạng, phức tạp, nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân ngày càng cao hơn

Trong quá trình công nghiệp hóa, người lao động từ nơi khác đến làm việc, hình thành bộ phận nhân dân nhập cư. Tốc độ đô thị hóa nhanh cũng dẫn đến khó khăn nhất định cho công tác quản lý hành chính nhà nước của UBND tỉnh. Nhân dân có yêu cầu ngày càng cao đối với công tác xây dựng và quản lý quy hoạch, ô nhiễm môi trường, cấp thoát nước, ... Với những yêu cầu trên, đòi hỏi CTDV ngày càng phát huy vai trò hơn nữa trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chính sách phát triển kinh tế- xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, ổn định và nâng cao đời sống của nhân dân.

*Sáu là*, tác động từ sự phát triển kinh tế - xã hội, bức xúc của nhân dân và sự suy thoái của một bộ phận cán bộ, đảng viên

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội nhanh chóng, đặc biệt ở vùng ĐBSH, đã tạo ra những áp lực lớn đối với quản lý nhà nước và CTDV của UBND cấp tỉnh. Sự tăng trưởng nhanh của đô thị, di dân, biến đổi cơ cấu lao động, nhu cầu của nhân dân ngày càng đa dạng, phong phú và cao hơn về đời sống vật chất, môi trường, dịch vụ công... đặt ra yêu cầu ngày càng lớn đối với chất lượng, hiệu lực, hiệu quả của CTDV. Trong bối cảnh đó, một bộ

phận cán bộ, đảng viên chưa thực sự gương mẫu, năng lực, phẩm chất chưa đáp ứng được yêu cầu mới, thậm chí có hiện tượng suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lợi ích nhóm, quan liêu, dẫn đến hiệu quả CTDV chưa cao, khó đáp ứng sự mong đợi của nhân dân. Những yếu tố này tác động trực tiếp tới niềm tin của nhân dân đối với chính quyền, khiến CTDV của UBND tỉnh có lúc thiếu tính thuyết phục, sâu sát và chưa thực sự đi vào chiều sâu, cần phải có giải pháp đồng bộ để nâng cao hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền phục vụ nhân dân một cách thực chất và bền vững.

### **3.2.2. Những kinh nghiệm**

Từ thực tiễn CTDV của các UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH trong thời gian qua có thể rút ra một số kinh nghiệm sau:

*Một là*, các UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của các UBND tỉnh quyết định chất lượng thực hiện chức trách, nhiệm vụ, trong đó có chất lượng CTDV của UBND tỉnh. Tổ chức để cán bộ, công chức nghiên cứu sâu sắc các nghị quyết của Đảng và chủ trương của Nhà nước về tầm quan trọng, sự cần thiết cấp bách của CTDV trong tình hình hiện nay, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm tham gia CTDV, khắc phục cơ bản nhận thức sai cho rằng CTDV chỉ là trách nhiệm, công việc của cấp ủy, tổ chức đảng, của ban dân vận tỉnh ủy, thành ủy, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng ĐBSH, các cơ quan chuyên môn thảo luận để đi đến thống nhất nhận thức, mỗi công việc của cơ quan, mỗi việc làm, cử chỉ, lời nói của cán bộ, công chức cơ quan chính quyền đều có ý nghĩa góp phần vào CTDV của UBND.

Để tiến hành CTDV của đạt kết quả, đội ngũ cán bộ, công chức thuộc UBND cấp tỉnh có trình độ kiến thức về CTDV của chính quyền nói chung và kiến thức sâu về CTDV của UBND cấp tỉnh nói riêng. Thực hiện bồi dưỡng, tập huấn về nội dung dân vận, phương thức dân vận, nội dung CTDV của

UBND tỉnh cho đội ngũ cán bộ, công chức. Qua đó, nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Đẩy mạnh học tập, quán triệt các quan điểm của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh về CTDV cho toàn thể cán bộ, công chức. Tập trung đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục thuyết phục nhân dân của cán bộ, công chức chính quyền, nâng dân tính khoa học và tính nghệ thuật của CTDV của UBND cấp tỉnh theo tư tưởng “Dân vận khéo” của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nâng cao năng lực, trình độ, rèn luyện phong cách người cán bộ dân vận theo tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, công chức, tránh việc dùng mệnh lệnh hành chính khi tiến hành CTDV.

*Hai là*, các UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính nhà nước nhằm thực hiện tốt hơn việc phục vụ nhân dân

Đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ về thể chế, tổ chức bộ máy và TTHC góp phần cho hoạt động của UBND cấp tỉnh thật sự dân chủ, sát dân, giải quyết kịp thời, chính xác những kiến nghị, vướng mắc của người dân; đảm bảo quyền được thông tin, quyền giám sát và góp ý cho chính quyền của Nhân dân. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng của từng cơ quan, đơn vị cũng như mỗi cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Cần cải cách mạnh mẽ về thể chế và tổ chức sao cho phù hợp với điều kiện đặc biệt; rà soát lại các quy định, chính sách, không còn phù hợp, tạo điều kiện môi trường thông thoáng, thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp phát triển kinh tế, nâng cao đời sống. Từng bước hiện đại hóa bộ máy UBND cấp tỉnh; nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành và chất lượng phục vụ Nhân dân.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Nâng cao văn hóa giao tiếp trong giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân. Nghiêm cấm việc tự ý đặt ra các thành phần hồ sơ, giấy tờ không có trong quy định; có hành vi gây phiền hà, sách nhiễu, tiêu cực khi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cho tổ chức, công dân. Triển

khai mô hình “Hòm thư góp ý” để lấy ý kiến đánh giá của doanh nghiệp và người dân, qua đó đề ra các giải pháp nhằm nâng cao năng lực, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức cũng như chất lượng, hiệu quả trong giải quyết TTHC. Các đơn vị chuyên môn cần tăng cường phối hợp kiểm tra, đánh giá thái độ phục vụ của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ tại các cơ quan, đơn vị để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các hành vi vi phạm.

*Ba là*, thường xuyên đối thoại với nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở

Các UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH tăng cường đối thoại, trực tiếp nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, những sáng kiến, kiến nghị của nhân dân về xây dựng, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cơ chế, chính sách của tỉnh và những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình tổ chức thực hiện; những vấn đề liên quan đến quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người dân. Thông qua đối thoại để tuyên truyền, phổ biến, đưa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với nhân dân một cách trực tiếp, tạo sự đồng thuận, thống nhất giữa cấp ủy, chính quyền với nhân dân trong quá trình tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh từ cơ sở. Kịp thời giải quyết những vấn đề mới nảy sinh khó khăn, chưa được sự đồng thuận của nhân dân trong quá trình thực hiện. Nâng cao trách nhiệm phục vụ nhân dân của cấp ủy đảng, chính quyền, của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp và của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực thi công vụ. Tăng cường, củng cố mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, không ngừng phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Qua đối thoại, người đứng đầu UBND cấp tỉnh có thể nắm bắt được sát, đúng tình hình, phát hiện những vấn đề mới, chưa phù hợp hoặc còn thiếu, có cơ sở thực tiễn để chỉ đạo nghiên cứu, điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế, bổ sung các nguồn lực, kể cả nguồn lực con người, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế

xã hội, quốc phòng- an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở địa phương; đề xuất, kiến nghị với cấp trên xây dựng, bổ sung, điều chỉnh chủ trương, chính sách cho phù hợp với tình hình mới.

*Bốn là*, thực hiện tốt sự phối hợp chặt chẽ giữa UBND cấp tỉnh, MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các lực lượng trong việc thực hiện CTDV

Thực hiện nghiêm Quy chế phối hợp công tác đã được ký kết; rà soát, chỉnh sửa, bổ sung kịp thời về nội dung phối hợp bảo đảm phù hợp với từng giai đoạn nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Phát huy vai trò phản biện xã hội của Ủy ban MTTQ Việt Nam trong xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật và chương trình, dự án trong lĩnh vực kinh tế-xã hội. Bên cạnh đó, tăng cường công tác phối hợp tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong Nhân dân, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật; phối hợp nắm tình hình Nhân dân, thường xuyên trao đổi thông tin để phối hợp giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh trong chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội và các vấn đề Nhân dân quan tâm. Tiếp tục đề cao vai trò tiên phong, gương mẫu của người đứng đầu trong thực hiện chương trình phối hợp công tác.

Định kỳ tổ chức sơ kết việc thực hiện Quy chế phối hợp công tác giữa UBND tỉnh và Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh để đánh giá những thuận lợi, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để công tác phối hợp ngày càng hiệu quả hơn.

UBND tỉnh đã tổ chức lấy ý kiến phản biện xã hội, ý kiến góp ý của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh các văn bản quy phạm pháp luật, đề án, dự án có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân. Nội dung phản biện, ý kiến góp ý được Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh thực hiện chu đáo, kỹ lưỡng, phù hợp với thực tiễn, có giá trị thực tiễn cao. Những ý kiến góp ý, kiến nghị của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đã góp phần quan trọng, nâng cao chất lượng văn

bản quy phạm pháp luật khi ban hành, tạo đồng thuận cao trong Nhân dân khi triển khai thực hiện.

Về công tác phối hợp giải quyết ý kiến, kiến nghị, phản ánh của cử tri do Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh chuyển đến, sau khi tiếp nhận các ý kiến, kiến nghị, phản ánh của cử tri, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố tiếp thu, giải trình, trả lời những ý kiến, kiến nghị, phản ánh của cử tri theo thẩm quyền giải quyết với tinh thần trách nhiệm, kịp thời, đảm bảo quyền lợi chính đáng của công dân. Tỷ lệ các ý kiến, kiến nghị, phản ánh được giải quyết tăng lên đáng kể, đáp ứng được phần lớn những yêu cầu, nguyện vọng của cử tri và Nhân dân, góp phần hạn chế tình trạng người dân lợi dụng dân chủ trong tiếp xúc để thực hiện khiếu nại, tố cáo cá nhân.

Về công tác phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân, tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thời gian qua, UBND tỉnh, các sở, ngành tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh để chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền ngày càng trong sạch, vững mạnh, góp ý xây dựng pháp luật và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Việc phối hợp giữa UBND cấp tỉnh, MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện CTDV phải dựa trên nguyên tắc phát huy dân chủ, đề cao tinh thần trách nhiệm, tôn trọng lẫn nhau, phối hợp chặt chẽ với nhau và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan trong việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật. Ngoài ra, việc thực hiện tốt quy chế phối hợp sẽ giúp các cơ quan nắm bắt thông tin kịp thời, phục vụ tốt cho quá trình lãnh đạo, điều hành tại cơ quan, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc của từng cơ quan, đồng thời sẽ góp phần giảm bớt văn bản, thủ tục hành chính và quan trọng nhất là nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân

*Năm là*, phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng đối với CTDV của UBND cấp tỉnh

Các cấp ủy, tổ chức đảng nâng cao chất lượng các nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội, làm cơ sở để UBND tỉnh xác định đúng đắn nội dung CTDV. Cấp ủy, tổ chức đảng tăng cường lãnh đạo về xác định nội dung, phương thức CTDV của UBND cấp tỉnh phù hợp với điều kiện cụ thể và đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của đảng tỉnh, thành phố, đồng thời tăng cường chỉ đạo đổi mới nội dung, phương thức dân vận của UBND cấp tỉnh.

Tăng cường lãnh đạo UBND tỉnh về công tác tổ chức, cán bộ, xây dựng UBND tỉnh trong sạch vững mạnh, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ số lượng, có cơ cấu hợp lý và có chất lượng, đủ khả năng làm tốt CTDV và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Các ban tham mưu của tỉnh ủy, thành ủy, nhất là ban tuyên giáo và dân vận, ban tổ chức tỉnh ủy, thành ủy, cần quan tâm hơn nữa việc chỉ đạo, giúp đỡ UBND cấp tỉnh về CTDV. Ban dân vận tỉnh ủy cần tăng cường giúp đỡ, hướng dẫn UBND tỉnh về xác định nội dung, đổi mới phương thức dân vận, nội dung CTDV và bồi dưỡng nghiệp vụ CTDV cho công chức UBND tỉnh, phổ biến kinh nghiệm CTDV cho cán bộ lãnh đạo, quản lý. Ban tổ chức tỉnh ủy cần giúp UBND tỉnh xây dựng, củng cố tổ chức, bộ máy đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao và biết làm CTDV.

Tỉnh ủy tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo việc sơ kết, tổng kết CTDV của UBND tỉnh, rút ra những kinh nghiệm và chỉ đạo việc vận dụng đạt hiệu quả trong CTDV của UBND tỉnh. Tỉnh ủy tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương về CTDV, kiểm tra, giám sát cán bộ thuộc diện ban thường vụ tỉnh ủy quản lý đang làm việc trong các cơ quan UBND tỉnh về CTDV.

### Tiểu kết chương 3

Thời gian qua, CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH đạt được những kết quả quan trọng, có sự đổi mới về nội dung, phương thức vận động nhân dân, góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân; có sự đổi mới, sáng tạo trong việc thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đạt được, CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH còn có một số hạn chế, khuyết điểm: Một số UBND tỉnh, thành phố chưa thực sự quan tâm đến việc xây dựng và ban hành các chương trình, kế hoạch CTDV. Nội dung và phương thức dân dân của các UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH còn kém hấp dẫn, chưa được đổi mới mạnh mẽ; còn lẫn lộn giữa nội dung, phương thức dân vận của UBND với việc thực thi công vụ. Nhiều cán bộ, công chức, viên chức của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH chưa nhận thức đầy đủ và sâu sắc về CTDV của UBND. Không ít cán bộ, công chức chưa đi sâu và chú ý lắng nghe ý kiến của nhân dân; tác phong làm việc còn quan liêu, cửa quyền, hách dịch, vô cảm với dân trong thực thi công vụ...

Từ thực trạng CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH, có thể rút ra những kinh nghiệm như sau: *Một là*, các UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; *Hai là*, các UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính nhà nước nhằm thực hiện tốt hơn việc phục vụ nhân dân; *Ba là*, thường xuyên đối thoại với nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; *Bốn là*, thực hiện tốt sự phối hợp chặt chẽ giữa UBND cấp tỉnh, MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các lực lượng trong việc thực hiện CTDV; *Năm là*, phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng đối với CTDV của UBND cấp tỉnh.

Nội dung nghiên cứu của chương này là căn cứ thực tiễn để tác giả luận án đưa ra phương hướng và đề xuất hệ thống giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác LCCB kiểm tra Đảng trong thời gian tới.

## Chương 4

### PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG ĐẾN NĂM 2035

#### 4.1. DỰ BÁO NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG ĐẾN NĂM 2035

##### 4.1.1. Dự báo những yếu tố tác động đến công tác dân vận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2035

###### 4.1.1.1. Những yếu tố thuận lợi

*Một là*, bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, nhất là Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn, tạo điều kiện nâng cao phương thức dân vận của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH

Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, gắn với tác động sâu rộng của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, mở ra nhiều cơ hội để UBND các cấp đổi mới phương thức quản trị và tương tác với người dân. Đến năm 2035, dự báo các nền tảng số, trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật và các công nghệ quản trị hiện đại sẽ ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong hoạt động của các cơ quan nhà nước. Điều này không chỉ giúp UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH nâng cao khả năng thu thập, xử lý và phân tích thông tin xã hội một cách kịp thời, chính xác, mà còn tạo điều kiện đổi mới căn bản phương thức dân vận theo hướng số hóa, tương tác đa chiều, qua đó tăng cường tính công khai, minh bạch, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công và rút ngắn khoảng cách giữa chính quyền với Nhân dân.

Đặc biệt, việc ứng dụng AI và dữ liệu lớn cho phép chính quyền địa

phương nhận diện sớm các vấn đề xã hội, dự báo xu hướng dư luận, nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, từ đó chủ động điều chỉnh nội dung, phương thức dân vận phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Đồng thời, môi trường chính trị - an ninh khu vực Đông Nam Á duy trì ổn định là điều kiện thuận lợi để các tỉnh vùng ĐBSH mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế, tiếp cận các mô hình quản trị hiện đại và kinh nghiệm dân vận tiên tiến. Việc kế thừa và vận dụng linh hoạt các mô hình tương tác công dân, quản trị thông minh, đối thoại chính quyền với Nhân dân sẽ góp phần nâng cao năng lực dự báo, xử lý hiệu quả các vấn đề phát sinh trong thực tiễn, qua đó củng cố niềm tin của Nhân dân, tạo nền tảng vững chắc để đổi mới và nâng cao hiệu quả CTDV của UBND cấp tỉnh trong giai đoạn mới.

*Hai là*, thành tựu của công cuộc đổi mới và sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng tạo nền tảng thuận lợi để tăng cường đồng thuận xã hội trong CTDV

Những thành tựu toàn diện của gần 40 năm đổi mới tiếp tục được củng cố đến năm 2035, tạo thế và lực mới cho đất nước nói chung, vùng ĐBSH nói riêng. Dự báo kinh tế tiếp tục tăng trưởng theo hướng bền vững hơn, hạ tầng hiện đại hơn, đời sống Nhân dân được nâng lên cả về vật chất và tinh thần. Trình độ dân trí, ý thức pháp luật, hiểu biết về quyền và nghĩa vụ công dân ngày càng cao là điều kiện quan trọng để UBND cấp tỉnh triển khai CTDV theo hướng thực chất, minh bạch và tương tác hai chiều.

Song song với đó, tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hoàn thiện hệ thống pháp luật tạo khuôn khổ để Nhân dân giám sát, tham gia phản biện, góp ý vào hoạt động quản lý của chính quyền. Đây là động lực thúc đẩy UBND cấp tỉnh phải đổi mới nội dung, phương thức CTDV theo tinh thần “lấy người dân làm trung tâm”, đề cao đối thoại và tạo dựng đồng thuận xã hội trong thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

*Ba là*, cuộc cách mạng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy gắn với tăng cường phân cấp, phân quyền đang tạo ra những điều kiện thuận lợi mới để UBND cấp tỉnh đổi mới và nâng cao hiệu quả CTDV

Hiện nay, nước ta đang đẩy mạnh cuộc cách mạng sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, gắn với cải cách hành chính và chuyển đổi số. Tiến trình này tác động trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ và phương thức hoạt động của chính quyền địa phương, trong đó có UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH. Khi bộ máy được tổ chức lại, giảm tầng nấc trung gian và chuẩn hóa quy trình, UBND cấp tỉnh có điều kiện nâng cao năng lực quản trị, tăng cường tính công khai, minh bạch và mở rộng tương tác trực tiếp với Nhân dân, tạo thuận lợi rõ rệt cho việc triển khai CTDV.

Cùng với đó, xu hướng phân cấp, phân quyền mạnh mẽ đang trao cho UBND cấp tỉnh phạm vi thẩm quyền rộng hơn trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội thiết yếu. Quyền hạn lớn hơn đi đôi với trách nhiệm giải trình, đối thoại và xử lý phản ánh của người dân ngày càng cao, buộc UBND cấp tỉnh phải đổi mới nội dung và phương thức CTDV theo hướng chuyên nghiệp, thực chất và gắn chặt với chức năng, nhiệm vụ. Đặc biệt trong các lĩnh vực dễ phát sinh vấn đề xã hội như quy hoạch, đất đai, giải phóng mặt bằng, yêu cầu dân vận của UBND cấp tỉnh càng trở nên cấp thiết.

Tiến trình sắp xếp bộ máy và phân cấp cũng đặt ra yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, yếu tố quyết định hiệu quả CTDV. Khi trách nhiệm rõ hơn và khối lượng công việc tăng lên, cán bộ buộc phải rèn luyện tác phong phục vụ, kỹ năng tương tác và năng lực công nghệ số để xử lý kịp thời thông tin từ Nhân dân.

*Bốn là*, việc sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp (tỉnh và xã) là cơ sở quan trọng để các UBND cấp tỉnh trong vùng ĐBSH triển khai CTDV hiệu quả hơn

Việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh và chuyển sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp là một bước cải cách quan trọng trong tổ chức bộ máy hành chính nhà nước. Đối với các tỉnh trong vùng ĐBSH, điều này tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, trong đó có CTDV của UBND cấp tỉnh. Mô hình hai cấp giúp rút gọn đầu mối, tinh giản biên chế trung gian, qua đó rút ngắn khoảng cách giữa chính quyền cấp tỉnh và người dân, tạo điều kiện để UBND cấp tỉnh nắm bắt nhanh chóng hơn những vấn đề phát sinh từ cơ sở và kịp thời triển khai các hoạt động dân vận phù hợp với thực tiễn.

Đặc biệt, với việc giảm cấp trung gian (huyện), các nội dung dân vận không còn bị “phân mảnh” hay bị chậm trễ trong quá trình chỉ đạo, triển khai. UBND cấp tỉnh có thể trực tiếp ban hành các chương trình dân vận, chủ động phối hợp với cấp xã trong việc thực hiện các nhiệm vụ tuyên truyền, vận động, tiếp dân và giải quyết khiếu nại, kiến nghị. Đồng thời, việc hợp nhất địa giới hành chính tạo điều kiện thống nhất quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, qua đó tạo nền tảng vững chắc để thực hiện dân vận trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân. Đây là cơ sở quan trọng để CTDV trong thời gian tới chuyển từ bị động sang chủ động, từ tuyên truyền đơn thuần sang đối thoại, lắng nghe và đồng hành cùng nhân dân, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng và chính quyền trong giai đoạn mới.

#### ***4.1.1.2. Những yếu tố khó khăn***

Bên cạnh những thuận lợi, thời cơ, CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH trong thời gian tới cũng đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mang tính phức hợp và đa chiều.

*Một là*, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, nhanh chóng và khó lường, đặt ra nhiều sức ép đối với công tác quản lý nhà nước nói chung và CTDV nói riêng

Những biến động như khủng hoảng kinh tế toàn cầu, xung đột sắc tộc, tranh chấp chủ quyền trên biển, sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các cường quốc, đặc biệt là các hành động vi phạm luật pháp quốc tế của Trung Quốc tại Biển Đông, không chỉ tác động trực tiếp đến môi trường an ninh - quốc phòng của Việt Nam mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến tâm lý xã hội, lòng tin và tinh thần cảnh giác của nhân dân. Đồng thời, sự lan tỏa mạnh mẽ của công nghệ thông tin, đặc biệt là mạng xã hội, đã làm gia tăng tính phức tạp trong việc nắm bắt, định hướng dư luận và xử lý thông tin sai lệch, xuyên tạc.

Ở cấp tỉnh, UBND các địa phương vùng ĐBSH đang phải đối mặt với thách thức trong việc ổn định đời sống nhân dân, xử lý các thông tin sai lệch, xuyên tạc và chủ động giải quyết những vấn đề nhạy cảm liên quan đến độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ. Trong bối cảnh đó, chính quyền địa phương cần nâng cao năng lực tổ chức, chỉ đạo và triển khai CTDV, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, phản ứng chính sách linh hoạt, hiệu quả, đồng thời củng cố lòng tin và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong mọi hoạt động quản lý, điều hành nhà nước.

*Hai là*, những tác động phức tạp từ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã và đang tạo ra những biến đổi lớn trong cơ cấu xã hội, làm xuất hiện nhiều mâu thuẫn lợi ích, gây áp lực lên CTDV ở cấp tỉnh

Ở vùng ĐBSH - khu vực có tốc độ đô thị hóa và phát triển kinh tế nhanh, sự phân hóa giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư, giữa nông thôn và thành thị, giữa người có và không có tư liệu sản xuất... ngày càng sâu sắc. Những vấn đề như ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, tranh chấp đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng chưa thỏa đáng, khiếu nại - tố cáo kéo dài, điểm nóng an ninh trật tự... vẫn diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương. Một bộ phận người dân vì thiếu thông tin đầy đủ hoặc bị kích động bởi các thế lực thù địch, phần tử cơ hội đã có biểu hiện hoài nghi, mất lòng tin, thậm chí chống đối

chính quyền, ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết toàn dân và hiệu quả triển khai chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong lĩnh vực bảo vệ an ninh, trật tự và phát triển kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều hạn chế. Một số quy định pháp luật chưa phù hợp với thực tiễn hoặc còn chậm triển khai khiến người dân bức xúc, bị sách nhiễu, gây cản trở CTDV. Bên cạnh đó, một số nơi thực hiện cải cách hành chính chưa quyết liệt, thủ tục còn rườm rà, gây phiền hà cho người dân, làm xói mòn lòng tin vào chính quyền cơ sở.

*Ba là*, CTDV của UBND cấp tỉnh còn chịu ảnh hưởng nhất định từ những tồn tại trong nội bộ hệ thống chính quyền, đặc biệt là chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện CTDV

Thực tiễn cho thấy, bên cạnh những cán bộ tâm huyết, vì dân, vì nước, vẫn còn tình trạng cán bộ, công chức chưa thực sự coi trọng CTDV, thiếu năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm chưa cao, còn biểu hiện hình thức, đối phó. Tình trạng vi phạm đạo đức công vụ, nhũng nhiễu, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây phiền hà cho nhân dân chưa được khắc phục triệt để. Một số vụ việc bị các thế lực thù địch lợi dụng để xuyên tạc, chia rẽ mối quan hệ giữa chính quyền và nhân dân.

Ngoài ra, với đặc thù là vùng phát triển năng động nhưng cũng chịu nhiều sức ép về xã hội, các UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH ngày càng phải đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của người dân, đòi hỏi CTDV không chỉ là nhiệm vụ của riêng một bộ phận hay cơ quan chuyên trách, mà phải trở thành một phương thức làm việc cơ bản trong toàn bộ bộ máy hành chính nhà nước.

Việc xây dựng đội ngũ cán bộ thực hiện CTDV tại cơ sở trong sạch, có năng lực, có đạo đức, có bản lĩnh chính trị vững vàng là yêu cầu cấp thiết. Chỉ khi đội ngũ này thực sự là người bạn đồng hành, là cầu nối giữa Đảng, chính quyền với nhân dân thì CTDV mới phát huy hiệu quả, tạo được niềm tin, sự

đồng thuận và phát huy sức mạnh tổng hợp trong phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững an ninh, trật tự ở địa phương.

*Bốn là*, bên cạnh những tác động tích cực, việc sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh và triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp cũng tạo ra những ảnh hưởng đáng kể có thể làm giảm hiệu quả CTDV của UBND cấp tỉnh trong vùng ĐBSH

Bên cạnh các tác động tích cực, việc sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh và triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp cũng đặt ra không ít thách thức cho CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH. Quá trình tổ chức lại bộ máy hành chính thường kéo theo sự thay đổi về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, dẫn đến những khó khăn trong việc phân công, phối hợp giữa các phòng ban, đơn vị liên quan đến CTDV. Các cán bộ, công chức mới phải làm quen với vai trò, trách nhiệm và quy trình công tác trong mô hình mới, gây ra thời gian gián đoạn và giảm hiệu quả tiếp cận, giải quyết kịp thời các nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân. Hơn nữa, sự sáp nhập cũng có thể làm giảm quy mô và mật độ của các điểm tiếp xúc dân vận tại địa phương, khiến công tác vận động, tuyên truyền và tạo dựng lòng tin nơi nhân dân trở nên khó khăn hơn. Đặc biệt, trong giai đoạn chuyển đổi, tâm lý hoài nghi hoặc thiếu ổn định trong nhân dân có thể gia tăng, làm giảm sự phối hợp tích cực giữa nhân dân với chính quyền địa phương trong thực hiện các chủ trương, chính sách. Ngoài ra, việc quản lý đa dạng vùng miền, xã hội với đặc điểm văn hóa, kinh tế khác nhau trong vùng sáp nhập cũng đòi hỏi phương thức dân vận phải linh hoạt, chuyên sâu, trong khi sự thiếu kinh nghiệm hoặc nguồn lực hạn chế của UBND cấp tỉnh có thể ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng hiệu quả. Từ đó, có thể thấy việc sáp nhập và triển khai mô hình chính quyền hai cấp là yếu tố tạo ra những thách thức đáng kể, đòi hỏi sự chủ động thích ứng, đổi mới trong CTDV để giữ vững và nâng cao hiệu quả hoạt động của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH.

#### **4.1.2. Phương hướng tăng cường công tác dân vận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2035**

*Một là*, đẩy mạnh việc quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng về CTDV đến toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức thuộc UBND cấp tỉnh, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp

Quán triệt tư tưởng dân vận của Đảng là nền tảng để thống nhất nhận thức và hành động trong đội ngũ cán bộ, nhất là trong bối cảnh chuyển từ mô hình quản lý hành chính sang phục vụ nhân dân. Đây không chỉ là nhiệm vụ tuyên truyền mà còn là quá trình rèn luyện tư duy “lấy dân làm gốc”, giúp cán bộ hiểu rõ dân vận là trách nhiệm chính trị, không phải công việc phụ. Việc quán triệt cần thường xuyên, linh hoạt, gắn với thực tiễn từng ngành, từng địa phương. Đồng thời, phải đổi mới cách làm, nâng cao chất lượng tuyên truyền, vận động và thuyết phục nhân dân bằng lý lẽ, tình cảm và hành động thực tiễn, tránh hành chính hóa CTDV. Từ đó, từng bước nâng cao tính khoa học (hiểu đúng đối tượng, lựa chọn đúng phương pháp) và tính nghệ thuật (ứng xử linh hoạt, giao tiếp khéo léo) trong thực hành dân vận, đúng với tinh thần “Dân vận khéo” của Chủ tịch Hồ Chí Minh - lấy niềm tin và sự đồng thuận của nhân dân làm điểm tựa cho sự thành công của chính quyền.

*Hai là*, chú trọng bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ và rèn luyện phong cách cán bộ làm CTDV theo tư tưởng Hồ Chí Minh cho đội ngũ cán bộ, công chức UBND cấp tỉnh

Chất lượng đội ngũ cán bộ là yếu tố quyết định hiệu quả CTDV của UBND cấp tỉnh. Do đó, cần tập trung nâng cao kiến thức lý luận, kỹ năng vận động quần chúng, khả năng xử lý tình huống thực tiễn và tinh thần trách nhiệm trong phục vụ nhân dân cho cán bộ, công chức. Quá trình bồi dưỡng phải gắn với rèn luyện phong cách dân vận kiểu mẫu: nói đi đôi với làm, trọng dân, gần dân, hiểu dân và có trách nhiệm với dân. Cần khắc phục triệt để thói quen sử dụng mệnh lệnh hành chính, cách làm quan liêu, áp đặt, thiếu

dân chủ trong tiếp xúc và giải quyết công việc với nhân dân. Thay vào đó là phong cách đối thoại, thuyết phục, lắng nghe và tôn trọng ý kiến, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, góp phần xây dựng hình ảnh người cán bộ chính quyền thân thiện, tận tụy, có uy tín và thực sự là công bộc của dân.

*Ba là*, tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa UBND tỉnh, thành phố với MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và các lực lượng liên quan trên địa bàn trong triển khai CTDV

Công tác dân vận của UBND chỉ có thể phát huy hiệu quả khi có sự đồng thuận và phối hợp đồng bộ giữa các lực lượng trong hệ thống chính trị. Do đó, UBND các cấp cần chủ động phối hợp với MTTQ, các đoàn thể và cơ quan liên quan để cùng thống nhất nội dung, phương thức và trách nhiệm trong thực hiện CTDV. Trên cơ sở đó, cần xây dựng các quy chế phối hợp cụ thể, rõ ràng, có tính ràng buộc, nhằm bảo đảm sự thống nhất, nhịp nhàng và hiệu quả trong hành động. Đồng thời, định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết để đánh giá thực chất kết quả phối hợp, kịp thời rút kinh nghiệm, điều chỉnh cách làm, nhân rộng mô hình hay, cách làm sáng tạo, từ đó lan tỏa phong trào thi đua “Dân vận khéo” trong hệ thống chính quyền.

*Bốn là*, đổi mới nội dung và phương thức CTDV của UBND cấp tỉnh theo hướng sát cơ sở, gần dân, lắng nghe và tôn trọng ý kiến của nhân dân

Công tác dân vận của UBND chỉ thực sự hiệu quả khi bám sát đời sống nhân dân, xuất phát từ thực tiễn và phục vụ đúng nhu cầu, nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của các tầng lớp nhân dân. Chính quyền cần coi đó là cơ sở quan trọng để xây dựng chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội phù hợp, khả thi và được đồng thuận cao.

Việc đổi mới dân vận phải thể hiện rõ tính linh hoạt và sáng tạo trong lựa chọn phương pháp, hình thức vận động, phù hợp với đặc điểm, trình độ và tâm lý của từng nhóm đối tượng. Cần tăng cường đối thoại, đối chiếu thực tiễn, ứng dụng công nghệ trong tiếp cận và tương tác với người dân, từ đó

nâng cao hiệu quả thuyết phục và tạo sự đồng thuận xã hội - nền tảng cho sự phát triển bền vững của địa phương.

*Năm là, xây dựng cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh trong sạch, vững mạnh, thực sự là chính quyền của dân, do dân và vì dân*

Công tác dân vận chỉ hiệu quả khi chính quyền tạo dựng được niềm tin, thiện cảm và sự đồng thuận của nhân dân. Do đó, cần tập trung xây dựng bộ máy UBND tỉnh, thành phố tinh gọn, kỷ cương, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; cán bộ, công chức phải gần dân, hiểu dân, trọng dân và phục vụ nhân dân với tinh thần trách nhiệm cao nhất.

Trọng tâm của quá trình này là cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, minh bạch, thuận tiện, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo. Đồng thời, cần nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, đổi mới phong cách phục vụ, chấn chỉnh thái độ ứng xử, tinh thần trách nhiệm và hiệu quả làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức. Khi chính quyền hoạt động minh bạch, gần dân, phục vụ tốt, người dân sẽ thêm tin tưởng và đồng hành với chính quyền. Đó chính là nền tảng để CTDV đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực, góp phần xây dựng chính quyền thân thiện, kiến tạo và phát triển bền vững.

## **4.2. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG ĐẾN NĂM 2035**

### **4.2.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Hồng về tăng cường công tác dân vận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH về vị trí, vai trò của CTDV là giải pháp có ý nghĩa nền tảng, quyết định hiệu quả toàn diện CTDV của UBND cấp tỉnh. Trong bối cảnh yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ngày càng cao, việc nhận thức đúng đắn và

đầy đủ về chức năng, nhiệm vụ dân vận không chỉ giúp UBND cấp tỉnh thực thi hiệu quả vai trò quản lý nhà nước mà còn tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân, củng cố mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng, chính quyền và nhân dân. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, nhận thức của một bộ phận cán bộ, công chức UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH về vai trò, phương thức thực hiện CTDV còn hạn chế; chưa coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, thiết yếu trong thực thi công vụ. Một số nơi chưa thực sự quan tâm đúng mức việc thể chế hóa, cụ thể hóa các chủ trương về dân vận trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm; việc đánh giá hiệu quả CTDV còn hình thức, chủ yếu mang tính phong trào. Do đó, việc nâng cao nhận thức và trách nhiệm của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH, cũng như từng cán bộ, công chức, viên chức là yêu cầu cấp thiết. Đây là điều kiện tiên quyết để thống nhất nhận thức, xác định rõ nội dung, phương thức dân vận của UBND cấp tỉnh theo đúng chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; đồng thời tạo chuyển biến thực chất trong thực hiện nhiệm vụ.

Giải pháp này nhằm hướng tới xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức UBND cấp tỉnh có tư duy đúng, hành động chuẩn mực, gắn bó với nhân dân, phát huy tốt vai trò “cầu nối” giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân; từ đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tạo dựng hình ảnh chính quyền vì dân, gần dân, phục vụ dân.

Để thực hiện tốt giải pháp này, cần tập trung triển khai thực hiện một số biện pháp sau:

*Một là*, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, sự thống nhất của tập thể lãnh đạo và thường trực UBND cấp tỉnh trong thực hiện CTDV của UBND tỉnh

Thường trực UBND tỉnh, thành phố với thành phần chủ yếu là các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh. Đây chính là lực lượng tiên phong, giữ vai trò nòng cốt trong chỉ đạo, tổ chức và gương mẫu thực hiện CTDV tại địa phương. Trước hết, tập thể lãnh đạo

UBND cấp tỉnh phải có tư duy đúng, nhận thức đúng đắn về các chủ trương của Đảng đối với CTDV của UBND cấp tỉnh; coi đây là nhiệm vụ quan trọng, gắn liền với mọi hoạt động quản lý nhà nước. Việc nâng cao nhận thức, trách nhiệm, sự thống nhất trong thường trực UBND các tỉnh, thành phố đòi hỏi phải làm cho tất cả các thành viên hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng đặc biệt của CTDV, từ đó thấm nhuần về nội dung, phương thức tiến hành dân vận của UBND cấp tỉnh trong bối cảnh mới. Để lãnh đạo, quản lý nhà nước có hiệu quả, UBND các tỉnh, thành phố cần nắm vững, quán triệt và vận dụng sáng tạo, đúng đắn Nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như chỉ đạo của các cơ quan cấp trên, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu UBND cấp tỉnh phải nâng cao nhận thức, xác định CTDV là yếu tố quyết định sự thành công trong hoạch định và tổ chức thực hiện các chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Sự đổi mới nhận thức đó được thể hiện qua việc tích cực tham gia bồi dưỡng, học tập; đồng thời chủ động nghiên cứu, tổng kết thực tiễn công tác, cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch hành động tại địa phương. Luôn xác định CTDV của UBND là “chìa khóa” quan trọng để củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, bảo đảm sự thành công của nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Đây là tiền đề, là cơ sở để triển khai thực hiện thắng lợi các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố trong vùng.

*Hai là*, tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ lãnh đạo sở, ban, ngành và thành viên UBND cấp tỉnh về CTDV của UBND

Cần phê phán những biểu hiện nhận thức chưa đầy đủ, thậm chí sai lệch về vai trò và ý nghĩa của CTDV của UBND cấp tỉnh. Đây là một trong những yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả thực thi chính sách của chính quyền

cấp tỉnh. Các sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh là lực lượng trực tiếp cụ thể hóa và tổ chức triển khai đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với nhân dân. Vì vậy, cần có kế hoạch tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức dân vận cho đội ngũ cán bộ này nhằm nâng cao nhận thức, hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của CTDV của UBND cấp tỉnh.

Trong quá trình tuyên truyền, quán triệt, cần gắn với đánh giá thực tiễn thực hiện công vụ, kịp thời chỉ rõ những mặt làm tốt, những hạn chế, nguyên nhân và biện pháp khắc phục, bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động trong toàn bộ hệ thống hành chính cấp tỉnh. Mỗi thành viên UBND tỉnh phải thực sự là người gương mẫu, tận tâm với CTDV, gắn bó mật thiết với nhân dân, thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Đặc biệt, cần phát huy vai trò của cán bộ chuyên môn, công chức thuộc UBND tỉnh trong việc tiếp nhận và giải quyết kịp thời các kiến nghị, phản ánh từ cơ sở, không đùn đẩy, né tránh trách nhiệm. Thường xuyên kiểm tra thực tế việc thực hiện CTDV của các cơ quan hành chính, từ đó đề xuất giải pháp phù hợp, đảm bảo hiệu quả thiết thực cho nhân dân.

Đội ngũ lãnh đạo, ủy viên UBND cấp tỉnh phải nhận thức sâu sắc rằng CTDV không chỉ là nhiệm vụ chung mà còn là trách nhiệm cụ thể của mỗi cá nhân, gắn liền với hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước. Do đó, cán bộ, công chức phải thường xuyên rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức công vụ, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng tiếp dân, đối thoại và thuyết phục quần chúng.

*Ba là*, quán triệt sâu rộng, tạo sự thống nhất nhận thức trong toàn bộ đội ngũ cán bộ, công chức UBND cấp tỉnh về nhiệm vụ CTDV

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhấn mạnh vai trò to lớn của chính quyền trong quan hệ với nhân dân; Người căn dặn rằng: “Tất cả cán bộ chính quyền, tất cả cán bộ đoàn thể và tất cả hội viên của các tổ chức nhân dân đều

phải phụ trách dân vận” [80, tr.699]. Điều đó khẳng định lực lượng làm CTDV không chỉ dừng ở những cán bộ chuyên trách mà bao gồm tất cả cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị, trong đó UBND giữ vai trò nòng cốt. Do đó, UBND các tỉnh, thành phố cần tăng cường tuyên truyền, giáo dục chính trị - tư tưởng để mỗi cán bộ, công chức nhận thức đúng đắn, đầy đủ mục tiêu, yêu cầu của CTDV; coi đây là nhiệm vụ công vụ thường xuyên gắn với trách nhiệm cá nhân.

Từng cán bộ, công chức phải chủ động nghiên cứu, vận dụng phương thức dân vận trong quá trình thực thi công vụ, phát huy vai trò cầu nối giữa UBND và nhân dân. Có như vậy, mới huy động được sức mạnh của nhân dân tham gia vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đội ngũ cán bộ, công chức cần xác định rõ CTDV là tiêu chí quan trọng trong xây dựng bộ máy hành chính nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu quả, thực sự là “công bộc” của nhân dân. Chất lượng, hiệu quả CTDV của UBND cấp tỉnh sẽ quyết định đến hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn, góp phần ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Đặc biệt, trong bối cảnh các tỉnh, thành phố vùng ĐBSH giữ vị trí trọng điểm phát triển của cả nước, CTDV của UBND cấp tỉnh càng có ý nghĩa chiến lược, góp phần xây dựng bộ máy chính quyền vững mạnh, phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế, xứng đáng với vị thế và vai trò trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của quốc gia.

#### **4.2.2. Nâng cao chất lượng việc xây dựng và thực hiện chương trình công tác dân vận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh gắn với thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh**

Đây là một giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa chính quyền và nhân dân, qua đó

thúc đẩy sự phát triển bền vững toàn diện của địa phương. Trong bối cảnh hiện nay, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSH đang đẩy mạnh thực hiện nhiều chương trình, kế hoạch lớn về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng kết cấu hạ tầng, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, việc xây dựng kế hoạch CTDV của UBND cấp tỉnh ở nhiều nơi còn thiếu tính chủ động, chưa được tích hợp một cách đầy đủ và hệ thống vào quá trình lập kế hoạch phát triển chung. Một số chương trình, đề án, dự án triển khai còn thiếu nội dung dân vận ngay từ đầu, dẫn đến những khó khăn khi thực hiện, như thiếu sự đồng thuận của người dân, phát sinh điểm nóng khiếu kiện, phản ứng xã hội. Mặt khác, nhiều địa phương còn lúng túng trong phân công trách nhiệm thực hiện CTDV theo từng lĩnh vực quản lý; vai trò phối hợp giữa các sở, ngành chưa rõ nét; việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh kế hoạch dân vận khi có thay đổi trong định hướng phát triển chưa kịp thời, đồng bộ. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng lập và triển khai kế hoạch CTDV, bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh là yêu cầu cấp thiết. Giải pháp này giúp UBND cấp tỉnh định hướng rõ ràng hơn trong tổ chức thực hiện, huy động hiệu quả sự tham gia của người dân, đồng thời nâng cao năng lực điều hành, giữ vững ổn định chính trị, tạo nền tảng cho phát triển bền vững vùng ĐBSH trong giai đoạn mới. Để thực hiện tốt giải pháp này, cần tập trung triển khai thực hiện một số biện pháp sau:

*Một là*, chú trọng xây dựng chương trình, kế hoạch tổng thể về CTDV của UBND cấp tỉnh

Việc xây dựng chương trình, kế hoạch tổng thể về CTDV là yêu cầu bắt buộc và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm bảo đảm tính chủ động, thống nhất, bài bản và xuyên suốt trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH. Trong bối cảnh yêu cầu mới về phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường niềm tin của

nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, CTDV càng cần được định hướng rõ ràng, cụ thể ngay từ khâu xây dựng kế hoạch.

Theo đó, UBND từng tỉnh, thành phố trong vùng cần khẩn trương xây dựng chương trình, kế hoạch CTDV cho cả nhiệm kỳ 5 năm; định kỳ rà soát, bổ sung khi có nghị quyết mới của Trung ương, tỉnh, thành ủy. Việc khẩn trương xây dựng chương trình, kế hoạch CTDV cho cả nhiệm kỳ 5 năm không chỉ thể hiện tinh thần chủ động, trách nhiệm của UBND cấp tỉnh mà còn tạo ra khuôn khổ chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt cho toàn bộ hoạt động dân vận trong phạm vi địa phương. Kế hoạch cần không dừng lại ở việc nêu các mục tiêu chung chung, mà phải xác định rõ mục tiêu cụ thể, yêu cầu cần đạt được, nội dung công việc cần triển khai, các giải pháp thực hiện phù hợp với từng lĩnh vực quản lý nhà nước, đồng thời phân công rõ trách nhiệm thực hiện cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND cấp tỉnh.

Đặc biệt, để chương trình CTDV thực sự có hiệu quả, cần phải được xây dựng trên cơ sở cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về CTDV vào điều kiện thực tiễn đặc thù của từng tỉnh, thành phố trong vùng. Điều này đòi hỏi UBND cấp tỉnh không chỉ nghiên cứu kỹ các văn bản chỉ đạo của Trung ương và cấp ủy địa phương, mà còn phải khảo sát, đánh giá đúng tình hình nhân dân, nhận diện những vấn đề bức xúc nổi cộm, từ đó đưa ra định hướng phù hợp, giải pháp khả thi. Việc bảo đảm chương trình, kế hoạch dân vận “sát thực, khả thi” là điều kiện tiên quyết để các nội dung đó được triển khai hiệu quả trên thực tế, góp phần tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa chính quyền với nhân dân, củng cố niềm tin của nhân dân vào vai trò quản lý, điều hành của UBND cấp tỉnh trong bối cảnh đổi mới toàn diện hiện nay.

*Hai là*, bảo đảm sự thống nhất giữa kế hoạch CTDV với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của UBND cấp tỉnh

Bảo đảm sự thống nhất giữa kế hoạch CTDV với các chương trình phát

triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh là một yêu cầu có tính nguyên tắc trong tổ chức, triển khai CTDV của UBND cấp tỉnh. Trong bối cảnh đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý và điều hành phát triển, CTDV không thể là hoạt động riêng biệt hay bổ sung sau cùng, mà cần được tích hợp ngay từ đầu, như một cấu phần tất yếu trong toàn bộ tiến trình xây dựng và thực hiện các kế hoạch, dự án phát triển của chính quyền địa phương.

*Thứ nhất*, nội dung CTDV cần được tích hợp ngay từ khâu lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình mục tiêu quốc gia, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực. Trong đó, việc tích hợp không chỉ dừng ở hình thức lồng ghép về văn bản, mà phải thể hiện ở việc xác định rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp, lực lượng thực hiện và nguồn lực dành cho CTDV trong từng kế hoạch cụ thể. Chẳng hạn, với chương trình xây dựng nông thôn mới, cần có nội dung tuyên truyền để người dân hiểu rõ mục tiêu, lợi ích, trách nhiệm; vận động người dân tự nguyện tham gia góp sức, góp công; tổ chức các hoạt động dân vận gắn với phong trào thi đua ở cơ sở. Việc tích hợp hiệu quả CTDV sẽ góp phần thúc đẩy các chương trình phát triển đạt được sự đồng thuận cao, tránh phát sinh mâu thuẫn, khiếu kiện từ cơ sở.

*Thứ hai*, mỗi kế hoạch, đề án, dự án lớn triển khai trên địa bàn đều cần có cấu phần riêng về CTDV. Nội dung này không thể được xem là phần việc phụ, mà phải là một trong những yếu tố then chốt bảo đảm sự thành công của chương trình, dự án. Từ các dự án về giải phóng mặt bằng, tái định cư, quy hoạch đô thị, phát triển hạ tầng, đến các đề án về giảm nghèo bền vững, đào tạo nghề, chuyển đổi mô hình sản xuất, tất cả đều có tác động trực tiếp đến đời sống, sinh kế, môi trường sống của người dân. Nếu không có CTDV đi trước một bước, không có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về thông tin, truyền thông, đối thoại, thuyết phục và giải thích, thì việc triển khai dễ gặp phải phản ứng tiêu cực từ nhân dân, dẫn đến chậm tiến độ, phát sinh phức tạp về an ninh trật tự và làm suy giảm niềm tin vào chính quyền.

*Thứ ba*, CTDV cần được gắn chặt với việc tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia và giám sát quá trình thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển. Đây là bước chuyển đổi quan trọng từ “dân vận thuyết phục” sang “dân vận phát huy vai trò chủ thể của nhân dân”. Chính quyền các cấp không chỉ vận động nhân dân chấp hành, mà còn tạo điều kiện để nhân dân chủ động tham gia vào các khâu: góp ý chính sách, đề xuất giải pháp, cùng triển khai thực hiện và giám sát quá trình thực thi. Có như vậy, chủ trương, chính sách mới thật sự là của dân, vì dân và do dân cùng thực hiện.

*Thứ tư*, để bảo đảm sự thống nhất trên thực tế, UBND cấp tỉnh cần ban hành quy định hoặc hướng dẫn cụ thể về việc tích hợp nội dung dân vận trong các kế hoạch, chương trình, dự án. Đồng thời, cần phân công rõ trách nhiệm của các sở, ban, ngành trong việc tổ chức thực hiện CTDV theo từng lĩnh vực quản lý. Việc xây dựng các tiêu chí đánh giá hiệu quả dân vận gắn với hiệu quả triển khai chương trình phát triển cũng là cơ sở quan trọng để theo dõi, kiểm tra, giám sát và nâng cao chất lượng CTDV của chính quyền.

*Ba là*, cụ thể hóa nhiệm vụ CTDV trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước của UBND cấp tỉnh

Một trong những yêu cầu cấp thiết để nâng cao hiệu quả CTDV của chính quyền cấp tỉnh trong giai đoạn hiện nay là phải cụ thể hóa nội dung và nhiệm vụ dân vận theo từng ngành, từng lĩnh vực quản lý nhà nước. Tránh tình trạng CTDV bị xem là nhiệm vụ chung chung, mang tính hình thức, việc gắn dân vận với chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng sở, ngành, địa phương chính là giải pháp thiết thực nhằm tăng tính khả thi, trách nhiệm và hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

*Thứ nhất*, cần xác định rõ nội dung CTDV trong từng ngành, lĩnh vực cụ thể, nhất là các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh bức xúc xã hội. Chẳng hạn:

*Trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, giải phóng mặt bằng*: dân vận phải tập trung vào công tác tuyên truyền, đối thoại, giải thích cho người dân hiểu

về quy hoạch, lợi ích chung của dự án, chính sách bồi thường, tái định cư, và trách nhiệm của Nhà nước. Đồng thời, cần chủ động nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người dân để kịp thời điều chỉnh những điểm bất hợp lý, tránh để xảy ra điểm nóng, khiếu kiện kéo dài.

*Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường:* nội dung dân vận cần hướng đến việc nâng cao nhận thức, vận động cộng đồng cùng tham gia bảo vệ môi trường, thực hiện phân loại rác, bảo vệ nguồn nước, và giám sát việc xả thải của các doanh nghiệp. Việc huy động vai trò giám sát của người dân là một kênh quan trọng để tăng tính minh bạch và hiệu quả quản lý nhà nước.

*Trong lĩnh vực an sinh xã hội:* dân vận phải thể hiện qua việc hỗ trợ người dân tiếp cận đầy đủ và kịp thời các chính sách bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe, đào tạo nghề, giải quyết việc làm. Cán bộ dân vận cần sâu sát với người yếu thế, lắng nghe và giúp họ vượt qua khó khăn, từ đó tạo dựng niềm tin vào chính sách nhân văn của Nhà nước.

*Trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo:* CTDV phải khéo léo, thấu tình đạt lý, vừa bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, vừa giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Cần xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa chính quyền với các chức sắc tôn giáo, các tổ chức tôn giáo chân chính để cùng nhau vận động giáo dân sống tốt đời, đẹp đạo, chấp hành pháp luật.

*Trong lĩnh vực an ninh trật tự:* CTDV phải gắn với phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, phát huy vai trò tự quản ở thôn, xóm, khu dân cư. Việc xây dựng các mô hình như “Tổ tự quản an ninh”, “Tổ hòa giải ở cơ sở” cần được nhân rộng và nâng cao chất lượng.

*Thứ hai,* để bảo đảm tính tổ chức và phân công rõ ràng, UBND cấp tỉnh cần giao nhiệm vụ cụ thể về CTDV cho từng sở, ban, ngành và UBND cấp xã. Việc phân công phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định cho từng cơ quan. Trên cơ sở đó, mỗi đơn vị cần xây dựng kế hoạch dân vận riêng, xác định rõ mục tiêu, nội dung, lực lượng và biện pháp triển khai.

Đồng thời, cần có cơ chế phối hợp liên ngành, nhất là trong các lĩnh vực có sự chồng lấn về chức năng hoặc có liên quan đến lợi ích nhiều nhóm xã hội.

*Thứ ba*, để việc thực hiện dân vận ngành, dân vận chính quyền không dừng ở khẩu hiệu, UBND cấp tỉnh cần ban hành các hướng dẫn, tiêu chí đánh giá hiệu quả CTDV theo lĩnh vực chuyên môn, làm cơ sở để kiểm tra, giám sát và sơ kết, tổng kết hằng năm. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cần được tập huấn thường xuyên về kỹ năng dân vận, phương pháp tiếp cận cộng đồng, xử lý tình huống phát sinh từ thực tiễn công tác chuyên môn.

*Bốn là*, kiện toàn các ban chỉ đạo triển khai các chương trình, kế hoạch công tác của chính quyền của UBND cấp tỉnh theo hướng đề cao CTDV chính quyền

Củng cố một bước bộ máy của các UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH, hướng tới một bộ máy trong sạch và hoạt động hiệu quả hơn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố vùng ĐBSH. Để đạt được điều này, UBND cấp tỉnh cần luôn hoàn thiện tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có chất lượng, hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao. Đồng thời, không ngừng củng cố tổ chức bộ máy các cơ quan UBND theo hướng ngày càng rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan thuộc UBND và nâng cao chất lượng hoạt động.

Xây dựng bộ máy UBND mỗi tỉnh, thành phố vùng ĐBSH phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội từng địa phương. Một trong những vấn đề trọng tâm cần giải quyết là tiếp tục mở rộng việc phân cấp trên các lĩnh vực để quản lý có hiệu lực và hiệu quả theo nguyên tắc, những việc gì cấp dưới có thể làm tốt thì giao cho cấp đó. Trước mắt, các tỉnh, thành phố cần kiện toàn, sắp xếp hợp lý tổ chức bộ máy các ban chỉ đạo triển khai các chương trình, kế hoạch công tác theo hướng vừa phù hợp với nhiệm vụ quản lý nhà nước, vừa phù hợp, thuận lợi cho CTDV của UBND cấp tỉnh.

Các cơ quan thuộc UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH cần thực hiện tốt việc phân công cán bộ lãnh đạo theo dõi và trực tiếp phụ trách CTDV của UBND

trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước. Đồng thời, làm tốt CTDV theo đúng quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Tất cả cán bộ chính quyền, tất cả cán bộ đoàn thể và tất cả hội viên của các tổ chức nhân dân đều phải phụ trách dân vận” [81, tr.232-234].

*Năm là, thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh*

Nhận thức rõ CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH phải gắn liền với chăm lo phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Xuất phát từ đặc điểm vị trí địa - chính trị các tỉnh vùng ĐBSH, CTDV của UBND cấp tỉnh tập trung tuyên truyền, thuyết phục, vận động nhân dân tin theo Đảng, chấp hành pháp luật Nhà nước; từng bước cải thiện đời sống, văn hóa tinh thần và đảm bảo lợi ích, nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Chăm lo xây dựng củng cố tổ chức, đội ngũ cán bộ, đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, vận động nhân dân. Mỗi cán bộ, đảng viên thấy được niềm vui sướng, thấu hiểu người dân, biết sẻ chia ngọt bùi với người dân làm cho đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày một đi lên thì dân mới tin tưởng vào sự lãnh đạo Đảng. Thông qua các kênh thông tin, truyền thông để định hướng dư luận xã hội giúp các giai cấp, tầng lớp nông dân, công nhân, trí thức, dân tộc, tôn giáo... hiểu, tiếp cận, đối thoại với lãnh đạo các cơ quan Đảng, chính quyền. Từ đó, nhân dân thấy được chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng, Nhà nước, quy định của địa phương đúng để thực hiện.

**4.2.3. Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức; tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức nhà nước yếu kém, vi phạm pháp luật**

Thúc đẩy mạnh mẽ cải cách hành chính nhà nước gắn với nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức có ý nghĩa then chốt trong việc xây dựng bộ máy chính quyền tinh gọn, minh bạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Giải

pháp này trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân, củng cố niềm tin xã hội, tăng cường hiệu quả CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH. Đồng thời, việc tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiên quyết xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu, vi phạm pháp luật là yêu cầu cấp thiết để giữ vững kỷ luật, kỷ cương hành chính, bảo đảm nguyên tắc Nhà nước pháp quyền XHCN, phòng ngừa và khắc phục những biểu hiện suy thoái, tiêu cực trong đội ngũ.

Thời gian qua, bên cạnh những chuyển biến tích cực, CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH vẫn còn bộc lộ hạn chế: thủ tục hành chính ở một số nơi còn rườm rà, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp; một bộ phận cán bộ, công chức chưa thực sự gần dân, trọng dân, còn biểu hiện quan liêu, cửa quyền, thậm chí tham nhũng, vi phạm đạo đức công vụ. Thực tế đó làm giảm hiệu quả quản lý nhà nước, ảnh hưởng đến uy tín của chính quyền và niềm tin của nhân dân. Trong bối cảnh yêu cầu đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền số, hội nhập quốc tế, việc triển khai giải pháp này trở thành nhiệm vụ cấp bách, có ý nghĩa trực tiếp đối với việc nâng cao chất lượng, hiệu quả CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH trong giai đoạn hiện nay.

Vì vậy, việc thúc đẩy mạnh mẽ cải cách hành chính nhà nước, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức; tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiên quyết xử lý những cán bộ, công chức, viên chức nhà nước quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu, năng lực, phẩm chất kém, vi phạm pháp luật cần được coi là một khâu đột phá trong triển khai CTDV của chính quyền địa phương.

Để thực hiện tốt giải pháp này, cần thực hiện tốt một số biện pháp sau:

*Một là, đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước*

Cải cách hành chính là giải pháp mang tính nền tảng, quyết định trực tiếp đến chất lượng phục vụ nhân dân và hiệu quả CTDV của UBND cấp tỉnh

vùng ĐBSH. Để đạt được kết quả thực chất, cần tập trung vào ba nhóm biện pháp chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Trước hết, UBND tỉnh cần thành lập các tổ công tác đặc biệt để tiến hành rà soát toàn bộ thủ tục hành chính hiện hành, trong đó ưu tiên rà soát những lĩnh vực có tác động trực tiếp và thường xuyên đến đời sống nhân dân như đất đai, xây dựng, y tế, giáo dục, thuế, bảo hiểm xã hội. Việc rà soát phải gắn với mục tiêu xóa bỏ ngay các thủ tục rườm rà, trùng lặp giữa các sở, ngành; đồng thời cắt giảm tối thiểu 30-40% thời gian giải quyết so với trước đây, qua đó giảm thiểu chi phí thời gian và chi phí xã hội cho người dân, doanh nghiệp.

Tiếp đó, các tỉnh cần đẩy mạnh công khai, minh bạch hóa thủ tục hành chính bằng việc niêm yết công khai trên Cổng dịch vụ công trực tuyến toàn bộ danh mục thủ tục đã được cắt giảm, quy trình chuẩn hóa, phí và lệ phí cụ thể, cũng như thời hạn xử lý hồ sơ. Đây không chỉ là công cụ giúp người dân dễ dàng tiếp cận thông tin, mà còn là phương thức để giám sát ngược, hạn chế sự tùy tiện trong giải quyết công vụ. Cùng với đó, việc thực hiện nghiêm túc cơ chế “một cửa, một cửa liên thông” ở tất cả các lĩnh vực sẽ đảm bảo nguyên tắc: người dân chỉ nộp hồ sơ một lần, nhận kết quả tại một địa điểm, hạn chế tối đa tình trạng phải đi lại nhiều lần, “chạy” qua nhiều cơ quan.

Thực hiện tốt biện pháp này sẽ giúp nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân, giảm thiểu tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực trong giải quyết công việc hành chính, qua đó khẳng định sự gần gũi, cầu thị của chính quyền. Đồng thời, đây cũng là yếu tố cốt lõi để tăng cường hiệu quả CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH trong giai đoạn hiện nay, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với chính quyền, xây dựng chính quyền thân thiện, phục vụ nhân dân.

*Thứ hai, phát triển mạnh mẽ chính quyền số*

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số quốc gia đang diễn ra sâu rộng, việc phát triển chính quyền số trở thành yêu cầu tất yếu đối với các tỉnh, thành phố vùng ĐBSH. Chính quyền số không chỉ nhằm hiện đại hóa nền hành chính, mà còn là giải pháp then chốt để đổi mới nội dung, phương thức CTDV của UBND cấp tỉnh theo hướng công khai, minh bạch, lấy người dân làm trung tâm phục vụ. Để thực hiện, các UBND cấp tỉnh cần ưu tiên hoàn thiện hệ thống một cửa điện tử liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã, bảo đảm mọi hồ sơ hành chính có thể được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả trực tuyến. Đặc biệt, cần đặt mục tiêu đến năm 2030, ít nhất 80% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của tỉnh được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, cho phép người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ, thanh toán phí và nhận kết quả hoàn toàn qua môi trường mạng.

Cùng với đó, các tỉnh cần xây dựng và tích hợp cơ sở dữ liệu tập trung về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, y tế, giáo dục... kết nối đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, qua đó bảo đảm nguyên tắc người dân chỉ cần cung cấp thông tin một lần cho cơ quan hành chính nhà nước. Việc triển khai chữ ký số, thanh toán điện tử, hồ sơ số hóa trong toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục hành chính không chỉ giảm bớt sự tiếp xúc trực tiếp giữa người dân với cán bộ công quyền - vốn là môi trường dễ phát sinh tiêu cực, mà còn nâng cao tính nhanh gọn, chính xác, hiệu quả. Bên cạnh đó, cần phát triển ứng dụng di động và tổng đài hỗ trợ để nhân dân dễ dàng phản ánh về thái độ phục vụ, chất lượng giải quyết công việc của cán bộ, công chức; qua đó, chính quyền có thể kịp thời điều chỉnh, chấn chỉnh sai sót, nâng cao chất lượng phục vụ.

Việc đẩy mạnh xây dựng chính quyền số sẽ giúp hoạt động quản lý nhà nước minh bạch, giảm thiểu cơ chế xin - cho, đồng thời tăng cường khả năng giám sát của nhân dân. Quan trọng hơn, nó khẳng định vai trò của UBND cấp

tỉnh vùng ĐBSH trong việc chủ động nắm bắt xu thế phát triển, hiện đại hóa công tác quản trị địa phương, qua đó nâng cao niềm tin, sự hài lòng của nhân dân, đáp ứng yêu cầu tăng cường CTDV trong giai đoạn hiện nay.

*Thứ ba*, nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành.

Để bảo đảm cho hoạt động của chính quyền thực sự hướng tới phục vụ nhân dân, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH cần tập trung xây dựng cơ chế giám sát chặt chẽ trách nhiệm giải trình của cơ quan hành chính. Cụ thể, mỗi quyết định hành chính, mỗi hồ sơ thủ tục đều phải gắn với trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu cơ quan và cán bộ trực tiếp xử lý. Hồ sơ phải được cập nhật công khai trên Cổng dịch vụ công trực tuyến, có mã số định danh để người dân theo dõi tiến độ và phản ánh kịp thời nếu có chậm trễ, phiền hà. Việc này giúp chấm dứt tình trạng “trách nhiệm tập thể” mơ hồ, làm rõ ai chịu trách nhiệm khi có sai phạm, qua đó nâng cao tính minh bạch và kỷ luật hành chính.

Song song với đó, cần thực hiện việc đánh giá thường xuyên chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. UBND cấp tỉnh có thể triển khai hệ thống khảo sát trực tuyến gắn với từng dịch vụ công, lắp đặt thiết bị đánh giá mức độ hài lòng ngay tại các bộ phận một cửa, đồng thời tiến hành điều tra xã hội học định kỳ để thu thập ý kiến khách quan từ nhân dân. Kết quả đánh giá phải được công bố công khai trên các phương tiện thông tin của tỉnh, đồng thời trở thành căn cứ trực tiếp để xem xét thi đua, khen thưởng hoặc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức. Nhờ vậy, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành không chỉ được nâng cao ở khía cạnh quản lý nội bộ, mà còn được đo lường và giám sát thường xuyên bởi chính nhân dân - chủ thể mà chính quyền phục vụ.

Đây là cơ chế quan trọng để bảo đảm CTDV của UBND cấp tỉnh không dừng lại ở khẩu hiệu, mà thực sự chuyên hóa thành những hành động cụ thể, mang lại sự hài lòng, tin tưởng của nhân dân đối với chính quyền.

*Hai là, nâng cao năng lực, phẩm chất đội ngũ cán bộ, công chức*

*Thứ nhất, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng*

UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH cần xây dựng chiến lược đào tạo, bồi dưỡng cán bộ mang tính dài hạn, toàn diện và đồng bộ, thay vì chỉ dừng lại ở những khóa tập huấn ngắn hạn, mang tính hình thức. Chiến lược này phải dựa trên các khảo sát, đánh giá khoa học về thực trạng năng lực, kỹ năng và đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức; từ đó xác định nhu cầu đào tạo theo từng lĩnh vực, từng vị trí việc làm, gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đặc thù của từng địa phương. Cán bộ trực tiếp tiếp dân, giải quyết thủ tục hành chính cần được đào tạo chuyên sâu về kỹ năng dân vận chính quyền, kỹ năng giao tiếp hành chính chuẩn mực, kỹ năng đối thoại, xử lý tình huống xung đột và kỹ năng nắm bắt, phân tích dư luận xã hội. Việc đào tạo này phải trở thành điều kiện bắt buộc trong quy trình đánh giá, xếp loại, bổ nhiệm và quy hoạch cán bộ, qua đó bảo đảm đội ngũ thực sự có đủ năng lực và phẩm chất để thực hiện phương châm dân vận “gần dân, hiểu dân, học dân, có trách nhiệm với dân”.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh chuyển đổi số, cần đặc biệt chú trọng bồi dưỡng kỹ năng số và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính. UBND cấp tỉnh phải quy định 100% cán bộ, công chức tham gia các khóa đào tạo về quản trị dữ liệu, chữ ký số, xử lý hồ sơ điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, kết nối dữ liệu liên thông. Đây không chỉ là yêu cầu kỹ thuật, mà còn là tiêu chí bảo đảm tính minh bạch, công khai và trách nhiệm giải trình - những nguyên tắc cốt lõi của CTDV chính quyền. Việc kiểm tra, sát hạch kết quả đào tạo cần thực hiện khách quan, khoa học, tránh hình thức; cán bộ không đạt chuẩn sau hai lần kiểm tra phải được luân chuyển hoặc bố trí sang vị trí công tác khác phù hợp hơn.

UBND cấp tỉnh cần chủ động phối hợp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có uy tín như Học viện Hành chính Quốc gia, Học viện Chính

trị Quốc gia Hồ Chí Minh để tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu, bảo đảm tính chuẩn mực về lý luận, cập nhật về kiến thức quản trị hiện đại và phù hợp với thực tiễn quản lý ở địa phương. Đồng thời, quá trình bồi dưỡng không chỉ dừng lại ở giảng đường, mà phải được gắn kết chặt chẽ với thực tiễn CTDV thông qua các hoạt động đối thoại, tiếp xúc trực tiếp, tọa đàm cùng nhân dân, qua đó rèn luyện kỹ năng lắng nghe, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng thuyết phục - những phẩm chất cốt lõi để hình thành phong cách dân vận của chính quyền. Đây chính là cơ chế “học đi đôi với hành”, giúp cán bộ, công chức vừa nắm vững lý luận, vừa có năng lực xử lý linh hoạt các tình huống thực tiễn, từ đó nâng cao chất lượng và hiệu quả CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH trong giai đoạn hiện nay.

*Thứ hai, nâng cao ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ*

Trước hết, UBND cấp tỉnh cần định kỳ hàng quý tổ chức các diễn đàn đối thoại trực tiếp giữa Chủ tịch UBND với nhân dân, coi đây không chỉ là kênh tiếp nhận ý kiến phản ánh, kiến nghị, giải quyết kịp thời những bức xúc của người dân, mà còn là môi trường thực tiễn để rèn luyện, kiểm chứng tác phong “trọng dân, gần dân, hiểu dân và có trách nhiệm với dân” của đội ngũ cán bộ, công chức. Những buổi đối thoại trực tiếp như vậy sẽ giúp chính quyền nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, từ đó điều chỉnh chính sách phù hợp hơn với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tiếp đó, UBND cấp tỉnh cần ban hành và thực thi nghiêm túc bộ quy tắc ứng xử công sở với các chuẩn mực cụ thể, rõ ràng và dễ kiểm chứng, chẳng hạn như: không trễ hẹn với công dân và doanh nghiệp, không yêu cầu bổ sung hồ sơ ngoài quy định, không gây khó dễ trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính. Đây là những quy định thiết thực nhằm biến đạo đức công vụ từ những nguyên tắc chung mang tính lý thuyết thành hành vi cụ thể, đo lường được, góp phần hình thành văn hóa công sở chuẩn mực, hiện đại.

Đồng thời, UBND cấp tỉnh cần coi chỉ số SIPAS (mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính) là tiêu chí bắt buộc trong công tác đánh giá, xếp loại cán bộ. Việc quy định cán bộ có tỷ lệ hài lòng dưới 70% trong hai năm liên tiếp thì không được xem xét bổ nhiệm hoặc nâng ngạch, không chỉ mang tính ràng buộc pháp lý, mà còn tạo ra cơ chế cạnh tranh lành mạnh, khích lệ tinh thần trách nhiệm, động lực cống hiến, buộc cán bộ, công chức phải không ngừng rèn luyện, đổi mới tác phong, thái độ phục vụ. Qua đó, đội ngũ cán bộ, công chức của UBND cấp tỉnh thực sự trở thành những “công bộc của dân”, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào chính quyền, tăng cường hiệu quả CTDV trong bối cảnh mới.

*Thứ ba*, đổi mới công tác tuyển dụng, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ, công chức

Cần đổi mới mạnh mẽ công tác tuyển dụng, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ theo hướng công khai, minh bạch, dựa trên năng lực và kết quả thực tiễn, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thật sự liêm chính, chuyên nghiệp và tận tâm phục vụ nhân dân. Tất cả các vị trí lãnh đạo phòng, ban thuộc UBND cấp tỉnh, nhất là trong những lĩnh vực “nhạy cảm” như tài nguyên - môi trường, tài chính, xây dựng, cần được tổ chức thi tuyển cạnh tranh công khai, minh bạch, có sự giám sát chặt chẽ của Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh. Điều này vừa bảo đảm tính khách quan, vừa tăng cường sự giám sát xã hội đối với công tác cán bộ.

Bên cạnh đó, UBND cấp tỉnh cần mạnh dạn thí điểm áp dụng cơ chế “hợp đồng có thời hạn gắn với kết quả công việc” đối với một số chức danh quản lý chủ chốt. Sau mỗi nhiệm kỳ 3 năm, cán bộ sẽ được đánh giá toàn diện dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ, mức độ hài lòng của nhân dân và doanh nghiệp. Những trường hợp có kết quả thấp, không hoàn thành nhiệm vụ thì không tái bổ nhiệm, qua đó khắc phục tình trạng “cán bộ làm việc cầm chừng” hoặc dựa dẫm vào thâm niên.

Đồng thời, cần thực hiện luân chuyển định kỳ (từ 3 - 5 năm) đối với các vị trí dễ phát sinh tiêu cực như địa chính, thuế, tài chính công. Luân chuyển vừa là giải pháp phòng ngừa tham nhũng vặt, vừa tạo điều kiện để cán bộ được rèn luyện trong nhiều môi trường công tác khác nhau, qua đó nâng cao bản lĩnh, kinh nghiệm và kỹ năng dân vận chính quyền.

UBND cấp tỉnh phải xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu năng lực cán bộ toàn tỉnh, trong đó cập nhật đầy đủ hồ sơ công tác, thành tích, khen thưởng cũng như các vi phạm, khuyết điểm (nếu có). Đây là căn cứ khách quan, minh bạch để các cấp ủy, UBND tỉnh thực hiện bổ nhiệm, quy hoạch, khen thưởng, đồng thời loại bỏ tình trạng bổ nhiệm theo cảm tính, quan hệ cá nhân. Cơ sở dữ liệu này, nếu được công khai ở mức phù hợp, cũng góp phần tăng cường giám sát xã hội và niềm tin của nhân dân đối với công tác cán bộ, từ đó trực tiếp nâng cao hiệu quả CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH trong giai đoạn hiện nay.

*Ba là, tăng cường thanh tra, kiểm tra quá trình thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, kiên quyết xử lý những trường hợp có biểu hiện quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu, năng lực, phẩm chất kém, vi phạm pháp luật*

Trước hết, UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định về thanh tra, kiểm tra đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo hướng rõ ràng, minh bạch, với chế tài đủ mạnh tương ứng với từng hành vi sai phạm. Quy trình thanh tra công vụ phải được ban hành chính thức, cập nhật định kỳ, đặc biệt trong những lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, tài chính - ngân sách, thuế, xây dựng, đầu tư công, nơi dễ phát sinh tiêu cực và tham nhũng. Đồng thời, cần thiết lập cơ chế kiểm tra chéo giữa các cơ quan, đơn vị, tránh tình trạng “vừa đá bóng, vừa thổi còi”, bảo đảm tính khách quan, trung thực trong đánh giá, kết luận. UBND cấp tỉnh cần tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra thường xuyên và đột xuất. Ngoài các kế hoạch định kỳ, cần

tổ chức các cuộc kiểm tra đột xuất khi có phản ánh, khiếu nại, tố cáo từ nhân dân hoặc doanh nghiệp. Việc thanh tra phải gắn với chế độ trách nhiệm giải trình, đặc biệt đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị nơi để xảy ra sai phạm. Nguyên tắc phải bảo đảm: cán bộ, công chức vi phạm đến đâu, xử lý đến đó, không có ngoại lệ, không có “vùng cấm”. Những trường hợp quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu, thiếu trách nhiệm, năng lực yếu hoặc vi phạm đạo đức, pháp luật cần bị xử lý công khai, minh bạch, đúng quy định, không có ngoại lệ. Kết quả xử lý sai phạm phải trở thành căn cứ quan trọng trong đánh giá, xếp loại, bổ nhiệm, quy hoạch và khen thưởng cán bộ. Đồng thời, công tác thanh tra, kiểm tra phải đi liền với xây dựng văn hóa liêm chính trong công vụ và giáo dục đạo đức cách mạng, để mỗi cán bộ, công chức, viên chức thực sự trở thành “công bộc của dân”, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Bên cạnh đó, cần tăng cường việc kiện toàn bộ máy tổ chức và nâng cao năng lực của lực lượng thanh tra công vụ. UBND cấp tỉnh phải xây dựng đội ngũ thanh tra chuyên nghiệp, vừa có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, vừa tinh thông pháp luật và thành thạo kỹ năng nghiệp vụ. Cần tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu định kỳ, đồng thời xây dựng cơ chế bảo vệ người làm công tác thanh tra trước những áp lực và can thiệp trái pháp luật. Đặc biệt, phải gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả thanh tra, kiểm tra: nếu để xảy ra sai phạm nghiêm trọng, người đứng đầu chịu trách nhiệm chính trị và pháp lý trực tiếp.

Ngoài ra, cần mở rộng giám sát xã hội và nhân dân đối với đội ngũ cán bộ, công chức. UBND cấp tỉnh cần thiết lập các kênh tiếp nhận phản ánh, tố cáo đa dạng, thuận tiện như đường dây nóng, cổng thông tin điện tử, ứng dụng di động, đồng thời công khai minh bạch kết quả xử lý trên các phương tiện truyền thông. Đây vừa là công cụ phòng ngừa, vừa là cơ chế giám sát xã hội trực tiếp, tạo điều kiện để nhân dân tham gia kiểm soát quyền lực và củng cố niềm tin vào chính quyền.

Cần đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ số trong giám sát quá trình thực thi công vụ của cán bộ, công chức. Hệ thống giám sát trực tuyến, tích hợp hồ sơ điện tử, chữ ký số và dữ liệu liên thông sẽ cho phép theo dõi toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục hành chính, hạn chế những phiền hà. Việc khai thác dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI) giúp phát hiện các bất thường, từ đó hỗ trợ cơ quan thanh tra kịp thời chấn chỉnh, xử lý sai phạm.

#### **4.2.4. Nâng cao hiệu quả tiếp công dân, giải quyết khiếu tố, khiếu nại và xử lý kịp thời, đúng pháp luật những bức xúc xã hội nổi cộm ở địa phương**

Việc UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH tập trung nâng cao hiệu quả tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý kịp thời, đúng pháp luật các bức xúc xã hội nổi cộm là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả trong CTDV của UBND cấp tỉnh. Giải pháp này không chỉ thể hiện tinh thần gần dân, trọng dân, lắng nghe và tôn trọng ý kiến của nhân dân, mà còn góp phần củng cố lòng tin của nhân dân vào chính quyền, tạo sự đồng thuận trong xã hội. Thực tiễn cho thấy, tại nhiều địa phương trong vùng, tình trạng đơn thư tồn đọng, khiếu kiện kéo dài, vượt cấp, đặc biệt liên quan đến đất đai, đền bù, giải phóng mặt bằng... vẫn diễn ra phức tạp, gây bức xúc trong nhân dân, tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Một số nơi còn thiếu trách nhiệm, né tránh, đùn đẩy trong xử lý, chưa chú trọng đối thoại, hòa giải ngay từ cơ sở. Do đó, tăng cường hiệu quả công tác này chính là nâng cao chất lượng dân vận chính quyền, phát huy vai trò của UBND cấp tỉnh trong bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người dân và giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở cơ sở. Để thực hiện tốt giải pháp này, cần thực hiện đồng bộ một số biện pháp sau:

*Một là*, thực hiện đầy đủ và đồng bộ các quy định pháp luật và chỉ đạo của Trung ương về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, gắn với kiểm

soát, xử lý hiệu quả các vụ việc có tính chất phức tạp, kéo dài, tiềm ẩn nguy cơ gây rối trật tự công cộng.

UBND cấp tỉnh cần tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đồng thời, cần cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các chỉ đạo của Trung ương như Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Nghị quyết số 623/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các kế hoạch của Thanh tra Chính phủ liên quan đến giải quyết vụ việc phức tạp, đông người, kéo dài.

Việc tổ chức thực hiện các văn bản này không chỉ là trách nhiệm pháp lý, mà còn là cơ sở để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực dân nguyện. Đặc biệt, cần chú trọng lồng ghép nội dung giải quyết vấn đề xã hội nổi cộm, mâu thuẫn lợi ích phức tạp - nhất là trong lĩnh vực đất đai, giải phóng mặt bằng, ô nhiễm môi trường, xung đột tôn giáo, tín ngưỡng - vào chương trình hành động của UBND cấp tỉnh. Qua đó, chính quyền không chỉ tiếp dân và giải quyết khiếu nại một cách bị động, mà chủ động kiểm soát các nguy cơ tiềm ẩn về mất ổn định chính trị - xã hội ngay từ gốc rễ.

*Hai là*, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan hành chính trong công tác tiếp công dân, đối thoại trực tiếp với nhân dân, kịp thời phát hiện và tháo gỡ các mâu thuẫn từ cơ sở, không để phát sinh “điểm nóng”.

Tiếp công dân và đối thoại trực tiếp với nhân dân là cơ hội để chính quyền lắng nghe, thấu hiểu và đồng hành với người dân trong giải quyết những khó khăn, bức xúc. UBND cấp tỉnh cần chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Quy định số 11-QĐ/TW của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu trong tiếp dân, đối thoại với dân. Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn cần trực tiếp đối thoại với nhân dân theo lịch định kỳ và đột xuất tại nơi xảy ra vụ việc, nhất là khi có dấu hiệu khiếu kiện đông người, khiếu kiện vượt cấp.

Từ thực tế nhiều vụ việc phức tạp ở các tỉnh vùng ĐBSH như tranh chấp đất đai, giải tỏa đền bù không thỏa đáng, tranh chấp tôn giáo - tín ngưỡng... cho thấy, nếu người đứng đầu chính quyền cấp tỉnh không trực tiếp đối thoại, lắng nghe và cam kết giải quyết, người dân sẽ dễ bị kích động, khiếu kiện kéo dài, gây mất ổn định trật tự xã hội. Vì vậy, đối thoại không chỉ để giải quyết vụ việc cụ thể, mà còn thể hiện trách nhiệm chính trị và đạo đức công vụ của người đứng đầu chính quyền, củng cố niềm tin của nhân dân.

*Ba là*, đổi mới quy trình xử lý khiếu nại, tố cáo theo hướng chủ động, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với cơ chế kiểm soát, đánh giá kết quả thực hiện để nâng cao trách nhiệm cá nhân, tổ chức.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cần chỉ đạo rà soát lại toàn bộ quy trình tiếp nhận và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, đảm bảo phân loại, xử lý đúng thẩm quyền, đúng trình tự và thời hạn. Trong quá trình này, cần ưu tiên giải quyết trước các vụ việc có tính chất phức tạp, đông người, kéo dài, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, có nguy cơ dẫn đến khiếu kiện vượt cấp hoặc bị các phần tử xấu lợi dụng kích động.

Bên cạnh đó, việc ban hành kết luận giải quyết phải đi đôi với tổ chức thực hiện nghiêm túc, có giám sát, kiểm tra, đôn đốc thực hiện kết luận, quyết định có hiệu lực pháp luật. Không ít vụ việc gây bức xúc kéo dài do thiếu cơ chế hậu kiểm, dẫn tới tình trạng “kết luận ban hành nhưng không ai thực hiện”, từ đó phát sinh tâm lý bất mãn trong dân. Do đó, UBND cấp tỉnh cần thiết lập các tiêu chí đánh giá trách nhiệm người đứng đầu trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, công khai tiến độ, kết quả xử lý để tạo đồng thuận và minh bạch trong hành chính công.

*Bốn là*, tăng cường thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vụ việc nổi cộm, phức tạp, kéo dài; chấn chỉnh kịp thời các vi phạm, hạn chế tình trạng trì trệ, né tránh trách nhiệm.

Thực tế cho thấy, nhiều địa phương dễ xảy ra các điểm nóng về khiếu kiện kéo dài, một phần do thiếu kiểm tra trách nhiệm hoặc kiểm tra nhưng không xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân không thực hiện đúng quy định pháp luật. Do đó, UBND cấp tỉnh cần tổ chức các đoàn thanh tra chuyên đề về công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại các sở, ngành, địa phương trực thuộc - đặc biệt ở những nơi có đơn thư nhiều, tồn đọng kéo dài, hoặc có dấu hiệu bao che, giải quyết không khách quan.

Ngoài ra, cần thiết lập cơ chế giám sát liên ngành, phối hợp giữa thanh tra, tư pháp, công an, MTTQ và các tổ chức CT-XH trong giám sát, phát hiện vi phạm. Những cá nhân có biểu hiện thiếu trách nhiệm, làm sai lệch hồ sơ, né tránh đối thoại, chậm giải quyết hoặc cố tình kéo dài vụ việc cần được xử lý nghiêm minh. Tăng cường thanh tra không chỉ để phát hiện sai phạm, mà còn nhằm phòng ngừa nguy cơ tạo ra điểm nóng xã hội từ sự tắc trách trong thực thi công vụ.

*Năm là*, tăng cường tuyên truyền, công khai minh bạch kết quả xử lý vụ việc, vận động nhân dân chấp hành quyết định hành chính, góp phần giải tỏa tâm lý, giảm khiếu kiện, bảo đảm an ninh trật tự xã hội.

Thông tin không đầy đủ, thiếu minh bạch, thiếu công khai trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo chính là một trong những nguyên nhân khiến người dân nghi ngờ chính quyền và tiếp tục khiếu kiện. Do đó, UBND cấp tỉnh cần đẩy mạnh truyền thông về các vụ việc đã được giải quyết, công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, trên các phương tiện truyền thông địa phương, và cung cấp thông tin định kỳ về các nhóm vụ việc nổi cộm cho báo chí chính thống.

Cùng với đó, cần phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong vận động người dân chấp hành kết luận giải quyết của cơ quan nhà nước, nhất là ở những nơi có nguy cơ bị kích động, lôi kéo khiếu kiện đông người. Việc phát hiện, ngăn chặn kịp thời các phần tử lợi dụng tình hình khiếu nại, tố cáo để

gây rối, xuyên tạc, chống phá là nhiệm vụ then chốt gắn giữa CTDV và đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới.

*Sáu là*, nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, đặc biệt chú trọng năng lực dân vận, ứng xử, kỹ năng hòa giải và xử lý tình huống nhạy cảm.

Cán bộ làm công tác tiếp công dân không chỉ cần nắm chắc pháp luật mà còn phải có bản lĩnh, tâm lý vững vàng, kỹ năng lắng nghe, phân tích, xử lý các tình huống phức tạp và dễ phát sinh xung đột. UBND cấp tỉnh cần tổ chức các lớp bồi dưỡng định kỳ về kỹ năng dân vận, nghiệp vụ tiếp công dân, phân tích tâm lý đối tượng khiếu kiện... Bên cạnh đó, cần bố trí cán bộ có đủ thẩm quyền, hiểu biết sâu và có kinh nghiệm để trực tiếp tiếp dân, tránh tình trạng ủy quyền hình thức, trả lời theo mẫu, làm tăng thêm sự bức xúc trong nhân dân.

Ngoài ra, cần thường xuyên đánh giá hiệu quả của đội ngũ này qua tiêu chí cụ thể: số vụ việc được xử lý dứt điểm, mức độ hài lòng của người dân, số vụ khiếu kiện vượt cấp được ngăn chặn... Thông qua đó, tạo động lực và trách nhiệm cho cán bộ, đảm bảo đội ngũ này thật sự là cầu nối giữa chính quyền với nhân dân, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội tại địa phương.

**4.2.5. Thực hiện tốt phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng", bảo đảm nguyên tắc chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân**

Việc thực hiện hiệu quả cơ chế dân chủ trong quản lý nhà nước có vai trò đặc biệt quan trọng đối với CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH - một khu vực có mật độ dân cư cao, trình độ dân trí ngày càng nâng lên, yêu cầu về minh bạch, công khai, đối thoại và sự tham gia của Nhân dân vào các quá trình quản trị công ngày càng rõ nét. Đây không chỉ là yêu cầu khách quan của tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mà còn là nội

dung cốt lõi để phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân - đối tượng trung tâm của CTDV.

Tuy nhiên, trong thực tiễn hiện nay, việc triển khai cơ chế “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” ở nhiều địa phương trong vùng ĐBSH vẫn còn biểu hiện hình thức, thiếu chiều sâu, chưa đồng đều giữa các lĩnh vực và cấp hành chính. Một bộ phận cán bộ, công chức vẫn xem nhẹ việc tham vấn, đối thoại, tiếp thu ý kiến Nhân dân khi ban hành hoặc tổ chức thực hiện chính sách. Việc công khai thông tin, minh bạch quy trình, giải trình trước dân còn hạn chế; trong khi đó, phản biện xã hội và giám sát của Nhân dân chưa được tổ chức bài bản, hiệu quả thấp.

Chính vì vậy, thực hiện tốt cơ chế dân chủ trong quản lý nhà nước không chỉ góp phần phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, quyền làm chủ của Nhân dân một cách hài hòa, mà còn là điều kiện quan trọng để nâng cao hiệu quả CTDV của UBND cấp tỉnh, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, chính quyền các cấp trong vùng ĐBSH hiện nay. Để thực hiện tốt giải pháp này, cần thực hiện đồng bộ một số biện pháp sau:

*Một là*, tăng cường công khai, minh bạch trong hoạch định và thực hiện các chủ trương, chính sách.

Để bảo đảm các chủ trương, chính sách của UBND cấp tỉnh thực sự xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, cần tăng cường thực hiện nghiêm túc cơ chế công khai, minh bạch trong toàn bộ quá trình xây dựng, ban hành và triển khai chính sách. Trước hết, việc công khai phải được thực hiện ngay từ khâu chuẩn bị các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là những nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống dân sinh như quy hoạch sử dụng đất, chính sách đền bù - giải phóng mặt bằng, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường.

Cơ quan hành chính nhà nước cần áp dụng đa dạng các hình thức công

khai, từ niêm yết tại trụ sở, đăng tải trên cổng thông tin điện tử, gửi thông báo qua hệ thống chính quyền cơ sở, đến việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến chuyên đề, phát phiếu khảo sát, tham vấn qua các nền tảng mạng xã hội chính thống. Bên cạnh đó, cần tổ chức việc tiếp thu, giải trình và công bố kết quả tổng hợp ý kiến của Nhân dân một cách công khai, minh bạch, thể hiện rõ tinh thần cầu thị, tôn trọng dân chủ và trách nhiệm giải trình của chính quyền. Đây chính là bước đi thiết thực nhằm củng cố niềm tin của Nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội và nâng cao hiệu quả CTDV trong quản lý nhà nước của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH.

*Hai là*, đa dạng hóa các hình thức để “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”

Trong điều kiện phát triển mạnh mẽ của xã hội hiện đại và yêu cầu ngày càng cao về thực hiện dân chủ trong quản lý nhà nước, việc tạo lập những cơ chế thực chất, hiệu quả để Nhân dân thực hiện quyền làm chủ là yêu cầu cấp thiết. UBND cấp tỉnh và các cơ quan trực thuộc cần chủ động xây dựng và triển khai các hình thức phong phú, đa dạng, linh hoạt để Nhân dân có thể “biết, bàn, làm, kiểm tra, giám sát, thụ hưởng” một cách thực chất, tránh hình thức.

Trước hết, cần xây dựng cơ chế tham vấn, đối thoại định kỳ giữa chính quyền và Nhân dân ở các cấp, đặc biệt là ở cấp xã, phường - nơi gắn bó trực tiếp và thường xuyên với đời sống người dân. Các hoạt động đối thoại, gặp gỡ, lắng nghe ý kiến người dân cần được thực hiện định kỳ, công khai và có cơ chế tiếp thu, giải trình rõ ràng. Đây không chỉ là dịp để chính quyền giải thích chính sách mà còn là cơ hội để tiếp thu nguyện vọng chính đáng, đề xuất thiết thực từ cơ sở.

Bên cạnh đó, việc tổ chức hội nghị Nhân dân, diễn đàn công dân, các cuộc họp thôn, tổ dân phố cần được duy trì và đổi mới cả về nội dung, hình thức tổ chức nhằm tạo không gian dân chủ thực chất, khuyến khích người dân

manh dạn bày tỏ ý kiến, đóng góp vào các quyết sách có liên quan đến cộng đồng, địa phương.

Ngoài ra, cần khuyến khích, hỗ trợ Nhân dân trực tiếp tham gia vào các mô hình tự quản tại cộng đồng như tổ dân phố, tổ tự quản, tổ kiểm tra cộng đồng, ban giám sát đầu tư của cộng đồng... Đây là những thiết chế dân chủ cơ sở có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thực thi quyền làm chủ, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý, phòng ngừa tiêu cực và tăng cường giám sát từ Nhân dân. Đồng thời, cần có cơ chế bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng và tạo điều kiện thuận lợi về hành chính - pháp lý để các tổ chức này phát huy tốt vai trò trong thực tiễn.

Đa dạng hóa các hình thức thực hiện dân chủ cơ sở không chỉ là yêu cầu về phương diện thể chế mà còn là nội dung cốt lõi của CTDV trong quản lý nhà nước. Đây là giải pháp thiết thực để nâng cao hiệu quả CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH trong giai đoạn hiện nay.

*Ba là*, tăng cường trách nhiệm giải trình và công tác kiểm tra, giám sát của chính quyền các cấp.

Thực hiện hiệu quả dân chủ trong quản lý nhà nước không thể tách rời trách nhiệm giải trình của chính quyền và hoạt động kiểm tra, giám sát thường xuyên, chặt chẽ. Đây là những yếu tố then chốt bảo đảm cho các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước được triển khai nghiêm túc, đúng định hướng và đáp ứng được nguyện vọng chính đáng của Nhân dân.

Trước hết, cần thiết lập cơ chế giải trình công khai, minh bạch đối với các cơ quan hành chính nhà nước khi ban hành hoặc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách có ảnh hưởng đến đời sống người dân, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm như quy hoạch, đất đai, bồi thường - giải phóng mặt bằng, môi trường, an sinh xã hội. Việc giải trình không chỉ thực hiện trước cơ quan cấp trên mà quan trọng hơn là phải thực hiện trước Nhân dân - những người trực tiếp chịu tác động. Qua đó, tạo điều kiện để Nhân dân giám sát, đối thoại và đồng hành cùng chính quyền.

Bên cạnh đó, hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện cơ chế “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” cần được tăng cường cả về tần suất và chất lượng. Kiên quyết chấn chỉnh các biểu hiện làm hình thức, đối phó hoặc thiếu trách nhiệm trong triển khai các nội dung dân chủ ở cơ sở. Đồng thời, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để theo dõi, đánh giá, phản ánh mức độ thực hiện dân chủ trong từng lĩnh vực quản lý, qua đó kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm.

Đặc biệt, cần quy định rõ trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu chính quyền các cấp trong việc bảo đảm thực hiện nghiêm túc quyền làm chủ của Nhân dân. Việc thực hiện dân chủ phải trở thành tiêu chí quan trọng trong đánh giá năng lực, phẩm chất, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ lãnh đạo, quản lý - từ tỉnh đến cơ sở. Khi quyền làm chủ của Nhân dân được tôn trọng, thực thi đầy đủ thì CTDV mới thực sự đi vào chiều sâu, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của vùng ĐBSH.

*Bốn là*, phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong đại diện tiếng nói của nhân dân.

Trong CTDV của UBND cấp tỉnh, MTTQ và các tổ chức CT - XH có vị trí đặc biệt quan trọng với vai trò là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Đây là lực lượng trực tiếp tiếp xúc với quần chúng, am hiểu tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, từ đó có khả năng phản ánh trung thực, kịp thời những vấn đề đặt ra trong đời sống xã hội và tham gia định hướng dư luận xã hội một cách tích cực.

Trước hết, cần giao trách nhiệm cụ thể cho MTTQ và các tổ chức CT - XH trong việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với các chủ trương, chính sách lớn - đặc biệt là những vấn đề nhạy cảm, có tác động trực tiếp đến đời sống người dân như quy hoạch, thu hồi đất, đền bù - giải phóng mặt bằng, môi trường, an sinh xã hội... Việc lấy ý kiến cần được tổ chức một cách thực chất, có chiều sâu, bảo đảm người dân được tham gia đầy đủ, thể hiện chính kiến,

đề xuất nguyện vọng. Qua đó, phát huy quyền làm chủ và tinh thần trách nhiệm công dân trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách công.

Đồng thời, cần tăng cường vai trò phản biện xã hội của MTTQ và các tổ chức CT - XH đối với hoạt động quản lý nhà nước của UBND cấp tỉnh. Mỗi chính sách, đề án khi được xây dựng đều phải được xem xét, đánh giá từ nhiều chiều, trong đó có góc nhìn của Nhân dân thông qua tiếng nói của các tổ chức đại diện. Phản biện xã hội không chỉ là công cụ để sàng lọc những chính sách chưa phù hợp mà còn là cơ sở quan trọng để nâng cao chất lượng xây dựng chính sách, bảo đảm mỗi chủ trương ban hành đều thực sự sát hợp với lợi ích, nguyện vọng và mong đợi chính đáng của người dân.

*Năm là, bảo đảm người dân được thụ hưởng đầy đủ thành quả phát triển*

Một trong những yêu cầu cốt lõi của CTDV trong quản lý nhà nước là bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân được hiện thực hóa trên thực tế. Không chỉ dừng lại ở việc đề dân biết, dân bàn, dân làm, dân giám sát, mà cao hơn, người dân phải thực sự là chủ thể thụ hưởng thành quả của sự phát triển.

Trong bối cảnh vùng ĐBSH đang có những bước chuyển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội, việc phân phối hài hòa thành quả phát triển giữa các khu vực, các tầng lớp nhân dân là nhiệm vụ cấp thiết, thể hiện bản chất nhân văn và tiến bộ của cơ chế dân chủ xã hội chủ nghĩa. Mọi chính sách phát triển kinh tế - xã hội do UBND cấp tỉnh hoạch định và tổ chức thực hiện cần đặt mục tiêu hàng đầu là nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, cả về vật chất lẫn tinh thần. Từ đó góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa đô thị và nông thôn, giữa vùng thuận lợi và vùng khó khăn, giữa các nhóm đối tượng khác nhau trong xã hội.

Ủy ban nhân dân các tỉnh cần ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư cho phát triển hệ thống hạ tầng cơ sở thiết yếu như giao thông nông thôn, điện - nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế, thiết chế văn hóa cơ sở... tại các địa bàn còn

hiều khó khăn. Đồng thời, cần đẩy mạnh các chính sách hỗ trợ giáo dục, chăm sóc sức khỏe, giảm nghèo bền vững, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người dân, đặc biệt là người nghèo, người yếu thế, các nhóm dễ bị tổn thương.

Việc bảo đảm để mọi người dân đều được tiếp cận công bằng với các dịch vụ công, được thụ hưởng chính sách theo đúng pháp luật không chỉ thể hiện vai trò kiến tạo, phục vụ của chính quyền, mà còn là thước đo chân thực về hiệu quả của CTDV trong quản lý nhà nước. Đây chính là cách thiết thực để khơi dậy niềm tin, tăng cường sự đồng thuận xã hội, phát huy sức mạnh toàn dân trong công cuộc phát triển nhanh và bền vững vùng ĐBSH.

**4.2.6. Tăng cường sự phối hợp giữa ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng với các tổ chức, lực lượng liên quan về công tác dân vận; đẩy mạnh thi đua "Dân vận khéo" gắn với việc "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"**

Đây là một giải pháp quan trọng, thể hiện sự quán triệt quan điểm nhất quán của Đảng về phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong CTDV, đặt lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân làm trung tâm, thực hiện nhất quán nguyên tắc "dân là gốc"; đồng thời góp phần bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn. Trong thời gian qua, dù giữa UBND cấp tỉnh với các cơ quan Đảng và đoàn thể CT - XH đã có nhiều chương trình, quy chế phối hợp về CTDV, nhưng trên thực tế vẫn còn tình trạng phối hợp chưa đồng bộ, thiếu thường xuyên và còn mang tính hình thức. Để khắc phục hạn chế này, thời gian tới cần tập trung thực hiện một số nội dung, biện pháp sau:

*Một là*, thực hiện cơ chế phối hợp đồng bộ và phát huy vai trò của từng chủ thể trong hệ thống chính trị

Ủy ban nhân dân tỉnh cần chủ động phối hợp chặt chẽ với Ban Tuyên giáo và dân vận tỉnh, thành ủy, Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT - XH cùng

cấp trong xây dựng, điều hành và giám sát thực hiện các chương trình phối hợp về CTDV. Cần phát huy tối đa hiệu quả của các chương trình phối hợp đã được ký kết như: Chương trình phối hợp tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; Chương trình phối hợp thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở nhằm tạo nền tảng cho việc thể chế hóa phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; Chương trình phát động, xây dựng và nhân rộng các mô hình “Dân vận khéo” gắn với từng lĩnh vực, địa bàn cụ thể, nhất là ở vùng nông thôn, đô thị, khu công nghiệp và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Việc phối hợp không chỉ dừng lại ở ký kết văn bản mà phải đi vào thực chất bằng việc tổ chức triển khai đồng bộ các hoạt động lồng ghép dân vận trong mọi chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. UBND tỉnh cần giao trách nhiệm cụ thể cho các sở, ngành, UBND cấp xã trong việc tổ chức thực hiện, đồng thời tăng cường vai trò điều phối, hướng dẫn, đôn đốc từ cơ quan thường trực của các chương trình phối hợp. Định kỳ cần tổ chức các hội nghị giao ban liên ngành, các buổi tọa đàm, hội thảo chuyên đề, hoạt động khảo sát thực tế... nhằm trao đổi thông tin, đánh giá tiến độ, tháo gỡ khó khăn, bất cập trong quá trình triển khai. Cần đặc biệt chú trọng việc phối hợp tuyên truyền sâu rộng tới các tầng lớp nhân dân về mục tiêu, nội dung, quyền lợi và trách nhiệm trong tham gia các hoạt động dân vận của chính quyền; nâng cao năng lực truyền thông, kỹ năng vận động nhân dân cho đội ngũ cán bộ các cấp thông qua đào tạo, bồi dưỡng chuyên đề liên ngành.

Bên cạnh đó, cần thiết lập cơ chế giám sát, phản biện và đánh giá hiệu quả phối hợp liên ngành theo hướng rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, gắn với tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, CTDV và xây dựng chính quyền. Thông qua đó, không chỉ tạo sự đồng thuận về nhận thức và hành động trong nội bộ hệ thống chính trị, mà còn nâng cao niềm tin của nhân dân vào

sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp.

Cần tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả triển khai các chương trình phối hợp giữa UBND tỉnh với Ban Tuyên giáo và dân vận tỉnh, thành ủy, MTTQ và các tổ chức CT - XH cùng cấp như Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh... nhằm thống nhất về mục tiêu, nội dung và phương thức tổ chức thực hiện CTDV theo từng giai đoạn, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Trong đó, chú trọng lồng ghép nhiệm vụ dân vận vào các phong trào thi đua yêu nước và chương trình phát triển kinh tế - xã hội lớn như: phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, “Dân vận khéo”, chương trình “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, mô hình “Xây dựng người công dân kiểu mẫu nơi đô thị”... Đây chính là những động lực quan trọng, tạo sự lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng, góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp thực chất giữa chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện CTDV, đồng thời tăng cường sự gắn bó giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

*Hai là*, phân định rõ vai trò, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ dân vận

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giữ vai trò là trung tâm điều phối, cần chủ trì xây dựng và tham mưu hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp trong CTDV theo hướng cụ thể, rõ ràng và khả thi. Trong đó, phải xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, phạm vi trách nhiệm của từng chủ thể, gồm các cơ quan hành chính nhà nước, Ban Tuyên giáo và Dân vận, MTTQ và các tổ chức CT - XH, bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp hoặc buông lỏng trách nhiệm.

Việc phân công phải gắn với đặc thù, thế mạnh, chức năng của từng cơ quan, đơn vị. Cơ quan hành chính nhà nước cần tích cực lồng ghép nội dung dân vận vào quá trình xây dựng và thực thi chính sách, bảo đảm quyền lợi chính đáng của nhân dân, nâng cao chất lượng phục vụ và giải quyết kịp thời

kiến nghị, phản ánh từ cơ sở. Ban Tuyên giáo và dân vận tỉnh, thành ủy có vai trò định hướng tư tưởng, thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về CTDV; hướng dẫn, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đồng thời tham mưu, đề xuất nội dung phối hợp. MTTQ và các tổ chức CT - XH đóng vai trò cầu nối, đại diện quyền lợi và nguyện vọng chính đáng của nhân dân, tổ chức thực hiện các hoạt động vận động, giám sát, phản biện xã hội và tham gia xây dựng chính sách.

Ủy ban nhân dân tỉnh cần cụ thể hóa trách nhiệm phối hợp trong từng chương trình, kế hoạch CTDV, đồng thời gắn việc thực hiện dân vận với chức năng, nhiệm vụ chuyên môn của từng cơ quan, xem đây là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các cơ quan, đơn vị và người đứng đầu. Cần tổ chức định kỳ các hội nghị giao ban, các đợt sơ kết, tổng kết công tác phối hợp dân vận để kiểm điểm, đánh giá toàn diện kết quả đạt được; phát hiện, biểu dương, nhân rộng các tập thể, cá nhân có cách làm sáng tạo, hiệu quả; đồng thời nghiêm túc chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, yếu kém trong thực hiện.

Việc phân định rõ vai trò, trách nhiệm không chỉ tạo thuận lợi cho quá trình phối hợp mà còn nâng cao ý thức chủ động, trách nhiệm chính trị của mỗi cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị. Thông qua đó, tạo ra sự liên kết đồng bộ giữa các lực lượng làm CTDV ở cả cấp tỉnh và cơ sở, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về CTDV, xây dựng chính quyền gần dân, vì dân, vì sự phát triển bền vững của vùng ĐBSH trong thời kỳ mới.

*Ba là*, phát huy vai trò tham mưu và định hướng của Ban Tuyên giáo và Dân vận tỉnh, thành ủy trong triển khai các hoạt động dân vận của UBND cấp tỉnh

Trước hết, Ban Tuyên giáo và Dân vận cần phát huy vai trò là cơ quan tham mưu trực tiếp cho cấp ủy trong việc xây dựng chủ trương, định hướng chiến lược về CTDV, đồng thời phối hợp chặt chẽ với UBND tỉnh trong việc triển khai các chương trình hành động cụ thể. Trên cơ sở chủ trương của

Đảng, pháp luật của Nhà nước và tình hình thực tiễn địa phương, Ban cần chủ động đề xuất nội dung, phương pháp dân vận phù hợp với từng lĩnh vực, từng nhóm đối tượng, đảm bảo sự nhất quán giữa định hướng chính trị và hoạt động quản lý nhà nước.

Đồng thời, cần tăng cường vai trò hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai CTDV trong các cơ quan hành chính, các sở, ngành và chính quyền địa phương. Đặc biệt, phải gắn kết CTDV với nhiệm vụ chuyên môn, xem đây là một tiêu chí quan trọng trong đánh giá kết quả công tác của từng đơn vị. Cùng với đó, Ban cần thường xuyên tổ chức các buổi làm việc, đối thoại, hội nghị chuyên đề, tọa đàm định kỳ giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị để kịp thời tháo gỡ vướng mắc, thống nhất nhận thức, nâng cao tinh thần trách nhiệm và năng lực tổ chức thực hiện CTDV.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng khác của Ban Tuyên giáo và Dân vận là theo dõi, nắm bắt, phân tích, dự báo tình hình tư tưởng, dư luận xã hội và những vấn đề phức tạp có thể nảy sinh trong nhân dân. Đây là cơ sở quan trọng để tham mưu cho cấp ủy và phối hợp với chính quyền xử lý kịp thời các tình huống nhạy cảm, không để xảy ra điểm nóng, mất ổn định. Việc tăng cường khảo sát thực tiễn, tổ chức điều tra xã hội học, phát hiện từ cơ sở những biểu hiện bất ổn, tâm lý bức xúc trong nhân dân là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh truyền thông xã hội phát triển mạnh và tác động đa chiều đến tư tưởng, nhận thức cộng đồng.

Bên cạnh đó, Ban cần phối hợp với các cơ quan truyền thông, báo chí, MTTQ và các tổ chức CT - XH trong công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận xã hội trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Cần đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức tuyên truyền, bảo đảm tính kịp thời, sâu sát, lấy đối thoại, lắng nghe và chia sẻ làm trọng tâm trong xây dựng niềm tin giữa Đảng, chính quyền và nhân dân.

*Bốn là*, phát động phong trào thi đua gắn với CTDV của UBND cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với vai trò là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất ở địa phương có trách nhiệm chỉ đạo, điều hành toàn diện các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và thực hiện CTDV chính quyền. Trong đó, việc gắn kết CTDV với các phong trào thi đua yêu nước là giải pháp có ý nghĩa thiết thực, nhằm phát huy vai trò chủ thể của nhân dân, củng cố niềm tin và tăng cường mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng, chính quyền với nhân dân.

Các cấp chính quyền, đứng đầu là UBND cấp tỉnh, cần chủ động phối hợp với Ủy ban MTTQ, các tổ chức CT - XH và hệ thống tuyên giáo - dân vận các cấp tổ chức phát động các phong trào thi đua yêu nước gắn với mục tiêu, nội dung và phương thức dân vận phù hợp với từng thời kỳ. Trong đó, ưu tiên triển khai sâu rộng các phong trào thiết thực, cụ thể như: “Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc”, “Thắp sáng đường quê”, “Sạch nhà, đẹp ngõ”, “Cán bộ, công chức gần dân, trọng dân, vì dân”, “Dân vận khéo trong cải cách hành chính”, “Chính quyền thân thiện vì nhân dân phục vụ”... nhằm khơi dậy tinh thần tự giác, năng động, sáng tạo và khát vọng cống hiến trong các tầng lớp nhân dân.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cần chỉ đạo lồng ghép phong trào thi đua gắn với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, cải cách hành chính, chuyển đổi số, giảm nghèo bền vững...; lấy kết quả phong trào thi đua làm tiêu chí quan trọng để đánh giá hiệu quả CTDV và chất lượng phục vụ nhân dân của từng cơ quan, đơn vị. Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong việc trực tiếp chỉ đạo, tham gia và nêu gương thực hiện các phong trào thi đua dân vận.

Để phong trào thi đua thực sự lan tỏa và đi vào chiều sâu, UBND cấp tỉnh cần xây dựng cơ chế khuyến khích, biểu dương, khen thưởng kịp thời đối với các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong CTDV. Đồng thời, tổ chức

sơ kết, tổng kết phong trào theo định kỳ, nhân rộng mô hình hay, cách làm sáng tạo, rút kinh nghiệm những hạn chế trong tổ chức thực hiện, bảo đảm thi đua đúng hướng, hiệu quả, thiết thực.

#### **4.2.7. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của tỉnh, thành ủy vùng đồng bằng sông Hồng đối với công tác dân vận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của tỉnh, thành ủy vùng ĐBSH đối với CTDV của UBND cấp tỉnh là giải pháp có ý nghĩa nền tảng nhằm bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức và hành động giữa cấp ủy với chính quyền, góp phần thực hiện hiệu quả các chủ trương của Đảng về CTDV trong tình hình mới. Vai trò chỉ đạo của cấp ủy không chỉ định hướng về mặt tư tưởng - chính trị mà còn tạo động lực thúc đẩy chính quyền các cấp gắn kết chặt chẽ CTDV với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng chính quyền gần dân, vì dân. Tuy nhiên, trên thực tế, ở một số địa phương, sự lãnh đạo của cấp ủy đối với CTDV của chính quyền vẫn còn lỏng lẻo, chưa được cụ thể hóa bằng cơ chế phối hợp rõ ràng; CTDV của UBND cấp tỉnh còn mang tính hành chính, thiếu chiều sâu, chưa gắn với đặc điểm tình hình và nhu cầu thực tiễn của nhân dân. Việc nắm bắt, phân tích, dự báo diễn biến tư tưởng, dư luận xã hội còn chậm, thiếu chủ động trong xử lý các tình huống phát sinh, công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh, thành ủy vùng ĐBSH đối với CTDV của UBND cấp tỉnh có lúc, có nơi còn thiếu kịp thời. Do đó, cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, trực tiếp và thường xuyên của cấp ủy Đảng đối với CTDV của UBND cấp tỉnh, gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để bảo đảm cho hoạt động này đi đúng định hướng, thiết thực và hiệu quả.

Để thực hiện tốt giải pháp này, cần tập trung thực hiện một số biện pháp sau:

*Một là*, tỉnh ủy, thành ủy cần xác định rõ CTDV là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, gắn bó mật thiết với toàn bộ quá

trình lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị của địa phương. Quan điểm này cần được quán triệt sâu sắc trong toàn Đảng bộ, coi CTDV của chính quyền không phải là việc riêng của UBND mà là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của cấp ủy. Trên cơ sở đó, cấp ủy cần tập trung ban hành đầy đủ, kịp thời các nghị quyết, chỉ thị, kết luận chuyên đề về dân vận chính quyền phù hợp với đặc điểm của từng địa phương, làm cơ sở định hướng cho chính quyền các cấp triển khai cụ thể hóa bằng các chương trình, kế hoạch hành động đồng bộ, khả thi. Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương về CTDV, nhất là Kết luận số 114-KL/TW ngày 14/7/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao hiệu quả CTDV của cơ quan nhà nước các cấp; Quyết định số 23-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về ban hành Quy chế CTDV của hệ thống chính trị và các quan điểm, chủ trương nêu trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Từng cấp ủy cần cụ thể hóa nội dung dân vận chính quyền vào chương trình công tác toàn khóa và kế hoạch công tác hằng năm; đồng thời chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi để UBND cùng cấp triển khai toàn diện, đồng bộ các nhiệm vụ dân vận trong hoạt động quản lý nhà nước, bảo đảm sự thống nhất giữa chủ trương của Đảng và hành động của chính quyền trong thực tiễn.

*Hai là*, tỉnh ủy, thành ủy cần chú trọng chỉ đạo UBND cấp tỉnh tích cực đổi mới phương pháp, phong cách, lề lối làm việc theo phương châm “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”, nhằm xây dựng nền hành chính phục vụ, lấy người dân làm trung tâm. Đây không chỉ là yêu cầu về đạo đức công vụ mà còn là tiêu chí quan trọng trong đánh giá năng lực quản trị và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của chính quyền địa phương. Để thực hiện điều đó, CTDV cần được lồng ghép có chiều sâu, hiệu quả và thực chất trong từng khâu của quá trình hoạch định và thực thi chính sách; từ xây

dụng cơ chế, thể chế đến tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát. Đặc biệt, cần coi CTDV là yếu tố xuyên suốt trong cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công, tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Tỉnh ủy, thành ủy đóng vai trò định hướng chính trị, giám sát và điều chỉnh hoạt động dân vận của chính quyền kịp thời, bảo đảm công tác này luôn gắn chặt với đường lối, chủ trương của Đảng, đồng thời phản ánh đúng nguyện vọng và lợi ích chính đáng của nhân dân. Qua đó, góp phần củng cố niềm tin, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa chính quyền với nhân dân, tạo động lực thúc đẩy phát triển bền vững.

*Ba là*, để nâng cao hiệu quả phối hợp trong hệ thống chính trị, tỉnh ủy, thành ủy cần tiếp tục chỉ đạo tăng cường phối hợp chặt chẽ, thực chất và đồng bộ giữa UBND cấp tỉnh với Ban Tuyên giáo và Dân vận tỉnh ủy, Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT - XH các cấp trong triển khai CTDV. Trọng tâm là lồng ghép nội dung dân vận vào các phong trào thi đua yêu nước và các chương trình hành động lớn của địa phương như: xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; phát triển đô thị văn minh; chuyển đổi số toàn diện; bảo vệ môi trường sinh thái; phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội... Việc phối hợp phải dựa trên nguyên tắc thống nhất mục tiêu, đồng thuận phương pháp, rõ ràng trách nhiệm, bảo đảm phát huy tốt vai trò từng chủ thể trong hệ thống chính trị, qua đó tạo ra sự cộng hưởng trong thực hiện CTDV chính quyền và dân vận của các đoàn thể.

Cấp ủy các cấp cần đóng vai trò là trung tâm điều phối, có trách nhiệm phân công rõ ràng người đứng đầu hoặc cơ quan chuyên trách chịu trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra và đánh giá từng nội dung phối hợp dân vận. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế đánh giá kết quả phối hợp dựa trên tiêu chí cụ thể, gắn với hiệu quả thực tế tại cơ sở, nhất là mức độ đồng thuận, hài lòng của người dân. Việc biểu dương, khen thưởng kịp thời các mô hình hay, cách

làm sáng tạo, hiệu quả là động lực để nhân rộng trong toàn tỉnh, tạo sự lan tỏa tích cực trong xã hội. Ngược lại, cũng cần kiên quyết chấn chỉnh, uốn nắn những biểu hiện làm dân vận theo kiểu hình thức, phô trương, đối phó; khắc phục tình trạng hành chính hóa, làm thay hoặc làm chòng chẹo trong CTDV giữa các lực lượng. Chỉ khi công tác phối hợp trong hệ thống chính trị được vận hành đồng bộ, công khai, minh bạch và có giám sát thực chất, thì hiệu quả dân vận của chính quyền mới thật sự đi vào chiều sâu, tạo chuyển biến rõ nét trong thực tiễn.

*Bốn là*, tinh ủy, thành ủy cần đặc biệt quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong UBND cấp tỉnh làm CTDV có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, tư duy đổi mới và kỹ năng thực tiễn đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác quản lý nhà nước trong tình hình mới. Đây là lực lượng trực tiếp chuyển tải chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đến với nhân dân, đồng thời phản ánh tâm tư, nguyện vọng của nhân dân tới cấp có thẩm quyền, do đó cần được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng toàn diện cả về nhận thức, phương pháp và kỹ năng CTDV.

Cấp ủy cần chỉ đạo xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, liên tục cho đội ngũ cán bộ, tập trung vào các nội dung thiết yếu như: kỹ năng tiếp xúc, đối thoại, vận động quần chúng; kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo; kỹ năng lắng nghe và xử lý tình huống nhạy cảm trong thực tiễn thi hành công vụ. Đặc biệt, cần lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức công vụ, tinh thần phục vụ nhân dân, thái độ chuẩn mực và ý thức trách nhiệm của cán bộ trong thi hành pháp luật, xử lý công việc liên quan đến quyền lợi người dân.

Bên cạnh đó, cấp ủy các cấp cần đưa hiệu quả thực hiện CTDV vào hệ thống tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu UBND, thủ trưởng các sở, ngành và cán bộ, công chức trong hệ thống chính quyền. Việc gắn trách nhiệm dân vận với trách nhiệm công vụ sẽ tạo động lực

thúc đẩy đội ngũ cán bộ gần dân, hiểu dân và hành động vì lợi ích chính đáng của nhân dân, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương. Đây là yếu tố mang tính nền tảng để xây dựng chính quyền dân chủ, liêm chính, hành động, phục vụ nhân dân - một yêu cầu cấp thiết trong tiến trình đổi mới, phát triển và hội nhập hiện nay.

*Năm là*, tỉnh ủy, thành ủy cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trực tiếp và thường xuyên đối với CTĐV của UBND cấp tỉnh, bảo đảm tất cả các nội dung, chương trình, kế hoạch dân vận được triển khai một cách nghiêm túc, bài bản, đồng bộ và đạt hiệu quả thực chất. Đây không chỉ là hoạt động kiểm soát, đánh giá mà còn là biện pháp quan trọng để phát hiện kịp thời những hạn chế, vướng mắc, biểu hiện hình thức, hành chính hóa, chòng chẹo hay chậm trễ trong quá trình triển khai, từ đó đề xuất các giải pháp khắc phục phù hợp, hiệu quả và khả thi.

Cấp ủy cần xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát rõ ràng, định kỳ và liên tục, đồng thời phân công cụ thể trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị, từng cán bộ phụ trách công tác này. Việc đánh giá cần đa chiều, kết hợp cả kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất, vừa đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ dân vận, vừa phân tích nguyên nhân, rút ra bài học từ thực tiễn, đảm bảo CTĐV không chỉ là hoạt động hình thức mà thực sự gắn liền với hiệu quả quản lý nhà nước và nhu cầu, quyền lợi chính đáng của nhân dân.

Đặc biệt, công tác giám sát cần được thực hiện một cách toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa cấp ủy với các cơ quan chuyên môn, ban tuyên giáo và dân vận tỉnh, thành ủy, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và các sở, ngành liên quan. Việc này nhằm bảo đảm sự phối hợp nhịp nhàng trong hệ thống chính trị, đồng thời tạo ra cơ chế trách nhiệm rõ ràng, đánh giá khách quan, toàn diện và công khai. Cấp ủy cần chỉ đạo việc tổng hợp, phân tích kết quả kiểm tra, báo cáo định kỳ, đồng thời kịp thời biểu dương những mô hình, cách làm sáng tạo, hiệu quả, nhân rộng trong toàn tỉnh, đồng thời nghiêm túc chấn

chỉnh những biểu hiện tiêu cực, đối phó, hình thức. Trong bối cảnh chuyển đổi số và cải cách hành chính, công tác kiểm tra, giám sát CTDV cần ứng dụng công nghệ thông tin để theo dõi tiến độ, tổng hợp dữ liệu, đánh giá hiệu quả dựa trên các chỉ số định lượng và định tính. Hệ thống nền tảng quản lý, báo cáo trực tuyến, dữ liệu thời gian thực và các công cụ phân tích sẽ giúp cấp ủy đánh giá chính xác, minh bạch, kịp thời các vấn đề phát sinh, từ đó chỉ đạo điều chỉnh phù hợp.

Việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của tỉnh, thành ủy đối với CTDV của UBND cấp tỉnh không chỉ góp phần nâng cao chất lượng quản lý nhà nước, mà còn là điều kiện tiên quyết để phát huy dân chủ, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo động lực bền vững cho sự phát triển nhanh và ổn định của vùng ĐBSH trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

## KẾT LUẬN

Công tác dân vận của UBND cấp tỉnh cùng ĐBSH là một bộ phận quan trọng cấu thành CTDV của cả hệ thống chính trị, trực tiếp góp phần củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương không thể tách rời việc tăng cường, đổi mới nội dung và phương thức dân vận của UBND cấp tỉnh. Do đó, nghiên cứu một cách hệ thống và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH trong giai đoạn hiện nay là yêu cầu khách quan, cấp thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn đặc biệt quan trọng.

Công tác dân vận của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH là toàn bộ hoạt động của các tổ chức, đội ngũ cán bộ, công chức thuộc UBND cấp tỉnh nhằm tuyên truyền, vận động và tổ chức mọi người dân trên địa bàn tỉnh, các tổ chức, lực lượng có liên quan tạo thành lực lượng, sức mạnh to lớn của toàn dân thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của UBND cấp tỉnh, đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương, phát huy quyền làm chủ và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong tỉnh. Công tác dân vận chỉ phát huy tác dụng khi UBND cấp tỉnh thực sự gương mẫu trong thực thi công vụ, công khai, minh bạch, gần gũi với Nhân dân, lắng nghe Nhân dân và hành động vì lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nhân dân; từ đó củng cố niềm tin của Nhân dân và tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển bền vững của địa phương.

Trong thời gian qua, CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Các địa phương đã quan tâm ban hành và triển khai hệ thống văn bản, chương trình và kế hoạch về dân vận; từng bước đổi mới nội dung, phương thức vận động Nhân dân theo hướng công khai, minh bạch và gần dân hơn; tăng cường phối hợp với các cơ quan, lực lượng tiến hành CTDV trong triển khai các nhiệm vụ dân vận; chú trọng kiện toàn tổ

chức bộ máy và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm CTDV; đồng thời duy trì công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết một cách nền nếp. Những kết quả này đã góp phần khẳng định vai trò của UBND cấp tỉnh trong gắn bó mật thiết với Nhân dân, củng cố niềm tin và tăng cường sự đồng thuận xã hội trong quá trình phát triển của vùng. Tuy vậy, CTDV của UBND cấp tỉnh ở một số địa phương vẫn còn bộc lộ hạn chế: việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch dân vận chưa thật sự đồng bộ; nội dung và phương thức dân vận chậm đổi mới, chưa tạo được sức lan tỏa sâu rộng; một bộ phận cán bộ, công chức chưa nhận thức đầy đủ về yêu cầu dân vận chính quyền, chưa sâu sát cơ sở, còn biểu hiện quan liêu, thiếu tinh thần phục vụ và chưa tích cực lắng nghe ý kiến Nhân dân... Những ưu điểm và hạn chế trong CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan giữ vai trò quyết định. Việc nhận diện rõ những nguyên nhân này cho thấy CTDV của chính quyền chỉ thật sự hiệu quả khi nhận thức, trách nhiệm và phương thức lãnh đạo, chỉ đạo được đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ từ cấp ủy, chính quyền đến đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp thực thi nhiệm vụ. Thực tiễn CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH trong những năm qua đã đúc rút nhiều bài học kinh nghiệm quý báu, có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc; những kinh nghiệm này cần tiếp tục được quán triệt, phổ biến rộng rãi và vận dụng linh hoạt ở các tỉnh, thành phố trong vùng, góp phần nâng cao chất lượng dân vận chính quyền và tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa chính quyền với Nhân dân trong giai đoạn hiện nay.

Để tăng cường CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH trong những năm tới, cần thực hiện nhiều giải pháp, trong đó cần thực hiện đồng bộ và tốt những giải pháp như: *Một là*, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSH về tăng cường CTDV của UBND cấp tỉnh; *Hai là*, nâng cao chất lượng việc xây dựng và thực hiện chương trình CTDV của UBND cấp tỉnh gắn với thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch

phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh; *Ba là*, đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức nhà nước yếu kém, vi phạm pháp luật; *Bốn là*, nâng cao hiệu quả tiếp công dân, giải quyết khiếu tố, khiếu nại và xử lý kịp thời, đúng pháp luật những bức xúc xã hội nổi cộm ở địa phương; *Năm là*, thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, bảo đảm nguyên tắc chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân; *Sáu là*, tăng cường sự phối hợp giữa UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH với các tổ chức, lực lượng liên quan về CTDV; đẩy mạnh thi đua ”Dân vận khéo” gắn với việc ”Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; *Bảy là*, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của tỉnh, thành ủy vùng ĐBSH đối với CTDV của UBND cấp tỉnh.

Tăng cường CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH trong giai đoạn hiện nay là vấn đề lớn và khó, đòi hỏi phải được nhiều nhà khoa học, cán bộ hoạt động thực tiễn nghiên cứu tìm giải pháp và phải được tiến hành trong thời gian dài với quy mô lớn. Kết quả nghiên cứu của luận án chỉ là một phần rất nhỏ của vấn đề to lớn đó. Tác giả hy vọng kết quả nghiên cứu của luận án sẽ góp phần tăng cường CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH những năm tới, góp phần để vùng ĐBSH là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước trong những năm tới.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ  
LIÊN QUAN TỚI ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Thu Hiền (2025), Tăng cường công tác dân vận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng trong bối cảnh thực hiện tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*.
2. Nguyễn Thu Hiền, Phạm Quang Chính (2025), Tư tưởng Hồ Chí Minh về phong cách, đạo đức người cán bộ dân vận và sự vận dụng của Đảng ta hiện nay, *Tạp chí Thanh niên*, (82), tr.6.
3. PGS, TS Đỗ Xuân Tuất, Nguyễn Thu Hiền (2025), 100 năm nhìn lại những lớp huấn luyện cán bộ của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu thời dựng Đảng - tầm nhìn chiến lược, thành tựu to lớn, giá trị trường tồn, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, (67), tr.19.
4. PGS, TS Đỗ Xuân Tuất, Nguyễn Thu Hiền (2024), Tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, (64), tr.8.
5. Nguyễn Thu Hiền (2023), Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy vai trò của nhân dân trong giai đoạn hiện nay, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, (60), tr.40.

### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Mai Việt Bách (2023), *Công tác dân vận của chính quyền cấp huyện ở thành phố Hà Nội hiện nay*, Luận án tiến sĩ xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
2. Ban Bí thư (2013), *Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 về Quy chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội*, Hà Nội.
3. Ban Bí thư (2013), *Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 về Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền*, Hà Nội.
4. Ban Bí thư (2015), *Kết luận số 114-KL/TW ngày 14/7/2015 về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp*, Hà Nội.
5. Ban Bí thư (2016), *Kết luận số 120-KL/TW ngày 07/01/2016 về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở*, Hà Nội.
6. Ban Bí thư (2024), *Kết luận số 107-KL/TW ngày 24/12/2024 về tiếp tục tăng cường lãnh đạo công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh*, Hà Nội.
7. Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội (2021), *Chương trình phối hợp công tác dân vận giai đoạn 2021-2026, ký kết tại Hà Nội ngày 29/10/2021, Chương trình số 03-CTr/BDVTU-BCSĐUBNDTP*, Hà Nội.
8. Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội (2022), *Chương trình sửa đổi, bổ sung Chương trình phối hợp công tác dân vận, ký kết ngày 28/10/2022, Chương trình số 08-CTr/BDVTU-BCSĐUBNDTP*, Hà Nội.
9. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013), *Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03/6/2013 về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới*, Hà Nội.

10. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2021), *Quyết định số 23-QĐ/TW ngày 30/7/2021 ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị*, Hà Nội.
11. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2022), *Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
12. Ban Dân vận Thành ủy Hà Nội (2016), *Chương trình hành động số 03-CTr/BDVTU ngày 22/7/2016 về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVI về công tác dân vận*, Hà Nội.
13. Ban Dân vận Thành ủy Hà Nội (2021), *Chương trình phối hợp công tác dân vận với Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, ký kết ngày 26/11/2021, Chương trình số 04-CTr/BDVTU-BTLTĐ*, Hà Nội.
14. Ban Dân vận Thành ủy Hà Nội (2021), *Chương trình phối hợp công tác dân vận với Công an Thành phố Hà Nội, ký kết ngày 13/12/2021, Chương trình số 05-CTr/BDVTU-CAHN*, Hà Nội.
15. Ban Dân vận Thành ủy - Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội (2016), *Chương trình phối hợp công tác giữa Ban Dân vận Thành ủy và Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác dân vận giai đoạn 2016-2021 (Chương trình số 493-CTr/BDVTU-BCSDUBNDTP ngày 20/12/2016)*, Hà Nội.
16. Ban Dân vận Trung ương (2000), *Một số vấn đề về công tác vận động nông dân ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Ban Dân vận Trung ương (2014), *Tập bài giảng về công tác dân vận ở cơ sở*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Ban Dân vận Trung ương - Hà Thị Khiết (2015), *Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận của Đảng trong thời kỳ mới*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

19. Ban Dân vận Trung ương (2016), *Chương trình số 79-CTr/BDVTW-BCSĐCP ngày 11/10/2016 về công tác dân vận giai đoạn 2016-2021*, Hà Nội.
20. Ban Dân vận Trung ương (2016), *Một số văn kiện của Đảng về công tác dân vận giai đoạn 2000-2016*, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.
21. Ban Dân vận Trung ương (2022), *Những điểm mới trong công tác dân vận của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
22. Ban Dân vận Trung ương (2023), *Quyết định số 299-QĐ/BDVTW ngày 01/10/2023 về công tác tổ chức cán bộ của Ban Dân vận Trung ương*, Hà Nội.
23. Ban Dân vận Trung ương (2023), *Những tấm gương, mô hình, điển hình “Dân vận khéo”*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
24. Ban Dân vận Trung ương (2023), *Khảo sát về đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận của hệ thống chính trị vùng đồng bằng sông Hồng*, Đề tài khảo sát, tổng kết thực tiễn cấp bộ, Hà Nội.
25. Ban Dân vận Trung ương (2024), *Báo cáo tổng hợp công tác dân vận vùng năm 2023*, tại Hội nghị giao ban công tác dân vận năm 2024, Hà Nội.
26. Ban Dân vận Trung ương - Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật (2022), *Những điểm mới trong công tác dân vận của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
27. Ban Dân vận Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (2019), *Phát huy vai trò công tác dân vận trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc*, Tạp chí Xây dựng Đảng Lào, số 3.
28. Ban Tổ chức Trung ương (2013), *Quyết định số 198-QĐ/TW ngày 18/9/2013 ban hành Quy chế phối hợp giữa Ban Cán sự đảng Chính phủ với Chính phủ*, Hà Nội.
29. Bộ Chính trị (2019), *Quy định số 11-QĐ/TW ngày 18/02/2019 về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp công dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý phản ánh, kiến nghị của dân*, Hà Nội.

30. Bộ Chính trị, Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng nhân dân cách mạng Lào: *Tổng kết chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào (1945 - 1975)*
31. Bộ Chính trị (2021), *Quyết định số 23-QĐ/TW ngày 30/7/2021 về Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị*, Hà Nội.
32. Bộ Nội vụ (2024), *Báo cáo kết quả thực hiện công tác dân vận của Ủy ban nhân dân các tỉnh năm 2023*, tại Hội nghị giao ban công tác dân vận năm 2024, Hà Nội.
33. Đồng Ngọc Châu (2011), *Chính trị học công tác dân vận của các đơn vị quân đội ở vùng đồng bào theo đạo trên địa bàn miền Đông Nam Bộ giai đoạn hiện nay*, luận án tiến sĩ ngành Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
34. Nguyễn Đình Châu (2021), *Nâng cao chất lượng công tác dân vận của công an các tỉnh Tây Bắc hiện nay*, Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị, Học viện Chính trị, Hà Nội.
35. Nguyễn Thị Phương Chi (2016), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về cách thức làm công tác dân vận của chính quyền”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, (245).
36. Mai Văn Chính (2024), “Tư tưởng dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến công tác dân vận của Đảng trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Dân vận*, (10), tr.21-27.
37. Chính phủ (2016), *Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 10/3/2016 về quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân*, Hà Nội.
38. Chính phủ (2023), *Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở*, Hà Nội.
39. Chính phủ (2025), *Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh*,

*thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Hà Nội.*

40. Ngô Trung Dân (2010), *Đẩy nhanh thúc đẩy xây dựng xã hội lấy cải thiện dân sinh làm trọng điểm*, Tài liệu học tập phục vụ cho lớp nghiên cứu của cán bộ cấp Cục, Vụ Đảng và Nhà nước Việt Nam, Trường Đảng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Bắc Kinh.
41. Đỗ Văn Dũng, Ngô Đăng Nhật, Đào Đoàn Hùng, Nguyễn Thị Tố Nga và Trần Việt Hưng (2022), *Công tác dân vận - Những điểm mới theo Văn kiện Đại hội XIII của Đảng và Quyết định số 23-QĐ ngày 30/7/2021 của Bộ Chính trị về việc ban hành quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
42. Đảng bộ thành phố Hà Nội (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII*, Lưu hành nội bộ, Hà Nội.
43. Đảng bộ thành phố Hải Phòng (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI*, Lưu hành nội bộ, Hải Phòng.
44. Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX*, Lưu hành nội bộ, Bắc Ninh.
45. Đảng bộ tỉnh Hà Nam (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX*, Lưu hành nội bộ, Hà Nam.
46. Đảng bộ tỉnh Hải Dương (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII*, Lưu hành nội bộ, Hải Dương.
47. Đảng bộ tỉnh Hưng Yên (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV*, Lưu hành nội bộ, Hưng Yên.
48. Đảng bộ tỉnh Nam Định (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII*, Lưu hành nội bộ, Nam Định.
49. Đảng bộ tỉnh Ninh Bình (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII*, Lưu hành nội bộ, Ninh Bình.
50. Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV*, Lưu hành nội bộ, Quảng Ninh.

51. Đảng bộ tỉnh Thái Bình (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX*, Lưu hành nội bộ, Thái Bình.
52. Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII*, Lưu hành nội bộ, Vĩnh Phúc.
53. Đảng Cộng sản Việt Nam (1989), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa VI (Số 8B-NQ/HNTW)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
54. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. Nguyễn Phấn Đấu (2019), *Công tác dân vận trong đồng bào dân tộc Khmer Tây Nam Bộ hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
58. Nguyễn Trường Giang (2008), *Công tác dân vận quần chúng là người dân tộc thiểu số tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn hiện nay*, Đề tài cấp tỉnh, Sơn La.
59. Nguyễn Văn Giang (2024), “Nâng cao hiệu quả xây dựng mô hình “Dân vận khéo” tham gia thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Bình”, *Tạp chí Dân vận*, (7), tr.37-40.
60. Nguyễn Thị Thu Hà (2022), *Đổi mới công tác dân vận ở các tỉnh miền núi phía Bắc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay*, luận án tiến sĩ ngành Chính trị học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.
61. Nguyễn Tiến Hải (2024), “Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận trong tình hình mới ở tỉnh Cà Mau”, *Tạp chí Cộng sản*, (1.037), tr.87-91.

62. Trần Trung Hiếu (2021), *Công tác dân vận trong xây dựng nông thôn mới của chính quyền xã ở thành phố Hà Nội hiện nay*, Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
63. Phạm Duy Hoàng (2015), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân vận và ý nghĩa của nó đối với sự nghiệp bảo vệ an ninh tổ quốc*, luận án tiến sĩ ngành Triết học, Hà Nội.
64. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Lào (2015), *Công tác dân vận trong hệ thống chính trị ở Lào hiện nay*, Nxb Quốc gia Lào, Viêng Chăn.
65. Học viện Khoa học Xã hội Trung Quốc (2018), *Nghiên cứu đổi mới phương thức công tác quần chúng trong bối cảnh hiện đại hóa*, Tạp chí Nghiên cứu Chính trị Trung Quốc, số 4.
66. Hội đồng Lý luận Trung ương (2012), *Làm tốt công tác quần chúng trong tình hình mới - Kinh nghiệm Trung Quốc, Kinh nghiệm Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
67. Nguyễn Văn Hôi (2023), “Tăng cường công tác dân vận góp phần thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững ở tỉnh Quảng Ninh”, *Tạp chí Dân vận*, (1+2), tr.88-91.
68. Nguyễn Văn Hùng (2018), “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận của Đảng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Cộng sản*, (3), tr.25-28.
69. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2023), “Nâng cao chất lượng công tác dân vận của hệ thống chính trị, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị trên địa bàn tỉnh Phú Thọ”, *Tạp chí Dân vận*, (5), tr.51-53.
70. Khăm Phay Sêng Phạ A Thít (2019), *Công tác vận động quần chúng người dân tộc H’mông trong đảm bảo an ninh quốc gia nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*, Luận án tiến sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.
71. Lý Trung Kiệt (2011), “Kinh nghiệm quý báu của Đảng Cộng sản Trung Quốc về làm tốt công tác quần chúng”, bài tham luận Hội thảo quốc tế

- Làm tốt công tác quần chúng trong tình hình mới - kinh nghiệm Trung Quốc, kinh nghiệm Việt Nam*, ngày 28 đến 30/11/2011, tại Trung Quốc.
72. Nguyễn Lam (2024), “Tăng cường truyền thông chính sách, nâng cao hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan nhà nước góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị”, *Tạp chí Dân vận*, (3), tr.8-12.
  73. Trương Lương Lê (2007), *Tìm hiểu và xây dựng hệ thống công tác dân vận*, Nxb Bắc Kinh, Trung Quốc.
  74. Nguyễn Mậu Linh (2017), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác dân vận ở Tây Nguyên từ năm 2001 đến năm 2010*, Luận án tiến sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
  75. Nguyễn Hồng Lĩnh (2024), “Thực hiện “dân vận khéo” trên các lĩnh vực của đời sống xã hội ở Đồng Nai theo tinh thần Nghị quyết số 25-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI”, *Tạp chí Cộng sản*, (1.038), tr.78-83.
  76. Hoàng Danh Luyến (2011), “Thực hiện tốt công tác dân vận vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở địa bàn Quân khu 1”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, (8), tr.17-20.
  77. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật (2014), *Lý luận và kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác dân vận*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
  78. Trương Thị Mai (2021), *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
  79. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2024), *Báo cáo đánh giá việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2023*, tại Hội nghị giao ban công tác dân vận năm 2024, Hà Nội.
  80. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội

81. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
82. Ngọc Kim Nam (2024), “Nghệ An chú trọng nâng cao phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ tham mưu về công tác dân vận hiện nay”, *Tạp chí Dân vận*, (8), tr.41-44.
83. Lê Hữu Nghĩa, Trương Thị Thông, Mạch Quang Thắng và Nguyễn Văn Giang (2013), *Xây dựng Đảng cầm quyền trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và kinh tế hàng hóa theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Lào*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
84. Nguyễn Hữu Nghĩa (2024), “Một số kinh nghiệm phát huy vai trò công tác dân vận trong giải phóng mặt bằng, thực hiện các dự án đầu tư phát triển của tỉnh Hưng Yên”, *Tạp chí Dân vận*, ( 1+2), tr.51-54.
85. Hồ Nham (2010), *Nghiên cứu kinh nghiệm xử lý vấn đề dân tộc của Trung Quốc*, Tài liệu học tập phục vụ cho lớp nghiên cứu của cán bộ cấp Cục, Vụ Đảng và Nhà nước Việt Nam, Trường Đảng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Bắc Kinh.
86. Bùi Thanh Nhân (2024), “Đảng bộ tỉnh Bình Dương tiếp tục tăng cường và đổi mới công tác dân vận”, *Tạp chí Cộng sản*, (1.049), tr.85-90.
87. Hoàng Phê (2016), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng
88. Phong Sả May Huôn Na Chăm Pa (2021), *Công tác dân vận của các sư đoàn thuộc Quân đội nhân dân Lào giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
89. Nguyễn Thị Phương (2021), *Công tác dân vận của lực lượng Công an nhân dân giai đoạn hiện nay*, luận án tiến sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

90. Nguyễn Bá Quang (2020), *Hỏi và đáp về công tác dân vận của Chính quyền nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
91. Quốc hội (2011), *Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011*, Hà Nội.
92. Quốc hội (2018), *Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 ngày 12/6/2018*, Hà Nội.
93. Quốc hội (2025), *Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh*, Hà Nội.
94. Quốc hội (2025), *Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
95. Quốc hội (2025), *Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025*, Hà Nội.
96. Quốc hội (2025), *Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18/02/2025*, Hà Nội.
97. Kim Rương (2024), “Trà Vinh: Tăng cường thực hiện công tác dân vận chính quyền và phong trào thi đua “Dân vận khéo”, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân”, *Tạp chí Dân vận*, (4), tr.41-43.
98. Sần Ti Súc Cang Phu Vòng (2015), *Công tác dân vận của bộ đội địa phương các tỉnh Tây Bắc Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia, Hà Nội.
99. Lưu Văn Sơn (2011), “Kiên trì quan điểm nhân dân là tối thượng, thiết thực làm tốt công tác quần chúng trong tình hình mới”, bài tham luận *Hội thảo lý luận lần thứ bảy giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc*, ngày 28-30/11/2011, tại thành phố Thường Châu tỉnh Giang Tô, Trung Quốc.
100. Lưu Văn Sùng (2010), *Một số điểm nóng chính trị - xã hội điển hình tại các vùng dân tộc ở miền núi trong những năm gần đây - hiện trạng, vấn đề các bài học kinh nghiệm trong xử lý tình huống*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

101. Thanh tra Chính phủ (2024), *Báo cáo tổng hợp kết quả giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo năm 2023*, tại Hội nghị giao ban công tác dân vận năm 2024, Hà Nội.
102. Thành ủy Hà Nội, Ban Dân vận Thành ủy (2009), *Tăng cường công tác dân vận của chính quyền cơ sở ở Hà Nội trong tình hình hiện nay*, Nxb Giao thông vận tải, Hà Nội.
103. Thành ủy Hà Nội (2013), *Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 25/7/2013 về thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới*, Hà Nội.
104. Thành ủy Hà Nội (2021), *Chỉ thị số 07-CT/TU ngày 01/10/2021 về “Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan nhà nước”*, Hà Nội.
105. Thành ủy Hà Nội (2023), *Chỉ thị số 24-CT/TU ngày 07/8/2023 về “Tăng cường kỷ cương, kỷ luật và trách nhiệm giải quyết công việc trong hệ thống chính trị thành phố Hà Nội”*, Hà Nội.
106. Thành ủy Hà Nội (2023), *Chỉ thị số 25-CT/TU ngày 20/9/2023 về “Tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn thành phố Hà Nội trong tình hình mới”*, Hà Nội.
107. Thành ủy Hà Nội (2023), *Báo cáo số 143-BC/TU ngày 04/8/2023 về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI), sơ kết 5 năm thực hiện Kết luận số 43-KL/TW ngày 07/01/2019 của Ban Bí thư (khóa XII) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Dân vận trong tình hình mới*, Hà Nội.
108. Thành ủy Hà Nội (2024), *Báo cáo số 225-BC/TU ngày 06/7/2024 về về kết quả thực hiện Kết luận số 114-KT/TW ngày 14/7/2015 của Ban Bí*

- thư Trung ương (khóa XI) về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp*, Hà Nội.
109. Thành ủy Hải Phòng (2024), *Báo cáo số 362-BC/TU ngày 22/8/2024 về kết quả thực hiện Kết luận số 114-KT/TW ngày 14/7/2015 của Ban Bí thư Trung ương (khóa XI) về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp*, Hải Phòng.
110. Trương Dương Thăng (2011), “Chú trọng phát huy vai trò của tổ chức cơ sở đảng, củng cố nền tảng công tác quần chúng của Đảng”, bài tham luận hội thảo quốc tế *Làm tốt công tác quần chúng trong tình hình mới - Kinh nghiệm Trung Quốc, kinh nghiệm Việt Nam*, ngày 28-30/11/2011, tại Trung Quốc.
111. Phạm Tất Thắng (2023), “Công tác dân vận trong chiến lược đại đoàn kết các dân tộc ở Tây Nguyên: Thực trạng và giải pháp trong giai đoạn mới”, *Tạp chí Dân vận*, (5), tr.17-22.
112. Nguyễn Tiến Thịnh (2005), *Công tác dân vận của các cơ quan nhà nước trong thời kỳ mới*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
113. Đặng Trí Thủ (2012), *Công tác vận động đồng bào Khmer của các đảng bộ xã, phường, thị trấn ở Tây Nam Bộ trong giai đoạn hiện nay*, luận án tiến sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
114. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới*, Hà Nội.
115. Thủ tướng Chính phủ (2024), *Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 về phê duyệt quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050*, Hà Nội.
116. Trần Thị Bích Thủy, Nguyễn Văn Hùng và Hoàng Tiến Cát (2009), *Tăng cường công tác dân vận của chính quyền cơ sở ở Hà Nội trong tình hình hiện nay*, Nxb Giao thông Vận tải, Hà Nội.

117. Vũ Xuân Thủy (2017), *Các tỉnh ủy ở Tây Nguyên lãnh đạo công tác dân vận giai đoạn hiện nay*, luận án tiến sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
118. Lý Tiệp (2012), *Lấy dân làm gốc, cầm quyền vì dân là sự thể hiện tập trung tính chất và tôn chỉ của Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
119. Tỉnh ủy Bắc Ninh (2021), *Kết luận số 116-KL/TU ngày 09/7/2021 “Về nâng cao chất lượng, hiệu quả việc tiếp xúc, đối thoại trực tiếp và lắng nghe, giải quyết ý kiến, kiến nghị của Nhân dân”*, Bắc Ninh.
120. Tỉnh ủy Bắc Ninh (2024), *Báo cáo số 336-BC/TU ngày 18/6/2024 về kết quả thực hiện Kết luận số 114-KT/TW ngày 14/7/2015 của Ban Bí thư Trung ương (khóa XI) về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp*, Bắc Ninh.
121. Tỉnh ủy Hà Nam (2024), *Báo cáo số 305-BC/TU ngày 08/8/2024 về kết quả thực hiện Kết luận số 114-KT/TW ngày 14/7/2015 của Ban Bí thư Trung ương (khóa XI) về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp*, Hà Nam.
122. Tỉnh ủy Hải Dương (2024), *Báo cáo số 491-BC/TU ngày 02/8/2024 về kết quả thực hiện Kết luận số 114-KT/TW ngày 14/7/2015 của Ban Bí thư Trung ương (khóa XI) về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp*, Hải Dương.
123. Tỉnh ủy Hưng Yên (2024), *Báo cáo số 318-BC/TU ngày 14/7/2024 về kết quả thực hiện Kết luận số 114-KT/TW ngày 14/7/2015 của Ban Bí thư Trung ương (khóa XI) về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp*, Hưng Yên.
124. Tỉnh ủy Nam Định (2024), *Báo cáo số 327-BC/TU ngày 15/7/2024 về kết quả thực hiện Kết luận số 114-KT/TW ngày 14/7/2015 của Ban Bí thư Trung ương (khóa XI) về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp*, Nam Định.

125. Tỉnh ủy Ninh Bình (2024), *Báo cáo số 289-BC/TU ngày 05/6/2024 về kết quả thực hiện Kết luận số 114-KT/TW ngày 14/7/2015 của Ban Bí thư Trung ương (khóa XI) về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp*, Ninh Bình.
126. Tỉnh ủy Vĩnh Phúc (2024), *Báo cáo số 628-BC/TU ngày 07/8/2024 về kết quả thực hiện Kết luận số 114-KT/TW ngày 14/7/2015 của Ban Bí thư Trung ương (khóa XI) về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp*, Vĩnh Phúc.
127. Tỉnh ủy Thái Bình (2024), *Báo cáo số 411-BC/TU ngày 16/7/2024 về kết quả thực hiện Kết luận số 114-KT/TW ngày 14/7/2015 của Ban Bí thư Trung ương (khóa XI) về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp*, Thái Bình.
128. Tổ chuyên đề Ban nghiên cứu - giảng dạy Xây dựng Đảng, trường Đảng Trung ương Trung Quốc, Tạp chí “Tân Hoa văn trích”, số 21-2006; “Kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Cu ba về tăng cường mối liên hệ với quần chúng”, *Tạp chí Thông tin những vấn đề lý luận*, (6/2007), tr.25-33.
129. Lê Mai Trang (2016), *Đổi mới công tác tuyên truyền của Đảng đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
130. Nguyễn Phú Trọng (2016), “Làm tốt công tác dân vận, liên hệ mật thiết với nhân dân là truyền thống tốt đẹp và sức mạnh vô địch của Đảng”, *Tạp chí Dân vận*, (6).
131. Đặng Mạnh Trung (2011), *Lịch sử công tác vận động đồng bào công giáo của đảng bộ một số tỉnh miền Đông Nam Bộ từ năm 1996 đến năm 2006*, luận án tiến sĩ ngành Lịch sử, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
132. Lê Đức Trung (2023), *Công tác dân vận của cơ quan hành chính trong tiếp công dân giải quyết khiếu nại, tố cáo*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

133. Nguyễn Thế Trung (2024), “Nâng cao hiệu quả công tác dân vận, góp phần phát huy tối đa sức mạnh của nhân dân trong phát triển mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội của đất nước”, *Tạp chí Cộng sản*, (1.042), tr.60-65.
134. Nguyễn Thế Trung (2014), *Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân trong thời kỳ mới*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
135. Nguyễn Thế Trung (2024), “Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác dân vận của chính quyền địa phương trong giai đoạn mới”, *Tạp chí Dân vận*, (10), tr.42-45.
136. Trần Minh Trường (2024), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về “Dân vận khéo” - Bài học trong công tác dân vận hiện nay”, *Tạp chí Dân vận*, (10), tr.33-37.
137. Trường Đảng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc (2016), *Công tác quần chúng trong điều kiện kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa*, Nxb Nhân dân, Bắc Kinh.
138. Đỗ Anh Tuấn (2024), “Hiệu quả phong trào thi đua “Dân vận khéo” tại Đảng bộ Thành phố Hà Nội”, *Tạp chí Dân vận*, (9), tr.41-45.
139. Lâm Quốc Tuấn (2016), “Thực hiện chỉ dẫn của Hồ Chí Minh về dân vận chính quyền”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (5).
140. Nguyễn Thị Tuyền (2024), “Tăng cường công tác dân vận, góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội”, *Tạp chí Dân vận*, (1+2), tr.46-50.
141. Nguyễn Thế Tư (2015), “Suy nghĩ về thực hành “Dân vận khéo” theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Dân vận*, (10).
142. Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội (2014), *Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 08/01/2014 về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trên địa bàn Thủ đô trong tình hình mới*, Hà Nội.
143. Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội (2016), *Công văn số 3615/UBND-KGVX ngày 16/6/2016 về việc thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 16/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong các cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới*, Hà Nội.

144. Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội (2021), *Báo cáo số 103/BC-UBND ngày 19/4/2021 về việc thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 16/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình phối hợp số 79-Ctr/BDVTW-BCSĐCP giữa Ban Dân vận Trung ương và Ban Cán sự Đảng Chính phủ*, Hà Nội.
145. Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (2024), *Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 ban hành Danh mục nhiệm vụ thực hiện công tác dân vận năm 2024 của cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng*, Hải Phòng.
146. Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (2023), *Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 ban hành Danh mục nhiệm vụ thực hiện công tác dân vận năm 2023 của cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng*, Hải Phòng.
147. Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (2023), *Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 05/01/2023 ban hành tiêu chí chấm điểm và xếp loại công tác dân vận của các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng*, Hải Phòng.
148. Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (2021), *Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 22/03/2021 ban hành Danh mục các nhiệm vụ thực hiện công tác dân vận chính quyền năm 2021 trên địa bàn thành phố Hải Phòng*, Hải Phòng.
149. Viện Nghiên cứu Chính trị Trung Quốc (2020), *Xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân trong giai đoạn mới*, Nxb Hồng Kỳ, Bắc Kinh.
150. Viện Khoa học Xã hội quốc gia Lào (2021), *Nghiên cứu đổi mới phương thức công tác dân vận trong điều kiện hội nhập quốc tế*, Báo cáo khoa học cấp quốc gia, nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào.
151. Nguyễn Như Ý (1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

**PHỤ LỤC****Phụ lục 1****DIỆN TÍCH, DÂN SỐ CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ  
VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG HIỆN NAY**

<b>TT</b>	<b>Tên tỉnh, thành phố</b>	<b>Diện tích (Km<sup>2</sup>)</b>	<b>Dân số (người)</b>
1	Thành phố Hà Nội	3.359,84	8.807.523
2	Thành phố Hải Phòng	3.194,70	4.664.124
3	Bắc Ninh	4.718,60	3.619.433
4	Quảng Ninh	6.207,93	1.497.447
5	Hưng Yên	2.514,80	3.567.943
6	Ninh Bình	3.942,60	4.412.264

*Nguồn: [93]*

**Phụ lục 2**  
**DIỆN TÍCH, DÂN SỐ 11 TỈNH, THÀNH PHỐ VÙNG ĐỒNG BẰNG**  
**SÔNG HỒNG TRƯỚC KHI SÁP NHẬP**

<b>STT</b>	<b>Tên tỉnh, thành phố</b>	<b>Diện tích (Km<sup>2</sup>)</b>	<b>Dân số (người)</b>
1	Thành phố Hà Nội	3.359,80	8.717,60
2	Thành phố Hải Phòng	1.526,40	2.124,50
3	Vĩnh Phúc	1.236,00	1.225,30
4	Bắc Ninh	822,7	1.879,90
5	Quảng Ninh	6.208,00	1.396,50
6	Hải Dương	1.668,30	1.978,20
7	Hưng Yên	930,2	1.318,10
8	Thái Bình	1.584,60	1.890,40
9	Hà Nam	861,9	894,2
10	Nam Định	1.668,80	1.894,20
11	Ninh Bình	1.411,90	1.030,30

*Nguồn: Cục Thống kê quốc gia (năm 2024)*

## Phụ lục 3

**BẢNG XẾP HẠNG PAR INDEX 2024 CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ  
VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

STT	Tỉnh, thành phố	Điểm thăm định (61.50)	Điểm đánh giá tác động của CCHC			Tổng điểm đạt được	Chỉ số tổng hợp (Par Index 2023)
			Chỉ số SIPAS (10)	Khảo sát lãnh đạo, quản lý (22)	Tác động đến PT KTXH (6.50)		
1	Hải Phòng	60.45	9.18	20.46	6.08	96.71	96.71
2	Quảng Ninh	58.89	9.06	18.10	5.44	91.49	91.49
3	Hà Nội	58.89	8.65	19.13	6.08	92.75	92.75
4	Ninh Bình	57.33	8.55	19.29	6.22	91.38	91.38
5	Thái Bình	55.38	8.38	17.76	4.75	86.28	86.28
6	Hải Dương	56.26	9.19	18.66	5.88	90.00	90.00
7	Hưng Yên	57.00	8.78	18.07	5.99	89.84	89.84
8	Nam Định	57.47	8.21	18.12	4.89	88.69	88.69
9	Vĩnh Phúc	55.96	8.34	18.85	5.45	88.60	88.60
10	Hà Nam	56.04	8.45	18.22	5.97	88.67	88.67
11	Bắc Ninh	53.89	8.25	19.70	6.12	87.96	87.96

Nguồn: <https://moha.gov.vn>

## Phụ lục 4

**BẢNG XẾP HẠNG PAR INDEX 2023 CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ  
VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

STT	Tỉnh, thành phố	Điểm thăm định (61.50)	Điểm đánh giá tác động của CCHC			Tổng điểm đạt được	Chỉ số tổng hợp (Par Index 2023)
			Chỉ số SIPAS (10)	Khảo sát lãnh đạo, quản lý (22)	Tác động đến PT KTXH (6.50)		
1	Quảng Ninh	58.09	9.08	18.51	6.50	92.18	92.18
2	Hải Phòng	57.22	8.88	20.04	5.74	91.87	91.87
3	Hà Nội	58.60	8.37	18.55	5.91	91.43	91.43
4	Ninh Bình	56.73	8.24	18.22	5.53	88.72	88.72
5	Hải Dương	54.64	9.34	18.33	5.53	87.84	87.84
6	Hưng Yên	56.23	8.91	17.95	4.30	87.38	87.38
7	Nam Định	58.30	7.85	17.91	3.25	87.32	87.32
8	Hà Nam	57.17	8.25	18.13	3.75	87.30	87.30
9	Thái Bình	56.03	8.59	17.87	4.00	86.49	86.49
10	Vĩnh Phúc	55.11	8.32	18.51	4.50	86.44	86.44
11	Bắc Ninh	55.97	7.73	16.91	4.00	84.61	84.61

Nguồn: <https://moha.gov.vn>

**Phụ lục 5**  
**BẢNG XẾP HẠNG PAR INDEX 2022 CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ**  
**VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

STT	Tỉnh/thành phố	Điểm thăm định (61.50)	Điểm đánh giá tác động của CCHC			Tổng điểm đạt được	Chỉ số tổng hợp PAR INDEX 2022
			SIPAS (10)	Khảo sát lãnh đạo, quản lý (22)	Tác động PT KT-XH (6.50)		
1	Quảng Ninh	57.85	8.83	17.92	5.50	90.10	90.10
2	Hải Phòng	57.10	8.45	18.72	5.82	90.09	90.09
3	Hà Nội	56.37	8.12	18.59	6.50	89.58	89.58
4	Vĩnh Phúc	54.88	7.38	18.93	6.26	87.45	87.45
5	Hung Yên	54.95	8.55	17.16	6.18	86.83	86.83
6	Ninh Bình	54.59	8.17	17.57	5.40	86.64	86.64
7	Hà Nam	53.55	8.53	18.02	5.59	85.68	85.68
8	Bắc Ninh	50.45	7.85	16.48	4.80	79.57	79.57
9	Thái Bình	53.40	8.42	17.69	4.61	84.12	84.12
10	Nam Định	56.03	7.67	17.41	3.75	84.86	84.86
11	Hải Dương	54.94	8.42	17.66	2.50	83.52	83.52

Nguồn: <https://moha.gov.vn>

## Phụ lục 6

**CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG (PAPI) CỦA  
CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG NĂM 2024**

STT	Tỉnh/Thành phố	Tham gia của người dân ở cấp cơ sở	Công khai, minh bạch	Trách nhiệm giải trình với người dân	Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công	Thủ tục hành chính công	Cung ứng dịch vụ công	Quản trị môi trường	Quản trị điện tử
1	Bắc Ninh	5.6	5.48	4.36	6.88	7.54	8.4	3.43	3.8
2	Hà Nam	5.7	5.26	4.41	6.9	7.21	7.16	3.31	3.43
3	Hà Nội	5.39	5.71	4.36	6.7	7.12	7.57	2.87	4.05
4	Hải Dương	5.37	5.01	4.32	6.56	7.09	7.51	3.17	3.57
5	Hải Phòng	5.23	5.33	4.13	6.48	7.09	7.59	3.31	3.55
6	Hưng Yên	5.45	5.52	4.37	7.2	7.31	7.55	3.58	3.43
7	Nam Định	5.61	5.42	4.26	6.93	7.33	7.84	3.57	3.39
8	Ninh Bình	5.43	5.53	4.34	6.88	7.31	7.43	3.69	3.34
9	Quảng Ninh	5.87	5.83	4.34	7.99	7.39	8.42	4.03	3.94
10	Thái Bình	5.18	5.63	4.61	7.05	7.25	8.13	3.46	3.41
11	Vĩnh Phúc	0	0	0	0	0	0	0	0

Nguồn: <https://papi.org.vn/>

## Phụ lục 7

**CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG (PAPI) CỦA  
CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG NĂM 2023**

STT	Tỉnh/Thành phố	Tham gia của người dân ở cấp cơ sở	Công khai, minh bạch	Trách nhiệm giải trình với người dân	Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công	Thủ tục hành chính công	Cung ứng dịch vụ công	Quản trị môi trường	Quản trị điện tử
1	Bắc Ninh	5.53	5.82	4.55	7.16	7.27	8.26	3.38	3.73
2	Hà Nam	5.07	5.02	4.21	6.61	7.46	7.09	3.07	3.03
3	Hà Nội	5.43	5.67	4.28	6.73	7.16	7.85	2.87	3.97
4	Hải Dương	4.94	5.04	3.9	7	6.78	7.48	3.21	3.4
5	Hải Phòng	4.98	5.11	4.15	6.33	6.94	7.99	3.24	3.39
6	Hưng Yên	5.46	5.5	4.4	7.06	7.56	7.61	3.43	3.22
7	Nam Định	5.44	5.21	4.26	6.57	7.19	7.86	3.32	3.33
8	Ninh Bình	5.5	5.4	4.36	6.39	7.52	8.29	3.29	3.31
9	Quảng Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Thái Bình	5.36	5.67	4.52	6.25	7.1	8.12	3.25	3.48
11	Vĩnh Phúc	5.37	5.28	4.48	6.67	7.31	8.03	3.13	3.67

Nguồn: <https://papi.org.vn/>

## Phụ lục 8

**CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG (PAPI) CỦA  
CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG NĂM 2022**

STT	Tỉnh/Thành phố	Tham gia của người dân ở cấp cơ sở	Công khai, minh bạch	Trách nhiệm giải trình với người dân	Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công	Thủ tục hành chính công	Cung ứng dịch vụ công	Quản trị môi trường	Quản trị điện tử
1	Bắc Ninh	5.82	0	0	0	7.58	8.09	3.77	0
2	Hà Nam	5.06	5.29	4.42	7	7.24	7.33	3.37	3.02
3	Hà Nội	5.83	5.78	4.37	6.8	7.31	7.23	2.93	3.66
4	Hải Dương	5.33	5.15	4.29	6.37	7.26	7.8	2.82	3.12
5	Hải Phòng	5.39	5.74	4.5	6.89	7.11	7.56	3.37	3.03
6	Hưng Yên	5.49	5.81	4.29	6.88	7.63	7.51	3.34	3.24
7	Nam Định	5.63	5.35	4.33	6.76	7.36	7.41	3.4	2.9
8	Ninh Bình	5.26	5.52	4.2	6.74	7.44	7.33	3.47	3.21
9	Quảng Ninh	5.75	6.37	4.58	7.43	7.66	8.26	4.12	3.71
10	Thái Bình	5.39	5.46	4.34	6.81	7.08	8.24	3.08	3.12
11	Vĩnh Phúc	5.44	5.6	4.51	6.79	7.16	8.31	3.04	3.47

Nguồn: <https://papi.org.vn/>

## Phụ lục 9

**CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG (PAPI) CỦA  
CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG NĂM 2021**

STT	Tỉnh/Thành phố	Tham gia của người dân ở cấp cơ sở	Công khai, minh bạch	Trách nhiệm giải trình với người dân	Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công	Thủ tục hành chính công	Cung ứng dịch vụ công	Quản trị môi trường	Quản trị điện tử
1	Bắc Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Hà Nam	4.75	5.32	4.4	7.02	7.49	7.49	3.5	3.31
3	Hà Nội	5.01	5.93	4.33	7.08	7.54	7.79	3.16	3.61
4	Hải Dương	4.83	5.45	4.13	6.93	7.34	7.8	3.14	3.06
5	Hải Phòng	4.9	5.42	4.41	7.42	7.46	7.91	3.68	2.79
6	Hưng Yên	5.4	5.86	4.42	7.54	7.5	8	3.65	2.99
7	Nam Định	5.24	5.67	4.28	7	7.42	7.91	3.62	2.67
8	Ninh Bình	5.25	5.71	4.55	6.71	7.63	7.99	3.51	3.32
9	Quảng Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Thái Bình	4.95	5.78	4.56	7.25	7.28	8.24	3.56	2.83
11	Vĩnh Phúc	4.72	5.19	4.42	6.24	7.77	8.11	3.02	3.34

Nguồn: <https://papi.org.vn/>

## Phụ lục 10

**CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG (PAPI) CỦA  
CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG NĂM 2020**

STT	Tỉnh/Thành phố	Tham gia của người dân ở cấp cơ sở	Công khai, minh bạch	Trách nhiệm giải trình với người dân	Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công	Thủ tục hành chính công	Cung ứng dịch vụ công	Quản trị môi trường	Quản trị điện tử
1	Bắc Ninh	5.42	5.9	5.27	7.18	7.64	7.28	3.17	3.45
2	Hà Nam	5.37	5.45	5.02	6.88	7.52	7.39	3.09	2.79
3	Hà Nội	5.06	5.24	4.81	6.6	7.17	6.87	2.96	2.92
4	Hải Dương	5.16	5.43	4.86	7.07	7.17	6.94	3.69	2.49
5	Hải Phòng	5.27	5.46	4.57	6.26	7.32	7.01	3.1	3.3
6	Hưng Yên	5.31	5.19	4.72	6.82	7.43	7.05	2.72	2.92
7	Nam Định	4.9	5.86	4.79	7.13	7.47	7.56	3.42	2.65
8	Ninh Bình	5.38	5.51	4.81	6.32	7.48	7.13	3.36	3.1
9	Quảng Ninh	5.81	6.5	4.79	8.29	7.61	7.71	4.96	3.14
10	Thái Bình	5.26	5.51	5.26	6.82	7.32	6.97	3.3	2.93
11	Vĩnh Phúc	5.5	5.39	4.88	7.32	7.77	6.91	3.21	2.79

Nguồn: <https://papi.org.vn/>

**Phụ lục 11**

**PHIẾU KHẢO SÁT 1**  
**NHẬN THỨC CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**  
**VỀ CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH**  
**VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

*(Dùng cho đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức sở, ban ngành  
thuộc UBND cấp tỉnh; UBND cấp xã)*

Để có cơ sở đánh giá hiệu quả CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH thời gian qua và đề xuất giải pháp tăng cường CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH trong thời gian sắp tới, xin ông/bà vui lòng cho biết ý kiến của mình về những vấn đề được hỏi trong phiếu khảo sát dưới đây. Chúng tôi cam kết những thông tin của bảng hỏi chỉ phục vụ vào mục đích nghiên cứu. Xin chân thành cảm ơn!

**I. Thông tin chung**

*(Đánh dấu ✓ vào ô phù hợp)*

1. Giới tính:  Nam  Nữ
2. Độ tuổi:  Dưới 30  31 - 40  41 - 50  Trên 50
3. Trình độ chuyên môn:  Trung cấp  Cao đẳng/ĐH  Sau ĐH
4. Đơn vị công tác:  Sở/Ban/Ngành tỉnh  UBND cấp xã
5. Thâm niên công tác:  <5 năm  5 - 10 năm  11 - 20 năm  >20 năm
6. Vị trí việc làm:  Lãnh đạo  Chuyên viên

**II. Nội dung khảo sát**

*Thang đo đánh giá: (Đánh dấu ✓ vào mức độ lựa chọn)*

1- Rất không đồng ý | 2- Không đồng ý | 3- Phân vân | 4- Đồng ý | 5- Rất đồng ý

## **1. Nhận thức về vai trò, vị trí công tác dân vận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng**

1.1. Công tác dân vận của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH là một bộ phận quan trọng trong CTDV của Đảng và của cả hệ thống chính trị cấp tỉnh

1      2      3      4      5

1.2. Công tác dân vận của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH là nhân tố rất quan trọng để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp tỉnh, nhiệm vụ chính trị của tỉnh, góp phần quyết định vào việc bảo đảm sự ổn định, phát triển của tỉnh

1      2      3      4      5

1.3. Công tác dân vận của UBND cấp tỉnh có vai trò to lớn trong xây dựng chính quyền tỉnh trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả

1      2      3      4      5

1.4. Công tác dân vận của UBND cấp tỉnh tăng cường mối quan hệ giữa chính quyền với nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở

1      2      3      4      5

1.5. Cán bộ, công chức, viên chức cần coi công tác dân vận là nhiệm vụ thường xuyên trong thực thi công vụ

1      2      3      4      5

1.6. Nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về công tác dân vận ảnh hưởng trực tiếp đến niềm tin của nhân dân

1      2      3      4      5

## **2. Nhận thức về nội dung, phương thức dân vận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng**

2.1. Phương thức dân vận của UBND cấp tỉnh cần linh hoạt, đa dạng, ứng dụng công nghệ số

1      2      3      4      5

2.2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giải thích, tuyên truyền chính sách rõ ràng cho dân

1      2      3      4      5

2.3. Công tác tiếp dân, đối thoại trực tiếp là hình thức dân vận quan trọng.

1      2      3      4      5

2.4. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo là nội dung cốt lõi của công tác dân vận của UBND cấp tỉnh

1      2      3      4      5

### **3. Mức độ tham gia, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức đối với công tác dân vận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng**

3.1. Tôi chủ động tìm hiểu chủ trương, chính sách liên quan đến công tác dân vận

1      2      3      4      5

3.2. Tôi thực hiện tốt quy tắc ứng xử và đạo đức công vụ trong quan hệ với nhân dân

1      2      3      4      5

3.3. Tôi tích cực đổi mới lề lối làm việc, tạo thuận lợi tối đa cho người dân

1      2      3      4      5

3.4. Tôi thường xuyên lắng nghe, tiếp thu ý kiến phản ánh của người dân

1      2      3      4      5

### **4. Đánh giá về nội dung công tác dân vận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng thời gian qua**

4.1. Việc xây dựng và ban hành các văn bản nhằm cụ thể hóa, thể chế hóa các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước và tỉnh ủy về CTDV được UBND cấp tỉnh quan tâm và triển khai tương đối kịp thời

1      2      3      4      5

4.2. Việc tổ chức vận động nhân dân theo các nội dung, phương thức dân vận của UBND cấp tỉnh có bước đổi mới, phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn và đặc điểm địa bàn

1      2      3      4      5

4.3. Việc tổ chức phối hợp các cơ quan, lực lượng tiến hành CTDV của UBND cấp tỉnh được thực hiện theo quy chế, đạt được những tiến bộ nhất định

1      2      3      4      5

4.4. Việc xây dựng, củng cố các tổ chức và lực lượng làm CTDV của UBND cấp tỉnh được duy trì thường xuyên, ngày càng ổn định

1      2      3      4      5

4.5. Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết và tổng kết về CTDV của UBND cấp tỉnh được chú trọng, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này

1      2      3      4      5

**5. Ông/bà đánh giá như thế nào về các giải pháp tăng cường công tác dân vận của UBND cấp tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng thời gian tới**

STT	Nội dung	Thang đánh giá				
		1	2	3	3	5
1	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSH về tăng cường CTDV của UBND cấp tỉnh					
2	Nâng cao chất lượng việc xây dựng và thực hiện chương trình CTDV của UBND cấp tỉnh gắn với thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh					

3	Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức nhà nước yếu kém, vi phạm pháp luật					
4	Nâng cao hiệu quả tiếp công dân, giải quyết khiếu tố, khiếu nại và xử lý kịp thời, đúng pháp luật những bức xúc xã hội nổi cộm ở địa phương					
5	Thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, bảo đảm nguyên tắc chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân					
6	Tăng cường sự phối hợp giữa ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng với các tổ chức, lực lượng liên quan về công tác dân vận; đẩy mạnh thi đua ”Dân vận khéo” gắn với việc ”Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”					
7	Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của tỉnh, thành ủy vùng ĐBSH đối với CTDV của UBND cấp tỉnh					

**Phụ lục 12****PHIẾU KHẢO SÁT 2****ĐÁNH GIÁ CỦA NHÂN DÂN ĐỐI VỚI CÔNG TÁC DÂN VẬN  
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

*(Dùng cho đối tượng là nhân dân sinh sống tại các tỉnh, thành phố vùng ĐBSH)*

Để có cơ sở đánh giá hiệu quả CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH thời gian qua và đề xuất giải pháp tăng cường CTDV của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH trong thời gian sắp tới, xin ông/bà vui lòng cho biết ý kiến của mình về những vấn đề được hỏi trong phiếu khảo sát dưới đây. Chúng tôi cam kết những thông tin của bảng hỏi chỉ phục vụ vào mục đích nghiên cứu. Xin chân thành cảm ơn!

**I. Thông tin chung**

*(Đánh dấu ✓ vào ô phù hợp)*

1. Giới tính:  Nam  Nữ
2. Độ tuổi:  Dưới 25  25 - 40  41 - 60  Trên 60
3. Nghề nghiệp:  Nông dân  Công nhân  Cán bộ, công chức, viên chức  
 Doanh nghiệp/kinh doanh  Lao động tự do
4. Trình độ học vấn:  THCS  THPT  Trung cấp/ĐH  Sau ĐH
5. Nơi cư trú:  Thành thị  Nông thôn

**II. Nội dung khảo sát**

*Thang đo đánh giá: (Đánh dấu ✓ vào mức độ lựa chọn)*

- 1- Rất không đồng ý | 2- Không đồng ý | 3- Phân vân | 4- Đồng ý | 5- Rất đồng ý

## **1. Mức độ hiểu biết của người dân về chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước**

1.1. Tôi được UBND tỉnh tuyên truyền đầy đủ về chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước

1            2            3            4            5

1.2. Tôi hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

1            2            3            4            5

## **2. Đánh giá mức độ tiếp cận chính quyền**

2.1. Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan chuyên môn của UBND tiếp dân với thái độ tôn trọng, lịch sự

1            2            3            4            5

2.2. Các thủ tục hành chính của cơ quan hành chính nhà nước ngày càng thuận tiện và dễ thực hiện

1            2            3            4            5

2.3. Tôi dễ dàng phản ánh kiến nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền qua nhiều kênh (Zalo, email, đường dây nóng...)

1            2            3            4            5

## **3. Đánh giá phương thức dân vận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng**

3.1. Cán bộ, công chức, viên chức UBND tỉnh chủ động gặp gỡ, đối thoại trực tiếp với người dân

1            2            3            4            5

3.2. Ủy ban nhân dân tỉnh giải thích, thông tin rõ ràng trước khi thực hiện dự án, chính sách phát triển kinh tế - văn hóa

1            2            3            4            5

3.3. Ủy ban nhân dân tỉnh ứng dụng tốt CNTT trong tuyên truyền, vận động, tương tác với người dân

1      2      3      4      5

**4. Ông/bà đánh giá như thế nào về các nội dung công tác dân vận của UBND cấp tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng thời gian qua**

STT	Nội dung	Thang đánh giá				
		1	2	3	3	5
1	Việc xây dựng và ban hành các văn bản nhằm cụ thể hóa, thể chế hóa các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước và tỉnh ủy về CTDV được UBND cấp tỉnh quan tâm và triển khai tương đối kịp thời					
2	Việc tổ chức vận động nhân dân theo các nội dung, phương thức dân vận của UBND cấp tỉnh có bước đổi mới, phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn và đặc điểm địa bàn					
3	Việc tổ chức phối hợp các cơ quan, lực lượng tiến hành CTDV của UBND cấp tỉnh được thực hiện theo quy chế, đạt được những tiến bộ nhất định					
4	Việc xây dựng, củng cố các tổ chức và lực lượng làm CTDV của UBND cấp tỉnh được duy trì thường xuyên, ngày càng ổn định					
5	Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết và tổng kết về CTDV của UBND cấp tỉnh được chú trọng, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này					

**5. Ông/bà đánh giá như thế nào về các giải pháp tăng cường công tác dân vận của UBND cấp tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng thời gian tới**

STT	Nội dung	Thang đánh giá				
		1	2	3	3	5
1	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSH về tăng cường CTDV của UBND cấp tỉnh					
2	Nâng cao chất lượng việc xây dựng và thực hiện chương trình CTDV của UBND cấp tỉnh gắn với thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh					
3	Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức nhà nước yếu kém, vi phạm pháp luật					
4	Nâng cao hiệu quả tiếp công dân, giải quyết khiếu tố, khiếu nại và xử lý kịp thời, đúng pháp luật những bức xúc xã hội nổi cộm ở địa phương					
5	Thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, bảo đảm nguyên tắc chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân					

6	Tăng cường sự phối hợp giữa ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng với các tổ chức, lực lượng liên quan về công tác dân vận; đẩy mạnh thi đua "Dân vận khéo" gắn với việc "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"					
7	Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của tỉnh, thành ủy vùng ĐBSH đối với CTDV của UBND cấp tỉnh					

## 6. Niềm tin và sự hài lòng của người dân

6.1. Tôi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và ủy ban nhân dân tỉnh

1      2      3      4      5

6.2. Công tác dân vận của UBND tỉnh giúp tăng sự đồng thuận xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân

1      2      3      4      5

6.3. Tôi hài lòng với cách UBND tỉnh giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân

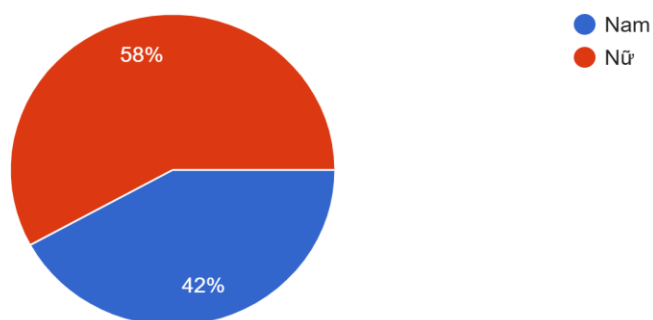
1      2      3      4      5

**Phụ lục 13****TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN  
NHẬN THỨC CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC  
VỀ CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH  
VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

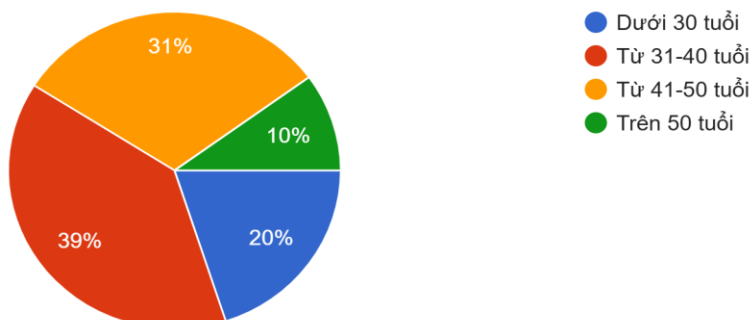
Qua phát 300 phiếu cho đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức sở, ban ngành thuộc UBND cấp tỉnh; UBND cấp xã, kết quả thu về như sau:

**I. Thông tin chung**

Giới tính  
300 câu trả lời

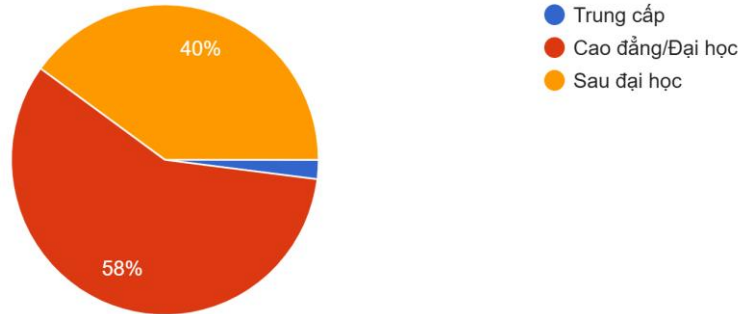


Độ tuổi  
300 câu trả lời



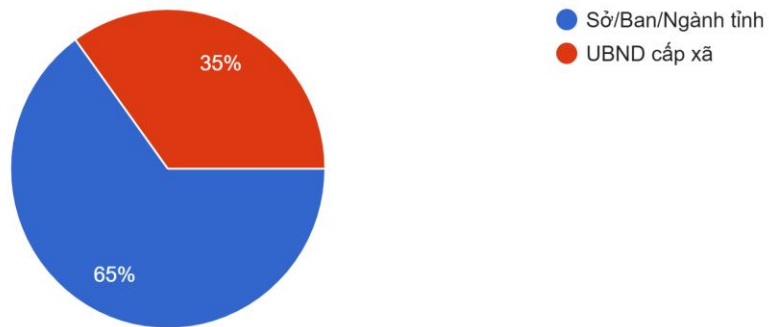
## Trình độ chuyên môn

300 câu trả lời



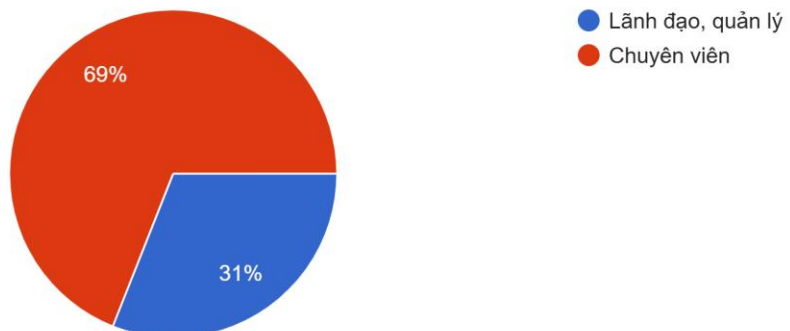
## Đơn vị công tác

300 câu trả lời



## Vị trí việc làm

300 câu trả lời



## II. Nội dung khảo sát

**Thang đo đánh giá:** (Đánh dấu ✓ vào mức độ lựa chọn)

1- Rất không đồng ý | 2- Không đồng ý | 3- Phân vân | 4- Đồng ý | 5- Rất đồng ý

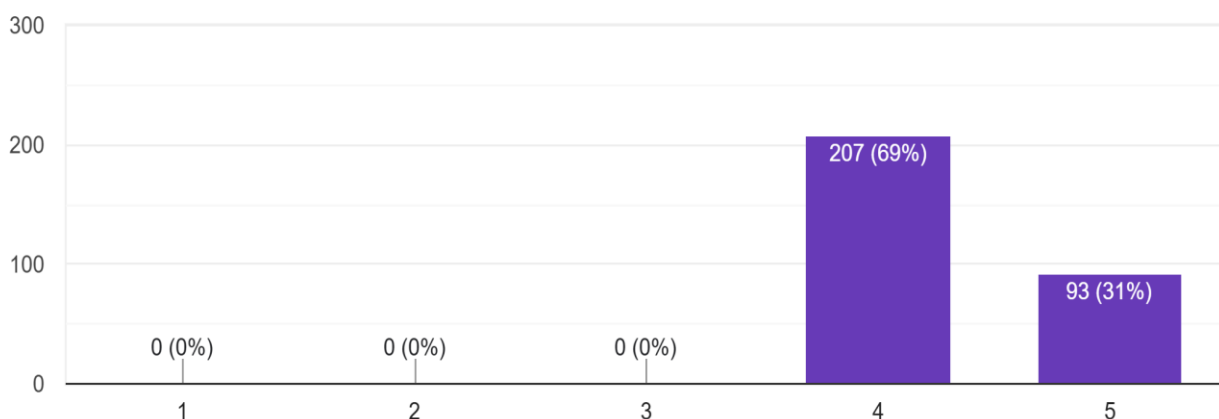
### 1. Nhận thức về vai trò, vị trí công tác dân vận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng

1.1. Công tác dân vận của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH là một bộ phận quan trọng trong CTDV của Đảng và của cả hệ thống chính trị cấp tỉnh

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	0	0
2	Không đồng ý	0	0
3	Phân vân	0	0
4	Đồng ý	207	69
5	Rất đồng ý	93	31

Công tác dân vận của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH là một bộ phận quan trọng trong CTDV của Đảng và của cả hệ thống chính trị cấp tỉnh

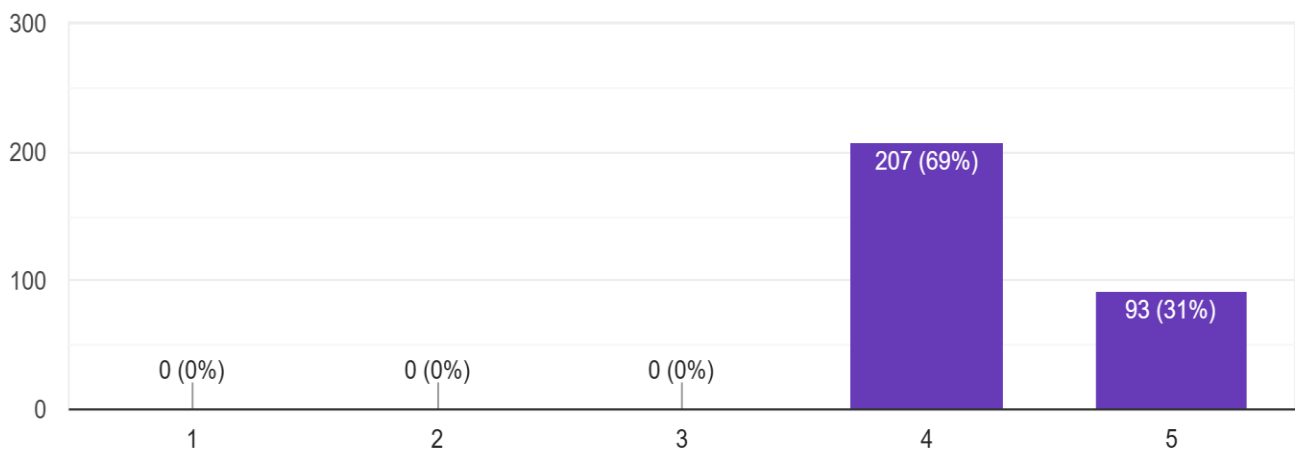
300 câu trả lời



1.2. Công tác dân vận của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH là nhân tố rất quan trọng để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp tỉnh, nhiệm vụ chính trị của tỉnh, góp phần quyết định vào việc bảo đảm sự ổn định, phát triển của tỉnh

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	0	0
2	Không đồng ý	0	0
3	Phân vân	0	0
4	Đồng ý	207	69
5	Rất đồng ý	93	31

Công tác dân vận của UBND cấp tỉnh vùng ĐBSH là nhân tố rất quan trọng để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp tỉnh, nhiệm vụ chính t... vào việc bảo đảm sự ổn định, phát triển của tỉnh  
300 câu trả lời

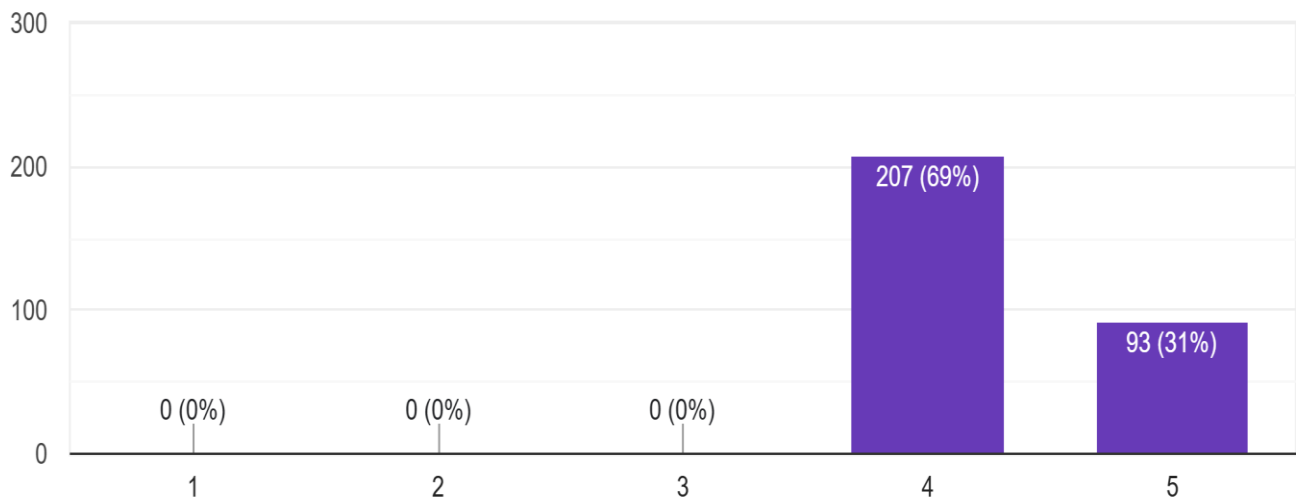


1.3. Công tác dân vận của UBND cấp tỉnh có vai trò to lớn trong xây dựng chính quyền tỉnh trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	0	0
2	Không đồng ý	0	0
3	Phân vân	0	0
4	Đồng ý	207	69
5	Rất đồng ý	93	31

Công tác dân vận của UBND cấp tỉnh có vai trò to lớn trong xây dựng chính quyền tỉnh trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả

300 câu trả lời

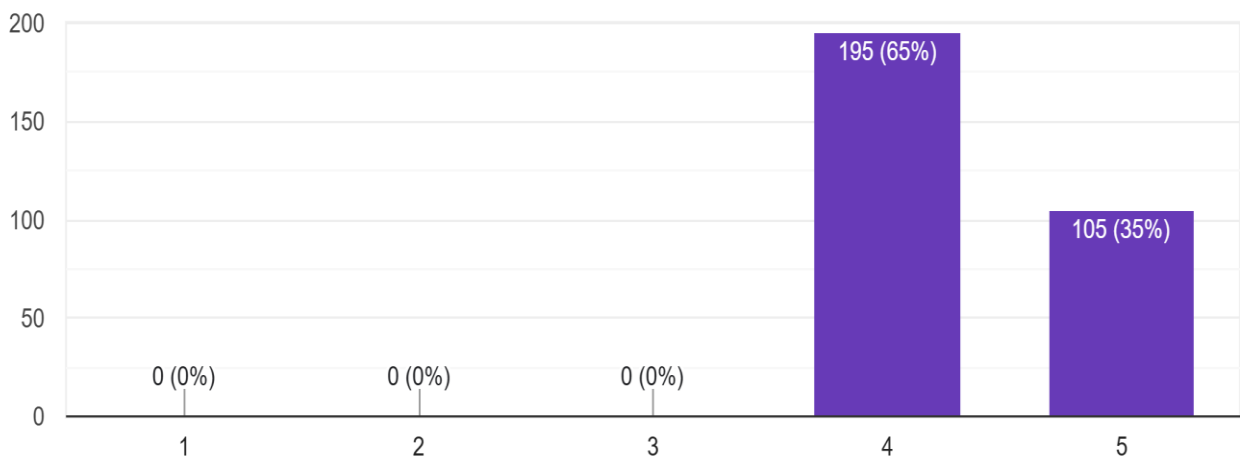


1.4. Công tác dân vận của UBND cấp tỉnh tăng cường mối quan hệ giữa chính quyền với nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	0	0
2	Không đồng ý	0	0
3	Phân vân	0	0
4	Đồng ý	195	65
5	Rất đồng ý	105	35

Công tác dân vận của UBND cấp tỉnh tăng cường mối quan hệ giữa chính quyền với nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở

300 câu trả lời

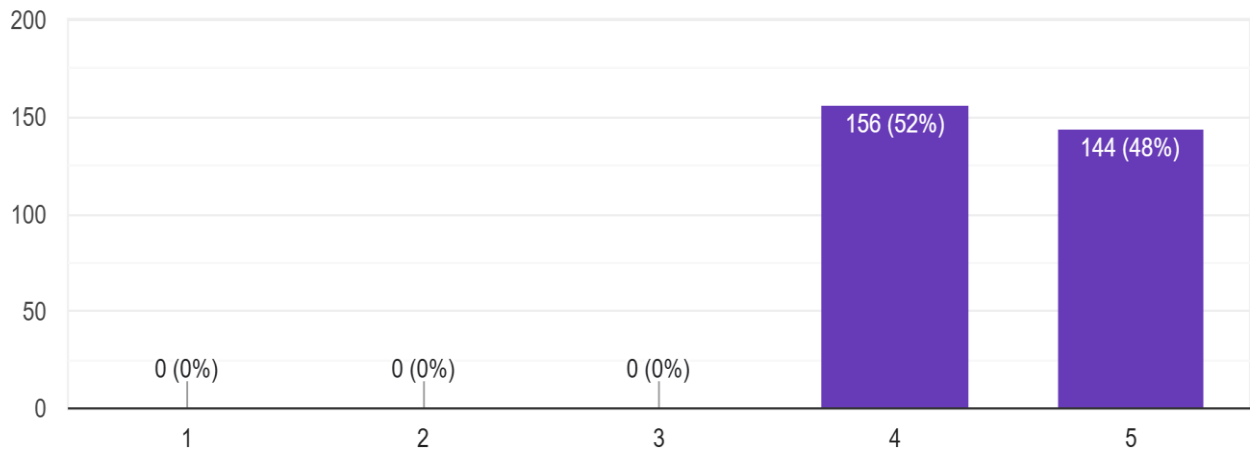


1.5. Cán bộ, công chức, viên chức cần coi công tác dân vận là nhiệm vụ thường xuyên trong thực thi công vụ

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	0	0
2	Không đồng ý	0	0
3	Phân vân	0	0
4	Đồng ý	156	52
5	Rất đồng ý	144	48

Cán bộ, công chức, viên chức cần coi công tác dân vận là nhiệm vụ thường xuyên trong thực thi công vụ

300 câu trả lời

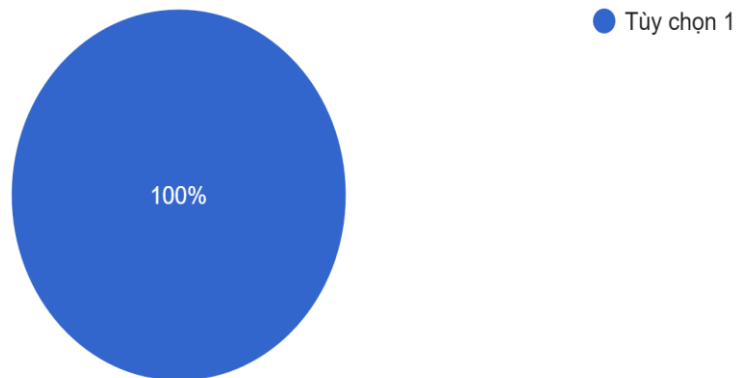


1.6. Nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về công tác dân vận ảnh hưởng trực tiếp đến niềm tin của nhân dân

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Đồng ý	300	100
2	Không đồng ý	0	0

Nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về công tác dân vận ảnh hưởng trực tiếp đến niềm tin của nhân dân

300 câu trả lời

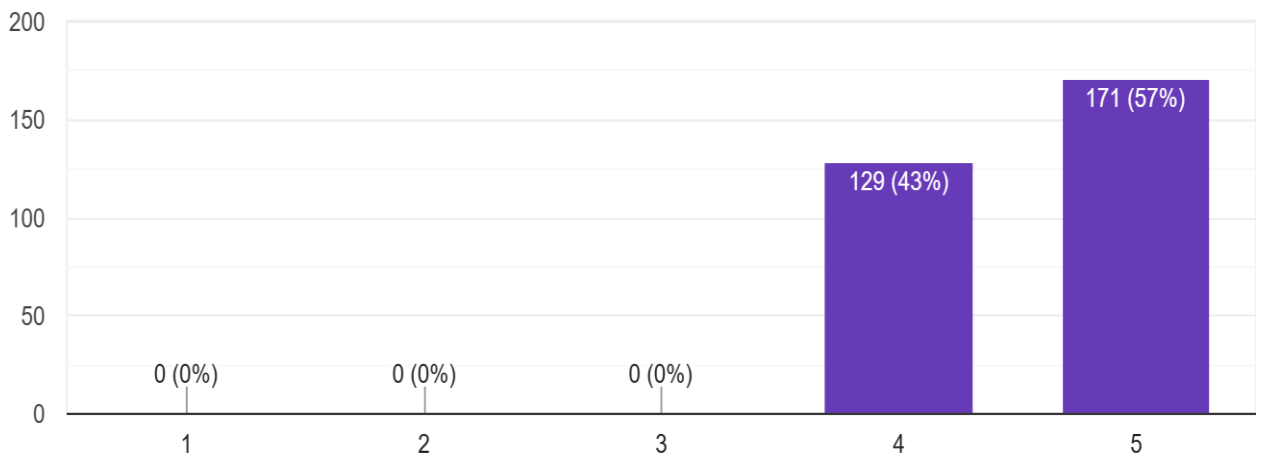


## 2. Nhận thức về nội dung, phương thức dân vận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng

2.1. Phương thức dân vận của UBND cấp tỉnh cần linh hoạt, đa dạng, ứng dụng công nghệ số

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	0	0
2	Không đồng ý	0	0
3	Phân vân	0	0
4	Đồng ý	129	43
5	Rất đồng ý	171	57

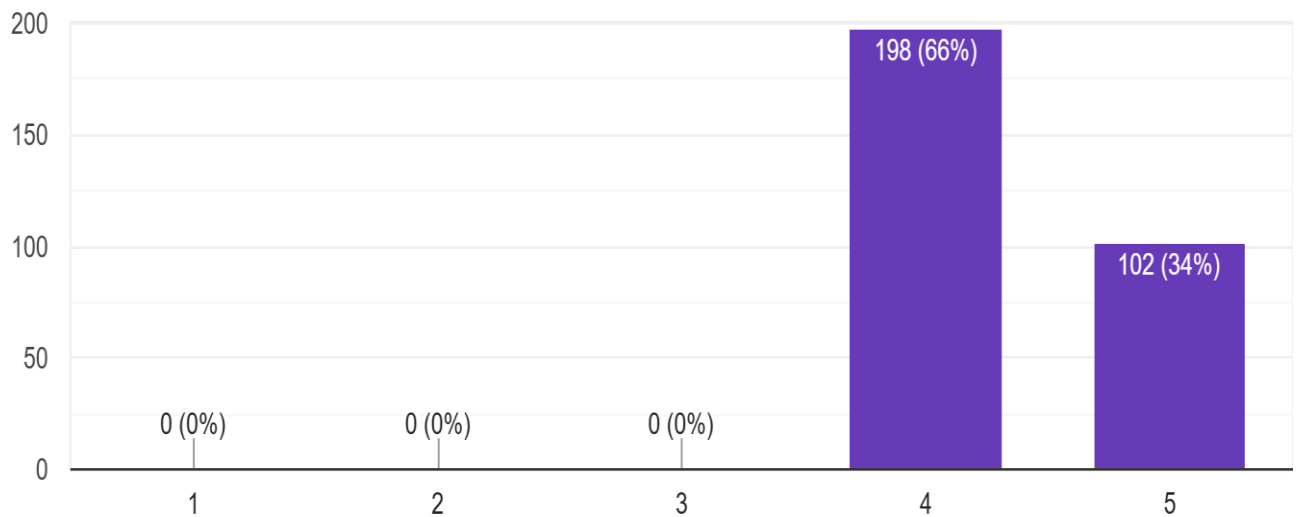
Phương thức dân vận của UBND cấp tỉnh cần linh hoạt, đa dạng, ứng dụng công nghệ số  
300 câu trả lời



2.2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giải thích, tuyên truyền chính sách rõ ràng cho dân

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	0	0
2	Không đồng ý	0	0
3	Phân vân	0	0
4	Đồng ý	198	66
5	Rất đồng ý	102	34

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giải thích, tuyên truyền chính sách rõ ràng cho dân  
300 câu trả lời

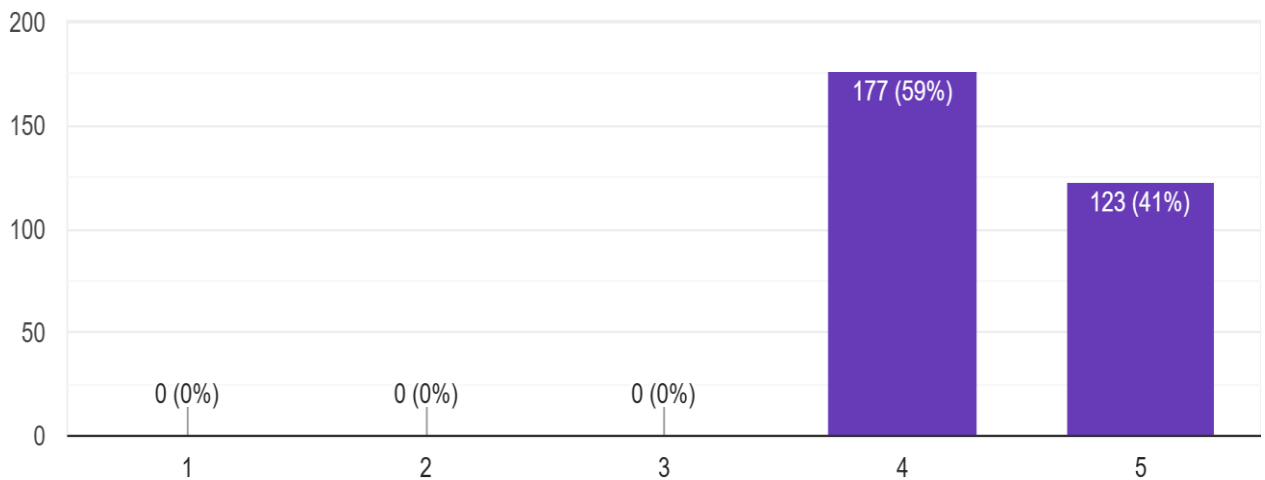


### 2.3. Công tác tiếp dân, đối thoại trực tiếp là hình thức dân vận quan trọng.

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	0	0
2	Không đồng ý	0	0
3	Phân vân	0	0
4	Đồng ý	177	59
5	Rất đồng ý	123	41

#### Công tác tiếp dân, đối thoại trực tiếp là hình thức dân vận quan trọng

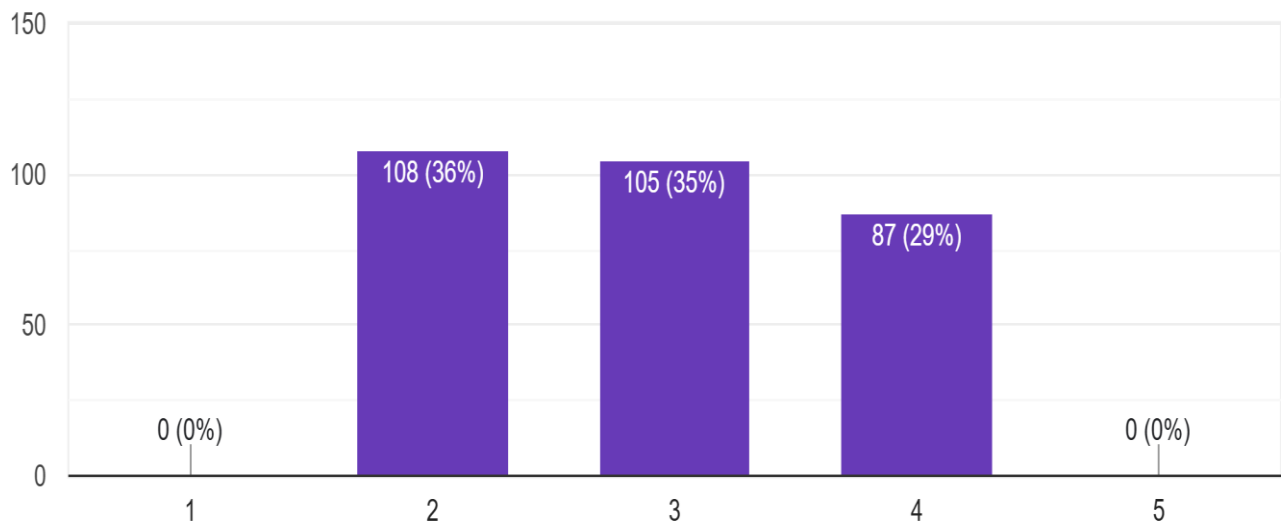
300 câu trả lời



2.4. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo là nội dung cốt lõi của công tác dân vận của UBND cấp tỉnh

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	0	0
2	Không đồng ý	108	36
3	Phân vân	105	35
4	Đồng ý	87	29
5	Rất đồng ý	0	0

Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo là nội dung cốt lõi của công tác dân vận của UBND cấp tỉnh  
300 câu trả lời



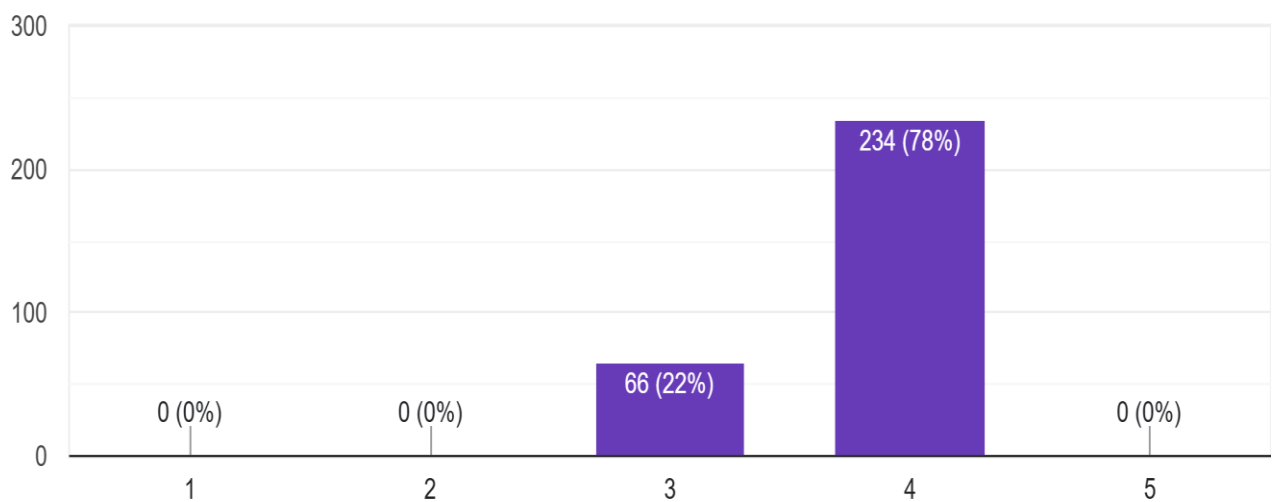
### 3. Mức độ tham gia, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức đối với công tác dân vận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng

3.1. Tôi chủ động tìm hiểu chủ trương, chính sách liên quan đến công tác dân vận

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	0	0
2	Không đồng ý	0	0
3	Phân vân	66	22
4	Đồng ý	234	78
5	Rất đồng ý	0	0

Tôi chủ động tìm hiểu chủ trương, chính sách liên quan đến công tác dân vận

300 câu trả lời

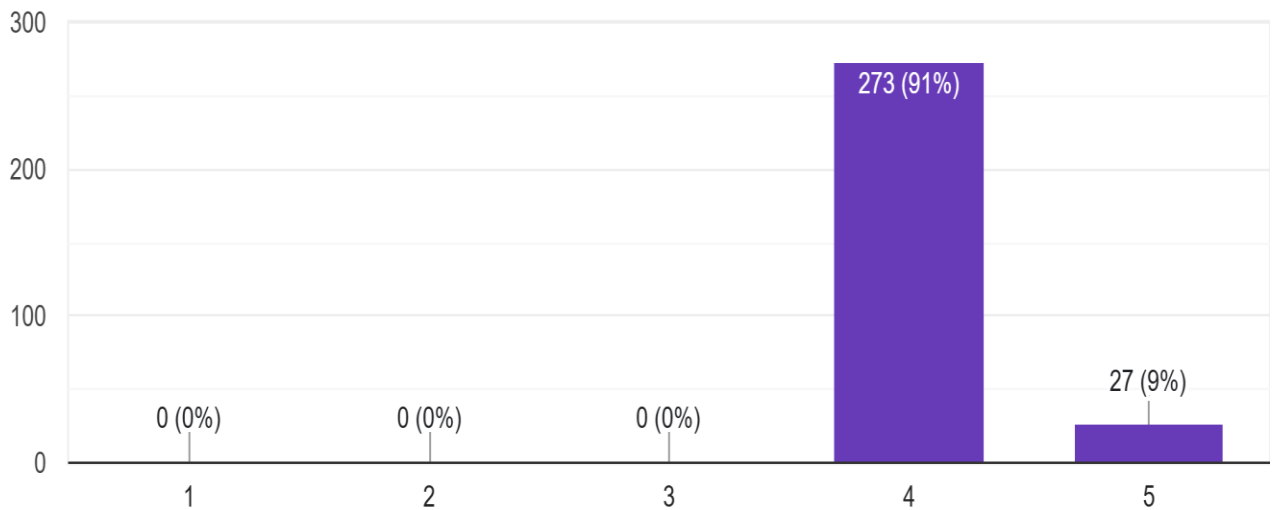


### 3.2. Tôi thực hiện tốt quy tắc ứng xử và đạo đức công vụ trong quan hệ với nhân dân

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	0	0
2	Không đồng ý	0	0
3	Phân vân	0	0
4	Đồng ý	273	91
5	Rất đồng ý	27	9

Tôi thực hiện tốt quy tắc ứng xử và đạo đức công vụ trong quan hệ với nhân dân.

300 câu trả lời

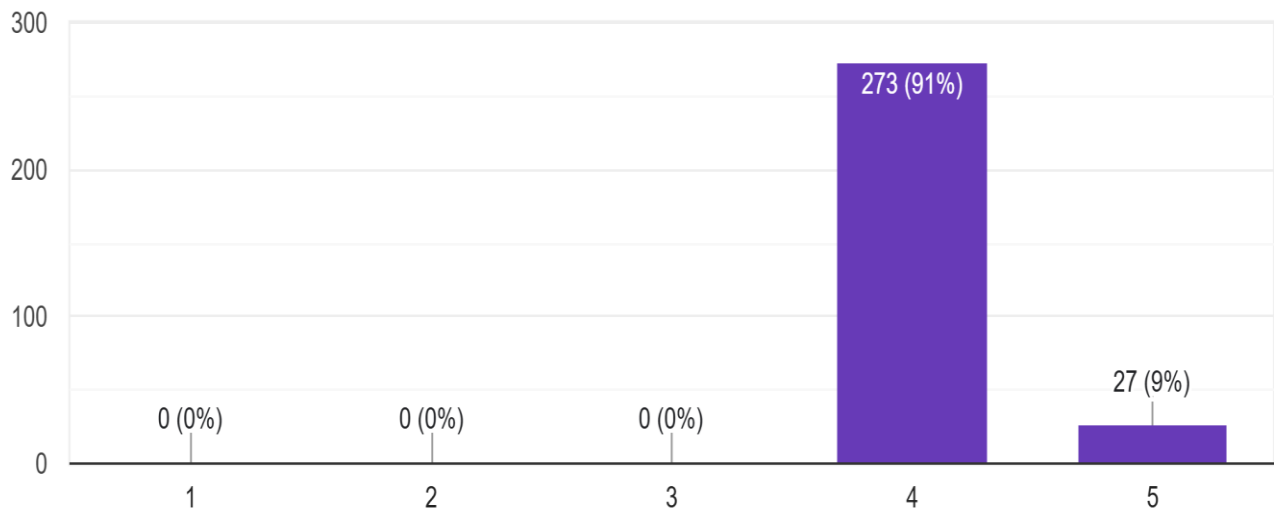


### 3.3. Tôi tích cực đổi mới lề lối làm việc, tạo thuận lợi tối đa cho người dân

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	0	0
2	Không đồng ý	0	0
3	Phân vân	0	0
4	Đồng ý	273	91
5	Rất đồng ý	27	9

Tôi tích cực đổi mới lề lối làm việc, tạo thuận lợi tối đa cho người dân.

300 câu trả lời

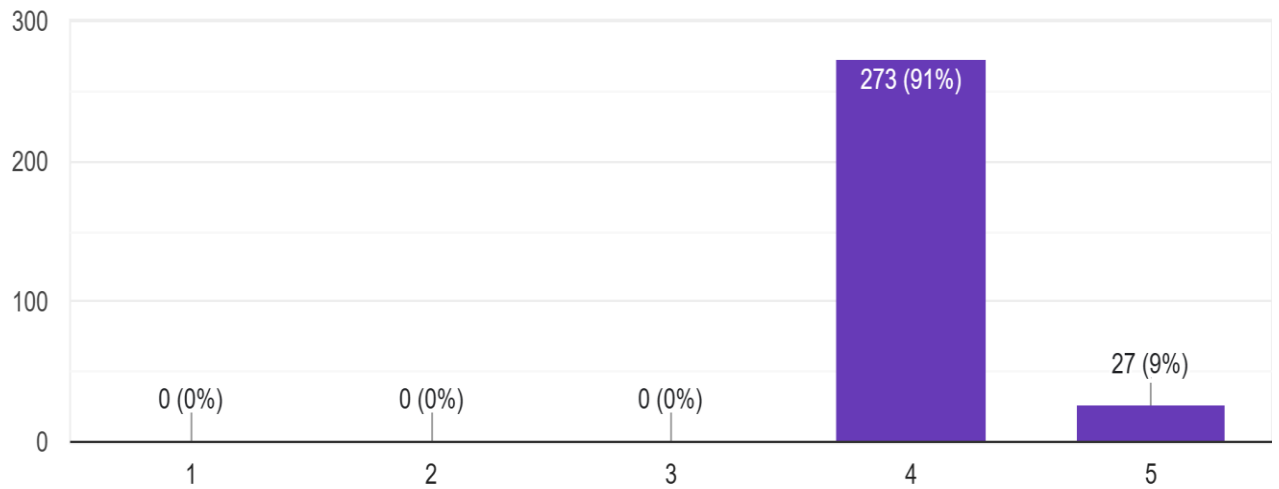


### 3.4. Tôi thường xuyên lắng nghe, tiếp thu ý kiến phản ánh của người dân

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	0	0
2	Không đồng ý	0	0
3	Phân vân	0	0
4	Đồng ý	273	91
5	Rất đồng ý	27	9

Tôi thường xuyên lắng nghe, tiếp thu ý kiến phản ánh của người dân.

300 câu trả lời

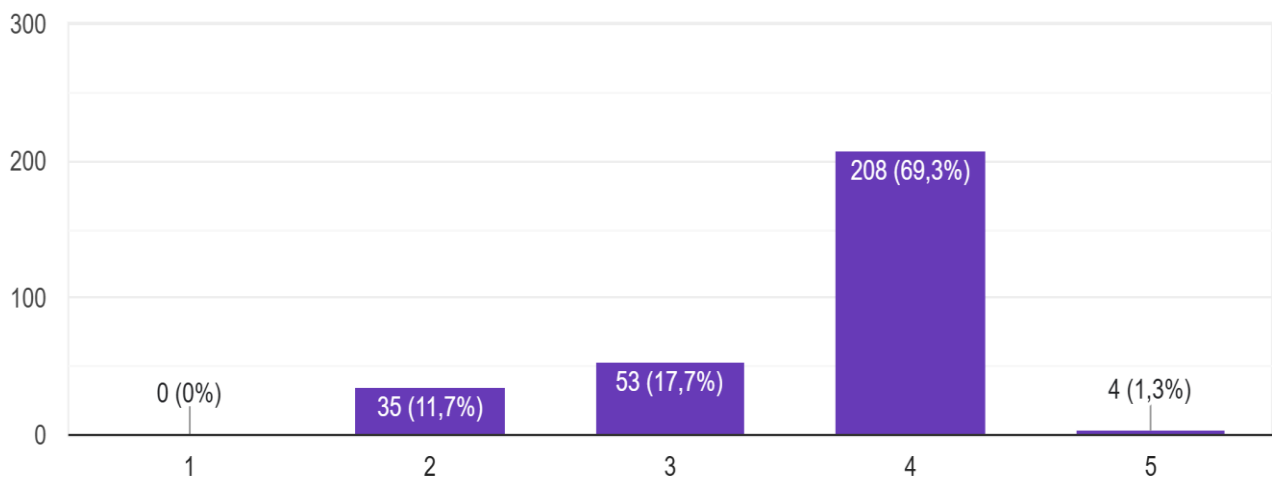


#### 4. Đánh giá về nội dung công tác dân vận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng thời gian qua

4.1. Việc xây dựng và ban hành các văn bản nhằm cụ thể hóa, thể chế hóa các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước và tỉnh ủy về CTDV được UBND cấp tỉnh quan tâm và triển khai tương đối kịp thời

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	0	0
2	Không đồng ý	35	11,7
3	Phân vân	53	17,7
4	Đồng ý	208	69,3
5	Rất đồng ý	4	1,3

Việc xây dựng và ban hành các văn bản nhằm cụ thể hóa, thể chế hóa các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước và tỉnh ủy về CTDV được UBND cấp tỉnh quan tâm và triển khai tương đối kịp thời  
300 câu trả lời

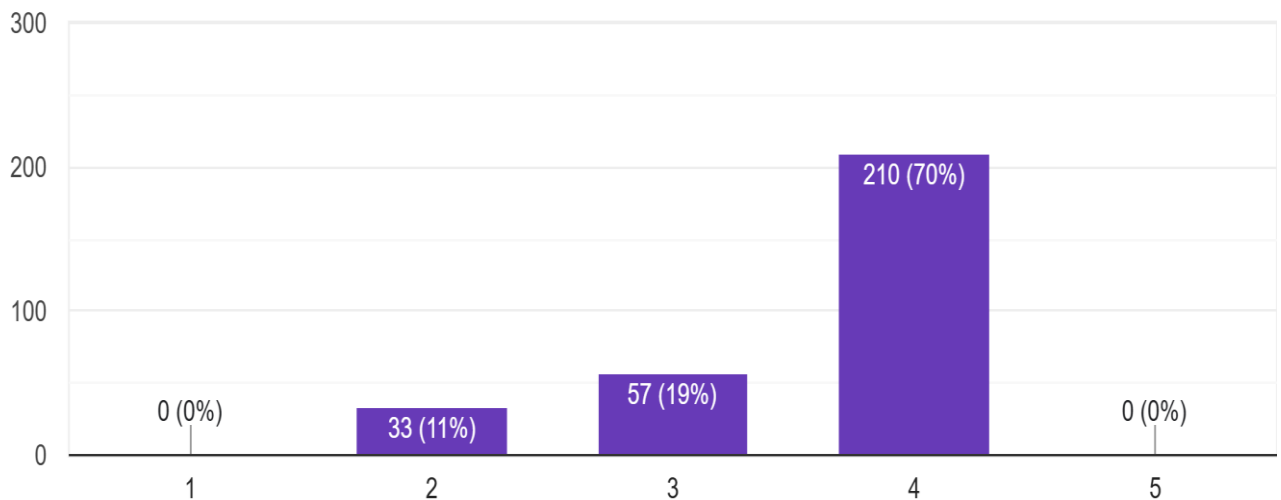


4.2. Việc tổ chức vận động nhân dân theo các nội dung, phương thức dân vận của UBND cấp tỉnh có bước đổi mới, phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn và đặc điểm địa bàn

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	0	0
2	Không đồng ý	33	11
3	Phân vân	57	19
4	Đồng ý	210	70
5	Rất đồng ý	0	0

Việc tổ chức vận động nhân dân theo các nội dung, phương thức dân vận của UBND cấp tỉnh có bước đổi mới, phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn và đặc điểm địa bàn

300 câu trả lời

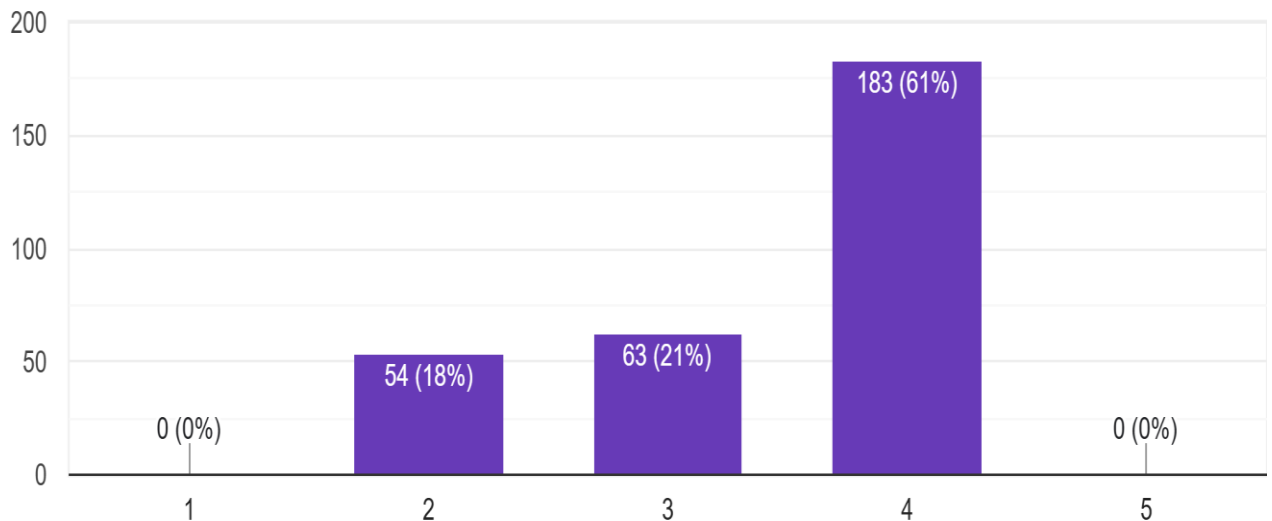


4.3. Việc tổ chức phối hợp các cơ quan, lực lượng tiến hành CTDV của UBND cấp tỉnh được thực hiện theo quy chế, đạt được những tiến bộ nhất định

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	0	0
2	Không đồng ý	54	18
3	Phân vân	63	21
4	Đồng ý	183	61
5	Rất đồng ý	0	0

Việc tổ chức phối hợp các cơ quan, lực lượng tiến hành CTDV của UBND cấp tỉnh được thực hiện theo quy chế, đạt được những tiến bộ nhất định

300 câu trả lời

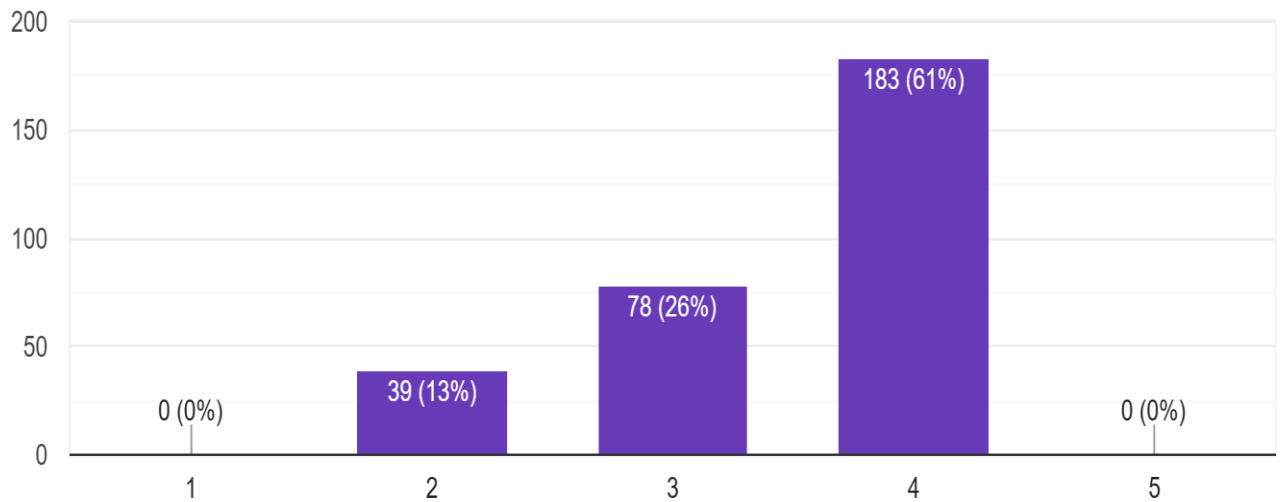


4.4. Việc xây dựng, củng cố các tổ chức và lực lượng làm CTDV của UBND cấp tỉnh được duy trì thường xuyên, ngày càng ổn định

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	0	0
2	Không đồng ý	54	18
3	Phân vân	63	21
4	Đồng ý	183	61
5	Rất đồng ý	0	0

Việc xây dựng, củng cố các tổ chức và lực lượng làm CTDV của UBND cấp tỉnh được duy trì thường xuyên, ngày càng ổn định

300 câu trả lời

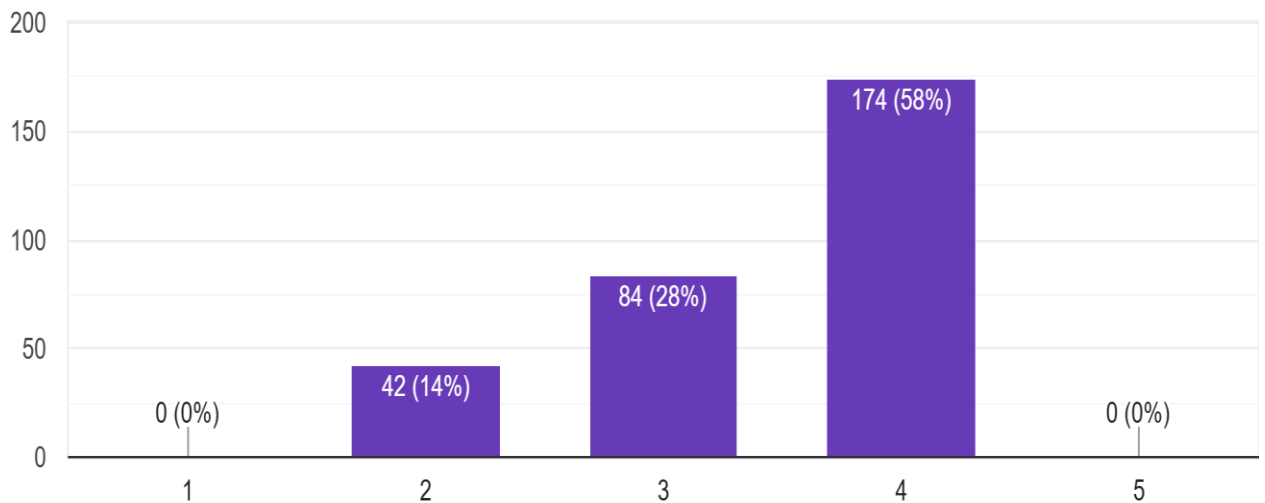


4.5. Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết và tổng kết về CTDV của UBND cấp tỉnh được chú trọng, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	0	0
2	Không đồng ý	42	14
3	Phân vân	84	28
4	Đồng ý	174	58
5	Rất đồng ý	0	0

Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết và tổng kết về CTDV của UBND cấp tỉnh được chú trọng, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này

300 câu trả lời

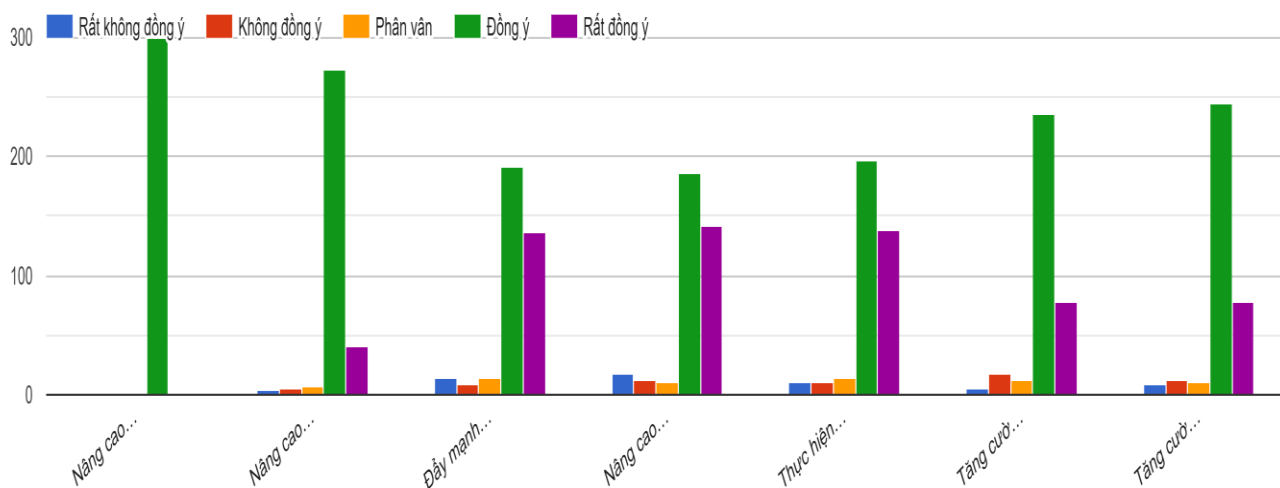


**5. Ông/bà đánh giá như thế nào về các giải pháp tăng cường công tác dân vận của UBND cấp tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng thời gian tới**

STT	Nội dung	Thang đánh giá				
		1	2	3	4	5
1	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSH về tăng cường CTDV của UBND cấp tỉnh	0	0	0	77	23
2	Nâng cao chất lượng việc xây dựng và thực hiện chương trình CTDV của UBND cấp tỉnh gắn với thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh	0	0	0	77	23
3	Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức nhà nước yếu kém, vi phạm pháp luật	0	0	0	77	23
4	Nâng cao hiệu quả tiếp công dân, giải quyết khiếu tố, khiếu nại và xử lý kịp thời, đúng pháp luật những bức xúc xã hội nổi cộm ở địa phương	0	0	0	77	23
5	Thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, bảo đảm nguyên tắc chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân	0	0	0	77	23

6	Tăng cường sự phối hợp giữa ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng với các tổ chức, lực lượng liên quan về công tác dân vận; đẩy mạnh thi đua "Dân vận khéo" gắn với việc "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"	0	0	0	77	23
7	Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của tỉnh, thành ủy vùng ĐBSH đối với CTDV của UBND cấp tỉnh	0	0	0	77	23

Ông/bà đánh giá như thế nào về các giải pháp tăng cường công tác dân vận của UBND cấp tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng thời gian tới



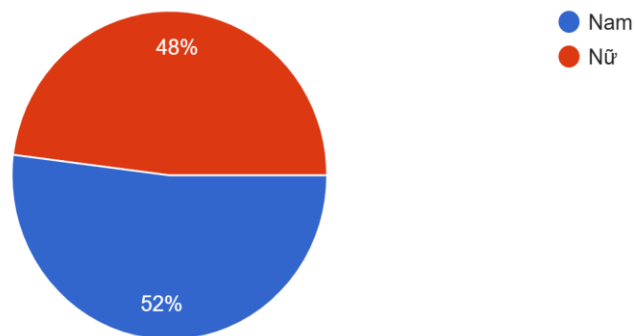
## Phụ lục 14

### TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA NHÂN DÂN ĐỐI VỚI CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

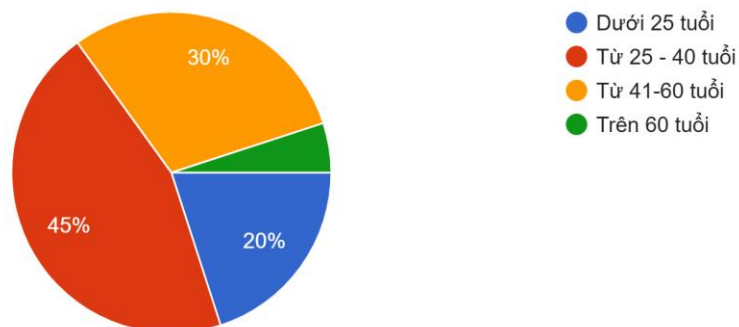
Qua phát 300 phiếu cho đối tượng là nhân dân sinh sống tại các tỉnh, thành phố vùng ĐBSH, kết quả thu về như sau:

#### I. Thông tin chung

Giới tính  
300 câu trả lời

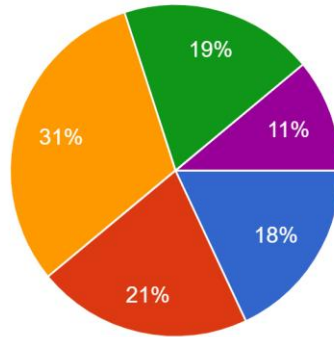


Độ tuổi  
300 câu trả lời



### Nghề nghiệp

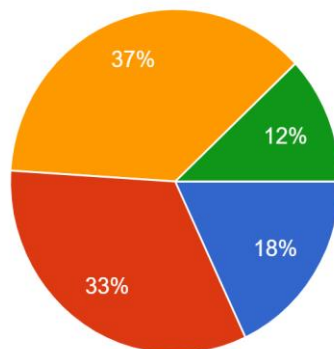
300 câu trả lời



- Nông dân
- Công nhân
- Cán bộ, công chức, viên chức
- Doanh nghiệp/kinh doanh
- Lao động tự do

### Trình độ học vấn

300 câu trả lời



- THCS
- THPT
- Trung cấp/Đại học
- Sau Đại học

## II. Nội dung khảo sát

**Thang đo đánh giá:** (Đánh dấu ✓ vào mức độ lựa chọn)

1- Rất không đồng ý | 2- Không đồng ý | 3- Phân vân | 4- Đồng ý | 5- Rất đồng ý

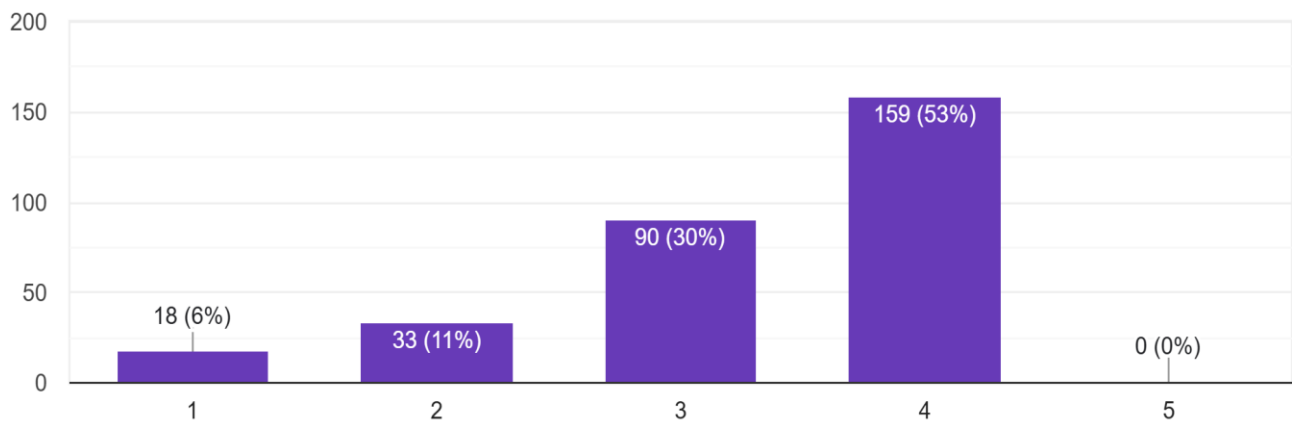
### 1. Mức độ hiểu biết của người dân về chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước

1.1. Tôi được UBND tỉnh tuyên truyền đầy đủ về chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	18	6
2	Không đồng ý	33	11
3	Phân vân	90	30
4	Đồng ý	159	53
5	Rất đồng ý	0	0

Tôi được UBND tỉnh tuyên truyền đầy đủ về chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước

300 câu trả lời

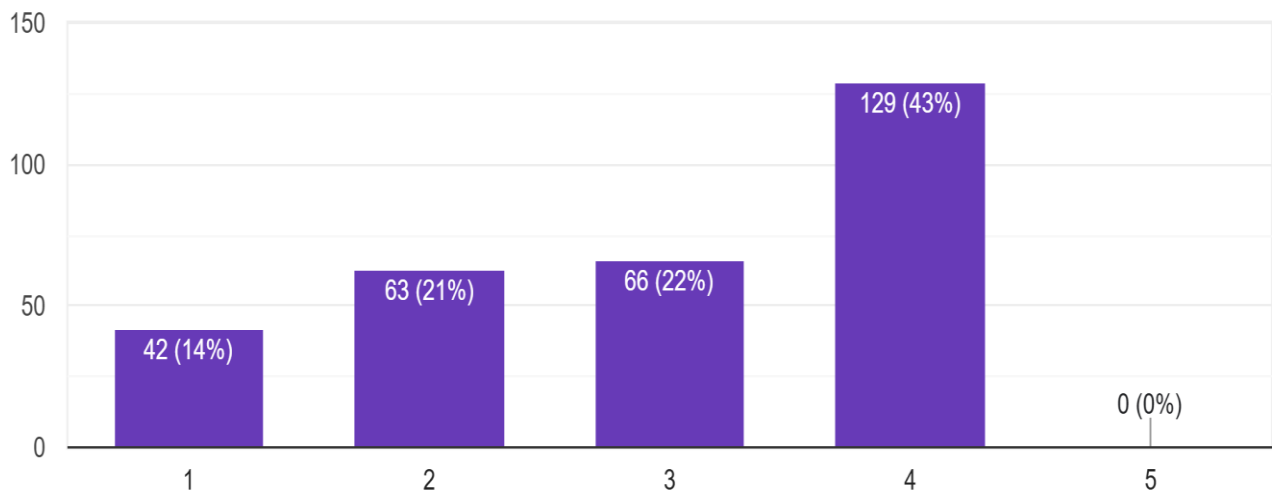


1.2. Tôi hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	42	14
2	Không đồng ý	63	21
3	Phân vân	66	22
4	Đồng ý	129	43
5	Rất đồng ý	0	0

Tôi hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

300 câu trả lời



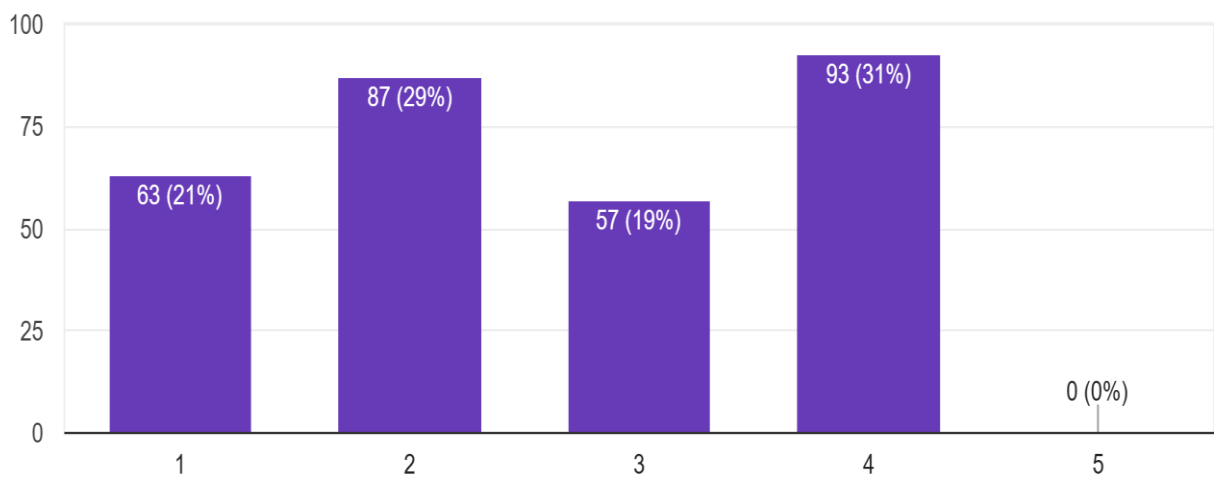
## 2. Đánh giá mức độ tiếp cận chính quyền

2.1. Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan chuyên môn của UBND tiếp dân với thái độ tôn trọng, lịch sự

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	63	21
2	Không đồng ý	87	29
3	Phân vân	57	19
4	Đồng ý	93	31
5	Rất đồng ý	0	0

Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan chuyên môn của UBND tiếp dân với thái độ tôn trọng, lịch sự

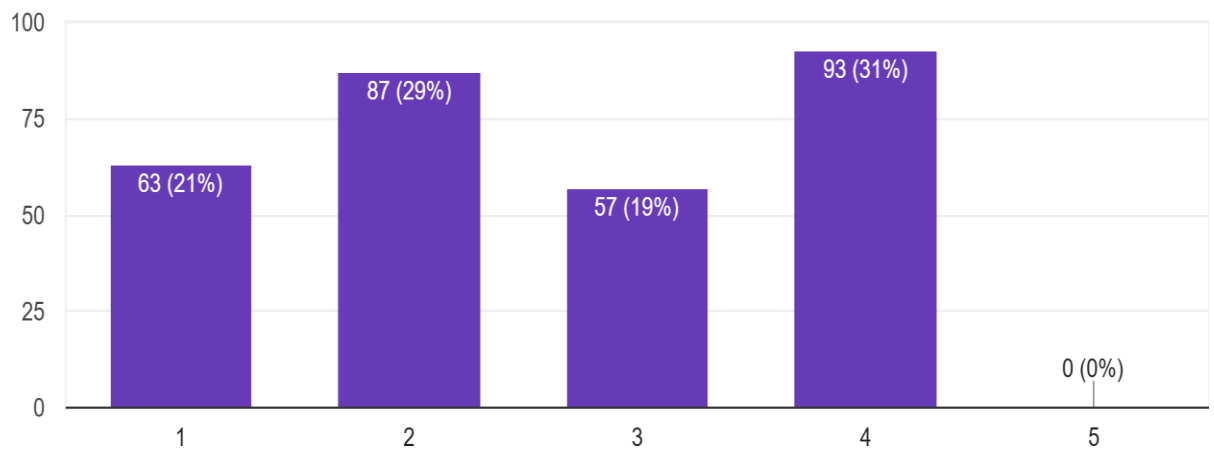
300 câu trả lời



2.2. Các thủ tục hành chính của cơ quan hành chính nhà nước ngày càng thuận tiện và dễ thực hiện

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	63	21
2	Không đồng ý	87	29
3	Phân vân	57	19
4	Đồng ý	93	31
5	Rất đồng ý	0	0

Các thủ tục hành chính của cơ quan hành chính nhà nước ngày càng thuận tiện và dễ thực hiện  
300 câu trả lời

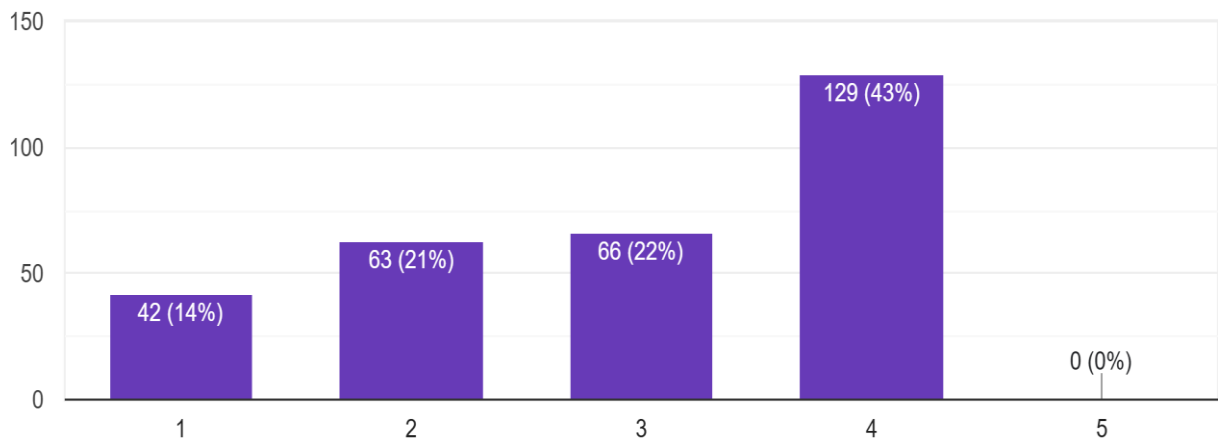


2.3. Tôi dễ dàng phản ánh kiến nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền qua nhiều kênh (Zalo, email, đường dây nóng...)

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	42	14
2	Không đồng ý	63	21
3	Phân vân	66	22
4	Đồng ý	129	43
5	Rất đồng ý	0	0

Tôi dễ dàng phản ánh kiến nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền qua nhiều kênh (Zalo, email, đường dây nóng...)

300 câu trả lời

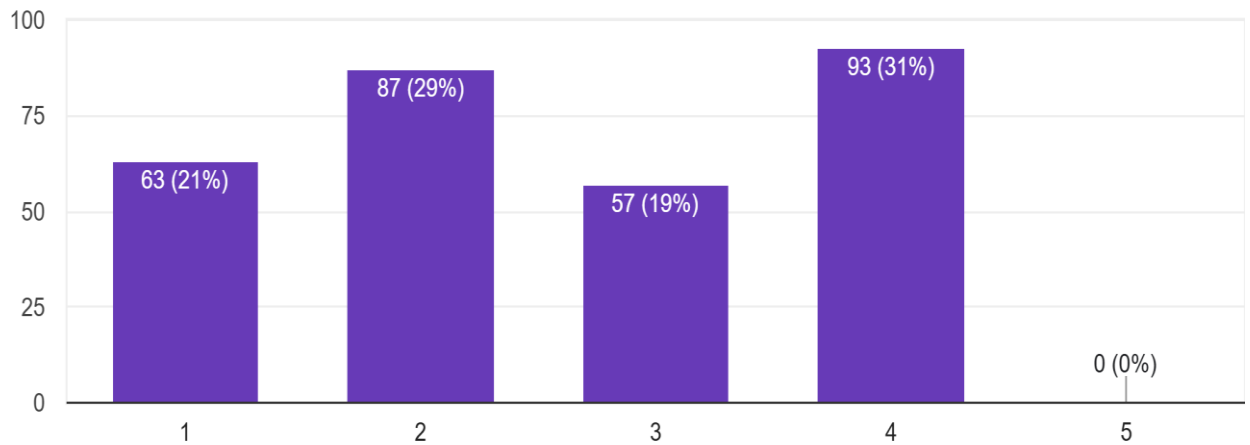


### 3. Đánh giá phương thức dân vận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng

3.1. Cán bộ, công chức, viên chức UBND tỉnh chủ động gặp gỡ, đối thoại trực tiếp với người dân

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	63	21
2	Không đồng ý	87	29
3	Phân vân	57	19
4	Đồng ý	93	31
5	Rất đồng ý	0	0

Cán bộ, công chức, viên chức UBND tỉnh chủ động gặp gỡ, đối thoại trực tiếp với người dân  
300 câu trả lời

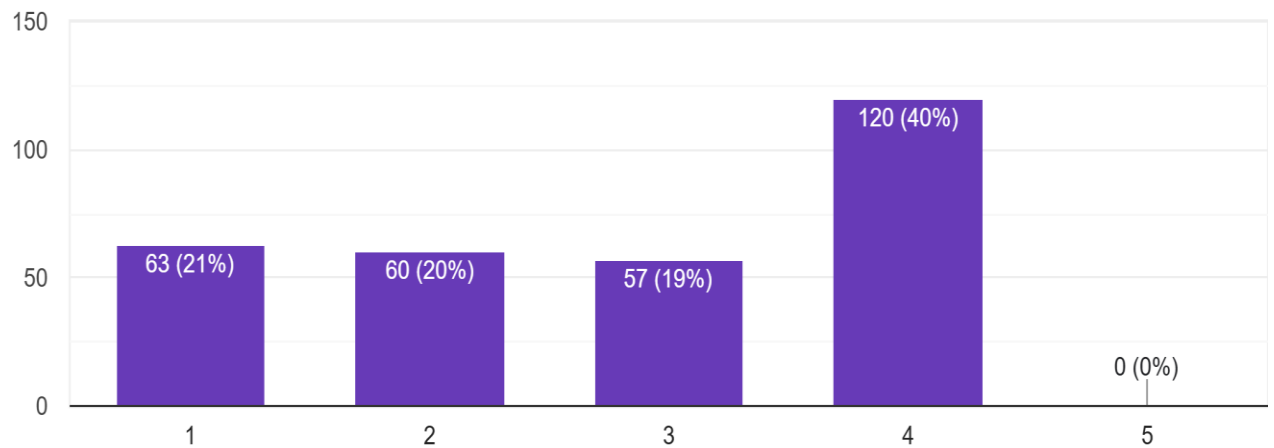


3.2. Ủy ban nhân dân tỉnh giải thích, thông tin rõ ràng trước khi thực hiện dự án, chính sách phát triển kinh tế - văn hóa

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	63	21
2	Không đồng ý	60	20
3	Phân vân	57	19
4	Đồng ý	120	40
5	Rất đồng ý	0	0

Ủy ban nhân dân tỉnh giải thích, thông tin rõ ràng trước khi thực hiện dự án, chính sách phát triển kinh tế - văn hóa

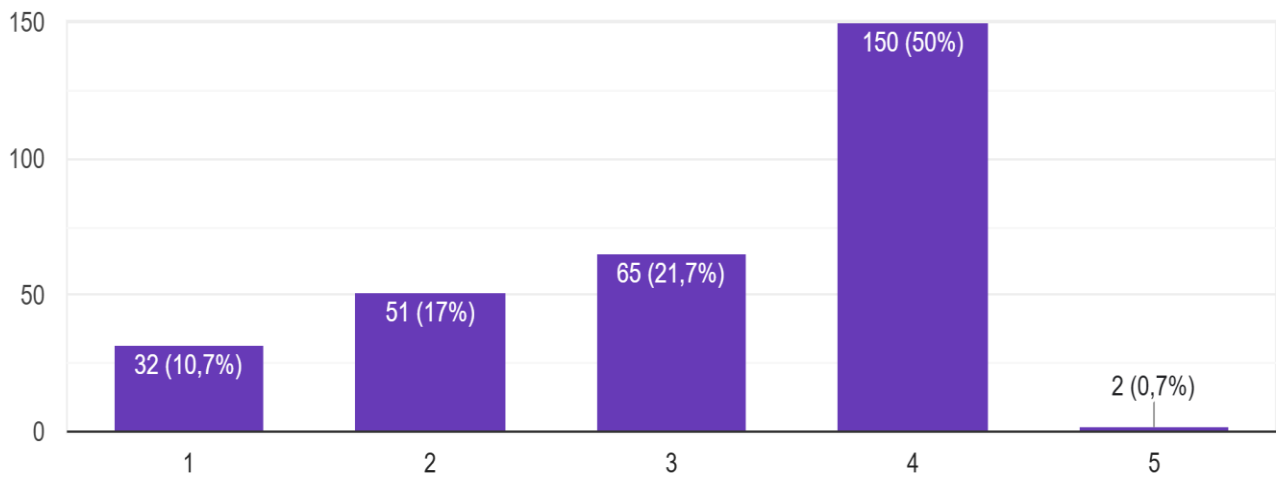
300 câu trả lời



3.3. Ủy ban nhân dân tỉnh ứng dụng tốt CNTT trong tuyên truyền, vận động, tương tác với người dân

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	32	10,7
2	Không đồng ý	51	17
3	Phân vân	65	21,7
4	Đồng ý	150	50
5	Rất đồng ý	2	0,7

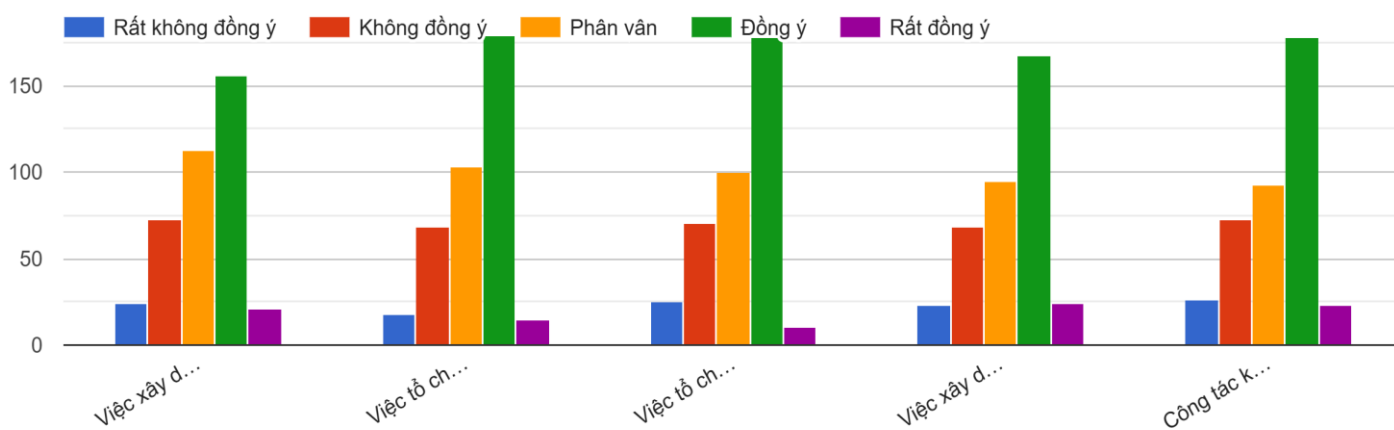
Ủy ban nhân dân tỉnh ứng dụng tốt CNTT trong tuyên truyền, vận động, tương tác với người dân  
300 câu trả lời



**4. Ông/bà đánh giá như thế nào về các nội dung công tác dân vận của UBND cấp tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng thời gian qua**

STT	Nội dung	Thang đánh giá				
		1	2	3	3	5
1	Việc xây dựng và ban hành các văn bản nhằm cụ thể hóa, thể chế hóa các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước và tỉnh ủy về CTDV được UBND cấp tỉnh quan tâm và triển khai tương đối kịp thời	24	73	113	156	21
2	Việc tổ chức vận động nhân dân theo các nội dung, phương thức dân vận của UBND cấp tỉnh có bước đổi mới, phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn và đặc điểm địa bàn	18	68	103	179	15
3	Việc tổ chức phối hợp các cơ quan, lực lượng tiến hành CTDV của UBND cấp tỉnh được thực hiện theo quy chế, đạt được những tiến bộ nhất định	25	71	100	178	11
4	Việc xây dựng, củng cố các tổ chức và lực lượng làm CTDV của UBND cấp tỉnh được duy trì thường xuyên, ngày càng ổn định	23	69	95	168	24
5	Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết và tổng kết về CTDV của UBND cấp tỉnh được chú trọng, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này	26	73	93	178	23

Ông/bà đánh giá như thế nào về các nội dung công tác dân vận của UBND cấp tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng thời gian qua

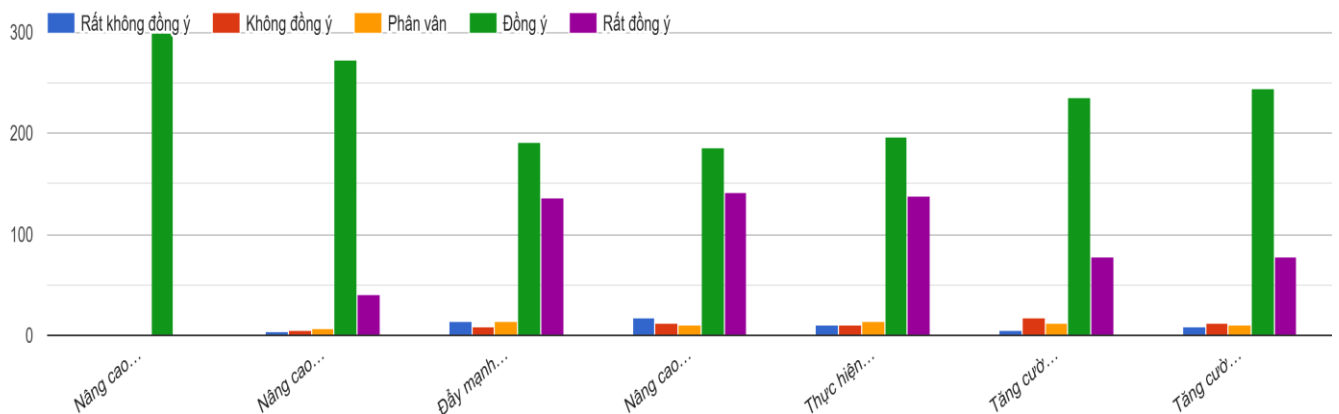


**5. Ông/bà đánh giá như thế nào về các giải pháp tăng cường công tác dân vận của UBND cấp tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng thời gian tới**

STT	Nội dung	Thang đánh giá				
		1	2	3	3	5
1	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSH về tăng cường CTDV của UBND cấp tỉnh	0	0	0	77	23
2	Nâng cao chất lượng việc xây dựng và thực hiện chương trình CTDV của UBND cấp tỉnh gắn với thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh	0	0	0	77	23
3	Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức nhà nước yếu kém, vi phạm pháp luật	0	0	0	77	23
4	Nâng cao hiệu quả tiếp công dân, giải quyết khiếu tố, khiếu nại và xử lý kịp thời, đúng pháp luật những bức xúc xã hội nổi cộm ở địa phương	0	0	0	77	23
5	Thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, bảo đảm nguyên tắc chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân	0	0	0	77	23

6	Tăng cường sự phối hợp giữa ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng với các tổ chức, lực lượng liên quan về công tác dân vận; đẩy mạnh thi đua "Dân vận khéo" gắn với việc "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"	0	0	0	77	23
7	Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của tỉnh, thành ủy vùng ĐBSH đối với CTDV của UBND cấp tỉnh	0	0	0	77	23

Ông/bà đánh giá như thế nào về các giải pháp tăng cường công tác dân vận của UBND cấp tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng thời gian tới

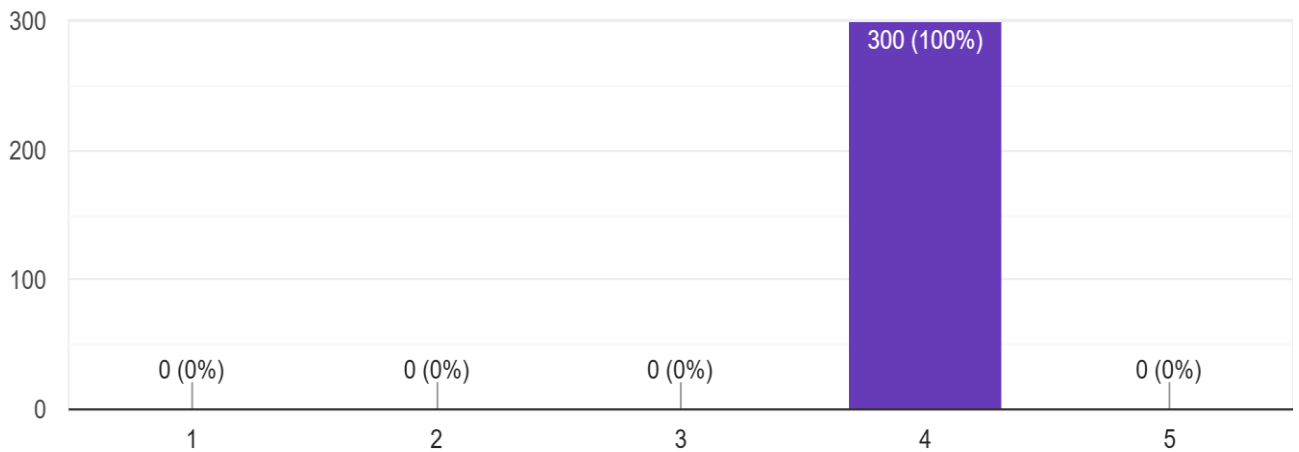


## 6. Niềm tin và sự hài lòng của người dân

6.1. Tôi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	0	0
2	Không đồng ý	0	0
3	Phân vân	0	0
4	Đồng ý	300	100
5	Rất đồng ý	0	0

Tôi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và ủy ban nhân dân tỉnh  
300 câu trả lời

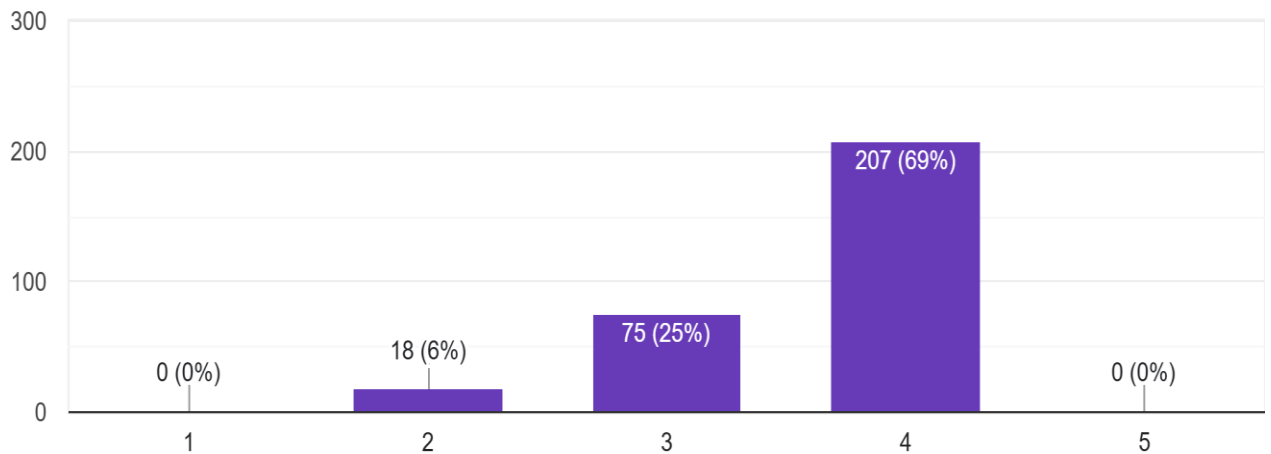


6.2. Công tác dân vận của UBND tỉnh giúp tăng sự đồng thuận xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	0	0
2	Không đồng ý	18	6
3	Phân vân	75	25
4	Đồng ý	207	69
5	Rất đồng ý	0	0

Công tác dân vận của UBND tỉnh giúp tăng sự đồng thuận xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân

300 câu trả lời



6.3. Tôi hài lòng với cách UBND tỉnh giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân

STT	Mức độ	Ý kiến đồng ý	Tỉ lệ %
1	Rất không đồng ý	36	12
2	Không đồng ý	63	21
3	Phân vân	105	35
4	Đồng ý	96	32
5	Rất đồng ý	0	0

Tôi hài lòng với cách UBND tỉnh giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân  
300 câu trả lời

